

I, II, III GIẢNG

Warren W. Wiersbe

1. ĐÓ LÀ SỰ THẬT (IGi 1:1-4)

“Ngày xưa ngày xưa . . .”

Hãy nhớ lại những từ này đã từng gây hứng thú biết bao! Chúng là ngưỡng cửa bước vào một thế giới thú vị của những câu chuyện huyền thoại, một thế giới mộng mơ giúp bạn quên đi tất cả những vấn đề của tuổi ấu thơ.

Rồi - thành linh! Một ngày nọ bạn tiến tới một khúc quanh, và “ngày xưa ngày xưa . . .” trở thành trò trẻ con. Bạn khám phá ra rằng đời sống là một bãi chiến trường, chứ không phải một sân chơi, và những chuyện thần tiên không còn ý nghĩa nữa. Bạn mong muốn một điều gì đó có thật.

Việc tìm kiếm một cái gì đó có thật không phải là điều mới mẻ. Nó đã từng có từ thuở ban đầu của lịch sử. Con người luôn tìm kiếm sự thực và sự thoả mãn trong của cải, những chuyện ly kỳ, sự chinh phục, quyền thế, việc học hành, và ngay cả trong tôn giáo.

Những kinh nghiệm này thực sự không có gì sự sai trật cả, trừ ra việc tự chúng chúng sẽ chẳng bao giờ thực sự làm con người thoả mãn. Việc mong muốn một điều gì đó có thật và việc tìm ra một điều thật là hai việc khác hẳn. Giống như một đứa bé ăn kẹo bông gòn tại rạp xiếc, nhiều người trông mong “cắn” được một cái thật gì đó để rồi cuối cùng trong miệng chẳng có gì cả. Họ phí nhiều năm dài vô giá để có được những điều trống rỗng thay thế cho sự thực.

Đây là chỗ Thư tín thứ nhất của Sứ đồ Giăng bắt đầu. Được viết cách đây nhiều thế kỷ, bức thư này đề cập đến một chủ đề mãi mãi hợp thời: sự sống thực.

Giăng đã khám phá rằng sự thực làm thoả mãn con người không thể tìm thấy trong các vật cụ thể hay những điều kỳ thú, mà là trong một Con Người – Chúa Giê-xu Christ, Con Đức Chúa Trời. Không phí phạm chút thời gian nào, vị sứ đồ cho chúng ta biết về “sự thực sống động” này trong phân đoạn đầu của bức thư ông viết.

Khi đọc IGi 1:1-4, bạn học được ba sự kiện quan trọng về sự sống thực:

1. *Sự Sống Này Được Mạc Khải.*

Khi bạn đọc thư tín của Giăng, bạn sẽ khám phá rằng ông ưa thích sử dụng một số từ, và trong các từ đó là từ “bày tỏ.” Ông nói : “Và sự sống đã bày tỏ ra” (c.2). Sự sống này đã không bị che khuất khiến chúng ta phải tìm kiếm và tìm cho được nó. Không, nó đã được bày tỏ ra – được mạc Khải cách tỏ tường!

Nếu bạn là Đức Chúa Trời, bạn sẽ cố gắng bày tỏ chính mình cho con người như thế nào? Làm thế nào bạn có thể cho họ biết, và ban cho họ, loại sự sống bạn muốn họ tận hưởng?

Đức Chúa Trời đã bày tỏ chính mình Ngài trong muôn vật (Ro 1:20), nhưng chỉ muôn vật thôi thì không bao giờ có thể cho chúng ta biết câu chuyện về tình yêu thương của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời cũng đã mạc Khải chính mình Ngài cách đầy đủ hơn nhiều trong Lời Ngài, Quyền Thánh Kinh. Nhưng sự mạc Khải cuối cùng và trọn vẹn nhất của Đức Chúa Trời là trong Con Ngài, Chúa Giê-xu Christ. Chúa Giê-xu phán: “Ai đã thấy ta tức là đã thấy Cha” (Gi 14:9).

Bởi vì Chúa Giê-xu là sự mạc Khải của Đức Chúa Trời về chính mình Ngài, Ngài có một danh xưng rất đặc biệt: “Lời sự sống”(IGi 1:1).

Phúc Âm Giăng mở đầu bằng cùng danh hiệu này: “Ban đầu có Ngôi Lời, Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời và Ngôi Lời là Đức Chúa Trời” (Gi 1:1).

Vì sao Chúa Giê-xu Christ có danh hiệu này? Vì Đấng Christ đối với chúng ta như là lời nói của chúng ta đối với người khác. Lời nói của chúng ta bày tỏ với người khác điều chúng ta suy nghĩ và cách chúng ta cảm nhận. Đấng Christ bày tỏ cho chúng ta tâm trí và tấm lòng của Đức Chúa Trời. Ngài là phương tiện truyền thông sống động giữa Đức Chúa Trời và con người. Biết Chúa Giê-xu Christ tức là biết Đức Chúa Trời!

Giăng không nhầm lẫn trong nhận định của mình về Chúa Giê-xu Christ. Chúa Giê-xu là Con của Đức Chúa Cha – Con của Đức Chúa Trời (IGi 1:3). Trong thư tín của mình, Giăng nhiều lần cảnh cáo chúng ta đừng nghe lời các giáo sư giả là những kẻ nói dối về Chúa Giê-xu Christ. “Ai là kẻ nói dối, há chẳng phải kẻ chối Đức Chúa Giê-xu là Đấng Christ sao?” (2:22) “Phàm thần nào xưng Chúa Giê-xu Christ lấy xác thịt mà ra đời, thần đó là bởi Đức Chúa Trời còn thần nào không xưng Đức Chúa Giê-xu, chẳng phải bởi Đức Chúa Trời” (4:2,3). Nếu một người nhầm lẫn về Chúa Giê-xu Christ, người ấy cũng nhầm lẫn về Đức Chúa Trời, vì Chúa Giê-xu Christ là sự mạc khải cuối cùng và trọn vẹn của Đức Chúa Trời cho con người.

Thí dụ, có những người nói với chúng ta rằng Chúa Giê-xu là một con người chứ không phải là Đức Chúa Trời. Giăng không có chỗ dành cho những giáo sư như thế! Một trong những điều cuối cùng ông viết trong thư này là: “Chúng ta ở trong Đấng chân thật, là ở trong Chúa Giê-xu Christ, Con của Ngài. Ấy chính Ngài là Đức Chúa Trời chân thật, và là sự sống đời đời” (5:20).

Việc giảng dạy giả dối là một vấn đề nghiêm trọng đến độ Giăng cũng viết về điều đó trong thư thứ hai của ông, răn bảo tín đồ không được rước các giáo sư giả vào nhà mình (IIGi 1:9,10). Và ông vạch rõ rằng chối Chúa Giê-xu là Đức Chúa Trời là nghe theo những sự dối trá của Kẻ chống Đấng Christ (IGi 2:22,23).

Điều này đưa đến một giáo lý căn bản của Thánh Kinh làm rối trí nhiều người – giáo lý Ba Ngôi.

Trong thư của mình, Giăng đề cập đến Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Chúa Thánh Linh. Chẳng hạn như ông nói: “Bởi điều này, hãy nhận biết Thánh Linh của Đức Chúa Trời: phàm thần nào xưng Chúa Giê-xu Christ lấy xác thịt mà ra đời, thần đó là bởi Đức Chúa Trời” (4:2). Chỉ trong một câu ông đề cập đến Đức Chúa Cha là Đức Chúa Trời, Đức Chúa Con là Đức Chúa Trời, và Đức Thánh Linh là Đức Chúa Trời. Và trong 4:13-15 là một câu khác đề cập đến cả ba Thân Vị của Ba Ngôi.

Từ “Ba Ngôi” (Trinity) là sự kết hợp của từ “tri,” nghĩa là ba, và “unity”, nghĩa là một. Vậy “ba ngôi” là ba trong một, hoặc một trong ba. Để chắc chắn, từ “ba ngôi” không có trong Kinh Thánh, nhưng lẽ thật được giảng dạy trong đó (Mat 28:19,20 Gi 14:16,17,26 IICo13:14 Eph 4:4-6).

Cơ Đốc nhân không tin rằng có ba Đức Chúa Trời. Họ tin rằng một Đức Chúa Trời hiện hữu trong ba Thân Vị – Chúa Cha, Chúa Con, và Chúa Thánh Linh. Cơ Đốc nhân cũng không tin cách đơn thuần rằng một Đức Chúa Trời bày tỏ chính mình Ngài trong ba cách khác nhau, giống như một người có thể vừa là một người chồng, một người cha, và một người con. Không, Thánh Kinh dạy rằng Đức Chúa Trời là một nhưng Ngài hiện hữu trong ba Thân Vị.

Một giáo sư dạy giáo lý từng nói: “Cố gắng giải thích về Ba Ngôi thì bạn có thể mất trí. Nhưng cố gắng thanh minh về Ba Ngôi như là một vấn đề không quan trọng thì bạn sẽ mất linh hồn!” Và sứ đồ Giăng nói: “Ai chối Con thì cũng không có Cha” (IGi 2:23). Không Thân Vị nào trong Ba ngôi có thể bị chối bỏ cả!

Khi bạn đọc các sách Phúc Âm ký thuật lại cuộc đời Chúa Giê-xu, bạn nhìn thấy loại sự sống tuyệt diệu Đức Chúa Trời muốn chúng ta tận hưởng. Nhưng không phải bằng cách bắt chước Chúa Giê-xu, Gương mẫu của chúng ta, mà chúng ta có thể dự phần trong sự sống này. Không, có một cách thức tốt đẹp hơn nhiều:

2. *Sự Sống này Được Kinh Nghiệm*

Hãy đọc lại bốn câu đầu của thư 1 Giăng lần nữa, và bạn sẽ nhận ra rằng vị sứ đồ đã có một sự gặp gỡ riêng tư với Chúa Giê-xu Christ. Từng trải của ông không phải là “kinh nghiệm tôn giáo” cũ kỹ kế thừa từ một người nào khác hay khám phá trong sách vở! Không, Giăng biết Chúa Giê-xu Christ mặt đối mặt. Ông và các sứ đồ khác đã nghe Chúa Giê-xu giảng. Họ đã ngắm nhìn Ngài khi Ngài sống với họ. Trên thực tế, họ đã xem xét Ngài rất kỹ lưỡng, và thậm chí đã sờ đến thân thể Ngài. Họ biết rằng Chúa Giê-xu là thật – không phải một bóng ma, không phải một dị tượng, mà là Đức Chúa Trời trong thân xác con người.

Một sinh viên nào đó của thế kỷ 20 có thể nói: “Vâng, và điều này có nghĩa là Giăng đã có thuận lợi. Ông sống khi Chúa Giê-xu bước đi trên đất này. Ông biết Chúa Giê-xu cách riêng tư. Còn tôi lại sinh ra trong thế kỷ 20 quá muộn màng!”

Nhưng đây là chỗ sinh viên ấy đã sai lầm! Không phải việc các sứ đồ gần gũi với Chúa Giê-xu Christ về thuộc thể khiến họ đổi mới. Đó chính là sự gần gũi về tâm linh. Họ đã phó thác chính mình cho Ngài là Chúa và Cứu Chúa của họ. Chúa Giê-xu Christ là thật và đầy thu hút đối với Giăng và các môn đệ khác của Ngài vì họ tin Ngài. Bởi tin Đấng Christ, họ đã kinh nghiệm sự sống đời đời!

Trong bức thư này, sáu lần Giăng dùng từ “sinh bởi Đức Chúa Trời.” Đây không phải là một ý tưởng do Giăng tự nghĩ ra ông đã nghe Chúa Giê-xu dùng những từ này. Chúa Giê-xu đã phán: “Nếu một người chẳng sinh lại thì không thể thấy được Nước Đức Chúa Trời . . . Hễ chi sinh bởi xác thịt là xác thịt hễ chi sinh bởi Thánh Linh là thần. Chớ lấy làm lạ về điều ta nói với ngươi, “Các ngươi phải sinh lại” (Gi 3:3,6,7). Chúng ta chỉ có thể kinh nghiệm “sự sống thực” này sau khi chúng ta đã tin nhận Phúc Âm, đặt đức tin mình nơi Đấng Christ, và được “sinh bởi Đức Chúa Trời.”

“Ai tin Đức Chúa Giê-xu là Đấng Christ thì sanh bởi Đức Chúa Trời” (IGi 5:1). Sự sống đời đời không phải là điều chúng ta có được bởi các việc lành hay bởi xứng đáng vì bản tính tốt đẹp của mình. Sự sống đời đời, sự sống thực, là một món quà từ Đức Chúa Trời ban cho những ai tin nhận Con Ngài làm Cứu Chúa của họ.

Giăng viết sách Phúc Âm của ông để cho mọi người biết làm cách nào nhận lãnh sự sống kỳ diệu này (Gi 20:31). Ông viết thư tín thứ nhất để cho mọi người biết làm thế nào để chắc chắn họ đã được sinh bởi Đức Chúa Trời (IGi 5:9-13).

Một sinh viên cao đẳng trở lại trường sau khi về nhà dự đám tang một người thân, và ngay sau đó thứ hạng của anh bắt đầu tụt xuống. Người khai đạo của anh cho rằng cái chết của bà anh đã tác động đến anh, và thời gian sẽ rịt lành vết thương lòng cho anh, nhưng thứ hạng lại càng tụt xuống thấp hơn. Cuối cùng anh thú thật vấn đề. Trong khi ở nhà, anh tình cờ nhìn vào quyển Kinh Thánh cũ của bà anh, và tại đó anh khám phá trong gia phả rằng mình là một đứa con nuôi.

Anh nói với người khai đạo: “Tôi không biết mình là con ruột của ai. Tôi không biết gốc gác của mình từ đâu!”

Việc đảm bảo rằng chúng ta ở trong gia đình của Đức Chúa Trời – rằng chúng ta được “sinh bởi Đức Chúa Trời” – vô cùng quan trọng đối với tất cả chúng ta. Một số đặc tính luôn

luôn đúng với tất cả con cái Đức Chúa Trời. Một người được sinh bởi Đức Chúa Trời sống một đời sống công bình (IGi 2:29). Một con cái Đức Chúa Trời không miệt mài trong tội lỗi (đây là nghĩa của từ “phạm” theo bản King James, 3:9). Một tín đồ đôi khi sẽ phạm tội (1:8-2:2), nhưng người ấy sẽ không tạo thói quen để phạm tội.

Con cái Đức Chúa Trời cũng yêu thương nhau và kính yêu Cha thiên thượng của mình (4:7 5:1). Họ không yêu mến thế gian quanh mình (2:15-17), và vì có điều này thế gian ghen ghét họ (3:13). Thay vì bị đánh bại bởi những áp lực của thế gian, và bị mất thăng bằng, con cái Đức Chúa Trời thắng hơn thế gian (5:4). Đây là một dấu hiệu khác của con cái thật của Đức Chúa Trời.

Tại sao việc chúng ta biết rằng mình đã được sinh bởi Đức Chúa Trời thật là quan trọng? Giảng cho chúng ta câu giải đáp. Có hai loại con cái trong thế gian này: con cái Đức Chúa Trời và con cái ma quỷ (3:10). Bạn sẽ cho rằng một “con cái của ma quỷ” là một người sống trong tội lỗi kinh khiếp, nhưng vấn đề không phải luôn luôn là như thế. Một người không tin Chúa là một “con cái của ma quỷ.” Người đó có thể đạo đức và thậm chí sùng đạo người đó có thể là một Cơ Đốc nhân giả. Nhưng vì người chưa hề được “sinh bởi Đức Chúa Trời” và từng trải sự sống thuộc linh cách cá nhân, nên người vẫn còn là “con cái” của Sa-tan.

Một Cơ Đốc nhân giả – và những người như thế rất phổ biến – thì giống như một đồng 10 đô la giả.

Giả sử bạn có một tờ bạc giả và thực sự nghĩ rằng nó là thật. Bạn dùng nó để trả tiền một thùng xăng. Người quản lý trạm xăng dùng tờ bạc đó mua hàng cung cấp. Người bán hàng dùng tiền đó trả cho người bán tạp hóa. Người bán tạp hóa xếp tờ giấy bạc này chung với 49 tờ 10 đô la khác và đem đến ngân hàng. Và viên kế toán nói: “Tôi rất tiếc, nhưng tờ bạc này là bạc giả.”

Tờ giấy bạc 10 đô la đó có thể đã làm được nhiều điều tốt trong khi lưu hành, nhưng khi nó tới ngân hàng nó bị vạch trần cho thấy tính chất thật của nó, và nó bị ngưng lưu hành.

Một Cơ Đốc nhân giả cũng vậy. Người đó có thể làm nhiều điều tốt trong đời này, nhưng khi anh ta đối diện sự phán xét sau cùng anh ta sẽ bị khước từ. “Ngày đó, sẽ có nhiều người thưa cùng ta rằng: ‘Lạy Chúa, lạy Chúa, chúng tôi chẳng từng nhân danh Chúa mà nói tiên tri sao? nhân danh Chúa mà trừ quỷ sao? và lại nhân danh Chúa mà làm nhiều phép lạ sao?’ Khi ấy, ta sẽ phán rõ ràng cùng họ rằng: ‘Hỡi kẻ làm gian ác, ta chẳng biết các ngươi bao giờ, hãy lui ra khỏi ta!’” (Mat 7:22,23).

Mỗi chúng ta phải thành thật tự hỏi, “Tôi có phải là một con cái thật của Đức Chúa Trời không hay tôi là một Cơ Đốc nhân giả? Tôi đã thực sự được sinh bởi Đức Chúa Trời chưa?”

Nếu bạn chưa kinh nghiệm sự sống đời đời, tức sự sống thực này, bạn có thể kinh nghiệm nó ngay giờ này! Hãy đọc kỹ IGi 5:9-15. Đức Chúa Trời đã hứa trong Lời Ngài. Ngài ban cho bạn món quà sự sống đời đời. Hãy tin lời hứa của Ngài và cầu xin Ngài món quà đó. “Vì ai kêu cầu danh Chúa thì sẽ được cứu” (Ro 10:13).

Chúng ta đã khám phá hai sự kiện quan trọng về “sự sống thực”: nó được bày tỏ trong Chúa Giê-xu Christ và nó được kinh nghiệm khi chúng ta đặt đức tin mình nơi Ngài là Cứu Chúa của chúng ta. Nhưng Giảng không dừng tại đây!

3. *Sự Sống này được San sẻ*

“Điều chúng tôi đã thấy và nghe chúng tôi loan báo (truyền) cho anh em” (IGi 1:3). Và một khi bạn đã kinh nghiệm sự sống đầy thú vị này là thật, bạn sẽ mong muốn chia sẻ nó với

những người khác, y như Giăng đã mong muốn “loan báo” nó với tất cả độc giả của ông trong thế kỷ đầu tiên.

Một vị mục sư nọ nhận được một cú điện thoại từ một phụ nữ đang giận dữ. Bà la to, “Tôi đã nhận được một tờ truyền đạo đơn từ Hội Thánh của ông, và tôi ghét việc ông dùng thư từ để làm người khác bực mình!”

Vị mục sư từ tốn hỏi, “Có điều gì đáng bực mình về một bức thư từ một Hội Thánh gửi đến?”

“Ông không có quyền tìm cách thay đổi tôn giáo của tôi!”, bà ta hét lên. “Ông có tín ngưỡng của ông và tôi có tín ngưỡng của tôi, và tôi có đang tìm cách thay đổi tín ngưỡng của ông đâu!” (Bà ta thực sự đã làm như vậy, nhưng vị mục sư không cãi trả lại bà.)

“Việc làm thay đổi tín ngưỡng của bà, hay tín ngưỡng của bất cứ ai khác, không phải là mục đích của chúng tôi,” vị mục sư giải thích. “Nhưng chúng tôi đã kinh nghiệm một sự sống mới kỳ diệu bởi đức tin nơi Đấng Christ, và chúng tôi mong muốn làm tất cả những gì mình có thể để chia sẻ sự sống đó với những người khác.”

Nhiều người (kể cả một số Cơ Đốc nhân) nghĩ rằng “làm chứng” nghĩa là tranh cãi về những khác biệt trong niềm tin tôn giáo, hoặc ngồi lại và so sánh các Hội Thánh với nhau.

Đó không phải là điều Giăng suy nghĩ! Ông cho chúng ta biết rằng làm chứng có nghĩa là chia sẻ những kinh nghiệm thuộc linh của mình với người khác – cả bằng đời sống lẫn bằng lời nói của chúng ta.

Giăng viết bức thư này để chia sẻ Đấng Christ với chúng ta. Khi bạn đọc nó, bạn sẽ khám phá rằng Giăng có năm mục đích để chia sẻ:

a. *Để anh em cũng được thông công với chúng tôi* (1:3). Từ “thông công” này là một từ quan trọng trong từ vựng của một Cơ Đốc nhân. Nó chỉ có nghĩa là “có chung.” Là tội nhân, con người không có gì chung với một Đức Chúa Trời thánh khiết. Nhưng Đức Chúa Trời bởi ân điển Ngài đã sai Đấng Christ đến thế gian để có điểm chung với con người. Đấng Christ mang trên Chính Ngài một thân xác con người và trở thành một con người. Sau đó Ngài đã bước lên Thập Tự và mang trên thân xác ấy tội lỗi của cả thế gian (IPhi 2:24). Vì Ngài đã trả giá cho tội lỗi chúng ta, Ngài đã mở ra một con đường để Đức Chúa Trời tha thứ cho chúng ta và đem chúng ta vào trong gia đình của Ngài. Khi chúng ta tin nhận Đấng Christ, chúng ta trở nên “người dự phần vào bản tính thiên thượng” (IPhi 1:4). Từ ngữ dịch là “người dự phần” trong thư của Phi-e-rơ có cùng gốc với từ Hy Lạp với từ được dịch là “thông công” trong IGi 1:3.

Thật là một phép lạ diệu kỳ! Chúa Giê-xu Christ mang trên chính Ngài bản tính của con người hầu cho bởi đức tin chúng ta có thể nhận lãnh chính bản tính của Đức Chúa Trời!

Một tác giả người Anh nổi tiếng đang rời khỏi Liverpool bằng tàu. Ông ta nhận thấy những hành khách khác đều đang vẫy tay với bạn bè trên bến tàu. Ông vội vã chạy lên bến và chặn một cậu bé lại. “Cháu sẽ vẫy tay chào chú nếu chú trả tiền cho cháu chứ?” ông ta hỏi cậu bé, và dĩ nhiên cậu ta đồng ý. Tác giả vội chạy trở xuống tàu và đứng tựa vào lan can tàu, vui sướng vì có người để vẫy tay chào. Và hẳn nhiên, cậu bé nọ đang vẫy tay lại chào ông!

Thật là một câu chuyện ngộ nghĩnh phải không? Có lẽ thế – nhưng nó nhắc nhở chúng ta rằng con người ghét sự cô độc. Tất cả chúng ta đều muốn được người khác cần đến mình. Sự sống thực giúp giải quyết vấn đề căn bản của sự cô độc, vì Cơ Đốc nhân có mối thông công chân thật với Đức Chúa Trời và với nhau. Chúa Giê-xu hứa, “Và này, ta hằng ở với các ngươi luôn” (Mat 28:20). Trong thư của mình, Giăng giải thích bí quyết của mối thông công

với Đức Chúa Trời và với các Cơ Đốc nhân khác. Đây là mục đích đầu tiên Giảng đề cập khi viết thư này – chia sẻ kinh nghiệm về sự sống đời đời của ông.

b. *Để sự vui mừng chúng ta được trọn vẹn* (1:4). Sự thông công là câu giải đáp của Đấng Christ cho sự cô độc của đời sống. Niềm vui mừng là câu giải đáp của Ngài cho sự trống không, rỗng tuếch của đời sống.

Sứ đồ Giảng dùng từ “sự vui mừng” chỉ một lần trong thư của ông, nhưng ý tưởng của sự vui mừng xuyên suốt cả bức thư. Sự vui mừng không phải là một điều gì đó chúng ta tự tạo ra cho chính mình sự vui mừng là một sản phẩm phụ diệu kỳ của mối thông công giữa chúng ta với Đức Chúa Trời. Đa-vít biết sự vui mừng mà Giảng đề cập đến người nói: “Trước mặt Chúa có trọn sự khoái lạc” (Thi 16:11).

Về cơ bản, tội lỗi là nguyên nhân của sự đau khổ bao trùm thế giới chúng ta ngày nay. Tội lỗi hứa hẹn niềm vui nhưng nó lại luôn đem đến khổ đau. Những thú vui của tội lỗi thì tạm thời – chúng chỉ kéo dài một giai đoạn ngắn (He 11:25). Những sự khoái lạc của Đức Chúa Trời còn đến đời đời – chúng kéo dài mãi mãi (Thi 16:11).

Sự sống thật đem đến sự vui mừng thật – chứ không phải một sự thay thế tạm bợ nào đó. Chúa Giê-xu phán trong đêm trước khi Ngài bị đóng đinh, “Không ai cướp lấy sự vui mừng của các ngươi được” (Gi 16:22). “Ta nói cùng các ngươi những điều đó, hầu cho sự vui mừng của ta ở trong các ngươi, và sự vui mừng các ngươi được trọn vẹn” (15:11).

Karl Marx đã viết, “Điều kiện tiên quyết để nhân dân được hạnh phúc là sự xoá bỏ tôn giáo.” Nhưng thực tế, Sứ đồ Giảng đã viết, “Đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ đem lại cho anh em sự vui mừng mà thế gian không bao giờ có thể sao chép được. Chính mình tôi đã kinh nghiệm sự vui mừng này, và tôi mong muốn được chia sẻ nó với anh em.”

c. *Để chúng ta đừng phạm tội* (IGi 2:1). Giảng đối diện vấn đề tội lỗi cách thẳng thắn (xin xem 3:4-9, chẳng hạn) và công bố giải đáp duy nhất cho điều bí ẩn này – đó là Con Người và việc làm của Chúa Giê-xu Christ. Đấng Christ không chỉ chết thay chúng ta để mang lấy án phạt của tội lỗi chúng ta, nhưng Ngài đã sống lại từ kẻ chết để cầu thay cho chúng ta trước ngai của Đức Chúa Trời: “Nếu có ai phạm tội, thì chúng ta có Đấng cầu thay ở nơi Đức Chúa Cha, là Chúa Giê-xu Christ, tức là Đấng công bình” (2:1).

Đấng Christ là Đấng Thay Mặt cho chúng ta. Ngài bênh vực chúng ta tại trước ngai Đức Chúa Cha. Sa-tan có thể đứng tại đó để kiện cáo anh em (Kh 12:10 Xa 3:1-10), nhưng Đấng Christ đứng tại đó với tư cách Trạng sư của chúng ta – Ngài cầu thay cho chúng ta! Để đáp lại những lời cầu nguyện của Ngài, Đức Chúa Trời liên tục tha thứ cho sự phạm tội của chúng ta.

“Tôi muốn trở thành một Cơ Đốc nhân,” một phụ nữ quan tâm đến Phúc Âm nói với vị mục sư đến thăm, “nhưng tôi sợ tôi không thể giữ được. Tôi sợ mình lại phạm tội nữa!”

Mở IGi 1:5-10 ra vị mục sư nói, “Chắc hẳn bà sẽ lại phạm tội, vì Đức Chúa Trời phán, “Nếu chúng ta nói mình không có tội chi hết, ấy là chính chúng ta lừa dối mình, và lẽ thật không ở trong chúng ta” (c.8). Nhưng nếu bà phạm tội, Đức Chúa Trời sẽ tha thứ cho bà nếu bà xưng tội mình với Ngài. Nhưng không nhất thiết là Cơ Đốc nhân phải phạm tội. Khi chúng ta bước đi trong mối thông công với Đức Chúa Trời và trong sự vâng theo Lời Ngài, Ngài ban cho chúng ta khả năng đề kháng cự lại và thắng hơn sự cám dỗ.”

Kể đó vị mục sư chợt nhớ rằng người phụ nữ này đã trải qua việc phẫu thuật vài tháng trước đó.

“Khi bà bị mổ,” ông hỏi, “liệu có khả năng xảy ra những điều phức tạp hay trục trặc gì sau đó không?”

“Dạ có chứ,” bà ta đáp, “Nhưng hễ khi nào tôi gặp nan đề gì, tôi lại đến bác sĩ và ông ấy chữa trị cho tôi.”

Thế là lẽ thật được bày tỏ cho bà ta! “Tôi hiểu rồi!” bà giải thích. “Đấng Christ luôn sẵn sàng giữ tôi khỏi tội lỗi hoặc tha thứ cho tội lỗi của tôi!”

Sự sống thực là một sự sống đặc thắng. Trong bức thư này, Giảng cho chúng ta biết làm thế nào để nhờ đến phương sách thiên thượng hầu kinh nghiệm được sự đặc thắng đối với cám dỗ và tội lỗi.

d. Để chúng ta không bị lừa dối (IGi 2:26). Như chưa bao giờ trước đây, Cơ Đốc nhân ngày nay cần khả năng phân biệt giữa đúng và sai, giữa lẽ thật và sự sai lầm. Trong thế hệ chúng ta, thật phổ biến quan niệm cho rằng không có “điều tuyệt đối” – rằng không điều gì là luôn luôn đúng và không điều gì là luôn luôn sai. Vì thế, những học thuyết giả dối phổ biến hơn bất cứ thời điểm nào trong lịch sử – và hầu hết những người nam và nữ dường như sẵn lòng chấp nhận hầu như bất kỳ sự giảng dạy nào ngoại trừ những lẽ thật của Thánh Kinh.

Trong thư tín của Giảng có một từ ngữ mà không tác giả Tân Ước nào khác sử dụng – từ “Kẻ chống Đấng Christ” (2:18,22 4:3 IIGi 1:7). Tiền tố “anti” có hai nghĩa: chống lại và thay thế. Trong thế gian này có những giáo sư giả dối chống nghịch với Đấng Christ, và phương pháp của chúng để “dễ dàng” người ta là dùng những lời giả dối. Họ đưa ra một Đấng Christ thay thế, một sự cứu rỗi thay thế, và một Thánh Kinh thay thế. Họ muốn đem đến cho bạn một điều gì đó thay thế cho Lời chân thật của Đức Chúa Trời và sự sống đời đời chân thật.

Đấng Christ là Lẽ Thật (Gi 14:6), nhưng Sa-tan là kẻ nói dối (8:44). Ma quỷ dẫn người ta đi lạc đường – không nhất thiết với những tội lỗi lớn lao thấy được, nhưng với những sự thật chỉ đúng một nửa và những lời dối trá hoàn toàn. Nó bắt đầu việc dễ dàng con người trong Vườn Ê-đen. Nó đã hỏi Ê-va, “Mà chi! Đức Chúa Trời há có phán dặn?” Thậm chí lúc đó, nó vẫn chưa để lộ cho bà thấy bản chất thật của mình, nhưng giả dạng là một tạo vật xinh đẹp (ICo 11:13-15).

Ngày nay Sa-tan thường truyền bá những lời dối trá của nó ngay cả qua những nhóm người sùng đạo! Không phải mọi người đứng trên tòa giảng đều đang rao giảng lẽ thật của Lời Đức Chúa Trời. Những nhà truyền đạo giả và các giáo sư tôn giáo giả luôn thuộc trong số những công cụ ưa thích và hữu hiệu nhất của ma quỷ.

Làm thế nào Cơ Đốc nhân ngày nay có thể nhận ra những lời giả dối của Sa-tan? Làm sao họ có thể nhận diện các giáo sư giả? Làm thế nào họ có thể lớn lên trong sự thông biết lẽ thật để không trở thành nạn nhân của các học thuyết giả dối?

Giảng trả lời những câu hỏi này. Đặc điểm của sự sống thực là khả năng phân biệt.

Đức Thánh Linh, được Giảng đề cập đến như là “sự xúc dầu . . . mà các con đã nhận lãnh nơi Ngài” (IGi 2:27), là lời giải đáp của Đấng Christ cho nhu cầu phân biệt của chúng ta. Thánh Linh là Giáo sư của chúng ta: chính Ngài giúp chúng ta có thể nhận ra lẽ thật và sự sai lầm và cứ ở trong Đấng Christ. Ngài là sự bảo vệ của chúng ta chống lại sự ngu dốt, sự phỉnh gạt, và điều giả dối.

Chúng ta sẽ lại chú ý đến sự phân biệt các học thuyết giả dối và các giáo sư giả trong các chương 5 và 6 của quyển sách này.

e. *Để chúng ta biết mình được cứu* (IGi 5:13). Chúng ta đã đề cập đến lẽ thật này rồi, nhưng thật quan trọng là nó cần phải được nhắc lại. Sự sống thực không xây dựng trên những hy vọng – hay những mơ ước hão huyền – dựa trên những điều giả sử của con người. Nó được xây dựng trên sự xác quyết. Trên thực tế, khi đọc thư tín của Giăng bạn gặp từ biết trên 30 lần. Nếu được hỏi rằng liệu mình có sẽ lên thiên đàng không, không Cơ Đốc nhân nào cần phải nói “Tôi hy vọng thế” hay “Tôi nghĩ vậy.” Người ấy cần phải không chút nghi ngờ gì về điều này.

Sự sống thực thật là một sự sống tự do và lý thú vì nó đặt nền tảng trên sự hiểu biết về những sự thật vững chắc. Chúa Giê-xu đã hứa, “Các ngươi sẽ biết lẽ thật, và lẽ thật sẽ buông tha các ngươi (khiến các ngươi được tự do)” (Gi 8:32). Các sứ đồ của Chúa Giê-xu đã làm chứng: “Chúng tôi không theo những huyền thoại giả tưởng (những chuyện khéo đặt để, hoang đường)” (IIPhi 1:16). Những người này, hầu hết đều chết cho đức tin mình, đã không dâng hiến đời mình cho một trò lừa khôn ngoan do chính mình đặt ra, như một số nhà chỉ trích Cơ Đốc giáo khẳng định cách ngu xuẩn. Họ biết mình đã nhìn thấy điều gì!

Cách đây nhiều năm một người làm trò mua vui lưu diễn tự quảng cáo mình là “Người Bay.” Ông ta leo lên bờ tường của những tòa nhà cao tầng hoặc các viện bảo tàng mà không cần dây thừng trợ giúp hay lưới để bảo vệ. Thường cả khu phố hay đồ xô ra để xem ông ta.

Trong một lần biểu diễn nọ, Người Bay này leo tới một điểm trên bờ tường của một tòa nhà và ngừng lại như thể ông không biết mình phải làm gì kế tiếp. Rồi ông giơ tay phải ra bám lấy một mảng xi măng nhô ra để đu người lên cao hơn. Nhưng thay vì tiến lên cao hơn, ông ta thét to rồi rơi xuống đất và nằm chết trên lề đường.

Khi cảnh sát mở bàn tay phải của ông ra, họ không thấy mảng xi măng nào cả. Đó là một nắm mạng nhện dơ bẩn! Người Bay đã cố gắng leo trên mạng nhện, và kết quả là như thế.

Chúa Giê-xu cảnh cáo sự tin chắc giả dối như vậy trong đoạn văn chúng ta đã trích dẫn. Nhiều người xưng là Cơ Đốc nhân sẽ bị khước từ trong ngày phán xét của Đức Chúa Trời

Trong thư của mình Giăng nói, “Tôi muốn anh em chắc chắn rằng mình có sự sống đời đời.”

Khi đọc bức thư thú vị này, bạn sẽ khám phá rằng Giăng thường lặp đi lặp lại. Ông luôn nhắc đến ba chủ đề của các chương này: sự vâng lời, tình yêu thương, và lẽ thật. Trong chương 1 và 2, vị sứ đồ nhấn mạnh mỗi thông công, và ông cho chúng ta biết rằng những điều kiện cho sự thông công là: sự vâng lời (IGi 1:5-2:6), tình yêu thương (2:7-17), và lẽ thật (2:18-29).

Trong phân nửa sau của bức thư, Giăng đề cập chính yếu đến địa vị làm con – việc chúng ta “được sinh bởi Đức Chúa Trời.” Làm thế nào một người thực sự biết mình là con cái Đức Chúa Trời? Giăng nói địa vị làm con được bày tỏ bởi sự vâng lời (3:1-24), tình yêu thương (4:1-21), và lẽ thật (5:1-21).

Sự vâng lời – tình yêu thương – lẽ thật. Vì sao Giăng lại dùng những sự thử nghiệm về mỗi thông công và địa vị làm con đặc biệt này? Vì một lý do rất thực tiễn.

Khi Đức Chúa Trời tạo dựng nên chúng ta, Ngài dựng nên chúng ta theo ảnh tượng của chính Ngài (Sa 1:26,27). Điều này có nghĩa là chúng ta có một tính chất người theo mẫu mực của Đức Chúa Trời. Chúng ta có một khối óc để suy nghĩ, một trái tim để cảm nhận, và một ý chí để quyết định. Đôi lúc chúng ta đề cập đến những khía cạnh này của tính chất người của chúng ta như là lý trí, tình cảm, và ý chí.

Sự sống thật phải liên quan đến tất cả các yếu tố của tính chất con người.

Hầu hết mọi người ngày nay đều không thoả mãn vì toàn thể con người của họ chưa hề được điều khiển bởi một điều gì đó chân thật và có ý nghĩa. Khi một người được Đức Chúa Trời sinh lại bởi đức tin nơi Đấng Christ, Thánh Linh Đức Chúa Trời ngự vào đời sống người ấy để cư ngụ tại đó vĩnh viễn. Khi người ấy có mối thông công với Đức Chúa Trời trong việc đọc và học Kinh Thánh và cầu nguyện, Đức Thánh Linh có thể làm chủ tâm trí, tấm lòng, và ước muốn của người. Và rồi việc gì sẽ xảy ra?

Một lý trí được Thánh Linh làm chủ biết và hiểu lẽ thật.

Một trái tim được Thánh Linh làm chủ cảm nhận tình yêu thương.

Một ý chí được Thánh Linh làm chủ khiến chúng ta có ý muốn vâng lời.

Giăng muốn khắc sâu sự thật này trong lòng chúng ta, và đó là lý do vì sao ông dùng một loạt những sự tương phản trong bức thư của mình: lẽ thật trái với những sự giả dối, tình yêu thương trái với lòng ghen ghét, và sự vâng lời trái với sự bất tuân.

Không có sự trung lập trong sự sống thực. Chúng ta phải ở bên này hoặc bên kia.

Thế thì, đây là sự sống thực. Nó được bày tỏ trong Đấng Christ nó được kinh nghiệm bởi những ai tin nơi Đấng Christ và nó có thể được chia sẻ hôm nay.

Sự sống này bắt đầu với địa vị làm con và tiếp tục trong mối thông công. Trước hết chúng ta được sinh bởi Đức Chúa Trời kể đó chúng ta bước đi (sống) với Đức Chúa Trời.

Điều này có nghĩa là có hai loại người không thể hưởng được sự vui mừng và đắc thắng mà chúng ta đang suy gẫm: những người chưa hề được sinh bởi Đức Chúa Trời và những người, dầu đã được cứu, nhưng không có mối thông công với Đức Chúa Trời.

Thật là một việc làm khôn ngoan khi chúng ta tự thử mình (IICo 13:5) để biết xem mình có đủ tư cách hưởng được từng trái thuộc linh mà thư tín của Giăng đề cập đến chăng.

Chúng ta đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc sinh bởi Đức Chúa Trời, nhưng nếu bạn có nghi ngờ hay thắc mắc điều gì, việc xem xét lại sự kiện hai có thể hữu ích.

Nếu một tín đồ thật không có mối thông công với Đức Chúa Trời, thường là vì một trong ba lý do:

1. Người đó đã bất tuân ý chỉ của Đức Chúa Trời.

2. Người đó không đang hòa thuận với các anh em tín hữu khác.

3. Người đó tin một điều giả dối và vì vậy đang sống giả dối. Ngay cả một Cơ Đốc nhân vẫn có thể bị nhầm lẫn trong việc thông hiểu lẽ thật. Đó là lý do vì sao Giăng cảnh cáo chúng ta, “Hỡi các con cái bé mọn, chớ để cho ai lừa dối mình” (IGi 3:7).

Ba lý do này tương đương với ba chủ đề quan trọng của Giăng: sự vâng lời, tình yêu thương, và lẽ thật. Một khi người tín đồ khám phá vì sao mình không có mối thông công với Đức Chúa Trời, người ấy cần phải xưng tội đó (hoặc những tội đó) với Chúa và cầu xin sự tha thứ trọn vẹn của Ngài (1:9-2:2). Một tín đồ không bao giờ có thể có mối thông công vui mừng với Chúa nếu tội lỗi ở giữa người ấy và Đức Chúa Trời.

Lời mời gọi của Đức Chúa Trời dành cho chúng ta ngày nay là, “Các con hãy đến vui hưởng mối thông công với Ta và với nhau! Hãy đến và chia sẻ sự sống thực!”

2. NÓI VÀ BƯỚC ĐI (IGi 1:5-2:6)

(IGi 1:5-10)

Mọi sinh vật sống đều có kẻ thù của nó. Côn trùng phải canh chừng những con chim đói rình rập, và chim chóc phải đề phòng những chú mèo và chó đói. Ngay đến con người phải tránh xe cộ và chống lại mầm mống bệnh tật.

Sự sống thực cũng có kẻ thù của nó, và chúng ta đọc về điều đó trong phần này. Kẻ thù này là tội lỗi. Trong những câu này, chín lần Giăng đề cập đến tội lỗi, vì thế đề tài này hiển nhiên không phải là không quan trọng. Giăng minh họa chủ đề của mình bằng cách dùng sự tương phản giữa sự sáng và sự tối tăm: Đức Chúa Trời là sự sáng tội lỗi là sự tối tăm.

Nhưng cũng có một sự tương phản nữa ở đây – sự tương phản giữa nói và làm. Bốn lần Giăng viết, “Vị bằng chúng ta nói” hoặc “Kẻ nào nói” (1:6,8,10 2:4). Rõ ràng đời sống Cơ Đốc nhân chúng ta không chỉ đơn giản là “nói” chúng ta cũng phải “bước đi,” hay sống, theo điều mình tin. Nếu chúng ta thông công với Đức Chúa Trời (nếu chúng ta “đang bước đi trong sự sáng”), đời sống chúng ta sẽ hỗ trợ cho những gì môi miệng chúng ta nói ra. Nhưng nếu chúng ta đang sống trong tội lỗi (“bước đi trong sự tối tăm”), thì đời sống chúng ta sẽ đi ngược lại những gì môi miệng chúng ta nói ra, khiến chúng ta trở thành những kẻ giả hình.

Tân Ước gọi đời sống Cơ Đốc là một sự “bước đi”. Việc bước đi này bắt đầu với một bước đức tin khi chúng ta tin nhận Đấng Christ là Cứu Chúa của mình. Nhưng sự cứu rỗi không phải là cuối cùng – nó chỉ là sự bắt đầu – của đời sống thuộc linh. “Việc bước đi” liên quan đến sự tiến triển, và Cơ Đốc nhân có bổn phận phải tấn tới trong đời sống thuộc linh. Giống như một đứa trẻ phải học đi và phải vượt qua những khó khăn trong việc này, một Cơ Đốc nhân phải học “bước đi trong sự sáng.” Và sự khó khăn cơ bản được nói đến ở đây là vấn đề tội lỗi này.

Dĩ nhiên, tội lỗi không chỉ đơn giản là sự bất tuân bề ngoài tội lỗi cũng là sự phản loạn hay thêm muốn bên trong. Thí dụ, chúng ta được cảnh cáo về những mê tham của xác thịt và mê tham của mắt và về sự kiêu ngạo của đời (2:16), tất cả những điều đó đều là tội lỗi. Tại đó tội lỗi là sự trái (vi phạm) luật pháp (3:4), hay theo nghĩa đen, là “tình trạng không có luật pháp.” Tội lỗi là việc không chịu tuân theo luật pháp Đức Chúa Trời. Tình trạng không có luật pháp, hay độc lập khỏi luật pháp, chính là bản chất của tội lỗi. Nếu một tín đồ quyết định sống một cuộc sống độc lập, làm thế nào người ấy có thể bước đi trong môi thông công với Đức Chúa Trời? “Nếu hai người không đồng ý với nhau, thì há cùng đi chung được sao?” (Am 3:3).

Cả trong Cựu Ước lẫn trong Tân Ước Kinh Thánh không hề thanh minh cho tội lỗi của các thánh đồ. Trong việc trốn khỏi một cơn đói kém, Áp-ra-ham trở nên yếu đức tin và đi xuống Ai Cập và nói dối cùng Pha-ra-ôn (Sa 12:1-20). Về sau, vị tộc trưởng này đã cố gắng “giúp Đức Chúa Trời” bằng cách cưới A-ga và sinh được một con trai (Sa 16:1-16). Trong cả hai trường hợp, Đức Chúa Trời đã tha thứ cho Áp-ra-ham, nhưng Áp-ra-ham phải gặt những gì ông đã gieo ra. Đức Chúa Trời có thể và sẽ tẩy sạch những điều được ghi chép lại, nhưng Ngài không thay đổi những hậu quả. Không ai có thể phục hồi một quả trứng.

Phi-e-rơ đã chối Chúa ba lần và ra sức giết một người trong vườn khi Chúa Giê-xu bị bắt. Sa-tan là một kẻ nói dối và giết người (Gi 8:44), và Phi-e-rơ đang làm lợi cho nó! Dĩ nhiên, Đấng Christ đã tha thứ cho Phi-e-rơ (Gi 21:15-23), nhưng điều Phi-e-rơ đã làm gây tác hại lớn lao cho lời chứng của ông và ngăn trở công tác của Chúa.

Việc Cơ Đốc nhân phạm tội làm một số người phiền lòng – đặc biệt là những tín đồ mới. Họ quên rằng việc họ nhận lãnh bản tính mới không làm mất đi bản tính cũ vốn có. Bản tính cũ (bắt nguồn từ khi sanh ra đời) chống nghịch với bản tính mới chúng ta nhận lãnh khi được sinh lại (Ga 5:16-26). Không mức độ kỷ luật tự giác nào, không bộ luật lệ, phép tắc nào do

con người đặt ra, có thể không chế bản tính cũ này. Chỉ Thánh Linh Đức Chúa Trời mới có thể giúp chúng ta “tiêu diệt” bản tính cũ (Ro 8:12,13) và sinh ra bông trái Thánh Linh (Ga 5:22,23) trong chúng ta qua bản tính mới.

Việc các thánh đồ phạm tội được đề cập đến trong Kinh Thánh không phải để khiến chúng ta ngã lòng, nhưng để cảnh tỉnh chúng ta.

“Tại sao ông cứ giảng cho Cơ Đốc nhân chúng tôi về tội lỗi?” một thuộc viên Hội Thánh giận dữ nói với vị mục sư của bà. “Xét cho cùng, tội lỗi trong đời sống một Cơ Đốc nhân khác biệt với tội lỗi trong đời sống một người chưa được cứu chứ!”

“Đúng thế,” vị mục sư đáp, “nó thật khác biệt. Nó tồi tệ hơn nhiều !”

Vì vậy, tất cả chúng ta phải giải quyết vấn đề tội lỗi nếu chúng ta mong muốn hưởng sự sống thực. Trong phần này, Giảng giải thích ba cách thức thực hiện điều đó:

1. *Chúng ta có thể cố gắng che đậy tội lỗi của mình*

“Đức Chúa Trời là sự sáng, và trong Ngài không có sự tối tăm” (IGi 1:5). Khi chúng ta được cứu, Đức Chúa Trời gọi chúng ta ra khỏi sự tối tăm để bước vào sự sáng của Ngài (IPhi 2:9). Chúng ta là con cái của sự sáng (ITe 5:5). Những kẻ làm điều sai quấy ghét sự sáng (Gi 3:19-21). Khi sự sáng chiếu soi trên chúng ta, nó phơi bày bản chất thực của chúng ta (Eph 5:8-13).

Sự sáng tạo ra sự sống và sự tăng trưởng cùng vẻ tươi đẹp, nhưng tội lỗi là sự tối tăm, và sự tối tăm với sự sáng không thể hiện diện trong cùng một chỗ. Nếu chúng ta đang bước đi trong sự sáng, bóng tối tăm phải tan đi. Nếu chúng ta đang nắm giữ tội lỗi, thì sự sáng tiêu biến đi. Không có vùng đất ở giữa, không có khu vực “xám” mờ hồ, nơi tội lỗi có liên quan tới.

Cơ Đốc nhân cố gắng che đậy tội lỗi của mình như thế nào? Bằng cách nói dối ! Trước hết, chúng ta nói dối với những người khác (IGi 1:6). Chúng ta muốn các bạn bè Cơ Đốc nghĩ là mình “thuộc linh”, vì vậy chúng ta nói dối về đời sống chúng ta và cố gắng tạo một ấn tượng tốt đẹp nơi họ. Chúng ta muốn họ nghĩ rằng chúng ta đang bước đi trong sự sáng, mặc dù trên thực tế chúng ta đang bước đi trong sự tối tăm.

Một khi một người bắt đầu nói dối với những người khác, sớm muộn gì người đó cũng sẽ nói dối với chính mình, và đoạn văn của chúng ta đề cập đến việc này (c.8). Vấn đề bây giờ không phải là lừa dối người khác, mà là lừa dối chính mình. Có thể lắm một tín đồ sống trong tội lỗi nhưng lại tự cho rằng mọi sự trong mối tương quan giữa người ấy với Chúa đều tốt đẹp.

Có lẽ tấm gương cổ điển của việc này là Vua Đa-vít (IISa 11:1-12:23). Trước tiên Đa-vít ham muốn Bát Sê-ba. Sau đó người thật sự phạm tội tà dâm. Thay vì công khai thú nhận điều mình đã làm, người cố che đậy tội lỗi mình. Người cố dối gạt chồng Bát Sê-ba, làm cho ông say, rồi ra lệnh giết chết ông. Người nói dối với bản thân mình và cố điều khiển việc triều chính theo thường lệ. Khi tiên tri Na-than ra mắt người thuật lại một câu chuyện giả sử tương tự, Đa-vít lên án người kia, dù ông không hề cảm thấy chính mình bị định tội gì cả. Một khi chúng ta bắt đầu lừa dối những người khác, chẳng bao lâu sau chúng ta sẽ thật sự tin lời nói dối của mình.

Nhưng chiều hướng thuộc linh trở nên ngày càng tồi tệ hơn: bước kế tiếp là việc cố gắng nói dối với Đức Chúa Trời (IGi 1:10). Chúng ta đã khiến mình trở thành những kẻ nói dối giờ đây chúng ta cố làm cho Đức Chúa Trời trở thành một kẻ nói dối! Chúng ta phủ nhận Lời Ngài phán rằng “tất cả mọi người đều đã phạm tội,” và chúng ta xác nhận rằng mình ngoại lệ

đối với quy luật này. Chúng ta áp dụng Lời Đức Chúa Trời cho những người khác chứ không cho bản thân mình. Chúng ta ngồi dự suốt các buổi nhóm nhà thờ hoặc những buổi học Kinh Thánh nhưng không hề nhận được sự dạy dỗ gì từ Kinh Thánh cả. Những tín đồ ở trình độ thấp này thường hay kịch liệt phê phán các Cơ Đốc nhân khác, nhưng lại mạnh mẽ phản đối việc áp dụng Lời Chúa vào đời sống riêng tư của họ.

Hình ảnh mô tả tấm lòng con người được Thánh Linh soi sáng cho chúng ta nhìn thấy thực sự kinh khiếp! Một tín đồ nói dối về mối giao thông của mình (c.6) về bản chất của mình – “Tôi chẳng bao giờ có thể làm một việc như thế!” (c.8) và về những việc làm của mình (c.10).

Tội lỗi có một cách thức lan truyền gây chết người, phải không?

Tại điểm này chúng ta phải thảo luận một yếu tố hết sức quan trọng trong kinh nghiệm về sự sống thực của mình. Yếu tố đó là sự chân thật. Chúng ta phải thành thật với chính mình, thành thật với những người khác, và thành thật với Đức Chúa Trời. Đoạn văn của chúng ta mô tả một tín đồ đang sống một đời sống không thành thật: người ấy là một tín đồ giả. Người ấy đang đóng một vai diễn chứ không đang sống một đời sống thực. Người ấy giả dối.

Loại người này từng trải những mất mát gì?

Một mất, người ấy mất Lời Chúa. Người ấy không còn “làm theo lẽ thật” (c.6) rồi lẽ thật không còn ở trong người (c.8) và rồi người biến lẽ thật thành ra những sự dối trá (c.10)! Chúa Giê-xu phán, “Lời Ngài là lẽ thật” (Gi 17:17) nhưng một người sống giả dối đánh mất Lời Chúa. Một trong những dấu hiệu của việc bước đi trong sự tối tăm là một sự đánh mất phước hạnh từ Kinh Thánh. Bạn không thể nhận được lợi ích gì trong việc đọc Lời Chúa khi đang bước đi trong sự tối tăm.

Nhưng một người không thành thật đánh mất một điều khác: người đánh mất mối thông công với Đức Chúa Trời và với dân sự của Đức Chúa Trời (IGi 1:6,7). Kết quả là, sự cầu nguyện trở thành một hình thức trống rỗng đối với người. Việc thờ phượng là thói quen nhằm chán. Người trở nên hay chỉ trích các Cơ Đốc nhân khác và bắt đầu vắng mặt ở nhà thờ: “Sự sáng với sự tối có thông đồng với nhau được chăng?” (II Co 6:14).

Một người chồng sa ngã, chẳng hạn, đang bước đi trong sự tối tăm thuộc linh, xa cách mối thông công với Đức Chúa Trời, không bao giờ có thể vui hưởng sự thông công đầy trọn với người vợ Cơ Đốc của mình là người đang bước đi trong sự sáng. Theo một cách thức hời hợt bên ngoài, cặp vợ chồng này có thể có tình bạn nhưng mối thông công thuộc linh thực sự thì không thể có được. Sự bất năng trong việc san sẻ những kinh nghiệm thuộc linh này gây ra nhiều vấn đề cá nhân trong gia đình và giữa các thuộc viên của các Hội Thánh địa phương.

Một nhóm thuộc viên trong Hội Thánh đang bàn cãi về vị mục sư mới của mình.

Một người nói, “Vì một lý do nào đó, tôi thật sự không cảm thấy thoải mái với ông ấy. Tôi tin ông ta là một người tốt, đúng thế – nhưng có điều gì đó dường như đang ngăn cách giữa chúng tôi.”

Một thuộc viên khác đáp, “Vâng, tôi nghĩ là tôi hiểu điều anh muốn nói. Tôi đã từng gặp vấn đề tương tự với ông ta, nhưng giờ thì không còn nữa. Tôi và mục sư có mối thông công khăng khít với nhau.”

“Ông ấy đã làm gì để mọi việc tốt đẹp hơn thế?”

“Ông ấy chẳng làm gì cả,” người bạn nói. “Chính tôi đã thay đổi.”

“Anh đã thay đổi à?”

“Đúng vậy, tôi đã quyết định cởi mở và thành thật về mọi thứ, theo cách vị mục sư đã làm. Anh thấy đó, không có một dấu vết giả hình nào trong đời sống ông ấy, còn trong đời sống của tôi lại có quá nhiều việc giả bộ đến nỗi chúng tôi đã không hiểu được nhau. Cả ông ấy và tôi đều biết tôi là một người giả dối. Từ khi tôi bắt đầu sống một đời sống Cơ Đốc chân thật, mọi việc tốt đẹp hơn.”

Một nan đề của sự không thành thật là nếu chỉ ghi nhớ hết những lời nói giả dối và những sự giả vờ của mình thôi, chúng ta đã mất hết cả thời gian! Abraham Lincoln đã từng nói nếu một người định trở thành một kẻ nói dối, người ấy tốt hơn nên có một trí nhớ tốt! Khi một người sử dụng tất cả năng lực của mình trong việc giả vờ, người ấy không còn hơi sức để mà sống và đời sống trở nên hơi hợt và vô vị. Một người giả vờ không chỉ cướp đi hiện thực của chính mình, mà người ấy còn khiến mình không lớn lên được: cái tội thật của người ấy bị che giấu dưới cái tội giả tạo.

Sự mất mát thứ ba thực sự là kết quả của hai điều đầu: người tín đồ đánh mất tính cách của mình (IGi 2:4). Tiến trình này bắt đầu với việc người ấy nói dối và kết thúc với việc anh ta trở thành một kẻ dối trá! Sự giả dối, hay thiếu thành thật, của anh ta thoát đầu là một vai mà anh ta diễn. Rồi nó không còn là một vai diễn nữa – nó đã trở thành chính bản chất của đời sống anh ta. Tính cách của anh ta đã băng hoại. Anh ta không còn là một kẻ dối trá vì anh ta nói dối nữa giờ đây anh ta nói dối bởi vì sự dối trá đã tiêm nhiễm thành bản tính của con người anh.

Có đáng ngạc nhiên chẳng khi Đức Chúa Trời cảnh cáo, “Người nào giấu tội lỗi mình sẽ không được may mắn (thịnh vượng)” (Ch 28:13)? Đa-vít đã cố gắng che đậy tội lỗi mình và người phải trả giá bằng chính sức khoẻ (Thi 32:3,4), sự vui mừng (Thi 51:1-19), gia đình, và gần như cả vương quốc của người. Nếu chúng ta mong muốn tận hưởng sự sống thực, chúng ta không bao giờ được che giấu tội lỗi của mình.

Chúng ta cần phải làm gì ?

2. *Chúng ta có thể xưng tội mình*

Giảng nêu lên hai danh hiệu thật hay dành cho Chúa Giê-xu Christ: Đấng Biện Hộ và Đấng Cứu Chuộc (Propitiation) (IGi 2:1,2). Việc chúng ta hiểu được hai danh hiệu này rất quan trọng vì nó tiêu biểu cho hai chức vụ mà duy chính mình Chúa thực hiện.

Chúng ta hãy bắt đầu với từ Propitiation. Nếu bạn tra từ này trong tự điển, bạn có thể nhận được ý sai của nghĩa từ này. Tự điển cho chúng ta biết rằng động từ “propitiate” có nghĩa là “làm một người đang giận dữ dịu xuống.” Nếu áp dụng điều này với Đấng Christ, bạn có được hình ảnh kinh khiếp của một Đức Chúa Trời đang thịnh nộ, sắp tiêu diệt cả thế gian, và một Đấng Cứu Thế đầy yêu thương phó chính mình Ngài để làm Đức Chúa Trời đang nổi giận nguôi đi – và đây không phải là hình ảnh về sự cứu rỗi của Thánh Kinh! Hẳn nhiên Đức Chúa Trời giận dữ đối với tội lỗi xét cho cùng, Ngài rất mực thánh khiết. Nhưng Kinh Thánh cam đoan một lần nữa với chúng ta rằng “Đức Chúa Trời thật yêu thương (chứ không phải ghét bỏ) thế gian” (Gi 3:16).

Không, từ “propitiation” không có nghĩa là việc làm cho một Đức Chúa Trời đang thịnh nộ nguôi con giận. Đúng hơn, nó có nghĩa là việc thoả đáng luật pháp thánh khiết của Đức Chúa Trời. “Đức Chúa Trời là sự sáng” (IGi 1:5), và vì vậy Ngài không thể nào làm ngơ đối với tội lỗi. Nhưng “Đức Chúa Trời là tình yêu thương” (4:8) nữa, và mong muốn cứu rỗi tội nhân.

Vậy thì, làm thế nào một Đức Chúa Trời thánh khiết có thể duy trì sự công chính của riêng Ngài mà vẫn tha thứ tội nhân được? Câu trả lời là sự hy sinh của Đấng Christ. Tại thập tự giá,

Đức Chúa Trời trong sự thánh khiết của Ngài đã đoán phạt tội lỗi. Đức Chúa Trời bởi tình yêu thương Ngài đã ban Chúa Giê-xu Christ đến thế gian làm Đấng Cứu Chuộc. Đức Chúa Trời thật công bình trong việc Ngài hình phạt tội lỗi, nhưng Ngài cũng đầy yêu thương trong việc Ngài ban sự tha thứ dư dật qua những gì Chúa Giê-xu đã thực hiện tại Đồi Gô-gô-tha. (Xin đọc IGi 4:10 và cũng xin suy gẫm Ro 3:23-26)

Đấng Christ là của lễ chuộc tội lỗi cho cả thế gian, nhưng Ngài là Đấng Biện Hộ chỉ cho những kẻ tin Ngài mà thôi. “Chúng ta (các Cơ Đốc nhân) có đấng cầu thay với Đức Chúa Cha.” Từ “biện hộ” được dùng để áp dụng cho các luật sư. Từ ngữ Giảng dùng rất giống từ mà Chúa Giê-xu đã dùng khi Ngài nói về sự hiện đến của Đức Thánh Linh (Gi 14:16,26 15:26). Theo nghĩa đen, nó có nghĩa là “một người được gọi đến bên cạnh.” Khi một người được gọi ra hầu toà, người ấy có một trạng sư (luật sư) đi theo để đứng cạnh bên và biện hộ cho vụ kiện của mình.

Chúa Giê-xu đã hoàn tất công việc của Ngài trên đất (Gi 17:4) – việc phó dâng mạng sống Ngài làm một của lễ chuộc tội. Ngày nay Ngài có một “công tác chưa hoàn tất” trên thiên đàng. Ngài thay mặt cho chúng ta trước ngai Đức Chúa Trời. Là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của chúng ta, Ngài cảm thông với những sự yếu đuối và những cám dỗ của chúng ta và ban ân điển cho chúng ta (He 4:15,16 7:23-28). Là trạng sư của chúng ta, Ngài giúp chúng ta khi chúng ta phạm tội. Khi chúng ta xưng thú tội lỗi với Đức Chúa Trời, vì có lời biện hộ của Đấng Christ, Đức Chúa Trời tha thứ cho chúng ta.

Cựu Ước chứa đựng một bức tranh đẹp đẽ về việc này. Giê-hô-sua (Xa 3:1-7) là thầy tế lễ thượng phẩm của Do Thái sau khi dân Do Thái bị lưu đày ở Ba-by-lôn trở về xứ. Cả dân tộc đã phạm tội để tượng trưng cho điều này, Giê-hô-sua đứng trước mặt Đức Chúa Trời trong bộ áo bản và Sa-tan đứng bên hữu Giê-hô-sua để kiện cáo người (Kh 12:10). Đức Chúa Cha là Đấng phán xét Giê-hô-sua, tượng trưng cho dân sự, là người bị kết tội Sa-tan là công tố viên đang khởi tố. (Thánh Kinh gọi nó là kẻ kiện cáo của anh em.) Mọi sự trông như thể Sa-tan đã có một trường hợp rõ ràng rành rành để thắng kiện. Nhưng Giê-hô-sua lại có một trạng sư đứng bên hữu Đức Chúa Trời, và việc này đã làm tình huống thay đổi. Đấng Christ ban cho Giê-hô-sua một bộ áo mới và làm im bật những lời kiện cáo của Sa-tan.

Đây là điều được xem xét khi Chúa Giê-xu Christ được gọi là “Đấng Biện Hộ.” Ngài thay mặt cho những kẻ tin Ngài trước ngai Đức Chúa Trời, và công trạng của sự hy sinh của Ngài khiến tội lỗi của tín đồ có thể được tha thứ. Vì có Đấng Christ đã chết thay cho dân sự Ngài, Ngài thoả mãn sự công chính của Đức Chúa Trời. (“Tiền công của tội lỗi là sự chết.”) Vì Ngài sống cho chúng ta tại bên hữu Đức Chúa Trời, Ngài có thể ứng dụng sự hy sinh của Ngài vào nhu cầu của chúng ta mỗi ngày.

Tất cả những điều Ngài đòi hỏi là khi chúng ta thất bại chúng ta xưng tội lỗi mình.

“Xưng tội” có nghĩa là gì? Xưng tội lỗi bao hàm nhiều ý nghĩa hơn là chỉ thừa nhận chúng. Từ “xưng” thực ra có nghĩa là “nói cùng một cách (về).” Vậy, xưng thú tội có nghĩa là nói về tội cùng một cách như Đức Chúa Trời nói về nó.

Một nhà khai đạo đang cố gắng giúp một người đã tiến tới phía trước trong suốt một buổi truyền giảng. “Tôi là một Cơ Đốc nhân,” người ấy nói, “nhưng có tội lỗi trong đời sống tôi, và tôi cần được giúp đỡ.” Nhà khai đạo đưa cho anh ta xem IGi 1:9 và đề nghị anh ta xưng tội với Đức Chúa Trời.

“Lạy Cha,” người ấy bắt đầu, “nếu chúng con đã có làm điều gì sai”

“Chờ một chút!” nhà khai đạo ngắt lời. “Đừng kéo tôi vào trong tội lỗi của anh! Nay anh, không phải là ‘nếu’ hay ‘chúng tôi’ đâu – tốt hơn chính anh nên giải quyết vấn đề với Đức Chúa Trời!”

Nhà khai đạo nói đúng.

Sự xưng tội không phải là việc dâng lên một lời cầu nguyện thật hay, hay nói những lời xin lỗi cách kính cẩn, hay cố gắng làm cảm động Đức Chúa Trời và các Cơ Đốc nhân khác. Sự xưng tội đúng đắn là nêu rõ tên của tội đã phạm – gọi đích danh nó như Đức Chúa Trời gọi nó: ganh tỵ, ghen ghét, ham muốn, dối trá, hoặc có thể là bất cứ điều gì. Sự xưng tội đơn giản có nghĩa là thành thật với chính mình và với Đức Chúa Trời, và nếu có liên quan tới những người khác thì cũng thành thật với họ nữa. Nó không chỉ là việc thừa nhận tội lỗi. Nó có nghĩa là đoán xét tội lỗi và đối diện nó cách thẳng thắn.

Khi chúng ta xưng tội mình, Đức Chúa Trời hứa tha thứ chúng ta (c.9). Nhưng lời hứa này không phải là một chỗ ẩn náu khiến chúng ta dễ dàng bất tuân Đức Chúa Trời!

Một sinh viên nói với vị tuyên úy của trường mình, “Con đã ra ngoài và phạm tội vì con biết con có thể trở về và xin Đức Chúa Trời tha thứ cho con.”

“Đức Chúa Trời có thể tha thứ cho con trên nền tảng nào?” vị tuyên úy hỏi, chỉ vào IGI 1:9.

“Đức Chúa Trời là thành tín và công bình,” cậu sinh viên trả lời.

“Hai từ ấy lẽ ra đã giữ con khỏi tội lỗi,” vị tuyên úy nói. “Con có biết Đức Chúa Trời phải trả giá nào để tha thứ tội cho con không?”

Cậu thanh niên gục đầu, “Chúa Giê-xu đã phải chết vì con.”

Kế đó vị tuyên úy nói thêm, “Đúng thế – sự tha thứ không phải là một trò trình diễn rẻ tiền nào đó của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời thành tín đối với lời hứa của Ngài, và Đức Chúa Trời là công bình, vì Đấng Christ đã chết thay cho tội lỗi của con và trả án phạt thay cho con. Bây giờ, hễ lúc nào con có ý định phạm tội, hãy nhớ rằng con sắp phạm tội với một Đức Chúa Trời đầy yêu thương thành tín!”

Dĩ nhiên, việc tẩy sạch có hai phương diện đối với nó: phương diện pháp luật và phương diện cá nhân. Huyết Chúa Giê-xu Christ, đổ ra trên thập tự giá, giải phóng chúng ta khỏi điều sai phạm của tội lỗi và cho chúng ta được đứng thẳng (“sự xưng công bình”) trước mặt Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời có thể tha thứ vì sự chết của Chúa Giê-xu đã thoả đáng luật pháp thánh khiết của Ngài.

Nhưng Đức Chúa Trời cũng lưu tâm đến việc tẩy sạch con người bên trong của một tội nhân. Đa-vít đã cầu nguyện, “Đức Chúa Trời ôi! xin hãy dựng nên trong tôi một lòng trong sạch” (Thi 51:10). Khi sự xưng tội của chúng ta chân thành, Đức Chúa Trời thực hiện một công tác thanh tẩy (IGI 1:9) trong tấm lòng chúng ta bởi Thánh Linh Ngài và qua Lời Ngài (Gi 15:3).

Lỗi lầm lớn lao Đa-vít đã phạm là trong việc cố gắng che giấu tội lỗi mình thay vì xưng chúng ra. Trong thời gian có lẽ một năm trọn người sống trong sự dối trá và thất bại. Không ngạc nhiên gì người đã viết (Thi 32:6) rằng một người nên cầu nguyện cùng Chúa “trong khi có thể gặp Ngài.”

Chúng ta cần phải xưng tội mình lúc nào? Ngay khi chúng ta khám phá ra nó! “Người nào giấu tội lỗi mình sẽ không được may mắn (thịnh vượng) nhưng ai xưng nó ra và lìa bỏ nó sẽ

được thương xót” (Ch 28:13). Bằng cách bước đi trong sự sáng, chúng ta có thể nhìn thấy “những sự ô uế” trong đời sống mình và xử lý nó ngay tức khắc.

Điều này dẫn đến một cách thức thứ ba để giải quyết tội lỗi: chúng ta có thể cố gắng che đậy chúng, chúng ta có thể xung chúng ra, hoặc

(IGi 2:1-6)

3. *Chúng ta có thể đắc thắng tội lỗi của mình*

Giăng vạch rõ rằng Cơ Đốc nhân không phải phạm tội. “Ta viết cho các con những điều này hầu cho các con khỏi phạm tội” (IGi 2:1).

Bí quyết của sự đắc thắng tội lỗi được tìm thấy trong câu “bước đi trong sự sáng” (1:7).

Bước đi trong sự sáng có nghĩa là cởi mở và thành thật, trung thực. Phao-lô cầu nguyện cho các bạn hữu của ông được “thành thật và không phạm tội” (Phi 1:10). Từ chân thành (sincere) ra từ hai từ La tinh, sine và cera, nghĩa là “không có chất sáp.” Dường như là trong thời La Mã, một số nhà điêu khắc che giấu các sai sót của mình bằng cách dùng chất sáp để trám vào những chỗ khiếm khuyết trong các pho tượng cẩm thạch của họ, mà mắt không dễ nhìn thấy được – cho đến khi pho tượng được phơi dưới ánh mặt trời một thời gian. Nhưng các điêu khắc gia đáng tin cậy hơn quả quyết là khách hàng của họ biết rằng các pho tượng họ bán ra là sine cera – không có chất sáp.

Thật không may là các Hội Thánh và các lớp Thánh Kinh đã bị tràn ngập bởi những người không thành thật, những người mà đời sống họ không thể chịu được sự thử nghiệm bởi sự sáng của Đức Chúa Trời. “Đức Chúa Trời là sự sáng,” và khi chúng ta bước đi trong sự sáng, không điều gì chúng ta có thể che giấu được. Thật thích thú khi gặp gỡ một Cơ Đốc nhân cởi mở và chân thành và không đang cố gắng giả dối!

Bước đi trong sự sáng nghĩa là thành thật với Đức Chúa Trời, với chính mình, và với những người khác. Nó có nghĩa là khi sự sáng phơi bày tội lỗi của mình ra, chúng ta lập tức xưng nó ra với Đức Chúa Trời và cầu xin Ngài tha thứ. Và nếu tội lỗi chúng ta làm tổn thương đến người khác, chúng ta cũng cầu xin sự tha thứ của người ấy nữa.

Nhưng bước đi trong sự sáng hàm ý một điều khác nữa: nó có nghĩa là vâng theo Lời Đức Chúa Trời (IGi 2:3,4). “Lời Ngài là ngọn đèn cho chân tôi và ánh sáng cho đường lối tôi” (Thi 119:105). Bước đi trong sự sáng có nghĩa là dành thời gian mỗi ngày trong Lời Đức Chúa Trời, khám phá ý muốn của Ngài và rồi vâng theo những gì Ngài phán dạy chúng ta.

Sự vâng theo Lời Đức Chúa Trời là chứng cứ tình yêu của chúng ta đối với Ngài. Có ba động cơ trong sự vâng lời. Chúng ta có thể vâng lời bởi vì chúng ta phải, vì chúng ta cần, hoặc vì chúng ta muốn.

Một nô lệ vâng lời vì anh ta phải làm như vậy. Nếu anh ta không vâng lời anh ta sẽ bị phạt. Một nhân viên vâng lời vì anh ta cần vâng lời. Anh ta có thể không ưa thích công việc của mình, nhưng anh ta thật sự ưa thích tờ ngân phiếu lương của mình! Anh ta cần vâng lời vì anh phải chu cấp cho gia đình. Nhưng một Cơ Đốc nhân phải vâng lời Cha thiên thượng của mình vì người ấy muốn vâng lời – vì mối tương quan giữa người ấy với Đức Chúa Trời là một mối tương quan của tình yêu thương. “Nếu các ngươi yêu mến Ta, hãy vâng giữ điều răn của Ta” (Gi 14:15).

Đây là cách chúng ta học vâng lời khi chúng ta còn là con trẻ. Trước hết, chúng ta vâng lời vì chúng ta phải vâng lời. Nếu không vâng lời, chúng ta bị đánh đòn! Nhưng khi lớn lên, chúng ta khám phá rằng sự vâng lời có nghĩa là sự vui mừng và phần thưởng vì vậy chúng ta

bắt đầu vâng lời vì nó thoả mãn những nhu cầu nào đó trong đời sống mình. Và nó là một dấu hiệu của sự trưởng thành thực sự khi chúng ta bắt đầu vâng lời vì có tình yêu thương.

“Các Cơ Đốc nhân con đờ” phải thường xuyên được cảnh cáo hay ban thưởng. Cơ Đốc nhân trưởng thành lắng nghe Lời Đức Chúa Trời và vâng theo lời ấy đơn giản vì họ yêu Ngài.

Việc bước đi trong sự sáng liên quan đến sự thành thật, sự vâng lời, và tình yêu thương nó cũng liên quan tới việc học theo gương của Đấng Christ và bước đi như Ngài đã bước đi (IGi 2:6). Dĩ nhiên, không ai từng trở thành một Cơ Đốc nhân nhờ việc học theo gương của Đấng Christ nhưng sau khi chúng ta bước vào gia đình của Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ phải trông cậy vào Chúa Giê-xu Christ là gương mẫu vĩ đại của kiểu đời sống chúng ta cần phải sống.

Điều này có nghĩa là “ở trong Đấng Christ.” Đấng Christ không chỉ là Đấng Cứu Chuộc (hay của lễ) cho tội lỗi chúng ta (c.2) và là Đấng Cầu Thay đại diện chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời (c.1), nhưng Ngài cũng là mẫu mực toàn hảo (Ngài là “Chúa Giê-xu Christ Đấng công bình”) cho đời sống hằng ngày của chúng ta.

Câu trọng tâm ở đây là “như chính Ngài” (c.6). “Vì Chúa thể nào, thì chúng ta cũng thể ấy trong thế gian này” (4:17). Chúng ta sẽ phải bước đi trong sự sáng “cũng như chính mình Ngài ở trong sự sáng” (1:7). Chúng ta sẽ phải tự mình làm nên thanh sạch “cũng như Ngài là thanh sạch” (3:3). “Kẻ làm sự công bình là người công bình, như chính mình Chúa là công bình” (3:7). Việc bước đi trong sự sáng có nghĩa là sống trên đất này theo cách thức Chúa Giê-xu đã sống khi Ngài còn tại thế, và theo cách thức Ngài hiện đang sống trên thiên đàng.

Điều này có những sự ứng dụng vô cùng thực tiễn trong đời sống hằng ngày của chúng ta. Thí dụ, một tín đồ cần phải làm gì khi một tín đồ khác phạm tội với mình? Câu trả lời là tín đồ cần phải tha thứ nhau “như Đức Chúa Trời đã tha thứ anh em trong Đấng Christ vậy” (Eph 4:32 xin cũng xem Co 3:13).

Việc bước đi trong sự sáng – noi theo gương Đấng Christ – sẽ ảnh hưởng một gia đình. Những người làm chồng có bổn phận yêu thương vợ mình “cũng như Đấng Christ yêu thương Hội Thánh” (Eph 5:25). Những người làm chồng có bổn phận săn sóc cho vợ mình “như Đấng Christ” đối với Hội Thánh (5:29). Và những người làm vợ sẽ phải tôn trọng và vâng phục chồng mình (5:22-24).

Dù cho trong lãnh vực nào của đời sống, trách nhiệm của chúng ta là làm những gì Chúa Giê-xu sẽ làm. “Chúa thể nào, thì chúng ta cũng thể ấy trong thế gian này.” Chúng ta cần phải “bước đi (sống) như Ngài đã bước đi (đã sống).”

Không thể nào bắt chước đời sống của Chúa Giê-xu Christ với những trang thiết bị nghèo nàn chúng ta có như những con người đơn thuần. Nỗ lực sẽ tương tự như việc một người tàn tật cố gắng chơi bóng chày như một ngôi sao liên đoàn tiếng tăm. Chúng ta sẽ cho người tật nguyền này một điểm “E về nỗ lực,” thế nhưng người ấy sẽ thất bại trong sự gắng sức của mình. Đây là lý do vì sao Giăng dùng từ “ở” (IGi 2:6). Cách duy nhất để bước đi như Đấng Christ đã bước đi là ở trong Ngài.

Đây là bí quyết để đắc thắng tội lỗi.

Chính mình Chúa Giê-xu đã dạy các môn đệ Ngài ý nghĩa của việc ở trong Ngài. Ngài giải thích điều này trong thí dụ minh họa của Ngài về cây nho và nhánh (Gi 15:1-17). Giống như nhánh nho có được sự sống bằng cách cứ dính liền với cây nho, tín đồ cũng nhận được sức lực bởi việc duy trì mối thông công với Đấng Christ.

Ở trong Đấng Christ nghĩa là lệ thuộc hoàn toàn vào Ngài về tất cả những gì chúng ta cần để sống cho Ngài và hầu việc Ngài. Đó là một mối quan hệ sống động. Khi Ngài sống cuộc

đời của Ngài qua chúng ta, chúng ta có thể noi theo gương Ngài và bước đi như Ngài đã bước đi. Phao-lô mô tả kinh nghiệm này thật hoàn hảo: “Đấng Christ sống trong tôi!” (Ga 2:20).

Đây là một sự ám chỉ đến công tác của Đức Thánh Linh. Đấng Christ là trạng sư của chúng ta trên thiên đàng (IGi 2:1), để đại diện chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời khi chúng ta phạm tội. Đức Thánh Linh là Đấng Biện Hộ của Đức Chúa Trời cho chúng ta trên đất này. Đấng Christ hiện đang cầu thay cho chúng ta (Ro 8:34), và Đức Thánh Linh cũng đang cầu thay cho chúng ta (8:26,27). Chúng ta là một phần của “đường dây điện thoại chung số thiên thượng” diệu kỳ: Đức Chúa Con cầu thay cho chúng ta trên thiên đàng, và Đức Thánh Linh cầu thay cho chúng ta trong lòng chúng ta. Chúng ta có mối thông công với Đức Chúa Cha qua Đức Chúa Con, và Đức Chúa Cha có mối thông công với chúng ta qua Đức Thánh Linh.

Đấng Christ sống đời sống của Ngài qua chúng ta bởi năng quyền của Thánh Linh, là Đấng sống bên trong con người chúng ta. Không phải bằng cách bắt chước mà chúng ta được ở trong Đấng Christ và bước đi như Ngài đã bước đi. Ấy chính là qua thành nhục thể và qua Thánh Linh của Ngài, “Đấng Christ sống trong tôi.” Bước đi trong sự sáng là bước đi trong Thánh Linh và không làm trọn những điều ưa muốn của xác thịt (Ga 5:16).

Theo những cách thức này, Đức Chúa Trời dự bị cho chúng ta để thắng hơn tội lỗi. Chúng ta không bao giờ có thể mất đi hay thay đổi bản chất vốn có (IGi 1:8), nhưng chúng ta không cần phải tuân theo những ước muốn của nó. Khi chúng ta bước đi trong sự sáng và nhìn thấy bản chất thật của tội lỗi, chúng ta sẽ ghét nó và xoay khỏi nó. Và nếu chúng ta phạm tội, chúng ta lập tức xưng nó ra với Đức Chúa Trời và cầu xin Ngài thanh tẩy. Bằng cách lệ thuộc vào năng quyền của Thánh Linh đang ngự trị, chúng ta ở trong Đấng Christ và “bước đi như Ngài đã bước đi.”

Nhưng tất cả mọi điều này đều bắt đầu với sự cởi mở và thành thật trước mặt Đức Chúa Trời và con người. Giờ phút nào chúng ta khởi sự đóng một vai diễn, hay giả vờ, để gây ấn tượng nơi những người khác, chúng ta đã bước ra khỏi sự sáng và đi vào trong nơi tối tăm. Ngài Walter Scott diễn đạt ý đó như sau:

“Thật là một mối tơ vò

Khi ta khởi sự dối lừa thế nhân!”

Sự sống thực không thể được xây dựng trên những điều dối trá. Trước khi chúng ta có thể bước đi trong sự sáng, chúng ta phải biết chính mình, chấp nhận chính mình, và qui phục chính mình trước Đức Chúa Trời. Thật dại dột khi cố gắng lừa dối người khác vì Đức Chúa Trời đã biết chúng ta thực sự như thế nào!

Tất cả mọi điều này giúp giải thích vì sao việc bước đi trong sự sáng khiến đời sống thật dễ dàng hơn và hạnh phúc hơn nhiều. Khi bạn bước đi trong sự sáng, bạn sống để làm vui lòng một Đấng duy nhất – Đức Chúa Trời. Điều này thực sự làm đơn giản hoá mọi việc! Chúa Giê-xu phán, “Ta hằng làm sự đẹp lòng Ngài” (Gi 8:29). Chúng ta “phải ăn ở thế nào cho đẹp ý Đức Chúa Trời” (ITe 4:1). Nếu chúng ta sống để làm đẹp lòng chính mình và Đức Chúa Trời, chúng ta đang cố gắng làm tôi hai chủ, và điều này không bao giờ thực hiện được. Nếu chúng ta sống để đẹp lòng loài người, chúng ta sẽ luôn gặp rắc rối vì con người sẽ bất đồng và chúng ta sẽ thấy mình bị kẹt ở giữa. Việc bước đi trong sự sáng – tức là sống để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời – làm đơn giản hoá các mục tiêu của chúng ta, hợp nhất đời sống chúng ta, và đem đến cho chúng ta một cảm giác bình an và tự tin.

Giảng vạch rõ rằng sự sống thực không ưa thích tội lỗi. Thay vì cố gắng che đậy tội lỗi, một tín đồ thật xưng tội mình và cố gắng thắng hơn nó bằng việc bước đi trong sự sáng của Lời Đức Chúa Trời. Người ấy không hài lòng chỉ vì mình sẽ lên thiên đàng. Người ấy muốn

tận hưởng cuộc sống thiên đàng ngay trên đất này và ngay bây giờ. “Vì Chúa thế nào, thì chúng ta cũng thế ấy trong thế gian này.” Người ấy cẩn thận giữ cho việc làm và lời nói của mình phù hợp nhau. Người ấy không cố gắng dùng “lời nói tin kính suông” để gây ấn tượng nơi chính mình, nơi Đức Chúa Trời, hay nơi các Cơ Đốc nhân khác.

Một hội chúng đang hát bài thánh ca quen thuộc “Tôi đang kêu cầu cho anh” để kết thúc buổi nhóm. Diễn giả xoay qua một người đàn ông trên bục giảng và hỏi nhỏ, “Anh đang cầu nguyện cho ai vậy?”

Người này ngạc nhiên, “Sao? Tôi nghĩ mình không đang cầu nguyện cho ai hết. Tại sao ông lại hỏi thế?”

“Ồ, tôi vừa nghe anh nói, ‘Tôi đang kêu cầu cho anh,’ và tôi nghĩ anh có ý muốn nói đến một người nào đó,” vị diễn giả đáp.

“Ồ, không đâu,” người đàn ông nói. “Tôi chỉ đang hát thôi.”

Đó chỉ là một cách nói tin kính suông! Một tôn giáo của lời nói suông mà thôi! Gia 1:22, có thể diễn ý như sau: “Chúng ta phải là người thực hiện Lời Đức Chúa Trời cũng như nói Lời Ngài. Chúng ta phải bước đi (làm) theo điều mình nói. Chỉ biết ngôn ngữ Thánh Kinh không, chưa đủ chúng ta cũng phải thực sự sống nữa. “Nếu chúng ta nói - ” thì chúng ta cũng phải làm nữa!

3. ĐIỀU CŨ – ĐIỀU MỚI (IGi 2:7-11)

“Tôi thật yêu thích chiếc nón ấy!”

“Chao ôi, tôi thực sự yêu thích món đậu đút lò lâu đời ấy!”

“Nhưng mà, mẹ ơi, mẹ không nhận thấy là con và Tom yêu nhau sao?”

Từ ngữ, giống như những đồng tiền kim loại, có thể được lưu hành trong một thời gian dài đến nỗi chúng bắt đầu mòn dần. Thật không may, từ yêu thương đang mất đi giá trị của nó và đang được dùng để che đậy vô số tội lỗi.

Thật khó mà hiểu được làm thế nào một người có thể dùng cùng một từ để vừa diễn tả tình yêu của mình dành cho vợ cũng vừa để nói lên cảm tưởng của mình về món đậu đút lò! Khi từ ngữ được dùng cách bất cẩn như thế chúng thật sự hàm chứa rất ít ý nghĩa hoặc chẳng hàm chứa gì cả. Giống như đồng đô-la, chúng đã bị giảm giá trị.

Khi Giảng mô tả sự sống thực, ông dùng ba từ lặp đi lặp lại: sự sống, tình yêu thương, và sự sáng. Thực ra, ông dành ba phần của bức thư để nói về chủ đề tình yêu thương Cơ Đốc. Ông giải thích rằng tình yêu thương, sự sống, và sự sáng hoà nhập với nhau. Hãy đọc ba phần này (IGi 2:7-11 3:10-24 4:7-21) liên tiếp nhau, đừng cho những câu khác xen vào và bạn sẽ thấy rằng tình yêu thương, sự sống và sự sáng không được tách rời nhau.

Trong phần chúng ta đang tra cứu (2:7-14), chúng ta học biết tình yêu thương Cơ Đốc bị ảnh hưởng bởi sự sáng và sự tối tăm ra sao. Một Cơ Đốc nhân đang bước đi trong sự sáng (đơn giản có nghĩa là người ấy đang vâng lời Đức Chúa Trời) sẽ yêu thương anh em trong Chúa của mình. Trong 3:10-24, chúng ta được biết rằng tình yêu thương Cơ Đốc là một vấn đề của sự sống hoặc sự chết: sống trong sự ghen ghét là sống trong sự chết thuộc linh. Trong 4:7-21 chúng ta thấy rằng tình yêu thương Cơ Đốc là một vấn đề của lẽ thật hoặc sự sai lầm (4:6): bởi vì chúng ta biết tình yêu thương của Đức Chúa Trời đối với chúng ta, chúng ta bày tỏ tình yêu thương của Chúa đối với những người khác.

Vậy nên, trong ba phần này, chúng ta thấy ba lý do chính đáng vì sao Cơ Đốc nhân cần phải yêu thương nhau:

1. Đức Chúa Trời đã truyền dạy chúng ta phải yêu thương (2:7-11).

2. Chúng ta đã được sanh bởi Đức Chúa Trời và tình yêu của Đức Chúa Trời sống trong chúng ta (3:10-24).

3. Đức Chúa Trời đã bày tỏ tình yêu của Ngài cho chúng ta trước (4:7-21). “Chúng ta yêu . . . vì Ngài đã yêu chúng ta trước.”

Giăng không chỉ viết về tình yêu thương mà cũng thực hành tình yêu thương nữa. Một trong những danh xưng ưa thích nhất ông dành cho độc giả của mình là “Người Yêu dấu.” Ông cảm nhận tình yêu thương đối với họ. Giăng được biết đến như là vị “Sứ đồ của Tình yêu thương” vì trong sách Phúc Âm của ông và các thư tín của ông, ông làm nổi bật chủ đề này. Tuy nhiên, Giăng không luôn luôn là vị “Sứ đồ của Tình yêu thương.” Đã có lần Chúa Giê-xu đã ban cho Giăng và anh ông là Gia cơ, cả hai đều rất nóng tính, biệt danh là “Bô-a-ney” (Mac 3:17), nghĩa là “con trai của sấm sét.” Vào một dịp khác hai anh em này muốn kêu lửa từ trời giáng xuống để huỷ diệt một làng nọ (Lu 9:51-56).

Vì Tân Ước được viết bằng tiếng Hy Lạp, các tác giả thường có thể dùng loại ngôn ngữ chính xác hơn. Không may là từ yêu thương trong tiếng Anh có thật nhiều nghĩa khác nhau (một số nghĩa lại mâu thuẫn nhau). Khi chúng ta đọc trong 1 Giăng về “tình yêu thương,” từ Hy Lạp được dùng là *agape* (a-ga-pê), từ dành để chỉ tình yêu của Đức Chúa Trời đối với con người, tình yêu thương của một Cơ Đốc nhân đối với các Cơ Đốc nhân khác, và tình yêu của Đức Chúa Trời đối với Hội Thánh của Ngài (Eph 5:22-33).

Một từ Hy Lạp khác để chỉ tình yêu thương là *philia* (phi-li-a), được dùng ở chỗ khác, mang ý tưởng của “tình bằng hữu,” vốn không thật sâu sắc hay có tính cách thiên thượng như tình yêu *agape*. (Từ Hy Lạp dành để chỉ tình yêu phái tính, *eros*, từ đó chúng ta có chữ *erotic*, nghĩa là thuộc về tình dục, không được dùng trong Tân Ước một lần nào.)

Điều đáng ngạc nhiên là tình yêu thương Cơ Đốc vừa cũ cũng vừa mới (IGi 2:7,8). Điều này dường như là một sự trái ngược. Dĩ nhiên, tình yêu thương tự nó không mới, và cả điều răn – chúng ta phải yêu kính Đức Chúa Trời và yêu mến nhau – cũng không phải là một điều mới mẻ. Chính Chúa Giê-xu đã kết hợp hai điều răn của Cựu Ước, Phu 6:5 Le 19:18, và đã phán (Mac 12:28-34) rằng hai điều răn này tóm tắt tất cả Luật pháp và lời Tiên tri. Yêu kính Đức Chúa Trời và yêu thương kẻ lân cận mình là những trách nhiệm cũ, quen thuộc trước khi Chúa Giê-xu đến thế gian.

Vậy thì, trong ý nghĩa nào “yêu thương nhau” là một điều răn “mới” (IGi 2:8)? Một lần nữa, việc xem xét từ Hy Lạp giúp chúng ta giải đáp câu hỏi này.

Người Hy Lạp có hai chữ “mới” khác nhau – một chữ có nghĩa “mới về thời gian” và chữ kia có nghĩa “mới về chất lượng.” Thí dụ, bạn sẽ dùng chữ đầu để mô tả chiếc xe đời mới nhất, một kiểu dáng mới vừa ra. Nhưng nếu bạn mua một chiếc xe thật cách mạng đến nỗi nó hoàn toàn khác biệt, bạn sẽ dùng chữ thứ nhì – mới về chất lượng.

Điều răn yêu thương nhau không mới về thời gian, nhưng nó mới về tính chất. Vì có Chúa Giê-xu Christ, điều răn cũ “hãy yêu thương nhau” nhận lấy ý nghĩa mới. Chúng ta học được, trong năm câu ngắn ngủi này (c.7-11) rằng điều răn này mới trong ba cách thức quan trọng.

1. ***Nó mới trong sự nhấn mạnh*** (IGi 2:7). Trong khúc Kinh Thánh vừa rồi (2:3-6), Giăng đã nói về “các điều răn” cách tổng quát, nhưng giờ thì ông thu hẹp trọng tâm của mình lại thành một điều răn duy nhất. Trong Cựu Ước, mệnh lệnh phán dạy dân sự Đức Chúa Trời

phải yêu thương nhau chỉ là một trong nhiều mệnh lệnh, nhưng bây giờ điều răn cũ này được chọn ra và dành cho một vị trí trội hơn những điều răn khác.

Làm sao một điều răn nào lại có thể giữ một vai trò trội vượt hơn tất cả những điều răn khác? Điều này được giải thích bởi sự kiện tình yêu thương là làm trọn luật pháp của Đức Chúa Trời (Ro 13:8-10).

Theo luật pháp, các bậc cha mẹ phải chăm lo cho con cái mình. Việc bỏ bê con cái là một tội trọng. Nhưng bao nhiêu người làm cha mẹ có cuộc đối thoại như thế này khi đồng hồ báo thức reo lên vào buổi sáng?

Mẹ: “Anh yêu ơi, tốt hơn anh nên dậy đi làm đi. Chúng ta không muốn bị bắt giữ mà.”

Bố: “Được rồi, và tốt hơn em cũng nên dậy lo bữa sáng cho mấy đứa nhỏ, và để sẵn áo quần cho chúng đi. Bọn cóm có thể xuất hiện và bỏ cả hai chúng ta vô tù đấy.”

Mẹ: “Đúng đấy. Cưng ơi, thật tốt là họ có một bộ luật, nếu không chúng mình sẽ nằm miết trên giường cả ngày thôi!”

Không hẳn là việc sợ pháp luật thường là động cơ đằng sau việc kiếm sống hoặc việc chăm lo cho con cái của một người nào đó. Cha mẹ làm tròn các trách nhiệm của mình (dù rằng đôi khi cũng có thái độ hằn học) vì họ yêu thương nhau và yêu thương con cái mình. Đối với họ, việc làm điều đúng không phải là một vấn đề của pháp luật – đó là một vấn đề của tình yêu thương.

Điều răn “Hãy yêu thương nhau” là sự làm trọn luật pháp của Đức Chúa Trời theo cách thức tương tự. Khi bạn yêu thương người khác, bạn không nói dối về họ hay lấy trộm của họ. Bạn không có ước muốn giết hại họ. Tình yêu đối với Đức Chúa Trời và đối với những người khác thúc đẩy một người vâng theo các điều răn của Đức Chúa Trời cách tự nhiên thậm chí không phải suy nghĩ gì về các điều răn ấy! Khi một người hành động xuất phát từ tình yêu thương Cơ Đốc người ấy vâng lời Đức Chúa Trời và phục vụ những người khác – không phải vì sợ hãi, mà vì tình yêu thương trong lòng mình.

Đây là lý do vì sao Giăng nói rằng “Hãy yêu thương nhau” là một điều răn mới – nó mới trong sự nhân mạnh. Nó không chỉ đơn giản là một trong nhiều điều răn. Nó đứng đầu danh sách các điều răn này!

Nhưng nó cũng mới trong sự nhân mạnh theo một cách thức khác nữa. Nó có ngay từ buổi đầu của đời sống Cơ Đốc nhân. “Điều răn cũ này là lời anh em đã nghe từ lúc ban đầu” (IGi 2:7). Câu “từ lúc ban đầu” được dùng theo hai cách khác nhau trong thư tín của Giăng, và điều quan trọng là bạn phân biệt được chúng. Trong IGi 1:1, mô tả tính chất đời đời của Đấng Christ, chúng ta đọc thấy là Ngài hiện hữu “từ ban đầu.” Trong Gi 1:1 – một câu Kinh Thánh tương đương – chúng ta đọc thấy là “Ban đầu có Ngôi Lời.”

Nhưng trong IGi 2:7, chủ đề là buổi ban đầu của đời sống Cơ Đốc-nhân. Điều răn hãy yêu thương nhau không phải là một phụ lục đối kinh nghiệm theo Chúa của chúng ta, như thể đó là một ý tưởng muộn màng của Đức Chúa Trời. Không đâu! Nó có trong lòng chúng ta ngay từ buổi ban đầu khi chúng ta đặt đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ. Nếu không phải như vậy, Giăng đã không thể viết “Chúng ta biết rằng mình đã vượt khỏi sự chết qua sự sống vì chúng ta yêu anh em mình” (3:14). Và Chúa Giê-xu đã phán, “Nếu các ngươi yêu nhau, thì ấy là tại điều đó mà thiên hạ sẽ nhận biết các ngươi là môn đệ Ta” (Gi 13:35).

Theo bản tính tự nhiên, một người chưa được cứu có thể ích kỷ và thậm chí đầy ghen ghét. Chúng ta yêu thương một em bé mới sinh nhiều chừng nào thì chúng ta càng phải công nhận rằng trẻ con thường tự cho mình là trung tâm và cho rằng cả thế giới đều xoay quanh chiếc

nội của nó. Đứa bé là điển hình của một người chưa được cứu. “Bản thân chúng ta ngày trước cũng ngu muội, bội nghịch, bị lừa dối, bị đủ thứ dâm dục tình dục sai khiến, sống trong sự hung ác tham lam, đáng bị người ta ghét và tự chúng ta cũng ghét lẫn nhau” (Tit 3:3). Hình ảnh miêu tả bản tính tự nhiên của người chưa được cứu này có thể không đẹp đẽ gì, nhưng chắc chắn là nó chính xác! Một số người chưa được tái sinh không biểu lộ những nét được nêu lên ở đây, nhưng những việc làm của xác thịt (Ga 5:19-21) thì luôn tiềm ẩn trong tánh khí của họ.

Khi một tội nhân tin nơi Đấng Christ, người ấy nhận lãnh một sự sống mới và một bản tính mới. Thánh Linh của Đức Chúa Trời đến sống trong người ấy và sự yêu thương của Đức Chúa Trời “rải khắp trong lòng người ấy” bởi Đức Thánh Linh (Ro 5:5). Đức Chúa Trời không cần phải dành cho một tín đồ mới một bài diễn thuyết thật dài về tình yêu thương! “Vì chính anh em đã học nơi Đức Chúa Trời (bởi Thánh Linh trong lòng anh em) phải yêu thương nhau” (ITe 4:9). Một tín đồ mới khám phá rằng bây giờ người ấy ghét những điều mình đã từng yêu thích, và người ấy yêu thích những điều mà mình từng ghét bỏ!

Vì vậy điều răn phải yêu thương nhau mới trong sự nhấn mạnh: nó là một trong những điều răn quan trọng nhất Đấng Christ ban cho chúng ta (Gi 13:34). Trên thực tế, “hãy yêu thương nhau” được lặp lại ít nhất cả chục lần trong Tân Ước (Gi 13:34 15:9,12,17 Ro 13:8 ITe 4:9 IPhi 1:22 IGi 3:11,23 4:7,11,12 IIGi 1:5) Và có nhiều sự nhắc đến khác liên hệ đến tình yêu thương anh em.

Điều quan trọng là chúng ta hiểu được ý nghĩa của tình yêu thương Cơ Đốc. Nó không phải là một tình cảm uỷ mị hời hợt mà Cơ Đốc nhân cố gắng “tạo nên” để họ có thể hoà thuận với nhau. Nó là một vấn đề của ý-chí hơn là một cảm-xúc – tức là một tình cảm và sự thu hút đối với những người nào đó. Nó là một vấn đề của ý chí – của sự quyết tâm – là bạn sẽ để cho tình yêu của Đức Chúa Trời tuôn chảy đến những người khác qua bạn, và rồi cư xử với họ trong những cách thức đầy yêu thương. Bạn sẽ không cư xử “như thể bạn yêu thương họ,” nhưng vì bạn yêu thương họ. Đây không phải là sự giả hình – nó là sự vâng lời đối với Đức Chúa Trời.

Có lẽ lời giải thích hay nhất về tình yêu thương Cơ Đốc là ICo 13:1-13. Bạn nên đọc một bản dịch mới nhất của chương này để hiểu được ý nghĩa trọn vẹn của sứ điệp chứa đựng bên trong: đời sống Cơ Đốc nhân thiếu tình yêu thương thì **KHÔNG LÀ GÌ CẢ!**

Nhưng điều răn “Hãy yêu thương nhau” không chỉ mới trong sự nhấn mạnh. Nó mới mẻ trong một cách thức khác nữa:

2. *Nó mới trong gương mẫu* (IGi 2:8). Giảng chỉ ra rằng “Hãy yêu thương nhau” trước hết đã đúng trong Đấng Christ, và hiện giờ nó đúng trong đời sống của những người đang tin vào Đấng Christ. Chính mình Chúa Giê-xu là Gương mẫu vĩ đại nhất của điều răn này.

Sau này chúng ta sẽ suy nghĩ về câu Kinh Thánh tuyệt hay “Đức Chúa Trời là tình yêu thương” (4:8), nhưng nó được xem xét trước ở đây. Khi nhìn vào Chúa Giê-xu Christ, người ta nhìn thấy tình yêu thương được biểu hiện và minh hoạ. Khi ra lệnh cho chúng ta phải yêu thương, Chúa Giê-xu không bảo chúng ta làm một điều nào đó mà chính mình Ngài chưa thực hiện. Bốn sách Phúc Âm miêu tả một cuộc đời luôn sống trong tinh thần yêu thương – và cuộc đời ấy được sống trong những điều kiện không xa rời thực tế. Thực vậy, Chúa Giê-xu phán với chúng ta, “Ta đã sống bởi điều răn lớn lao này, và Ta có thể giúp con noi theo gương Ta.”

Chúa Giê-xu đã minh hoạ tình yêu thương bằng chính cuộc đời Ngài đã sống. Ngài không bao giờ biểu lộ lòng hận thù hay gian ác. Linh hồn công bình của Ngài ghét mọi tội lỗi

và sự bất tuân, nhưng Ngài không hề ghét những người phạm những tội lỗi như thế. Ngay cả trong những sự phán xét công bình của Ngài, luôn có ảnh hưởng ngấm ngấm của tình yêu thương.

Thật đầy khích lệ khi nghĩ đến tình yêu của Chúa Giê-xu dành cho 12 môn đệ. Chắc hẳn họ đã nhiều lần làm lòng Ngài tan nát biết bao khi họ tranh cãi về việc ai là người lớn nhất, hoặc cố gắng tìm cách không cho dân chúng gặp Thầy của mình. Mỗi người trong số họ khác hẳn những người kia, và tình yêu của Đấng Christ đủ bao la để quan tâm đến từng người cách cá nhân và đầy thông hiểu. Ngài kiên nhẫn với sự hấp tấp bốc đồng của Phi-e-rơ, sự vô tín của Tho-ma, và kể cả sự bội phản của Giu-đa. Khi Chúa Giê-xu phán dạy các môn đệ phải yêu thương nhau, Ngài chỉ đang bảo họ làm theo như Ngài đã làm.

Xin cũng hãy xem xét tình yêu của Chúa chúng ta dành cho tất cả mọi hạng người. Những kẻ thu thuế và những người có tội được thu hút bởi tình yêu của Ngài (Lu 15:1), và thậm chí kẻ thấp hèn nhất trong những kẻ thấp hèn đã khóc dưới chân Ngài (Lu 7:35-39). Thầy dạy luật Ni-cô-đem đang khao khát đã có thể gặp gỡ Ngài cách riêng tư vào ban đêm (Gi 3:1-21), và 4.000 người trong vòng “những người bình dân” đã có thể lắng nghe Ngài giảng dạy suốt ba ngày (Mac 8:1-9) và rồi nhận được một bữa ăn lạ lùng nơi Ngài. Ngài bồng ẵm các trẻ thơ trong vòng tay mình. Ngài phán về các con trẻ đang chơi giỡn. Ngài cũng đã yên ủi những người nữ than khóc khi quân lính đưa Ngài lên đồi Gô-gô-tha.

Có lẽ điều vĩ đại nhất về tình yêu của Chúa Giê-xu là cách thức tình yêu đó chạm đến cả đời sống của những kẻ thù nghịch Ngài. Ngài đầy lòng thương xót hướng nhìn những nhà lãnh đạo tôn giáo là những người bởi sự mù loà thuộc linh đã lên án Ngài liên hiệp với Sa-tan (Mat 12:24). Khi đám đông kéo đến bắt giữ Ngài, Ngài đã có thể sai các đạo thiên sứ bảo vệ, nhưng Ngài lại nhường bước những kẻ thù nghịch mình. Và rồi Ngài đã chết thay cho họ – cho những kẻ thù nghịch mình! “Chẳng có sự yêu thương nào lớn hơn là vì bạn hữu mà phó sự sống mình” (Gi 15:13). Nhưng Ngài không chỉ chết cho bạn hữu mình, nhưng Ngài cũng đã chết cho những kẻ thù của mình! Và khi họ đóng đinh Ngài, Ngài đã cầu nguyện cho họ: “Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì.”

Trong đời sống của Ngài, trong những sự dạy dỗ của Ngài, và trong sự chết của Ngài, Chúa Giê-xu là Gương mẫu trọn vẹn của điều răn mới này, “Hãy yêu thương nhau.” Và đây là điều giúp làm cho điều răn này “mới mẻ.” Trong Đấng Christ chúng ta có một minh họa mới về chân lý lâu đời: Đức Chúa Trời là tình yêu thương và đời sống yêu thương là đời sống đầy vui mừng và đắc thắng.

Những gì đã đúng trong Đấng Christ cần phải đúng trong mỗi tín đồ, “Nhu Chúa thể nào, chúng ta cũng thể ấy trong thế gian này” (IGi 4:17). Một tín đồ cần phải sống một đời sống Cơ Đốc nhân đầy yêu thương “vì sự tối tăm đã tan rồi, và sự sáng thật đã soi sáng” (2:8). Điều này nhắc nhở chúng ta về sự nhấn mạnh (chương 1) vào việc bước đi trong sự sáng. Hai cách sống trái ngược nhau: những người đi trong sự sáng thể hiện tình yêu thương những kẻ đi trong sự tối tăm thể hiện lòng ghen ghét hận thù. Thánh Kinh nhấn mạnh lẽ thật này nhiều lần.

“Sự tối tăm đang tan đi (bản dịch mới),” nhưng sự sáng chưa soi sáng trọn vẹn khắp thế gian, nó cũng chưa chiếu rọi vào mọi lãnh vực trong đời sống ngay cả của một tín đồ nữa.

Khi Đấng Christ được sinh ra, “Mặt trời mọc lên từ nơi cao” thăm viếng thế gian (Lu 1:78). Sự ra đời của Chúa Giê-xu là sự khởi đầu của một thời đại mới cho nhân loại! Khi Ngài sống trước mặt con người, dạy dỗ họ, và giúp đỡ họ, Ngài truyền bá ánh sáng của sự sống và tình

yêu thương. “Dân ngồi chỗ tối tăm đã thấy ánh sáng lớn và trên những kẻ ngồi trong miền và dưới bóng sự chết, thì sự sáng đã mọc lên” (Mat 4:16).

Nhưng có một sự xung đột trong thế gian này giữa các thế lực của sự sáng và các thế lực của sự tối tăm. “Sự sáng đang soi trong tối tăm, và sự tối tăm không thể dập tắt được sự sáng” (Gi 1:5, dịch sát nghĩa). Sa-tan là vua của sự tối tăm, và nó nói rộng vương quốc xấu xa của nó bằng phương tiện của những sự dối trá và hận thù. Đấng Christ là Mặt Trời Công Bình (Ma 4:2), và Ngài mở rộng vương quốc của Ngài bằng phương tiện của lẽ thật và tình yêu thương.

Ngày nay vương quốc của Đấng Christ và nước của Sa-tan xung đột nhau, nhưng “con đường người công bình giống như sự sáng chiếu rạng, càng sáng thêm lên cho đến giữa trưa” (Ch 4:18). Sự tối tăm đang dần dần tan đi, và Sự Sáng Thật đang chiếu rạng ngày một sáng hơn trong lòng chúng ta.

Chúa Giê-xu Christ là tiêu chuẩn của tình yêu thương đối với Cơ Đốc nhân. Ngài phán, “Ta ban cho các ngươi một điều răn mới, nghĩa là các ngươi phải yêu nhau như ta đã yêu các ngươi thể nào, thì các ngươi cũng hãy yêu nhau thể ấy” (Gi 13:34). Và Ngài nhắc lại: “Điều răn của ta đây này: Các ngươi hãy yêu nhau, cũng như ta đã yêu các ngươi” (15:12). Chúng ta không được đo lường tình yêu Cơ Đốc của mình dựa trên tình yêu của một Cơ Đốc nhân nào khác (và chúng ta thường dựa vào một người có đời sống còn nhiều sai sót hơn là có đời sống gương mẫu!) nhưng phải dựa vào tình yêu của Chúa Giê-xu Christ, Chúa chúng ta. Điều răn cũ trở nên “mới” đối với chúng ta khi chúng ta thấy nó được làm trọn trong Đấng Christ.

Vì thế điều răn “Hãy yêu thương nhau” mới trong sự nhấn mạnh và mới trong gương mẫu. Nó cũng mới trong một cách thức thứ ba:

3. *Nó mới trong kinh nghiệm* (IGi 2:9-11)

Khúc Kinh Thánh của chúng ta tiếp tục hình ảnh minh họa về sự sáng và sự tối tăm. Nếu một Cơ Đốc nhân bước đi trong sự sáng và ở trong mối tương giao với Đức Chúa Trời, người ấy cũng sẽ ở trong mối thông công với những người khác trong gia đình của Đức Chúa Trời. Sự yêu thương và sự sáng đi chung với nhau, y như sự ghen ghét và sự tối tăm đi chung với nhau.

Thật dễ dàng nói về tình yêu thương Cơ Đốc, nhưng thực hành nó thì khó hơn nhiều. Về một mặt, tình yêu như thế không chỉ là lời nói suông (c.9). Đối với một Cơ Đốc nhân khi nói (hay hát!) rằng mình yêu thương anh em, trong khi người ấy thực sự ghen ghét một tín đồ khác, thì là người ấy đã nói dối. Nói cách khác (và đây là một lẽ thật cảnh tỉnh chúng ta), không thể nào ở trong mối tương giao với Cha mà cùng một lúc lại không có mối thông công với một tín đồ khác.

Đây là một lý do vì sao Đức Chúa Trời thiết lập Hội Thánh địa phương, nơi tạo nên mối thông công của các tín đồ. “Bạn không thể nào là một Cơ Đốc nhân đơn độc” – một người không thể nào sống một đời sống Cơ Đốc trọn vẹn và lớn lên trừ khi người ấy có mối thông công với con cái Đức Chúa Trời. Đời sống Cơ Đốc có hai mối quan hệ: chiều dọc (với Đức Chúa Trời) và chiều ngang (với con người). Và những gì Đức Chúa Trời đã kết hợp, loài người không được phân rẽ! Và cả hai mối quan hệ này đều phải là mối quan hệ của tình yêu thương, quan hệ chiều dọc hướng đến quan hệ chiều ngang và ngược lại.

Chúa Giê-xu đề cập đến vấn đề này trong Bài Giảng Trên Núi (Mat 5:21-26). Của lễ một người thờ phượng Chúa dâng trên bàn thờ chẳng có giá trị gì nếu người ấy chưa giải quyết việc tranh cãi với anh em mình. Hãy để ý là Chúa Giê-xu không nói rằng người đến thờ phượng có điều gì nghịch cùng anh em mình, mà là anh em của người ấy có điều gì nghịch

cùng người. Nhưng ngay cả khi chúng ta bị xúc phạm, chúng ta không nên chờ đợi người đã xúc phạm mình đến với mình trước chúng ta nên đến với người ấy. Nếu chúng ta không làm như vậy, Chúa Giê-xu cảnh cáo rằng đến cuối cùng chúng ta sẽ phải đối diện sự phán xét thuộc linh nơi chúng ta sẽ phải trả đồng bạc cuối cùng (Mat 18:21-35). Nói cách khác, khi chúng ta nuôi dưỡng một tinh thần không yêu thương, không tha thứ, chúng ta làm hại chính bản thân mình nhiều nhất.

Sự trái ngược giữa việc “nói” và “làm” là điều chúng ta đã gặp trước đây (IGi 1:6,8,10 2:4,6). Thật dễ dàng thực hành một Cơ Đốc Giáo của “lời nói suông” – hát những bài hát đúng, sử dụng những từ vựng đúng, cầu nguyện những lời cầu xin đúng – và, qua tất cả những việc này, tự lừa dối mình với ý nghĩ mình là người thuộc linh. Sự sai trật này cũng liên quan với điều Chúa Giê-xu đã dạy dỗ trong Bài Giảng Trên Núi (Mat 5:33-37). Những gì chúng ta nói ra cần phải là sự bày tỏ chân thật của con người chúng ta. Chúng ta không nên cần những từ ngữ phụ thêm vào (“những lời thề thốt”) để hỗ trợ cho điều mình nói. Chữ “Có” của chúng ta cần phải hàm ý là “Có” và chữ “Không” của chúng ta cần có nghĩa là “Không”. Vì vậy, nếu chúng ta nói mình ở trong sự sáng, chúng ta sẽ chứng minh điều đó bằng cách yêu thương anh em. Nhiều Cơ Đốc nhân đang rất cần được chấp nhận, yêu thương, và khích lệ.

Trái với ý kiến thông thường, tình yêu Cơ Đốc không “mù quáng”. Khi chúng ta thể hiện tình yêu Cơ Đốc chân thật, chúng ta thấy đời sống ngày càng tươi sáng hơn. Hận thù là điều làm cuộc sống u tối đi! Khi tình yêu Cơ Đốc chân thật từ lòng chúng ta tuôn chảy ra, chúng ta sẽ có sự am hiểu và nhận thức sâu xa hơn trong những điều thuộc linh. Đây là lý do vì sao Phao-lô cầu xin cho lòng thương yêu của chúng ta có thể gia tăng trong sự thông biết và sự nhận thức, “để anh chị em có thể nhận biết điều gì là tốt đẹp nhất (có bản dịch là ‘nhận ra những điều khác biệt nhau’) Phi 1:9,10. Một Cơ Đốc nhân yêu thương anh em mình là một Cơ Đốc nhân nhìn thấy mọi sự cách rõ ràng hơn.

Không sách nào trong Thánh Kinh minh họa sức mạnh mù quáng của lòng ghen ghét như Sách Ê-xơ-tê. Những sự kiện kỹ thuật ở đây diễn ra tại Ba Tư, nơi nhiều người Do Thái đang sinh sống sau khi bị bắt làm phu tù. Ha-man, một trong những cận thần của nhà vua, có mối căm thù sục sôi đối với người Do Thái. Cách duy nhất ông có thể thỏa mãn lòng hận thù này là nhìn thấy cả dân tộc của họ bị huỷ diệt. Ông lao vào một âm mưu độc ác, hoàn toàn mù loà trước sự kiện là dân Do Thái sẽ đắc thắng và chính mình ông sẽ bị tiêu diệt.

Lòng hận thù ghen ghét cũng đang làm mù lòng nhiều người ngày nay.

Tình yêu Cơ Đốc không phải là một tình cảm cạn cợt, một cảm xúc thoáng qua mà chúng ta có lẽ kinh nghiệm được trong một buổi nhóm nhà thờ. Tình yêu Cơ Đốc là một điều thực tế nó ứng dụng trong những vấn đề hàng ngày của cuộc sống. Chỉ hãy xem xét các câu “lẫn nhau” trong Tân Ước và bạn sẽ thấy việc yêu thương nhau thực tế như thế nào. Đây chỉ là một vài ví dụ (có trên 20 câu như vậy):

Hãy rửa chân cho nhau (Gi 13:14).

Hãy lấy lễ kính nhường nhau (Ro 12:10).

Hãy ở cho hiệp ý nhau (12:16).

Chớ xét đoán nhau (14:13).

Hãy tiếp lấy nhau (15:7).

Hãy khuyến bảo nhau (15:14).

Hãy gây dựng nhau (ITe 5:11).

Hãy mang lấy gánh nặng cho nhau (Ga 6:2).

Hãy xưng tội cùng nhau (Gia 5:16).

Hãy tiếp đãi nhau (IPhi 4:9).

Tóm lại, yêu thương những Cơ Đốc nhân khác nghĩa là đối xử với họ theo cách Đức Chúa Trời đối xử với họ – và theo cách Đức Chúa Trời đối xử với chúng ta. Tình yêu thương Cơ Đốc không tự bày tỏ trong hành động và trong thái độ (ICo 13:4-7) là giả tạo.

Điều gì xảy ra cho một tín đồ không thương yêu anh em mình? Chúng ta đã nhìn thấy kết quả đau buồn đầu tiên: người ấy sống trong sự tối tăm, mặc dầu người ấy có thể nghĩ là mình đang sống trong sự sáng (IGi 2:9). Người ấy nghĩ là mình nhìn thấy, nhưng lại thực sự bị bóng tối tăm của lòng ghen ghét làm mù mắt. Đây là loại người gây ra phiền phức trong những nhóm Cơ Đốc nhân. Người ấy nghĩ mình là một “người không lờ thuộc linh,” với sự hiểu biết sâu rộng, trong khi thực ra chỉ là một con trẻ với rất ít nhận thức thuộc linh. Người ấy có thể trung tín đọc Kinh Thánh và nhiệt thành cầu nguyện, nhưng nếu người ấy có sự ghen ghét trong lòng thì người ấy đang sống giả dối mà thôi.

Kết quả đau buồn thứ hai là một tín đồ như thế trở thành nguyên nhân của sự vấp ngã (c.10). Thật đủ tội tệ khi một tín đồ không yêu thương làm tổn thương chính mình (c.9) nhưng khi người ấy bắt đầu làm tổn thương những người khác thì tình huống trở nên nghiêm trọng hơn nhiều. Thật trầm trọng khi bước đi trong sự tối tăm. Thật nguy hiểm khi bước đi trong sự tối tăm mà những tảng đá vấp ngã lại đang chắn lối! Một người anh em không yêu thương làm chính mình vấp ngã, và ngoài ra người ấy còn gây cho những người khác vấp ngã nữa.

Một đêm nọ một người đàn ông đang đi trên một con phố tối đen nhìn thấy một điểm sáng đang loạng choạng tiến về phía mình. Ông ta cho rằng có lẽ người cầm đèn bị bệnh hoặc say nhưng khi đến gần hơn ông có thể nhìn thấy một người đàn ông với chiếc đèn pin đang cầm một cây gậy trắng.

“Tại sao một người mù lại cầm đèn theo?” người này thắc mắc, và rồi ông quyết định hỏi.

Người mù mỉm cười. “Tôi cầm đèn theo, không phải để tôi có thể nhìn thấy, mà là để những người khác có thể nhìn thấy tôi. Tôi không thể thoát khỏi cảnh mù loà,” người ấy nói, “nhưng tôi có thể trở thành một hòn đá vấp chân cho người khác.”

Cách tốt nhất để giúp các Cơ Đốc nhân khác khỏi vấp ngã là yêu thương họ. Tình yêu thương khiến chúng ta thành những hòn đá cho người khác bước lên lòng căm ghét (hay bất cứ “người họ hàng nào của nó,” chẳng hạn như lòng ghen tỵ hay sự hung ác) khiến chúng ta thành những hòn đá vấp ngã. Điều quan trọng là Cơ Đốc nhân phải thực hành tình yêu thương tại một Hội Thánh địa phương, nếu không sẽ luôn có vấn đề xảy ra và mất sự hiệp một. Khi chúng ta đang vấp ngã trên nhau, thay vì nâng đỡ nhau lên cao hơn, chúng ta sẽ không bao giờ trở thành một gia đình thuộc linh thật sự hạnh phúc được.

Chẳng hạn như hãy áp dụng điều này vào vấn đề tế nhị của “những điều có vấn đề” (Ro 14:15). Vì Cơ Đốc nhân xuất thân từ những bối cảnh gia đình khác nhau, họ không phải lúc nào cũng đồng ý nhau. Vào thời của Phao-lô, họ bất đồng về những vấn đề như việc kiêng cử ăn và những ngày thánh. Một nhóm cho rằng việc ăn thịt dâng cho thần tượng là không thuộc linh. Một nhóm khác muốn giữ ngày Sa-bát nghiêm ngặt. Có nhiều khía cạnh đối với vấn đề này, nhưng nền tảng của cách giải quyết là: “Hãy yêu thương nhau!” Phao-lô dạy thế này: “Vì vậy, chúng ta chớ xét đoán nhau nữa nhưng tha nhất định đừng để hòn đá vấp chân trước mặt

anh em mình, và đừng làm dịp cho người sa ngã. . . Và, nếu vì một thức ăn, người làm cho anh em mình lo buồn, thì người chẳng còn cư xử theo đức yêu thương nữa” (Ro 14:13,15).

Một kết quả đau buồn thứ ba của lòng ghen ghét là nó làm trì trệ sự tiến triển thuộc linh của một tín đồ (IGi 2:11). Một người mù – tức một người đang bước đi trong sự tối tăm – không bao giờ có thể tìm ra được đường lối của mình! Bầu không khí duy nhất dẫn đến sự tăng trưởng thuộc linh là bầu không khí của sự sáng tâm linh – của tình yêu thương. Giống như hoa và quả cần ánh nắng mặt trời, cũng vậy con cái Đức Chúa Trời cần tình yêu thương nếu họ muốn tăng trưởng.

Điều răn “Hãy yêu thương nhau,” trở nên mới mẻ đối với chúng ta trong kinh nghiệm hàng ngày của riêng chúng ta. Đối với chúng ta nếu chỉ nhận biết rằng nó mới trong sự nhấn mạnh và nói “Đúng thế, tình yêu thương thật quan trọng!” thì không đủ. Cũng không đủ nếu chúng ta chỉ nhìn thấy tình yêu của Đức Chúa Trời được minh họa bởi Chúa Giê-xu Christ. Chúng ta phải biết tình yêu này trong kinh-nghiệm của chính mình. Điều răn cũ “Hãy yêu thương nhau” trở nên một điều răn mới khi chúng ta thực hành tình yêu của Đức Chúa Trời trong đời sống hàng ngày.

Đến đây, chúng ta đã nhìn thấy mặt tiêu-cực của những câu 9-11 bây giờ chúng ta hãy nhìn vào mặt tích cực. Nếu chúng ta thực hành tình yêu thương Cơ Đốc, những kết quả tuyệt vời sẽ là gì?

Trước hết, chúng ta sẽ không vấp ngã hoặc trở thành hòn đá vấp chân cho người khác.

Thứ nhì, chúng ta sẽ trưởng thành thuộc linh và sẽ trở nên ngày càng giống Đấng Christ hơn.

Tại điểm này, chúng ta cần phải suy nghĩ về sự trái ngược giữa “những việc làm xấu xa của xác thịt” (Ga 5:19-21) và bông trái đẹp đẽ của Thánh Linh – “Tình yêu thương, sự vui mừng, bình an, nhịn nhục, nhân từ, hiền lành, trung tín, mềm mại, và tiết độ!” (Ga 5:22,23).

Khi chúng ta đang bước đi trong sự sáng, “hạt giống của Lời Chúa” (Lu 8:11) có thể đâm rễ và sinh trái. Và bông trái đầu tiên Đức Thánh Linh sinh ra là tình yêu thương!

Nhưng tình yêu thương không ở một mình. Tình yêu thương sinh ra sự vui mừng! Lòng ghen ghét khiến một người đau khổ, nhưng tình yêu thương luôn mang đến cho người ấy sự vui mừng.

Một cặp vợ chồng tín đồ đến gặp một mục sư vì cuộc hôn nhân của họ đang bắt đầu sụp đổ. “Cả hai chúng tôi đều đã được cứu,” người chồng chán nản nói, “nhưng chúng tôi thật sự không hạnh phúc với nhau. Trong gia đình chúng tôi không có niềm vui.” Khi vị mục sư nói chuyện với họ và họ cùng nhau xem xét điều Kinh Thánh phán dạy, một sự thực trở nên rõ ràng: cả người chồng lẫn người vợ đều đang nuôi dưỡng lòng hận thù. Người nào cũng nhớ đến nhiều điều nhỏ nhặt phiền lòng mà người kia đã gây ra!

“Nếu hai anh chị thật sự yêu thương nhau,” vị mục sư nói “anh chị sẽ không để cho những sự thương tổn chồng chất trong lòng mình. Những sự căm ghét day dứt trong lòng anh chị như những vết thương nhiễm trùng, và làm huỷ hoại toàn thân.”

Rồi ông đọc, “(Tình yêu thương) không nghi ngờ sự dữ (không ghi nhớ điều ác)” (ICo 13:5). Ông giải thích, “Điều này có nghĩa là tình yêu thương không bao giờ ghi nhớ những việc làm của người khác gây tổn thương cho chúng ta. Khi chúng ta thật sự yêu thương một người nào đó, tình yêu thương của chúng ta che đậy tội lỗi của họ và giúp rịt lành những vết thương họ đã gây ra.” Rồi ông đọc tiếp, “Nhút là trong vòng anh em phải có lòng yêu thương sót sáng vì sự yêu thương che đậy vô số tội lỗi” (IPhi 4:8).

Trước khi cặp vợ chồng này ra về, vị mục sư khuyên họ: “Thay vì ghi nhớ những điều đã gây tổn thương, hãy bắt đầu nhớ những việc làm vui lòng nhau. Một tinh thần không tha thứ luôn tạo ra độc tố, nhưng một tinh thần yêu thương nhìn thấy và nhớ những điều tích cực luôn đem lại sự khoẻ mạnh.”

Một Cơ Đốc nhân bước đi trong tình yêu thương luôn từng trải một sự vui mừng mới mẻ nào đó vì “trái của Thánh Linh” là tình yêu thương và sự vui mừng. Và khi chúng ta sống trong “tình yêu thương” và “sự vui mừng”, chúng ta sẽ có “sự bình an” – và sự bình an giúp đem lại “sự nhịn nhục.” Nói cách khác, việc bước đi trong sự sáng, bước đi trong tình yêu thương, là bí quyết của sự trưởng thành Cơ Đốc, là điều hầu như luôn bắt đầu với tình yêu thương.

Bây giờ, tất cả chúng ta phải thừa nhận rằng mình không thể có được tình yêu thương Cơ Đốc dựa vào năng lực riêng của chúng ta. Theo bản tính tự nhiên, chúng ta ích kỷ và hay ghen ghét. Chỉ khi Thánh Linh Đức Chúa Trời tuôn đổ tình yêu thương trong lòng thì chúng ta mới có thể yêu thương nhau. “Sự yêu thương của Đức Chúa Trời rải khắp trong lòng chúng ta bởi Đức Thánh Linh đã được ban cho chúng ta” (Ro 5:5). Thánh Linh của Đức Chúa Trời làm cho điều răn “Hãy yêu thương nhau” trở thành một kinh nghiệm hàng ngày mới mẻ và đầy thú vị. Nếu chúng ta bước đi trong sự sáng, Thánh Linh của Đức Chúa Trời sinh ra tình yêu thương. Nếu chúng ta bước đi trong sự tối tăm, tinh thần vị kỷ của chính chúng ta tạo nên lòng ghen ghét hận thù.

Sự sống Cơ Đốc – sự sống thực – là một sự hoà lẫn tốt đẹp của “điều răn cũ” và “điều răn mới”. Đức Thánh Linh lấy đi “những điều cũ” và khiến chúng trở thành “những điều mới” trong kinh nghiệm của chúng ta. Khi bạn dừng lại suy nghĩ về điều này, Đức Thánh Linh không bao giờ “già” đi! Ngài luôn luôn “trẻ trung”! Và Ngài là Đấng duy nhất – vốn đã có mặt trên đất cách đây nhiều thế kỷ khi Chúa Giê-xu đã từng sống, dạy dỗ, chết đi, và sống lại – hiện nay vẫn đang có mặt trên đất này. Ngài là Đấng duy nhất có thể lấy “lẽ thật cũ” và biến nó nên tươi mới trong kinh nghiệm hàng ngày của chúng ta vào thời điểm hiện tại này.

Có những lẽ thật thú vị khác trong phần còn lại của thư Giăng, nhưng nếu chúng ta không thể vâng lời trong vấn đề tình yêu thương này, phần còn lại của bức thư có thể trở nên “tối tăm” đối với chúng ta. Có lẽ điều tốt nhất chúng ta có thể làm, ngay bây giờ, là tra xét lòng mình xem chúng ta có cất giữ điều gì nghịch cùng một anh em nào, hay có anh em nào có điều gì nghịch cùng chúng ta chẳng. Sự sống thực là một sự sống chân thật – và đó là một sự sống của việc làm, chứ không chỉ của lời nói. Đó là một sự sống của tình yêu thương tích cực trong Đấng Christ. Điều này có nghĩa là sự tha thứ, lòng khoan nhân, nhẫn nại. Nhưng nó cũng có nghĩa là sự vui mừng cùng sự bình an và đắc thắng.

Sự sống yêu thương là sự sống duy nhất, vì nó là sự sống thực!

4. SỰ YÊU MẾN MÀ ĐỨC CHÚA TRỜI GHÉT (1Gi 2:12-17)

Một nhóm học trò lớp một vừa đi xong một vòng thăm một bệnh viện, và người y tá hướng dẫn đang chờ xem các em có hỏi gì không. Lập tức, một bàn tay giơ lên.

“Tại sao những người làm việc ở đây cứ rửa tay hoài vậy cô?” một em hỏi.

Sau khi tiếng cười bớt đi, cô y tá khôn ngoan trả lời:

“Họ ‘rửa tay hoài’ vì hai lý do. Trước hết, họ yêu sức khoẻ và thứ hai, họ ghét vi-trùng.”

Trong nhiều lãnh vực của đời sống, yêu và ghét đi đôi với nhau. Một người chồng yêu thương vợ mình chắc chắn sẽ tỏ bày sự căm ghét đối với những gì làm hại nàng. “Hỡi những

kẻ yêu mến Đức Giê-hô-va, hãy ghét sự ác” (Thi 97:10). “Lòng yêu thương phải cho thành thật. Hãy gớm sự dữ mà mến sự lành” (Ro 12:9).

Thư tín Giăng nhắc nhở chúng ta thực hành tình yêu thương (IGi 2:7-11) – loại tình yêu thương đúng đắn. Giờ đây nó báo cho chúng ta biết rằng có một loại tình yêu sai trật, một lòng yêu mến mà Đức Chúa Trời ghét. Đây là lòng yêu mến đối với điều mà Thánh Kinh gọi là “thế gian.”

Có bốn lý do vì sao Cơ Đốc nhân không nên yêu “thế gian.”

1. *Vì bản chất của thế gian*

Từ thế gian trong Tân Ước có ít nhất ba nghĩa khác nhau. Đôi khi nó có nghĩa là thế giới vật chất, là trái đất: “Đức Chúa Trời đã dựng nên thế giới và mọi vật trong đó” (Cong 17:24). Nó cũng có nghĩa là thế giới con người, là nhân loại: “Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian” (Gi 3:16). Đôi lúc hai ý nghĩa này cùng xuất hiện: “Ngài (Chúa Giê-xu) ở thế gian, và thế gian (trái đất) đã làm nên bởi Ngài, nhưng thế gian (nhân loại) chẳng từng nhìn biết Ngài” (Gi 1:10).

Nhưng lời cảnh cáo “Chớ yêu thế gian!” không phải nói về thế giới thiên nhiên hay thế giới con người. Cơ Đốc nhân nên chiêm ngắm vẻ đẹp và sự hữu ích của trái đất mà Đức Chúa Trời đã dựng nên, vì “Ngài ban mọi vật dư dật cho chúng ta được hưởng” (ITi 6:17). Và chắc chắn họ nên yêu thương người khác – không chỉ bạn hữu, mà cả kẻ thù nữa.

“Thế gian” này, được mệnh danh ở đây như là kẻ thù chúng ta, là một hệ thống tâm linh vô hình chống nghịch lại Đức Chúa Trời và Đấng Christ.

Chúng ta dùng từ thế gian trong ý nghĩa của hệ thống trong mẫu đối thoại hàng ngày của mình. Xướng ngôn viên đài truyền hình nói, “Chúng tôi đưa đến các bạn tin tức từ thế giới thể thao.” “Thế giới thể thao” không phải là một hành tinh hay một lục địa riêng biệt. Nó là một hệ thống có tổ chức, được hình thành bởi một loạt tư tưởng, một nhóm người, hoạt động, mục đích, v.v. Và “thế giới tài chánh” và “thế giới chính trị” là những hệ thống riêng cũng tương tự như vậy. Đằng sau những gì chúng ta nhìn thấy, trong thể thao hay tài chánh, là một hệ thống vô hình mà chúng ta không thể nhìn thấy được chính hệ thống này “điều động mọi thứ.”

“Thế gian” trong Kinh Thánh, là một hệ thống của Sa-tan để chống trả lại công việc của Đấng Christ trên đất này. Đó chính là sự trái ngược của những gì tin kính (IGi 2:16), thánh khiết và thuộc linh. “Chúng ta biết mình thuộc về Đức Chúa Trời, còn cả thế gian đều phục dưới quyền của ma quỷ” (5:19). Chúa Giê-xu gọi Sa-tan là “vua chúa của thế gian này” (Gi 12:31). Ma quỷ có một tổ chức gồm các thần dữ (Eph 6:11,12) cùng làm việc với nó và ảnh hưởng những công việc của “thế gian này”.

Y như Đức Thánh Linh dùng con người để hoàn thành ý chỉ của Đức Chúa Trời trên đất, Sa-tan cũng dùng con người để làm trọn các mục đích gian ác của nó. Những người chưa được cứu, dù họ có nhận biết hay không, đều được thêm năng lực bởi “vua cầm quyền chốn không trung, tức là thần hiện đang hành động giữa các con bạn nghịch” (Eph 2:1,2).

Những người chưa được cứu thuộc về “thế gian này.” Chúa Giê-xu gọi họ là “con cái của đời này” (Lu 16:8). Khi Chúa Giê-xu còn ở tại thế, những kẻ thuộc “thế gian này” đã không hiểu Ngài, hiện nay họ cũng không hiểu những người tin cậy nơi Ngài như chúng ta (IGi 3:1). Một Cơ Đốc nhân là một thành viên trong thế giới con người, và người ấy sống trong thế giới vật chất, nhưng người ấy không thuộc về thế giới thần linh vốn là hệ thống của Sa-tan nhằm chống nghịch lại Đức Chúa Trời. “Nếu các ngươi thuộc về thế gian (hệ thống của Sa-tan), thì

người đời (thế gian) sẽ yêu kẻ thuộc về mình nhưng vì các người không thuộc về thế gian, nhưng ta đã lựa chọn các người giữa thế gian, bởi có đó người đời ghét các người” (Gi 15:19).

Vậy nên, “thế gian” không phải là chỗ ở tất nhiên dành cho một tín đồ. Quyền công dân của người tín đồ là ở thiên đàng (Phi 3:20), và mọi nguồn cung ứng hữu hiệu cho sự sống trên đất đều đến từ Cha trên trời.

Người tín đồ phần nào giống như một người thợ lặn có bình khí nén. Nước không phải là chỗ ở tự nhiên của con người, vì con người không được trang bị để sống trong (hoặc dưới) nước. Khi một người thợ lặn xuống, người ấy phải mang theo bên mình những thiết bị đặc biệt để có thể thở được.

Nếu không bởi sự sống của Đức Thánh Linh trong chúng ta, và những nguồn cung ứng thuộc linh chúng ta có trong sự cầu nguyện, mối thông công Cơ Đốc, và Lời Chúa, chúng ta không bao giờ có thể “sống động” ở trên đất này được. Chúng ta than phiền về sự ô nhiễm của bầu khí quyền của trái đất – bầu khí quyền của “thế gian” cũng thật ô nhiễm, về mặt tâm linh, đến độ Cơ Đốc nhân không thể thở cách bình thường được!

Nhưng có một lý do thứ hai – và nghiêm trọng hơn – vì sao Cơ Đốc nhân không được yêu mến thế gian –

2. Vì những điều thế gian làm cho chúng ta

“Nếu ai yêu thế gian, thì sự kính mến Đức Chúa Cha chẳng ở trong người ấy” (IGi 2:15).

Tinh thần thế gian là một vấn đề của thái độ nhiều hơn là của hoạt động. Một Cơ Đốc nhân tránh xa những cách giải trí đáng nghi ngờ và những nơi không chính đáng nhưng vẫn yêu thế gian, vì tinh thần thế gian là một vấn đề của tâm lòng. Khi một Cơ Đốc nhân đã tiến đến mức yêu mến hệ thống thế gian và những điều thuộc thế gian, thì người ấy không yêu mến Cha trên trời.

Tinh thần thế gian không chỉ ảnh hưởng sự đáp ứng của bạn đối với tình yêu của Đức Chúa Trời nó cũng ảnh hưởng sự đáp ứng của bạn trước ý muốn của Đức Chúa Trời. “Thế gian qua đi . . . nhưng ai làm theo ý muốn Đức Chúa Trời thì còn lại đời đời” (2:17).

Việc làm theo ý muốn Đức Chúa Trời là một niềm vui cho những ai sống trong tình yêu thương của Đức Chúa Trời. “Nếu các người yêu mến Ta, hãy giữ các điều răn Ta.” Nhưng khi một tín đồ mất đi sự vui thích trong tình yêu của Đức Chúa Cha, người ấy thấy khó mà vâng theo ý muốn của Cha được.

Khi bạn đặt hai yếu tố này chung nhau, bạn có một định nghĩa thực tiễn của tinh thần thế gian: bất cứ điều gì trong đời sống một Cơ Đốc nhân khiến cho người ấy mất đi sự vui thích trong tình yêu của Cha thiên thượng hoặc sự ước ao làm theo ý muốn của Ngài thì đều có tính cách thế gian và phải được tránh xa. Việc đáp ứng lại tình yêu của Cha (đời sống cầu nguyện riêng tư của bạn), và việc làm theo ý muốn của Cha (cách cư xử hàng ngày của bạn) – những điều này là hai sự thử nghiệm về tinh thần thế gian.

Nhiều điều trong thế gian này rõ ràng là sai trật và Lời Đức Chúa Trời nhận diện chúng là tội lỗi. Ăn trộm hay nói dối là sai trật (Eph 4:25,28). Những tội lỗi về tình dục là sai trật (Eph 5:1-3). Về những điều này và nhiều hành động khác, Cơ Đốc nhân có thể ít tranh luận hoặc không cần tranh luận chi cả. Nhưng có những khía cạnh về đạo đức Cơ Đốc không rõ rệt lắm và ngay đến những Cơ Đốc nhân tốt nhất cũng bất đồng về chúng. Trong những trường hợp như thế, mỗi tín đồ phải áp dụng sự thử nghiệm này vào đời sống riêng mình và tuyệt đối thành thật trong sự tự xét mình, nhớ rằng ngay cả một điều tốt cũng có thể cướp đi khỏi một

tín đồ sự vui thích trong tình yêu của Đức Chúa Trời và lòng ước ao làm theo ý muốn Đức Chúa Trời của người ấy.

Một sinh viên năm cuối tại một trường cao đẳng Cơ Đốc nổi tiếng về thứ hạng xuất sắc và sự hầu việc Chúa rất kết quả của mình. Mỗi cuối tuần anh đi ra rao giảng và Đức Chúa Trời dùng anh chinh phục linh hồn tội nhân và thách thức các Cơ Đốc nhân.

Rồi một chuyện đã xảy ra: lời chứng của anh không còn hiệu nghiệm nữa, thứ hạng của anh bắt đầu tụt xuống, và cả nhân cách của anh cũng dường như thay đổi. Vị hiệu trưởng gọi anh đến.

“Có sự thay đổi trong đời sống và việc làm của anh,” vị hiệu trưởng nói, “và tôi mong anh sẽ cho tôi biết điều gì đã xảy ra.”

Sinh viên này lảng tránh một lúc, nhưng rồi anh kể câu chuyện sau. Anh đã đính hôn với một thiếu nữ trong Chúa xinh xắn và đang dự định kết hôn sau khi tốt nghiệp. Anh đã được kêu gọi đến một Hội Thánh lớn và đang lo lắng việc đưa cô dâu mới của mình về ngôi nhà của Hội Thánh và khởi đầu chức vụ mục sư.

“Tôi thật hứng thú về điều đó, thậm chí tôi đã tiến đến chỗ tôi không mong muốn Chúa trở lại!” anh thú nhận. “Và rồi năng quyền đã ra khỏi đời sống tôi.”

Những dự tính của anh – dù thật tốt đẹp – đã xen vào giữa anh và Đức Chúa Cha. Anh mất đi sự vui thích trong tình yêu của Đức Chúa Trời. Anh đầy tinh thần thế gian!

Giăng vạch ra rằng hệ thống thế gian sử dụng ba công cụ để giăng bẫy Cơ Đốc nhân: sự mê tham (ham muốn) của xác thịt, sự mê tham của mắt, và sự kiêu ngạo của đời (IGi 2:16). Những công cụ tương tự đã giăng bẫy Ê-va tại vườn Ê-đen ngày xưa: “Và khi người nữ nhìn thấy trái của cây đó bộ ăn ngon (sự mê tham của xác thịt), lại đẹp mắt (sự mê tham của mắt), và quý vì để mở trí khôn (sự kiêu ngạo của đời), bèn hái ăn” (Sa 3:6).

Sự mê tham của xác thịt gồm bất cứ điều gì lôi cuốn bản tính sa ngã của con người. “Xác thịt” không có nghĩa là “thân xác.” Đúng hơn, nó đề cập tới bản tính cơ bản của con người chưa được tái tạo khiến người ấy mù loà đối với lẽ thật thuộc linh (ICo 2:14). Xác thịt là bản tính chúng ta nhận lãnh khi được sinh ra khỏi lòng mẹ thần linh là bản tính chúng ta nhận lãnh khi được sinh ra lần thứ hai (Gi 3:5,6). Khi chúng ta tin cậy vào Đấng Christ, chúng ta trở nên “những kẻ dự phần trong bản tính thiên thượng” (IIPhi 1:4). Một Cơ Đốc nhân có cả bản tính cũ (xác thịt) lẫn bản tính mới (Thánh Linh) trong đời sống mình. Sự đối kháng giữa hai bản tính này là cả một trận chiến (Ga 5:17-23)!

Đức Chúa Trời đã ban cho con người những sự khát khao nào đó, và những sự khát khao này là tốt đẹp. Tình trạng đói, khát, mệt lã, và tình dục, tự chúng không có gì xấu cả. Không có gì sai trật trong việc ăn, uống, ngủ nghỉ, hay sinh con cái. Nhưng khi bản tính xác thịt điều khiển chúng, chúng trở thành “những sự mê tham” đầy tội lỗi. Đói không phải là xấu, nhưng sự ham mê ăn uống là tội lỗi. Khát không phải là xấu, nhưng sự say sưa là một tội lỗi. Giấc ngủ là một sự ban cho của Đức Chúa Trời, nhưng sự biếng nhác đáng hổ thẹn. Tình dục là một quà tặng quý báu của Đức Chúa Trời nếu sử dụng đúng đắn, nhưng khi sử dụng sai trật nó trở thành sự vô luân.

Giờ đây bạn có thể nhìn thấy thế gian hoạt động ra sao. Nó lôi cuốn những khát vọng bình thường và cám dỗ chúng ta thoả mãn chúng theo những cách thức bị nghiêm cấm. Trong thế giới ngày nay chúng ta bị vây lấy bởi đủ loại cám dỗ thu hút bản tính thấp kém trong chúng ta – và “xác thịt thì yếu đuối” (Mat 26:41). Nếu một Cơ Đốc nhân nhường bước nó, người ấy

sẽ bị dính dấp vào nhưng “việc làm của xác thịt.” (Ga 5:19-21 cho chúng ta bản liệt kê xấu xa này).

Quan trọng là một tín đồ cần phải nhớ những điều Đức Chúa Trời nói về bản tính cũ, xác thịt của mình. Mọi điều Đức Chúa Trời nói về xác thịt đều tiêu cực. Trong xác thịt không có điều chi tốt lành (Ro 7:18). Xác thịt chẳng ích gì (Gi 6:63). Một Cơ Đốc nhân không được trông cậy vào xác thịt (Phi 3:3). Người ấy không được chăm nom cho xác thịt (Ro 13:14). Một người sống cho xác thịt là đang sống một đời sống tiêu cực.

Công cụ thứ hai mà thế gian dùng để giăng bẫy Cơ Đốc nhân được gọi là “sự mê tham của mắt.” Đôi lúc chúng ta quên rằng mắt có thể có sự ham muốn! (Có phải bạn đã từng nói, “Hãy rửa mắt bằng cái này, cái kia” không?)

Sự mê tham của xác thịt thu hút những ham muốn thấp hơn của bản tính cũ, cám dỗ chúng ta làm cho chúng ta thích bằng những cách thức tội lỗi. Tuy nhiên, sự mê tham của mắt hoạt động theo một cách thức tinh tế hơn. Đây nói đến những thú vui làm cho mắt nhìn và tâm trí ưa thích – những thú vui có tính cách trí thức và sành điệu. Trở lại thời của Sứ đồ Giăng, những người Hy Lạp và La Mã sống nhằm hưởng thụ những thú giải trí và những hoạt động kích thích mắt nhìn. Các thời đại đã không đổi thay nhiều lắm! Khi nói đến truyền hình, có lẽ lời cầu nguyện của mỗi Cơ Đốc nhân phải là, “Xin xây mắt tôi khỏi xem những vật hư không” (Thi 119:37).

A-can (Gios 7:1-26), một lính chiến, đã đem sự đại bại đến cho đạo quân của Giô-suê vì sự mê tham của mắt mình. Đức Chúa Trời đã cảnh cáo Y-sơ-ra-ên không được lấy bất cứ chiến lợi phẩm nào từ thành Giê-ri-cô đã bị đoán phạt, nhưng A-can không nghe theo. Ông giải thích: “Khi tôi thấy trong cửa cướp một cái áo choàng Ba-by-lôn tốt đẹp, và hai trăm siếc lơ bạc, thì tôi tham muốn các món đó, và lấy nó” (c.21). Sự mê tham của mắt đưa ông vào tội lỗi, và tội lỗi của ông đưa đạo quân đến sự thua bại.

Đôi mắt (giống những giác quan khác) là cửa ngõ của tâm hồn. Vì vậy, sự mê tham của mắt có thể bao gồm những sự theo đuổi tri thức trái ngược với Lời của Đức Chúa Trời. Có một áp lực khiến Cơ Đốc nhân phải nghĩ theo cách thế gian nghĩ. Đức Chúa Trời cảnh cáo chúng ta phải chống “lời khuyên dạy của những kẻ không tin kính.” Điều này không có nghĩa là Cơ Đốc nhân xem thường việc học hành và sự học hỏi đời này nó hàm ý họ phải cẩn thận không được để cho sự say mê tri thức dồn ép Đức Chúa Trời vào địa vị không quan trọng.

Công cụ thứ ba là “sự kiêu ngạo khoe khoang của đời”. Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời thật giàu có và đầy trọn vinh hiển của con người thì hư không và rỗng tuếch. Trên thực tế, từ Hy Lạp nói về “sự kiêu ngạo” được dùng để mô tả một người khoe khoang khoác lác đang cố gắng gây ấn tượng nơi người khác với tầm quan trọng của mình. Con người luôn cố gắng vượt trội hơn những người khác trong việc chi tiêu và kiếm tiền của mình. Sự kiêu ngạo khoe khoang của đời là động cơ thúc đẩy nhiều điều những người như thế thực hiện.

Tại sao có rất nhiều người mua nhà cửa, xe cộ, đồ đạc thiết bị, hay tủ giường mà họ thực sự không thể đủ khả năng chi trả? Tại sao họ không cưỡng lại được lời quảng cáo “bây giờ hãy đi du lịch, rồi sẽ trả tiền sau” và tự mình vướng vào nợ nần không xoay sở nổi khi đi nghỉ hè vượt quá phương tiện mình sẵn có? Phần lớn vì họ muốn tạo ấn tượng nơi người khác – vì “sự kiêu ngạo của đời” trong họ. Họ có thể muốn người khác để ý là họ giàu có hoặc thành công ra sao.

Đa số chúng ta không đi xa như thế, nhưng đáng ngạc nhiên khi người ta làm nhiều điều ngu xuẩn biết bao chỉ để tạo nên một ấn tượng. Họ thậm chí hy sinh sự thành thật và liêm chính để được nổi danh (dù đó là tiếng xấu!) và có cảm tưởng rằng mình quan trọng.

Vâng, thế gian thu hút một Cơ Đốc nhân qua sự mê tham của xác thịt, sự mê tham của mắt, và sự kiêu ngạo của đời. Và một khi thế gian chế ngự một trong những lãnh vực này, một Cơ Đốc nhân chẳng bao lâu sẽ nhận ra điều đó. Người ấy sẽ mất đi sự vui thích trong tình yêu của Đức Chúa Cha và lòng ước ao làm theo ý muốn Ngài. Kinh Thánh sẽ trở nên nhàm chán và sự cầu nguyện là một việc cực nhọc. Ngay đến mỗi thông công Cơ Đốc có thể dường như trống rỗng và làm họ thất vọng. Tuy nhiên, không phải do những người khác có điều gì sai trật, mà điều sai trật là tấm lòng đầy tinh thần thế gian của Cơ Đốc nhân ấy.

Điều quan trọng cần lưu ý là không Cơ Đốc nhân nào trở nên ham mê thế gian cách thành linh. Tinh thần thế gian len lỏi dần vào một tín đồ nó là một tiến trình từ từ. Trước tiên là làm bạn với thế gian (Gia 4:4). Theo bản chất, thế gian và Cơ Đốc nhân là hai kẻ thù (“Hỡi anh em. Nếu thế gian ghen ghét anh em thì chớ lấy làm lạ.” IGi 3:13). Một Cơ Đốc nhân làm bạn với thế gian là một kẻ thù nghịch của Đức Chúa Trời.

Kế tiếp, Cơ Đốc nhân trở nên “ô uế bởi thế gian” (Gia 1:27). Thế gian lưu lại những vết bẩn trên một hay hai lãnh vực của đời sống người ấy. Điều này có nghĩa là dần dần người tín đồ chấp nhận và làm theo những cách thức của thế gian.

Khi điều này xảy ra, thế gian không còn ghen ghét Cơ Đốc nhân này và bắt đầu yêu mến người! Vì vậy Giảng cảnh cáo chúng ta, “Chớ yêu thế gian!” – nhưng thường thì tình bạn của chúng ta với thế gian đưa đến sự yêu mến. Kết quả là, người tín đồ bắt đầu làm theo đời này (Ro 12:2) và bạn khó thể nhận ra được đó là tín đồ hay thế gian.

Trong vòng các Cơ Đốc nhân, tinh thần thế gian lộ ra trong nhiều hình thức tinh vi và không nhận ra được. Đôi khi chúng ta có khuynh hướng thần tượng hoá các vận động viên, ngôi sao truyền hình, hoặc các nhà lãnh đạo chính trị vĩ đại là những người tự xưng là Cơ Đốc nhân – như thể những cá nhân này có thể trợ giúp đặc biệt cho Đức Chúa Trời toàn năng. Hoặc chúng ta chịu chuộng cho những người giàu có và “có ảnh hưởng” trong Hội Thánh địa phương của mình, như thể công việc của Đức Chúa Trời sẽ không thể tiến hành nếu không có thiện chí hoặc sự ủng hộ tài chánh của họ. Nhiều hình thức của tinh thần thế gian không bao gồm việc đọc những quyển sách sai trật và việc ham mê những thú giải trí “thuộc về xác thịt.”

Thật đáng buồn mà nói rằng, việc làm theo thế gian có thể đưa một Cơ Đốc nhân tới việc “bị định tội với thế gian” (ICo 11:32). Nếu một tín đồ xưng ra và đoán xét tội lỗi này, Đức Chúa Trời sẽ tha thứ cho người ấy, nhưng nếu người không xưng thú tội, Đức Chúa Trời phải sửa phạt người trong tình yêu thương. Khi một Cơ Đốc nhân bị “định tội với thế gian,” người ấy không mất địa vị làm con của mình. Đúng hơn, người ấy mất lời làm chứng và sự hữu ích về thuộc linh của mình. Và trong những trường hợp đặc biệt, Cơ Đốc nhân thậm chí đã mất sự sống của mình! (ICo 11:29,30).

Những bước tuột dốc và hậu quả của chúng được minh hoạ trong cuộc đời của Lót (Sa 13:5-13 14:8-14 19:1-38). Trước hết Lót hướng nhìn về phía Sô-đôm. Rồi ông dựng trại mình hướng về Sô-đôm tại vùng đồng bằng có nước chảy tưới khắp nơi bên bờ sông Giô-đanh. Kế đó ông dời vào thành Sô-đôm. Và khi Sô-đôm bị kẻ thù nghịch bắt giữ, Lót cũng bị bắt chung. Ông là một tín đồ (IIPhi 2:6-8), nhưng ông đã phải chịu đau đớn chung với những kẻ tội lỗi vô tín của thành phố gian ác ấy và khi Đức Chúa Trời huỷ diệt Sô-đôm, mọi thứ Lót theo đuổi trong đời mình đều tan thành mây khói! Lót được cứu dường như qua lửa và đánh mất phần thưởng đời đời của mình (ICo 3:12-15).

Chẳng ngạc nhiên gì khi Giảng cảnh cáo chúng ta đừng yêu mến thế gian!

3. Vì bản chất của một Cơ Đốc nhân

Nhưng điều này nêu lên một vấn đề quan trọng và thực tiễn về bản chất của một Cơ Đốc nhân và làm thế nào người ấy tránh khỏi tinh thần thế gian.

Câu trả lời được tìm thấy trong cách xưng hô không bình thường được dùng trong IGi 2:12-14. Hãy lưu ý những danh xưng được dùng khi Giảng viết cho độc giả của mình: “các con cái bé mọn . . . các phụ lão . . . các người trẻ tuổi . . . các con trẻ.”

Ông đang đề cập đến điều gì?

Đầu tiên, “các con cái bé mọn” (c.12) đề cập tới tất cả mọi tín đồ. Theo nghĩa đen, từ này có nghĩa là “những người được sinh ra.” Tất cả các Cơ Đốc nhân đều đã được sinh ra trong gia đình Đức Chúa Trời bởi đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ, và tội lỗi của họ đã được tha. Chính sự kiện một người được ở trong gia đình của Đức Chúa Trời, chia sẻ bản tính của Ngài, hẳn phải ngăn người ấy khỏi trở nên thân thiện với thế gian. Thân thiện với thế gian là sự phản bội! “Làm bạn với thế gian là thù nghịch với Đức Chúa Trời . . . vì vậy hễ ai muốn làm bạn của thế gian thì là kẻ thù nghịch của Đức Chúa Trời” (Gia 4:4).

Nhưng một điều khác cũng đúng: chúng ta khởi đầu là những con cái bé mọn – những người mới sinh ra – nhưng chúng ta không được ở mãi trong tình trạng đó! Chỉ khi một Cơ Đốc nhân trưởng thành về thuộc linh thì người ấy mới thắng hơn thế gian.

Giảng đề cập ba loại Cơ Đốc nhân trong một gia đình Hội Thánh địa phương: những phụ lão, những người trẻ, và những con trẻ (IGi 2:12-14). Những “phụ lão,” dĩ nhiên, là những tín đồ trưởng thành có một sự hiểu biết Đức Chúa Trời cách cá nhân và thân thiết. Vì họ biết Đức Chúa Trời, họ biết những hiểm họa của thế gian. Không Cơ Đốc nhân nào đã kinh nghiệm những sự vui mừng và những điều kỳ diệu trong mối thông công với Đức Chúa Trời, và trong sự hầu việc Đức Chúa Trời, sẽ muốn sống theo những thú vui thay thế mà thế gian này đem đến.

Những “người trẻ” là những người chinh phục: họ đã thắng hơn kẻ gian ác là Sa-tan, vua chúa của hệ thống thế gian này. Làm thế nào họ thắng hơn nó? Nhờ Lời của Đức Chúa Trời! “Hỡi kẻ trẻ tuổi, ta đã viết cho các ngươi, vì các ngươi là mạnh mẽ, Lời Đức Chúa Trời ở trong các ngươi” (c.14). Vậy thì, những “người trẻ” chưa trưởng thành trọn vẹn nhưng họ đang trưởng thành, vì họ sử dụng Lời Đức Chúa Trời cách hữu hiệu. Lời Chúa là vũ khí duy nhất sẽ đánh bại Sa-tan (Eph 6:17).

Những “con trẻ” được nói đến trong IGi 2:13 là những người được nói đến trong câu 12 hai từ Hy Lạp khác nhau đã được dùng. Từ trong câu 13 mang ý nghĩa “những người chưa trưởng thành,” hay những trẻ con vẫn còn ở dưới thẩm quyền của thầy giáo và gia sư. Đây là những Cơ Đốc nhân trẻ tuổi chưa lớn lên trong Đấng Christ. Giống những con trẻ thuộc thế, những con trẻ thuộc linh này biết cha của mình, nhưng họ vẫn còn phải tăng trưởng thêm nữa.

Thế thì, đây là gia đình Cơ Đốc! Tất cả đều là “những người được sinh ra,” nhưng một số đã ra khỏi thời con trẻ bước vào tuổi trưởng thành và khôn lớn thuộc linh. Cơ Đốc nhân đang lớn lên, đang trưởng thành là người mà thế gian không thu hút được. Người ấy quá quan tâm đến việc yêu mến Cha mình và ưa thích làm theo ý muốn của Cha mình. Những sự lôi cuốn của thế gian không quyến rũ đối với người ấy. Người ấy nhận ra rằng những thú thuộc thế gian đều chỉ là đồ chơi, và người ấy có thể đồng thanh với Phao-lô, “Khi tôi đã thành nhân, tôi bèn bỏ những điều thuộc về con trẻ” (ICo 13:11).

Một Cơ Đốc nhân tránh xa khỏi thế gian vì bản chất của thế gian (vốn là một hệ thống thuộc Sa-tan, ghen ghét và chống nghịch với Đấng Christ), vì những gì thế gian làm cho chúng ta (lôi cuốn chúng ta sống dựa vào những điều thay thế đầy tội lỗi), và vì bản chất của người

ấy (tức Cơ Đốc nhân) – là một con cái Đức Chúa Trời. Người ấy cũng tránh xa tinh thần thế gian –

4. *Vì thế gian sẽ bị tiêu biến đi*

“Thế gian đang qua đi!” (IGi 2:17). Câu này sẽ bị thách thức bởi nhiều người ngày nay tin rằng thế gian – hệ thống trong đó chúng ta sống – sẽ trường tồn mãi mãi. Nhưng thế gian không còn mãi. Điều chắc chắn duy nhất về hệ thống thế gian là nó sẽ không tồn tại nơi đây vĩnh viễn. Một ngày nào đó hệ thống này sẽ tiêu biến đi, và những điều hấp dẫn vui thích trong thế gian sẽ không còn nữa: tất cả đều đang qua đi. Điều gì sẽ còn lại?

Chỉ những gì nằm trong ý chỉ của Đức Chúa Trời!

Những Cơ Đốc nhân thuộc linh giữ mình “không gấn bó thân thiết” với thế gian này vì đời sống họ nhắm đến một điều gì đó tốt đẹp hơn nhiều. Họ là “kẻ khách và bộ hành trên đất” (He 11:13). “Vì chúng ta không có thành còn luôn mãi, nhưng chúng ta tìm thành hầu đến” (He 13:14). Vào thời của Thánh Kinh, nhiều tín đồ đã sống trong lều trại vì Đức Chúa Trời không muốn họ định cư và cảm thấy thoải mái yên ổn trong thế gian này.

Giăng đang đối chiếu hai lối sống: một lối sống hướng đến cõi đời đời và một lối sống hướng đến đời tạm này. Một người có tinh thần thế gian sống cho những thú vui của xác thịt, nhưng một Cơ Đốc nhân tận hiến sống cho những sự vui mừng của Thánh Linh. Một tín đồ có tinh thần thế gian sống cho những gì người ấy có thể thấy được, tức sự mê tham của mắt nhưng một tín đồ thuộc linh sống cho những điều hiện thực không thấy được của Đức Chúa Trời (ICo 4:8-18).

Một người có đầu óc thế gian sống cho sự kiêu ngạo của đời, là sự khoe khoang khoác lác hấp dẫn đối với con người nhưng một Cơ Đốc nhân làm theo ý muốn Đức Chúa Trời sống sao cho đẹp lòng Đức Chúa Trời. Và người ấy “còn lại đời đời”.

Mọi quốc gia hùng mạnh trong lịch sử đều trở nên suy tàn và cuối cùng bị nước khác chinh phạt. Không có lý do gì khiến chúng ta cho rằng sẽ có một ngoại lệ nào đó. Khoảng 19 nền văn minh thế giới, trong quá khứ, đã bị chìm vào quên lãng. Không có lý do gì khiến chúng ta nghĩ rằng nền văn minh hiện tại của mình sẽ tồn tại mãi mãi. Henry F. Lyte (1793-1847) đã viết, “Tôi nhìn thấy sự đổi thay và hư nát trong tất cả mọi thứ chung quanh mình”, và nếu nền văn minh của chúng ta không bị mai một đi bởi sự đổi thay và hư nát thì nó chắc chắn sẽ bị quét sạch và thay thế bởi một trật tự mới của mọi vật khi Đấng Christ hiện đến, điều có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

Một cách từ từ nhưng không tránh được, và có lẽ sớm hơn cả điều Cơ Đốc nhân suy tưởng, thế gian này đang qua đi nhưng người làm theo ý muốn Đức Chúa Trời còn lại đời đời.

Điều này không có nghĩa là mọi tội tớ của Đức Chúa Trời sẽ được các đời sau nhớ đến. Trong vô số những người nổi tiếng đã từng sống trên đất, không tới 2.000 người đã được bất cứ nhóm người nào nhớ đến trong hơn một thế kỷ.

Điều này cũng không có nghĩa là các đầy tớ của Đức Chúa Trời sẽ sống mãi trong các tác phẩm của họ hoặc trong đời sống của những người họ ảnh hưởng. “Sự bất tử” như thế có thể là một sự thực, nhưng nó cũng đúng như vậy đối với những người vô tín như Karl Marx, Voltaire, hay Adolf Hitler.

Không đâu, chúng ta được biết ở đây (IGi 2:17) rằng các Cơ Đốc nhân tận hiến đời mình để làm theo ý muốn Đức Chúa Trời – để vâng lời Đức Chúa Trời – “còn lại đời đời.” Thật lâu sau khi hệ thống thế gian này, với nền văn hoá đầy khoe khoang khoác lác của nó, những triết lý kiêu ngạo của nó, sự ham mê tri thức tôn mình làm trung tâm của nó, và chủ nghĩa duy vật

vô thân của nó, đã bị lãng quên, và thật lâu sau khi hành tinh này đã bị thay thế bởi trời mới và đất mới, các đầy tớ trung tín của Đức Chúa Trời sẽ còn mãi – chia sẻ sự vinh hiển của Đức Chúa Trời cho đến đời đời vô cùng.

Và viễn cảnh này không chỉ giới hạn cho Moody, Spurgeon, Luther, hay Wesley và những người giống như họ – nó được mở ra cho mỗi một và mọi tín đồ khiêm nhường. Nếu bạn đang tin cậy nơi Đấng Christ, thì nó dành cho chính bạn.

Hệ thống thế gian hiện nay không phải là một hệ thống lâu dài. “Hình trạng thế gian này qua đi” (ICo 7:31). Mọi thứ chung quanh chúng ta đang thay đổi, nhưng những điều còn đời đời không hề đổi thay. Một Cơ Đốc nhân yêu mến thế gian sẽ không bao giờ có sự bình an hay an ninh vì người ấy đã liên kết đời sống mình với những điều ở trong tình trạng không ổn định. Nhà truyền giáo tuận đạo Jim Elliot đã viết, “Người nào cho đi những gì mình không thể giữ để có được những gì mình không thể mất không phải là người dại.”

Tân Ước có nhiều điều để nói về “ý muốn của Đức Chúa Trời. Một trong những “lợi ích tô điểm thêm” của sự cứu rỗi là đặc ân được biết ý chỉ của Đức Chúa Trời (Cong 22:14). Thực ra, Đức Chúa Trời muốn chúng ta được “đầy dẫy sự hiểu biết về ý muốn của Ngài” (Co 1:9). Ý muốn của Đức Chúa Trời không phải là điều gì đó lâu lâu chúng ta tham khảo như một tự điển bách khoa. Đó là một điều gì đó hoàn toàn điều khiển đời sống chúng ta. Vấn đề đối với một Cơ Đốc nhân tận hiến không phải chỉ là “Điều này đúng hay sai?” hay “Điều này tốt hay xấu?” Vấn đề trọng tâm là, “Điều này có phải là ý muốn của Đức Chúa Trời cho tôi không?”

Đức Chúa Trời muốn chúng ta hiểu ý muốn Ngài (Eph 5:17), chứ không chỉ biết ý muốn đó là gì. “Ngài bày tỏ cho Môi-se biết đường lối Ngài, và cho Y-sơ-ra-ên biết các công việc Ngài” (Thi 103:7). Y-sơ-ra-ên biết Đức Chúa Trời đang làm điều gì, nhưng Môi-se biết vì sao Ngài đang làm điều đó! Quan trọng là chúng ta hiểu ý muốn Đức Chúa Trời đối với chúng ta và nhìn thấy các mục đích Ngài đang làm trọn.

Sau khi chúng ta biết ý muốn của Đức Chúa Trời, chúng ta cần phải làm theo ý muốn đó cách hết lòng (Eph 6:6). Không phải do việc nói về ý muốn Đức Chúa Trời mà chúng ta làm đẹp lòng Ngài, mà do việc chúng ta làm theo những gì Ngài phán bảo chúng ta (Mat 7:21). Và càng vâng lời Đức Chúa Trời bao nhiêu, chúng ta càng có thể “khám phá và làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời” bấy nhiêu (Ro 12:2). Việc khám phá và làm theo ý muốn Đức Chúa Trời là một điều gì đó giống như việc học bơi: bạn phải xuống nước trước khi nó trở thành thực hữu đối với bạn. Càng vâng lời Đức Chúa Trời, chúng ta càng trở nên thành thạo trong việc hiểu biết điều Ngài muốn chúng ta làm.

Mục tiêu của Đức Chúa Trời đối với chúng ta là chúng ta sẽ “trở nên toàn vẹn và trọn niềm vâng phục mọi ý muốn của Đức Chúa Trời” (Co 4:12). Điều này nghĩa là trở nên trưởng thành trong ý muốn Đức Chúa Trời.

Một đứa bé thường hỏi cha mẹ nó điều nào đúng và điều nào sai và họ muốn nó làm gì hoặc đừng làm gì. Nhưng khi nó sống với cha mẹ và từng trải sự dạy dỗ và kỷ luật của họ, dần dần nó khám phá ra ý muốn của họ đối với nó là gì. Trên thực tế, một đứa bé được khép vào kỷ luật có thể “đọc được trong trí của cha mình” chỉ bằng cách theo dõi nét mặt và đôi mắt của cha nó! Một Cơ Đốc nhân chưa trưởng thành luôn hỏi bạn bè nghĩ gì về ý muốn của Đức Chúa Trời đối với người đó. Một Cơ Đốc nhân trưởng thành thuận phục hoàn toàn theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Người ấy biết Chúa muốn mình làm gì.

Làm sao một người khám phá ra ý muốn Đức Chúa Trời? Tiến trình bắt đầu với sự đầu phục: “Hãy dâng thân thể mình làm một của lễ sống . . . đừng làm theo đời này . . . để thử cho biết (biết bằng kinh nghiệm) ý muốn tốt lành, đẹp lòng và trọn vẹn của Đức Chúa Trời là thể

nào” (Ro 12:1,2). Một Cơ Đốc nhân yêu mến thế gian sẽ không bao giờ biết được ý muốn Đức Chúa Trời theo cách này. Đức Chúa Cha san sẻ những điều kín nhiệm của Ngài với những kẻ nào vâng lời Ngài. “Nếu ai khứng làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời, thì sẽ biết đạo lý” (Gi 7:17). Và ý muốn Đức Chúa Trời không phải là một “quán ăn tự phục vụ thuộc linh” nơi mà một Cơ Đốc nhân chọn lấy thứ gì mình muốn và khước từ những thứ còn lại! Không đâu, ý muốn của Đức Chúa Trời phải được chấp nhận trong tổng thể của nó. Điều này liên quan đến một sự đầu phục cá nhân của đời sống một người cách trọn vẹn đối với Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời bày tỏ ý muốn của Ngài đối với chúng ta qua Lời Ngài. “Lời Chúa là ngọn đèn cho chân tôi, và là ánh sáng cho đường lối tôi” (Thi 119:105). Một tín đồ có tinh thần thế gian không ham thích Kinh Thánh. Khi đọc Kinh Thánh, người ấy nhận rất ít hoặc không nhận được gì cả từ Lời Chúa. Nhưng một tín đồ thuộc linh, dành thì giờ mỗi ngày đọc và suy gẫm Kinh Thánh, tìm thấy ý muốn Đức Chúa Trời trong đó và áp dụng nó vào đời sống hàng ngày của mình.

Chúng ta cũng có thể học biết ý muốn Đức Chúa Trời qua hoàn cảnh. Đức Chúa Trời vận hành trong những cách thức tuyệt diệu để mở và đóng các cửa. Chúng ta phải dùng Lời Chúa để thử loại dẫn dắt này – chứ đừng dùng hoàn cảnh để thử sự dạy dỗ rõ rệt của Thánh Kinh!

Cuối cùng, Đức Chúa Trời dẫn dắt chúng ta vào ý muốn Ngài qua sự cầu nguyện và sự hành động của Thánh Linh Ngài trong lòng chúng ta. Khi chúng ta cầu nguyện về một quyết định, Đức Thánh Linh phán với chúng ta. Một “tiếng nói bên trong” có thể đồng ý với sự dẫn dắt của hoàn cảnh. Chúng ta không bao giờ được nghe theo một mình “tiếng nói bên trong” này mà thôi: chúng ta phải luôn thử nó bằng Thánh Kinh, vì có thể lắm xác thịt (hoặc Sa-tan) dùng hoàn cảnh – hay “cảm giác” – để dẫn chúng ta đi lạc.

Nói tóm lại, trên phương diện thuộc thể Cơ Đốc nhân ở trong thế gian (Gi 17:11), nhưng trên phương diện thuộc linh người ấy không thuộc về thế gian về thuộc linh (17:14). Đáng Christ đã sai chúng ta vào thế gian để làm chứng về Ngài (17:18). Giống một người thợ lặn, chúng ta phải sống trong một môi trường khác lạ, và nếu chúng ta không cẩn trọng, môi trường lạ sẽ làm chúng ta chết ngộp. Một Cơ Đốc nhân không thể không ở trong thế gian, nhưng khi thế gian ở trong Cơ Đốc nhân, tai họa bắt đầu!

Thế gian xâm nhập vào một Cơ Đốc nhân qua tấm lòng người ấy: “Chớ yêu thế gian!” Bất cứ điều gì cướp khỏi một Cơ Đốc nhân sự vui thích trong tình yêu của Đức Chúa Cha, hoặc sự ước ao làm theo ý muốn của Cha, thì đều thuộc về thế gian và phải được tránh xa. Mọi Cơ Đốc nhân, trên nền tảng của Lời Đức Chúa Trời, phải nhận diện ra những điều này cho chính mình.

Một Cơ Đốc nhân phải quyết định, “Tôi sẽ chỉ sống cho hiện tại mà thôi, hay sẽ sống cho ý muốn của Đức Chúa Trời và còn lại đời đời?” Chúa Giê-xu minh họa sự chọn lựa này bằng cách kể chuyện về hai người. Một người xây trên cát và người kia xây trên đá (Mat 7:24-27). Phao-lô nhắc đến sự chọn lựa tương tự bằng cách mô tả hai loại vật liệu để xây dựng: tạm thời và đời đời (ICo 3:11-15).

Lòng yêu mến thế gian là lòng yêu mến mà Đức Chúa Trời ghét. Nó là lòng yêu mến mà một Cơ Đốc nhân bằng mọi giá phải tránh xa!

5. LỄ THẬT HAY HẬU QUẢ (GI 2:18-29)

“Bạn tin gì, điều đó không quan trọng, chỉ cần bạn chân thành thôi!”

Câu nói này diễn đạt triết lý riêng của nhiều người ngày nay, nhưng thật đáng nghi ngờ là liệu hầu hết những người nói như thế có thực sự suy nghĩ cẩn thận về nó hay không. “Sự chân

thành” có phải là yếu tố thần kỳ khiến cho một điều gì đó thành ra đúng không? Nếu như vậy, thì bạn cần phải có thể áp dụng nó vào bất cứ lãnh vực nào của đời sống, chứ không chỉ đối với tôn giáo thôi.

Một y tá trong một bệnh viện thành phố cho một bệnh nhân một số thuốc, và bệnh của người này trở nên tồi tệ hơn. Viên y tá thì chân thành nhưng thuốc lại sai, và bệnh nhân suýt phải chết.

Một đêm nọ một người nghe có tiếng động trong nhà mình và quyết là ăn trộm đang hành nghề. Ông ta lấy khẩu súng và bắn “tên trộm,” nhưng hoá ra đó lại là con gái ông! Không ngủ được, cô này đã chỗi dậy để tìm cái gì ăn. Cô ta chết đi vì là nạn nhân của “sự chân thành” của cha mình!

Để khiến một điều nào đó thành ra đúng không phải chỉ cần có sự chân thành mà thôi. Tin vào một điều giả dối luôn tạo ra những hậu quả nghiêm trọng niềm tin vào lẽ thật không bao giờ bị đặt sai chỗ. Một người tin gì, điều đó thật sự quan trọng! Nếu một người muốn lái xe từ Chicago đến New York, nhưng lại đang chạy trên xa lộ đưa anh ta đến Los Angeles, thì dù anh có chân thành tin là mình đang đi đúng đường đến đâu đi nữa, anh cũng chẳng thể nào tới New York được. Một người hiện thực xây dựng cuộc sống mình trên lẽ thật, chứ không trên sự mê tín hay những lời giả dối. Không thể nào sống một đời sống thật bằng cách tin vào những điều dối trá.

Đức Chúa Trời đã báo trước cho gia đình Hội Thánh (“các con cái bé mọn”) về sự xung đột giữa sự sáng và sự tối tăm (1:1-2:6) và giữa lòng yêu thương với sự ghen ghét (2:7-17). Giờ đây Ngài báo họ biết về một sự đối lập thứ ba, sự đối lập giữa lẽ thật và sự sai lầm. Đối với một tín đồ, bước đi trong sự sáng và bước đi trong tình yêu thương không, chưa đủ người ấy cũng phải bước đi trong lẽ thật. Vấn đề là lẽ thật – hay phải gạt lậy những hậu quả!

Trước khi Giảng giải thích những hậu quả bi thảm của việc xoay khỏi lẽ thật, ông nhấn mạnh tính chất nghiêm trọng của vấn đề. Ông làm vậy bằng cách dùng hai thuật ngữ đặc biệt: “thời kỳ sau rốt” và “Kẻ chống Đấng Christ.” Cả hai thuật ngữ đều nêu rõ rằng chúng ta đang sống trong một thời điểm khủng hoảng và phải đề phòng những sự sai lầm của kẻ thù.

“Thời kỳ sau rốt” (hay “giờ cuối cùng”) là một thuật ngữ nhắc nhở chúng ta rằng một thời đại mới đã bắt đầu hé mở trên thế gian. “Sự tối tăm đã tan ròi, và sự sáng thật đã soi sáng” (2:8). Kể từ sự chết và sự phục sinh của Chúa Giê-xu Christ, Đức Chúa Trời đang làm “một điều mới mẻ” trên thế gian này. Cả lịch sử Cựu Ước chuẩn bị cho công tác của Chúa Giê-xu trên thập tự giá. Cả lịch sử kể từ thời điểm đó chỉ là sự chuẩn bị cho “ngày chung cuộc,” khi Chúa Giê-xu sẽ hiện đến và thiết lập vương quốc của Ngài. Đức Chúa Trời không phải làm thêm điều gì nữa cho sự cứu rỗi tội nhân.

Bạn có thể hỏi, “nhưng nếu đó là ‘giờ cuối cùng’ trong thời đại của Giảng, thì vì sao Chúa Giê-xu chưa trở lại?”

Đây là một câu hỏi tuyệt hay và Thánh Kinh cho chúng ta lời giải đáp. Đức Chúa Trời không bị giới hạn bởi thời gian như các tạo vật của Ngài. Đức Chúa Trời hành động trong thời gian của nhân loại, nhưng Ngài vượt lên trên thời gian (IIPhi 3:8).

“Giờ cuối cùng” đã bắt đầu từ thời của Giảng và từ đó đến nay đã trở nên ngày càng gần hơn. Vào thời của Giảng đã có các giáo sư giả không tin kính, và trong suốt những thế kỷ từ đó đến nay họ đã tăng thêm cả về số lượng lẫn về ảnh hưởng. “Giờ sau rốt” hay “thời kỳ sau rốt” là những thuật ngữ mô tả một loại thời gian, chứ không phải một khoảng thời gian. “Đời sau rốt” được miêu tả trong ITi 4:1-16. Giống như Giảng, Phao-lô đã xem xét các tính chất

của thời đại mình, và ngày nay chúng ta nhìn thấy những tính chất tương tự với mức độ thậm chí còn lớn lao hơn nhiều.

Nói cách khác, Cơ Đốc nhân lúc nào cũng đang sống trong “thời kỳ sau rốt” – trong thời đại khủng hoảng. Vì vậy quan trọng là bạn phải biết mình tin gì và tại sao bạn tin điều đó.

Thuật ngữ thứ hai, “Kẻ chống Đấng Christ,” chỉ được một mình Giăng dùng trong Kinh Thánh (IGi 2:18,22 4:3 IIGi 1:7). Nó mô tả ba điều: (1) một thần trong thế gian chống nghịch lại hoặc chối bỏ Đấng Christ (2) các giáo sư giả mặc lấy thần này và (3) một người sẽ lãnh đạo sự phản nghịch cuối cùng của thế gian chống lại Đấng Christ.

“Thần của Kẻ chống Đấng Christ” (IGi 4:3) đã hiện diện trong thế gian này từ khi Sa-tan tuyên chiến với Đức Chúa Trời (Sa 3:1-24). “Thần của Kẻ chống Đấng Christ” ở đằng sau mọi học thuyết giả dối và mọi sự thay thế “thuộc về tôn giáo” thay chỗ cho những thực tại mà Cơ Đốc nhân có trong Đấng Christ. Tiền tố anti thực sự có một nghĩa đối. Trong tiếng Hy Lạp, nó có thể vừa có nghĩa “chống nghịch lại” Đấng Christ và vừa có nghĩa “thay thế cho” Đấng Christ. Sa-tan trong cơn giận dữ điên cuồng của nó đang chống lại Đấng Christ và lẽ thật đời đời của Ngài, nó đang thay thế những sự thực chỉ tìm thấy trong Cứu Chúa Giê-xu của chúng ta bằng những điều giả dối của nó.

“Thần của Kẻ chống Đấng Christ” hiện đang ở trong thế gian này. Cuối cùng nó sẽ đưa đến sự xuất hiện của một “siêu nhân thuộc Sa-tan” mà Kinh Thánh gọi là “Kẻ chống Đấng Christ”. Nó được gọi là “người tội ác” (hay “kẻ nghịch cùng luật pháp”) (ITe 2:1-12).

Khúc Kinh Thánh này giải thích rằng có hai thế lực đang hành động trong thế gian ngày nay: lẽ thật đang hành động qua Hội Thánh bởi Đức Thánh Linh, và điều ác đang hành động bởi quyền lực của Sa-tan. Đức Thánh Linh, trong đời sống các Cơ Đốc nhân, đang cản trở sự vô luật pháp nhưng khi Hội Thánh được cất lên trong ngày Chúa Giê-xu hiện đến (ITe 4:13-18), Sa-tan sẽ có thể hoàn thành chiến thắng tạm thời của nó và cai trị thế gian. (Giăng nói nhiều hơn về kẻ thống trị thế gian này và hệ thống gian ác của nó trong sách Khải huyền, đặc biệt trong Kh 13:1-18 16:13 19:20.)

Việc bạn tin gì có quan trọng không? Điều đó thật quan trọng trong thế gian này! Bạn đang sống trong thời đại khủng hoảng – trong giờ cuối cùng – và thần của Kẻ chống Đấng Christ đang hành động trong thế gian! Điều quan trọng nhất là bạn phải biết và tin vào lẽ thật và có thể nhận ra những sự giả dối khi chúng chấn lồi bạn.

Thư tín Giăng cho thấy ba dấu hiệu nổi bật của giáo sư giả bị điều khiển bởi “thần của Kẻ chống Đấng Christ.”

1. Người đó tách rời cộng đồng Cơ Đốc (IGi 2:18-19)

“Chúng nó đã từ giữa chúng ta mà ra, nhưng vốn chẳng phải thuộc về chúng ta vì nếu chúng nó thuộc về chúng ta, thì đã ở cùng chúng ta” (c.19).

Từ “chúng ta” dĩ nhiên, nói đến cộng đồng tín hữu, tức Hội Thánh. Không phải mọi người thuộc về một nhóm tín hữu nhất thiết đều là thành viên của gia đình Đức Chúa Trời!

Tân Ước trình bày Hội Thánh theo hai cách: như một gia đình rộng khắp thế giới, và như những đơn vị hoặc những nhóm tín hữu địa phương. Hội Thánh có khía cạnh “phổ thông” cũng như “địa phương”. Cộng đồng tín hữu khắp thế giới được ví sánh với một thân thể (ICo 12:1-31) và với một toà nhà (Eph 2:19-22). Khi một tội nhân tin nhận Đấng Christ làm Cứu Chúa, người ấy nhận được sự sống đời đời và ngay tức khắc trở thành một thành viên trong gia đình của Đức Chúa Trời và một phần trong Thân thể thuộc linh của Đấng Christ. Kẻ đó

người ấy cần phải gắn bó mật thiết với một nhóm Cơ Đốc nhân ở địa phương (một Hội Thánh) và khởi sự hầu việc Đấng Christ (Cong 2:41,42). Nhưng vấn đề ở đây là một người có thể thuộc về một Hội Thánh địa phương nhưng lại không phải là một phần của Thân thể thuộc linh chân thật của Đấng Christ.

Một trong những chứng cứ của đời sống Cơ Đốc chân thật là ước muốn được hiệp chung với con dân của Đức Chúa Trời. “Chúng ta biết rằng mình đã vượt khỏi sự chết qua sự sống, vì chúng ta yêu anh em mình” (IGi 3:14). Khi người ta chia sẻ cùng bản tính thiên thượng (IIPhi 1:4) và được cùng Đức Thánh Linh ngự trong lòng (Ro 8:14-16), họ muốn tận hưởng mỗi thông công và chia sẻ lẫn cho nhau. Như chúng ta đã thấy, sự giao thông nghĩa là “cùng có chung.” Khi người ta có những thực tại thuộc linh chung, họ muốn hiệp chung lại với nhau.

Nhưng các “Cơ Đốc nhân giả” được đề cập trong IGi 2:18-29 đã không ở trong mối giao thông Cơ Đốc. Họ ra khỏi đó. Điều này không hàm ý là “việc ở trong Hội Thánh” giữ một người được cứu đúng hơn, nó ám chỉ rằng việc ở trong mối giao thông Cơ Đốc là một bằng chứng cho thấy một người thực sự là một Cơ Đốc nhân. Trong ẩn dụ về người gieo giống (Mat 13:1-9,18-23), Chúa Giê-xu nêu rõ rằng chỉ những người ra kết quả là thật sự được sinh lại. Có thể lắm một người rất gần với kinh nghiệm của sự cứu rỗi, và thậm chí có một số đặc tính được coi là “Cơ Đốc nhân,” thế nhưng vẫn không phải là con cái Đức Chúa Trời. Những người được nói đến trong IGi 2:1-29 rời khỏi sự giao thông Cơ Đốc vì họ không có sự sống thực và tình yêu thương của Đấng Christ không có trong lòng họ.

Có nhiều sự phân rẽ đáng buồn giữa vòng dân sự Đức Chúa Trời ngày nay, nhưng tất cả Cơ Đốc nhân chân thật đều có những thứ chung, bất chấp thuộc cộng đồng giáo hội nào. Họ tin rằng Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời và Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời. Họ xưng nhận rằng loài người là tội nhân và cách duy nhất một người có thể được cứu là bởi đức tin nơi Đấng Christ. Họ tin rằng Đấng Christ đã chết thay cho con người trên thập tự giá, và Ngài đã sống lại từ kẻ chết. Họ tin rằng Thánh Linh ngự trong lòng những tín đồ chân thật. Cuối cùng họ tin rằng một ngày kia trong tương lai Chúa Giê-xu sẽ trở lại. Cơ Đốc nhân có thể khác biệt về những vấn đề khác – chẳng hạn như hàng ngũ lãnh đạo Hội Thánh, hoặc cách thức làm phép báp têm – nhưng họ đều đồng ý về những giáo lý căn bản của đức tin.

Nếu bạn nghiên cứu lịch sử các giáo phái giả dối và các hệ thống tôn giáo chống nghịch lại Cơ Đốc giáo trên thế giới ngày nay, bạn sẽ thấy trong hầu hết các trường hợp những người sáng lập chúng đều xuất phát từ một Hội Thánh địa phương! Họ “ở cùng chúng ta” nhưng không “thuộc về chúng ta,” vì vậy họ tách ra “khỏi chúng ta” và bắt đầu các nhóm riêng của mình.

Bất cứ nhóm nào, dù “ngoan đạo” đến đâu đi nữa, vì những lý do giáo lý tự tách biệt khỏi một Hội Thánh địa phương vốn tuân giữ Lời Đức Chúa Trời, thì chắc hẳn đáng nghi ngờ ngay. Thường thì những nhóm này đi theo những con người lãnh đạo và những sách vở do con người viết ra, hơn là chính Chúa Giê-xu Christ và Lời Đức Chúa Trời. Tân Ước (chẳng hạn như ITi 3:1-4:5 và IIPhi 2:1-22) vạch rõ rằng thật nguy hiểm khi tách rời khỏi mối thông công Cơ Đốc.

2. Người đó chối bỏ đức tin (IGi 2:20-25 4:1-6)

(IGi 2:20-25)

Vấn đề chính yếu đối với một Cơ Đốc nhân là: Chúa Giê-xu Christ là ai? Phải chăng Đấng Christ chỉ là “một Gương mẫu,” “một Con Người tốt lành,” hay “một Giáo sư tuyệt vời” hay phải chăng Ngài là Đức Chúa Trời trở nên xác thịt?

Độc giả của Giảng biết lẽ thật về Đấng Christ, nếu không rất có thể họ đã không được cứu. “Các con thầy đều biết lẽ thật, vì các con có Thánh Linh của Đức Chúa Trời, đã chịu xúc dầu từ nơi Đấng Thánh, và Thánh Linh Ngài dạy con đủ mọi việc” (c.20,27). “Nhưng nếu ai không có Thánh Linh của Đấng Christ, thì người ấy chẳng thuộc về Ngài” (Ro 8:9).

Các Cơ Đốc nhân giả trong thời của Giảng đã dùng hai từ đặc biệt để mô tả kinh nghiệm của mình: “sự hiểu biết” và “sự xúc dầu.” Họ tự nhận là được sự xúc dầu đặc biệt từ Đức Chúa Trời và điều đó đem đến cho họ sự hiểu biết có một không hai. Họ đã được “soi sáng” và vì vậy đang sống trên một mức độ cao hơn nhiều so với bất kỳ ai khác. Nhưng Giảng vạch ra rằng tất cả Cơ Đốc nhân thật đều biết Đức Chúa Trời và đều nhận được Thánh Linh của Đức Chúa Trời! Và vì họ đã tin lẽ thật, nên khi gặp sự giả dối họ nhận ra ngay.

Sự xác quyết lớn lao của đức tin khiến Cơ Đốc nhân tách biệt khỏi những người khác là: Chúa Giê-xu Christ là Đức Chúa Trời trở nên xác thịt (IGi 4:2).

Không phải tất cả những nhà giảng đạo và các giáo sư tự xưng là Cơ Đốc nhân đều thật sự là Cơ Đốc nhân trong niềm tin của họ (4:1-6). Nếu họ xưng rằng Chúa Giê-xu Christ là Đức Chúa Trời trở nên xác thịt, thì họ thuộc về đức tin thật. Nếu họ chối bỏ Đấng Christ, thì họ thuộc về Kẻ chống Đấng Christ, kẻ địch lại Đấng Christ. Họ ở trong và thuộc về thế gian, và không được gọi ra khỏi thế gian, như các tín đồ thật. Khi họ nói, thế gian (những người chưa được cứu) nghe họ và tin họ. Nhưng thế gian chưa được cứu không bao giờ có thể hiểu được một Cơ Đốc nhân thật. Một Cơ Đốc nhân nói ra trong sự dẫn dắt của Thần lẽ thật một giáo sư giả nói ra dưới ảnh hưởng của thần lầm lạc – tức thần của kẻ địch lại Đấng Christ.

Xưng nhận rằng “Chúa Giê-xu Christ là Đức Chúa Trời trở nên xác thịt” bao gồm nhiều điều hơn là chỉ nhận diện Đấng Christ. Ma quỷ đã làm điều này (Mac 1:24) nhưng điều đó không cứu được chúng. Sự xưng nhận chân thật bao gồm đức tin cá nhân nơi Đấng Christ – tin Ngài là ai và Ngài đã làm những việc gì. Một sự xưng nhận không phải chỉ là “một lời phát biểu về thần học” có tính cách lý trí đơn thuần mà bạn đọc thuộc lòng nó là một lời chứng cá nhân từ đáy lòng bạn về những gì Đấng Christ đã làm cho bạn. Nếu bạn đã tin cậy Đấng Christ và đã xưng nhận đức tin mình, bạn có sự sống đời đời (IGi 2:25). Những ai không thể xưng nhận điều này cách thành thật không có sự sống đời đời, vốn là một vấn đề nghiêm trọng sau cùng.

George Whitefield, nhà truyền đạo Phúc Âm vĩ đại của nước Anh, đang nói với một người nọ về linh hồn của người ấy. Ông hỏi người này, “Thưa ông, ông tin gì?”

“Tôi tin điều mà Hội Thánh tôi tin,” người đó cung kính trả lời.

“Vậy Hội Thánh ông tin gì?”

“Tin điều tương tự như tôi tin.”

“Và cả ông và Hội Thánh ông tin gì?” nhà truyền đạo lại hỏi.

“Cả tôi và Hội Thánh tôi đều tin như nhau!” là câu trả lời người này có thể có được.

Một người không phải được cứu do việc xác quyết một tín điều của Hội Thánh. Người đó được cứu do việc tin nơi Chúa Giê-xu Christ và làm chứng cho đức tin của mình (Ro 10:9,10).

Các giáo sư giả thường nói, “Chúng tôi thờ phượng Đức Chúa Cha. Chúng tôi tin nơi Đức Chúa Trời là Cha, mặc dầu chúng tôi không đồng ý với bạn về Chúa Giê-xu Christ.”

Nhưng chối bỏ Con nghĩa là cũng chối bỏ Cha nữa. Bạn không thể tách rời Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con, vì cả hai đều là một Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu phán, “Ta với Cha là một” (Gi 10:30). Ngài cũng vạch rõ rằng tín đồ thật tôn kính cả Đức Chúa Cha và Đức Chúa

Con: “Đặng ai nấy đều tôn kính Con, cũng như tôn kính Cha vậy. Ai không tôn kính Con, ấy là không tôn kính Cha, là Đấng đã sai Con đến” (Gi 5:23). Nếu bạn nói mình “thờ phượng một Đức Chúa Trời” nhưng loại trừ Chúa Giê-xu Christ ra khỏi sự thờ phượng của bạn, thì bạn không đang thờ phượng như một Cơ Đốc nhân chân thật.

Điều quan trọng là bạn ở với lẽ thật của Lời Đức Chúa Trời. Lời (hoặc sứ điệp) mà Cơ Đốc nhân đã “nghe từ ban đầu” là tất cả điều bạn cần để giữ bạn trung thành với đức tin mình. Đời sống Cơ Đốc tiếp tục y như nó đã bắt đầu: bởi đức tin vào sứ điệp của Thánh Kinh. Một nhà lãnh đạo tôn giáo đi theo “một điều gì đó mới mẻ,” một điều gì đó ngược lại những gì Cơ Đốc nhân đã “nghe từ ban đầu,” thì không đáng tin cậy. “Hãy thử các thần, xem thử chúng có thuộc về Đức Chúa Trời chăng” (IGi 4:1). Hãy để Lời Chúa ở trong bạn (2:24), và hãy ở trong Đấng Christ (2:28) nếu không bạn sẽ bị dẫn lạc đường bởi thần của kẻ địch lại Đấng Christ. Dù các giáo sư giả có thể hứa hẹn gì đi nữa, bạn đã có lời hứa chắc chắn về sự sống đời đời (2:25). Bạn không cần gì hơn nữa!

Nếu các giáo sư giả hài lòng vui thích trong các buổi nhóm họp riêng của mình, điều đó đủ tồi tệ rồi nhưng thật đáng buồn là họ cố gắng hăng say thuyết phục những người khác tiếp nhận những giáo lý nghịch lại Cơ Đốc Giáo của mình. Đây là dấu hiệu thứ ba của một người đã xoay khỏi lẽ thật của Đức Chúa Trời:

3. Người đó cố gắng lừa dối những kẻ trung tín (IGi 2:26-29)

Thật thú vị khi nhận thấy các nhóm địch lại Đấng Christ hiếm khi cố gắng đưa dốt tội nhân hư mất đến với đức tin giả dối của họ. Thay vào đó, họ dành nhiều thời gian cố gắng thuyết phục những người tự xưng là Cơ Đốc nhân (mà lại còn là các thành viên Hội Thánh nữa) tiếp nhận giáo lý riêng của họ. Họ đi ra để “dễ dàng” những kẻ trung tín.

Từ “dễ dàng” mang ý nghĩa “bị dẫn lạc đường.” Chúng ta đã được cảnh cáo rằng điều này sẽ xảy ra: “Đức Thánh Linh phán tỏ tường rằng, trong đời sau rốt, có mấy kẻ sẽ bội đạo mà theo các thần lừa dối, và đạo lý của quỷ dữ” (II Ti 4:1).

Chúa Giê-xu gọi Sa-tan là “Cha của sự dối trá” (Gi 8:44). Mục đích của ma quỷ là dẫn dụ Cơ Đốc nhân đi lạc đường bằng cách dạy dỗ họ những giáo lý giả dối (II Co 11:1-4, 13-15). Chúng ta không nên chấp nhận mọi điều một người nói với mình chỉ vì người đó tự cho là tin vào Kinh Thánh, vì họ có thể “bóp méo” Kinh Thánh để làm cho nó có bất cứ ý nghĩa nào theo ý họ (II Co 4:1,2).

Sa-tan không phải là một người sáng tạo nó là một kẻ giả mạo. Nó bắt chước công việc của Đức Chúa Trời. Thí dụ như Sa-tan đã giả mạo “chức vụ sứ đồ” (II Co 11:13-15) để rao giảng một Phúc Âm giả dối (Ga 1:6-12) tạo nên những Cơ Đốc nhân giả (Gi 8:43,44) là những người dựa vào một sự công bình giả (Ro 10:1-10). Trong ẩn dụ về cỏ dại (Mat 13:24-30, 36-43), Chúa Giê-xu và Sa-tan được phát họa như những người gieo giống. Chúa Giê-xu gieo hạt giống thật, tức con cái Đức Chúa Trời nhưng Sa-tan gieo “con cái của kẻ dữ.” Hai loại cây, khi đang mọc lên, trông thật giống nhau đến độ những kẻ làm công không thể phân biệt được cho đến khi bông trái hiện ra! Mưu kế chính yếu của Sa-tan trong suốt thời kỳ này là gieo trồng điều giả dối bất cứ nơi nào Cơ Đốc nhân gieo trồng điều chân thật. Và quan trọng là bạn có thể nhận ra điều giả dối và tách biệt những sự dạy dỗ của Đấng Christ khỏi những sự dạy dỗ sai trật của kẻ địch lại Đấng Christ.

Một tín đồ làm điều này bằng cách nào? Bằng cách dựa vào sự dạy dỗ của Thánh Linh. Mỗi tín đồ đã từng trải sự xúc dầu (IGi 2:20) của Thánh Linh, và chính Thánh Linh là Đấng dạy dỗ người ấy lẽ thật (Gi 14:17 15:26). Các giáo sư giả không được dẫn dắt bởi Thần của Lẽ thật họ được dẫn dắt bởi thần lầm lạc (IGi 4:3,6).

Từ xúc dầu nhắc chúng ta nhớ đến việc đổ dầu trên đầu một người được biệt riêng cho sự hầu việc đặc biệt trong Cựu Ước. Một thầy tế lễ được xúc dầu (Exe 28:41), và một vị vua (ISa 15:1) hay một đấng tiên tri cũng vậy (IVua 19:16). Một Cơ Đốc nhân thời Tân Ước được xúc dầu, không phải bằng dầu thực sự, mà bởi Thánh Linh của Đức Chúa Trời – một sự xúc dầu khiến biệt người ấy riêng ra cho chức vụ là một trong các thầy tế lễ của Đức Chúa Trời (IPhi 2:5,9). Bạn không cần thiết phải cầu nguyện để được “sự xúc dầu của Đức Thánh Linh” nếu bạn là một Cơ Đốc nhân, bạn đã nhận lãnh sự xúc dầu đặc biệt này rồi. Sự xúc dầu này “ở trong chúng ta” và vì vậy không cần phải được ban cho chúng ta nữa.

Chúng ta đã nhìn thấy các giáo sư giả chối bỏ Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con họ cũng chối bỏ Thánh Linh nữa. Thánh Linh là Vị Giáo sư Đức Chúa Trời ban cho chúng ta (Gi 14:26), nhưng những Cơ Đốc nhân giả này muốn tự mình làm thầy và dẫn dắt người khác đi lạc đường. Họ tìm cách thay chỗ của Đức Thánh Linh!

Chúng ta đã được cảnh cáo không để cho bất cứ người nào làm thầy của mình, vì Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta Đức Thánh Linh để dạy dỗ chúng ta lẽ thật của Ngài. Điều này không chối bỏ công việc của các giáo sư trong Hội Thánh (Eph 4:11,12) nhưng nó hàm ý là nhờ sự dẫn dắt của Thánh Linh bạn phải thử việc dạy dỗ của con người khi bạn tra xem Kinh Thánh cho chính mình (Cong 17:11).

Một nhà truyền giáo cho người Mỹ Da đỏ đang ở tại Los Angeles với một người bạn da đỏ là một tín hữu mới. Khi đi xuống phố, họ đi ngang một người đang đứng giảng đạo ở góc đường, tay cầm Quyển Thánh Kinh. Nhà truyền giáo biết người này trình bày một giáo phái, nhưng người bạn da đỏ chỉ nhìn thấy Quyển Thánh Kinh. Người ấy dừng lại lắng nghe bài giảng.

“Minh hy vọng bạn mình đừng bị rối rắm,” nhà truyền giáo tự nghĩ, và ông bắt đầu cầu nguyện. Trong vài phút người bạn da đỏ xoay khỏi buổi nhóm và đi theo người bạn truyền giáo của mình.

“Anh nghĩ gì về diễn giả đó?” nhà truyền giáo hỏi.

“Trọn lúc ông ta đang nói,” người bạn da đỏ đáp, “một điều gì đó trong lòng tôi cứ nói, ‘Dối trá! Dối trá!’”

“Điều gì đó” trong lòng anh là “một Đấng nào đó” – tức Thánh Linh của Đức Chúa Trời! Đức Thánh Linh dẫn dắt chúng ta vào lẽ thật và giúp chúng ta nhận ra sự lầm lạc. Sự xúc dầu này của Đức Chúa Trời “không hề giả dối,” vì “Thánh Linh là lẽ thật” (IGi 5:6).

Vì sao một số Cơ Đốc nhân bị dẫn đi lạc đường để tin vào những lời dạy dỗ giả dối? Vì họ không ở trong Thánh Linh. Từ “ở trong” hiện diện nhiều lần trong phần này của Thư 1 Giăng, và rất ích lợi khi xem xét lại:

- Các giáo sư giả không ở (“tiếp tục”) trong mỗi thông công Cơ Đốc (2:19).
- Lời (sứ điệp) chúng ta đã nghe cần phải ở trong chúng ta (c.24).
- Sự xúc dầu (Đức Thánh Linh) ở trong chúng ta, và chúng ta cần phải ở trong Thánh Linh (c.27).
- Khi chúng ta ở trong Lời Chúa và trong Thánh Linh, chúng ta cũng ở trong Đấng Christ nữa (c.28).

Chúng ta cũng nhận thấy từ ở này trước đây trong thư tín của Giăng:

- Nếu chúng ta nói mình ở trong Đấng Christ, chúng ta cần phải bước đi như Ngài đã bước đi (2:6).

- Nếu chúng ta yêu anh em mình, chúng ta ở trong sự sáng (2:10).
- Nếu Lời Chúa ở trong chúng ta, chúng ta sẽ mạnh mẽ về phần tâm linh (2:14).
- Nếu chúng ta làm theo ý muốn Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ còn đời đời (2:17).

“Ồ” có nghĩa là duy trì trong sự giao thông và “sự giao thông” là ý chính trong hai chương đầu của thư tín này. Từ chương 3 đến chương 5, sự nhấn mạnh là từ địa vị làm con, hay được “sinh bởi Đức Chúa Trời.”

Có thể lắm một người vẫn là con trong gia đình nhưng lại ở ngoài sự giao thông với cha mình và với các thành viên khác của gia đình. Khi Cha thiên thượng khám phá ra chúng ta ở ngoài sự giao thông với Ngài, Ngài xử lý chúng ta để đem chúng ta trở lại ở trong Ngài. Tiến trình này được gọi là “việc uốn nắn” – việc dạy dỗ con cái (He 12:5-11).

Một tín đồ phải để cho Thánh Linh Đức Chúa Trời dạy dỗ mình qua Lời Kinh Thánh. Một trong những chức năng chính của một Hội Thánh địa phương là giảng dạy Lời Đức Chúa Trời (IITi 2:2 4:1-5). Thánh Linh ban ân tứ dạy dỗ cho một số cá nhân nào đó trong cộng đồng Cơ Đốc (Ro 12:6,7) và họ dạy dỗ những người khác, nhưng những điều họ dạy dỗ phải được thử nghiệm (IGi 4:1-3).

Có một sự khác biệt giữa sự lừa dối cố ý và sự ngu dốt thuộc linh. Khi A-bô-lô giảng dạy tại nhà hội ở Ê-phê-sô, sứ điệp của ông không có gì sai cả, nhưng nó không trọn vẹn. Bơ-rít-sin và A-qui-la, hai tín hữu trưởng thành trong hội chúng, đem ông riêng ra và dạy dỗ ông sứ điệp đầy trọn của Đấng Christ (Cong 18:24-28). Một Cơ Đốc nhân dành thì giờ mỗi ngày trong việc học Kinh Thánh và cầu nguyện sẽ bước đi trong Thánh Linh và có sự sáng suốt mình cần đến.

Thánh Linh dạy chúng ta “tất cả mọi điều” (IGi 2:27). Các giáo sư giả có một cách thức để “dạy dỗ sai lệch” – chỉ nhấn mạnh việc nói tiên tri hoặc sự thánh hoá hoặc cả việc kiêng ăn – và bỏ qua toàn thể sứ điệp của Thánh Kinh. Chúa Giê-xu ngụ ý rằng chúng ta sẽ phải sống bởi “mọi lời nói ra từ miệng Đức Chúa Trời” (Mat 4:4). Phao-lô thật thận trọng khi giảng dạy “hết thầy ý muốn của Đức Chúa Trời” (Cong 20:27). “Cả Kinh Thánh đều được hà hơi bởi Thánh Linh Đức Chúa Trời và đều có ích” (IITi 3:16).

Nếu bạn phớt lờ hoặc bỏ qua bất cứ phần nào của Kinh Thánh, bạn sẽ tự tạo nan đề cho mình. Bạn phải đọc và nghiên cứu cả Quyển, và có thể “ngay thẳng giảng dạy” Lời của Lễ thật (IITi 2:15) Bạn cần phải nhận ra trong Thánh Kinh những gì Đức Chúa Trời phán với những người khác nhau vào những thời đại khác nhau có những đoạn ứng dụng đặc biệt cho người Do Thái, hoặc cho người ngoại, hoặc cho Hội Thánh (ICo 10:32). Bạn phải cẩn thận phân biệt chúng. Dầu cả Kinh Thánh đều được viết vì có bạn, nhưng không phải tất cả Kinh Thánh đều được viết cho bạn. Thế nhưng, các giáo sư giả chỉ rút ra (khỏi mạch văn) những điều họ muốn, và thường áp dụng cho các tín đồ ngày nay những đoạn văn chỉ dành cho Y-sơ-ra-ên cổ xưa mà thôi.

Thư thứ hai của Giảng cảnh cảnh tỉnh hơn về các giáo sư giả (IIGi 1:7-11). Một Cơ Đốc nhân dính líu với những kẻ lừa dối này đang ở trong hiểm hoạ mất phần thưởng đầy đủ của mình (c.8). Thậm chí bạn không nên nói “tạm biệt” (nghĩa đen có nghĩa là “Cầu Chúa ở với bạn”). Bạn không được thô lỗ hoặc không tử tế, vì đó không phải là đặc tính Cơ Đốc nhưng bạn không được cho họ vào nhà mình để giải thích quan điểm của họ. Tại sao? Bởi lẽ nếu bạn cho họ vào, hai hậu quả có thể theo sau: Trước tiên, họ sẽ gieo trồng những hạt giống của việc dạy dỗ giả dối trong tâm trí bạn, và Sa-tan có thể tưới và vun xới những hạt giống này để tạo ra trái đắng. Nhưng ngay cả nếu điều này không xảy ra, bởi việc tiếp đãi các giáo sư giả vào nhà mình bạn đang mở lối cho họ bước vào những nhà khác! Kẻ phỉnh gạt sẽ nói với người

hàng xóm dưới phố của bạn, “Ông Bà Smith đã cho tôi vào nhà họ, và ông biết hai người này là những Cơ Đốc nhân tốt dường nào!”

Giờ thì Giăng đã kết thúc sứ điệp của ông về sự giao thông Cơ Đốc và sắp bắt đầu sứ điệp về địa vị làm con. Ông đã vạch ra những sự trái ngược giữa sự sáng và sự tối tăm (IGi 1:1-2:6), tình yêu thương và lòng ghen ghét (2:7-17), và lẽ thật với sự lầm lạc (2:18-27). Ông đã giải thích rằng một Cơ Đốc nhân thật sống một đời sống vâng lời (bước đi trong sự sáng, không phải sự tối tăm), yêu thương, và lẽ thật. Không thể nào sống trong sự giao thông với Đức Chúa Trời nếu bạn không vâng lời hoặc đầy ghen ghét hay không chân thật. Bất cứ tội nào trong những tội này đều sẽ đưa bạn xa khỏi sự thật và bước vào sự giả vờ. Bạn sẽ có một đời sống “giả tạo” thay vì một đời sống “đích thực.”

Các câu 28,29 là một “chiếc cầu” giữa phần sự giao thông và phần địa vị làm con (“được sanh bởi Đức Chúa Trời”) trong những câu này Giăng dùng ba từ đáng phải khích lệ chúng ta sống trong sự giao thông với Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Thánh Linh.

- Ổ. Đây là một từ chúng ta đã gặp hai lần trước. Bạn phải nhận ra tầm quan trọng của việc ở trong Đấng Christ. Thực ra, đây là chủ đề của hai chương đầu của thư tín này. Bạn ở trong Đấng Christ bởi tin lẽ thật, vâng theo lẽ thật, và yêu mến các Cơ Đốc nhân khác – là “các anh em mình.” Sự vâng lời – tình yêu thương – lẽ thật. Nếu bạn là một tín đồ và thấy chính mình đang ở ngoài sự giao thông với Đức Chúa Trời, đó là vì bạn đã bất tuân Lời Ngài, đã thiếu tình yêu thương đối với một anh em, hoặc đã tin một sự dối trá. Cách giải quyết là xưng tội mình ngay và cầu xin Đức Chúa Trời tha thứ (1:9).

- Hiện đến. Đây là sự đề cập đầu tiên trong thư tín này về sự trở lại của Đấng Christ đã được tuyên hứa. Sách Khải Huyền đề cập các biến cố tương lai cách chi tiết. Thư tín này (IGi 2:28-3:3 4:17) chỉ đề cập sự trở lại của Đấng Christ và một ngày phán xét sẽ đến.

Không phải tất cả sinh viên trường Kinh Thánh đều đồng ý nhau về chi tiết của các biến cố tương lai, nhưng các Cơ Đốc nhân rao giảng Tin Mừng đều đồng ý rằng Đấng Christ sẽ trở lại vì có Hội Thánh Ngài (ITe 4:13-18). Dầu lúc đó Cơ Đốc nhân sẽ không bị phán xét vì tội lỗi mình, nhưng họ sẽ bị phán xét dựa trên nền tảng sự trung tín của họ trong việc phục sự Đấng Christ (ICo 3:10-15). Những ai trung tín sẽ nhận phần thưởng (ICo 4:5) và những ai không trung tín sẽ mất phần thưởng. Sự kiện này được gọi là “toà án phán xét của Đấng Christ” (Ro 14:10 ICo 5:10) đừng nhầm lẫn với “toà phán xét lớn và trắng” cuối cùng của những người chưa được cứu (Kh 20:11-15).

Sự kiện Chúa Giê-xu Christ sẽ trở lại vào bất cứ lúc nào cần phải là một sự khích lệ đối với bạn để sống trong sự giao thông với Ngài và vâng theo Lời Ngài. Vì lý do này, Giăng dùng một từ thứ ba:

- Hồ thẹn. Một số Cơ Đốc nhân sẽ bị “hồ thẹn trước Chúa trong sự hiện diện của Ngài” (IGi 2:28). Tất cả mọi tín đồ đều “được chấp nhận,” nhưng có một sự khác biệt giữa việc “được chấp nhận” và “có thể chấp nhận được” (hay “được khen thưởng”). Một đứa con không vâng lời đi ra ngoài và bị lầm dơ sẽ được chấp nhận khi nó trở về nhà, nhưng nó sẽ không được đối xử như thể nó có thể chấp nhận được. “Cho nên chúng ta . . . cũng làm hết sức mình để được đẹp lòng Chúa” (ICo 5:9). Một Cơ Đốc nhân không bước đi trong sự giao thông với Đấng Christ trong sự vâng lời, tình yêu thương, và lẽ thật sẽ mất phần thưởng mình và điều này sẽ khiến người ấy hồ thẹn.

Dù cho Cơ Đốc nhân nhìn về hướng nào, người ấy đều tìm thấy lý do để vâng lời Đức Chúa Trời. Nếu nhìn lại đằng sau, người ấy nhìn thấy Thập tự giá, nơi Đấng Christ đã chết thay cho mình. Nếu nhìn vào bên trong, người ấy nhìn thấy Đức Thánh Linh đang sống bên

trong và dạy dỗ mình lẽ thật. Nếu nhìn chung quanh, người ấy nhìn thấy những anh em Cơ Đốc mà mình yêu thương người ấy cũng nhìn thấy một thế giới hư mất trong tội lỗi, đang rất cần lời chứng tin kính của mình. Và nếu nhìn tới trước, người ấy nhìn thấy sự trở lại của Đấng Christ! “Và ai có sự trông cậy đó trong lòng, thì tự mình làm nên thanh sạch, cũng như Ngài là thanh sạch” (IGi 3:3). Sự trở lại của Đấng Christ là một sự linh cảm lớn lao cho việc sống tin kính.

Giăng đã viết về sự sáng và sự tối tăm, tình yêu thương và lòng ghen ghét, lẽ thật và sự lầm lạc và trong 2:29 ông tóm tắt toàn thể vấn đề của đời sống Cơ Đốc trong một câu – “làm theo sự công bình.”

Sự sống thực là một đời sống làm theo, chứ không chỉ nói mà thôi (“Nếu chúng ta nói,” 1:8-2:9) hay tán đồng cách lý trí rằng một giáo lý là đúng đắn. “Chẳng phải hễ những kẻ nói cùng Ta rằng ‘Lạy Chúa, Lạy Chúa’ thì đều được vào Nước thiên đàng đâu nhưng chỉ kẻ làm theo ý muốn của Cha ta ở trên trời mà thôi” (Mat 7:21). Cơ Đốc nhân không chỉ tin lẽ thật họ cũng làm theo lẽ thật nữa (IGi 1:6).

Một người tự xưng là Cơ Đốc nhân, nhưng không sống trong sự vâng lời, tình yêu thương, và lẽ thật, thì hoặc bị lừa dối, hoặc là kẻ dối trá. Một đứa con mang bản chất của cha nó, và một người đã được “sanh bởi Đức Chúa Trời” sẽ bộc lộ những tính chất của Cha thiên thượng. “Vậy anh em hãy trở nên kẻ bắt chước Đức Chúa Trời, như con cái rất yêu dấu của Ngài” (Eph 5:1). “Anh em đã nên như con cái hay vâng lời, thì chớ có làm theo sự dâm dục, là sự cai trị trong anh em ngày trước, về lúc anh em còn ngu muội. Nhưng, như Đấng gọi anh em là thánh, thì anh em cũng phải thánh trong mọi cách ăn ở mình”(IPhi 1:14,15a).

Một lớp Trường Chúa Nhật dường như đang có những nan đề thường xuyên. Vị mục sư và người phụ trách Trường Chúa Nhật gặp gỡ vị giáo viên và các nhân viên, nhưng không có tiến triển rõ rệt nào. Rồi, một sáng Chúa nhật nọ, vị giáo viên của lớp tiến lên phía tòa giảng trong suốt thời gian hát bài thánh ca tắt lể. Vị mục sư thầm nghĩ, “Mình cho là cô ấy muốn dâng đời sống cho Chúa.”

Cô nói, “Thưa Mục sư, tôi muốn xưng nhận Đấng Christ là Cứu Chúa của mình. Trong suốt những năm qua tôi nghĩ là mình đã được cứu, nhưng thực tế thì không phải vậy. Luôn có một điều gì đó thiếu thốn trong đời sống tôi. Những nan đề của lớp học là những nan đề của tôi, nhưng giờ đây chúng đã được giải quyết. Giờ đây tôi biết mình đã được cứu.”

“Chính anh em hãy tự xét để xem mình có đức tin chẳng. Hãy tự thử mình!” (IICo 13:5). Đời sống bạn có mang dấu hiệu của sự vâng lời, yêu thương, và lẽ thật không? Đời sống Cơ Đốc của bạn có là một điều gì đó trung thực – thành thật – xác thực không? Hay là nó giả dối?

Đó là một vấn đề của lẽ thật – hay của những hậu quả! Và nếu bạn không đối diện lẽ thật, bạn phải trả giá cho những hậu quả đó!

6. KẺ GIẢ MẠO (IGi 3:1-10)

Bộ Tài Chánh Mỹ có một nhóm người đặc biệt có bốn phạm theo dõi những kẻ làm giả mạo. Đương nhiên, những người này cần biết một tờ giấy bạc giả khi họ nhìn thấy nó.

Họ học nhận diện những tờ bạc giả như thế nào?

Thật lạ là họ không được huấn luyện bằng cách dành nhiều giờ xem xét những tờ bạc giả. Đúng hơn, họ nghiên cứu bạc thật. Họ trở nên quá quen thuộc với những tờ bạc thật đến nỗi họ có thể chỉ ra một tờ bạc giả bằng cách nhìn vào nó hay, thường thì chỉ bằng cách sờ thử nó.

Đây là phương cách trong I Gi 3:1-24, báo trước cho chúng ta rằng trong thế giới ngày nay có những Cơ Đốc nhân giả – tức “con cái của ma quỷ” (c.10). Nhưng thay vì liệt kê những đặc tính xấu xa của con cái Sa-tan, Thánh Kinh mô tả con cái Đức Chúa Trời thật rõ ràng cho chúng ta. Sự trái ngược giữa hai bên thật hiển nhiên.

Câu trọng tâm của chương này là câu 10: một con cái thật của Đức Chúa Trời làm theo sự công bình và yêu mến các Cơ Đốc nhân khác bất chấp những sự khác biệt nhau. Câu 1-10 đề cập tới đề tài đầu, và câu 11-24 liên hệ đề tài sau.

Làm theo sự công bình và yêu thương anh em mình, dĩ nhiên, không phải là những chủ đề mới mẻ. Hai đề tài quan trọng này được trình bày trong hai chương đầu của thư tín này, nhưng trong chương 3 phương pháp trình bày khác hẳn. Hai chương đầu nhấn mạnh vào mỗi thông công: một Cơ Đốc nhân ở trong mỗi thông công với Đức Chúa Trời sẽ làm theo sự công bình và sẽ yêu thương anh em. Nhưng chương 3-5 nhấn mạnh vào địa vị làm con. Vì một Cơ Đốc nhân được “sinh bởi Đức Chúa Trời,” người ấy sẽ làm theo sự công bình và yêu mến anh em mình.

“Được sinh bởi Đức Chúa Trời” là ý tưởng nền tảng đối với các chương này (2:29 3:9 4:7 5:1,4,18).

Khi bạn đọc 3:1-10 trong Bản văn Authorized, có thể bạn phải ngạc nhiên vì câu 6 và 9 dường như trái ngược hẳn với 1:8-9. Bản dịch Authorized của các động từ ở đây không chính xác. Điều mà bản văn Hy Lạp thực sự nói là: “Không ai ở trong Ngài mà miệt mài trong tội lỗi không ai miệt mài trong tội lỗi mà từng được thấy Ngài hoặc biết Ngài” (c.6). “Không ai được sinh bởi Đức Chúa Trời mà miệt mài trong tội lỗi . . . người ấy không thể miệt mài trong tội lỗi vì người được sinh bởi Đức Chúa Trời” (c.9). “Miệt mài” tội lỗi là cứ phạm tội hoài và điều đó như một lối sống. Nó không nói đến việc thỉnh thoảng mới phạm một tội. Rõ ràng là không Cơ Đốc nhân nào vô tội cả (1:8-10), nhưng Đức Chúa Trời trông mong một tín đồ chân thật phạm tội ít đi, chứ không phạm tội thường xuyên.

Mọi nhân vật vĩ đại được đề cập đến trong Kinh Thánh có lúc cũng đã phạm tội. Áp-ra-ham nói dối về vợ mình (Sa 12:1-20). Môi-se nổi nóng và bất tuân Đức Chúa Trời (Dan 20:7-13). Phi-e-rơ chối Chúa ba lần (Mat 26:69-75). Nhưng tội lỗi không phải là thói quen không thay đổi được của những người này. Đó là một việc bất ngờ xảy ra trong đời sống họ, hoàn toàn trái ngược với thói quen bình thường của họ. Và khi họ phạm tội, họ thú nhận tội đó và cầu xin Đức Chúa Trời tha thứ cho mình.

Một người chưa được cứu (ngay cả nếu người ấy tự xưng là một Cơ Đốc nhân nhưng lại là một tín đồ giả) sống một đời sống thường xuyên phạm tội. Tội lỗi – đặc biệt là tội vô tín – là một điều bình thường trong đời sống người ấy (Eph 2:1-3). Người ấy không có nguồn cậy trông thiên thượng nào để nương tựa. Sự tuyên xưng đức tin của người ấy, nếu có, là không chân thật. Đây là điều phân biệt được xem xét trong 3:1-10 – một tín đồ thật không sống trong tội lỗi thường xuyên. Người ấy có thể phạm tội – một hành động sai trật có tính cách không thường xuyên – nhưng người ấy sẽ không miệt mài trong tội lỗi – tức tạo nên một thói quen không thay đổi được của hành động đó.

Sự khác biệt là một Cơ Đốc nhân thật biết Đức Chúa Trời. Một Cơ Đốc nhân giả có thể nói về Đức Chúa Trời và tham gia vào các “hoạt động tôn giáo,” nhưng người ấy không thật sự biết Đức Chúa Trời. Người đã được “sinh bởi Đức Chúa Trời” nhờ đức tin nơi Đấng Christ biết Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Thánh Linh. Và bởi vì người ấy biết Ba ngôi Đức Chúa Trời, người ấy sống một đời sống vâng lời: người ấy không miệt mài trong tội lỗi.

Giảng nêu cho chúng ta ba lý do để sống một đời sống thánh khiết:

1. Đức Chúa Cha yêu thương chúng ta (IGi 3:1-3)

Tình yêu của Đức Chúa Trời đối với chúng ta thì vô nhưng. Câu 1 có thể được dịch là, “Hãy xem, Đức Chúa Cha đã ban cho chúng ta loại tình yêu đặc biệt, khác với thế gian này biết bao.” Trong khi chúng ta là kẻ thù nghịch của Đức Chúa Trời Ngài đã yêu thương chúng ta và sai Con Ngài chết thế chúng ta!

Toàn thể kế hoạch cứu rỗi diệu kỳ bắt đầu với tình yêu của Đức Chúa Trời.

Nhiều dịch giả thêm một phần vào câu 1: “Mà cho chúng ta được gọi là con cái Đức Chúa Trời, và chúng ta thật là con cái Ngài.” “Con Đức Chúa Trời” không chỉ là một danh xưng rỗng tuếch mà chúng ta mang nó là một thực tế! Chúng ta là con cái Đức Chúa Trời! Chúng ta không trông mong thế gian hiểu mối quan hệ lạ lùng này, vì họ thậm chí không hiểu Đức Chúa Trời. Chỉ người nào biết Đức Chúa Trời qua Đấng Christ mới có thể thấu hiểu đầy đủ việc được gọi là con Đức Chúa Trời có nghĩa gì.

Câu 1 cho chúng ta biết chúng ta hiện là gì và câu 2 cho chúng ta biết chúng ta sẽ là gì. Dĩ nhiên, ở đây ám chỉ thời điểm mà Đấng Christ sẽ trở lại vì có Hội Thánh Ngài. Điều này được đề cập trong IGi 2:28 như một sự khích lệ để sống thánh khiết, và giờ đây nó được lặp lại.

Tình yêu của Đức Chúa Trời đối với chúng ta không dừng lại khi chúng ta được sinh lại. Nó tiếp tục suốt cuộc đời chúng ta và đeo đuổi chúng ta đến tận lúc Chúa Giê-xu Christ trở lại! Khi Chúa chúng ta hiện đến, mọi tín đồ thật sẽ trông thấy Ngài và sẽ trở nên giống như Ngài (Phi 3:20,21). Hẳn nhiên, điều này có nghĩa là họ sẽ có thân thể mới vinh hiển, thích hợp với thiên đàng.

Nhưng vị sứ đồ không dừng ở đây! Ông đã cho chúng ta biết chúng ta hiện là gì và chúng ta sẽ là gì. Giờ đây, trong IGi 3:3, ông cho chúng ta biết chúng ta cần phải làm gì. Bởi vì sự trở lại của Đấng Christ, chúng ta cần phải giữ đời sống mình thanh sạch.

Tất cả mọi điều này nhắc nhở chúng ta về tình yêu của Đức Chúa Cha. Vì Đức Chúa Cha yêu thương chúng ta và sai Con Ngài chết thế chúng ta, chúng ta được làm con cái Đức Chúa Trời. Vì có Đức Chúa Trời yêu thương chúng ta, Ngài muốn một ngày kia chúng ta sẽ được sống với Ngài. Sự cứu rỗi, từ lúc bắt đầu đến khi hoàn tất, là một sự bày tỏ tình yêu thương của Đức Chúa Trời. Chúng ta được cứu bởi ân điển của Đức Chúa Trời (Eph 2:8,9 Tit 2:11-15), nhưng sự dự bị cho sự cứu rỗi của chúng ta xuất phát từ tình yêu của Đức Chúa Trời. Và vì chúng ta đã từng trải tình yêu của Đức Chúa Cha, chúng ta không mong muốn sống trong tội lỗi.

Một người vô tín mà phạm tội thì là một tạo vật phạm tội chống nghịch lại Đấng Tạo Hoá mình. Một Cơ Đốc nhân mà phạm tội thì là một đứa con phạm tội chống nghịch lại Cha mình. Kẻ vô tín phạm tội nghịch lại luật pháp tín đồ phạm tội nghịch lại tình yêu thương.

Điều này nhắc nhở chúng ta về ý nghĩa của nhóm từ rất thường được lặp lại trong Thánh Kinh: “sự kính sợ Đức Giê-hô-va”. Nhóm từ này không ám chỉ là con cái Đức Chúa Trời phải sống trong một bầu không khí khiếp sợ, “Vì Đức Chúa Trời chẳng ban cho chúng ta tâm thần sợ hãi” (ITi 1:7). Đúng hơn, điều này ám chỉ rằng con cái Đức Chúa Trời phải tôn kính Cha mình và sẽ không cố ý bất tuân Ngài hay thử sự nhịn nhục của Ngài.

Một nhóm thiếu niên đang có một cuộc vui, và có người đề nghị là chúng phải đi đến một nhà hàng nào đó để được vui vẻ.

“Minh muốn bạn đưa mình về nhà,” Jan nói với nhóm bạn hẹn của cô, “cha mẹ mình không thích chỗ đó.”

“Bộ sợ ba bạn sẽ đánh bạn hả?” một trong các cô gái mĩa mai hỏi.

“Không đâu,” Jan đáp, “Mình không sợ ba mình sẽ đánh mình, nhưng mình sợ mình có thể làm ông buồn lòng.”

Cô hiểu nguyên tắc là một con cái thật của Đức Chúa Trời, đã từng kinh nghiệm tình yêu của Đức Chúa Trời, không mong muốn phạm tội nghịch lại tình yêu ấy.

2. Đức Chúa Con đã chết thay chúng ta (IGi 3:4-8)

Ở đây, Giảng chuyển từ sự hiện đến của Chúa Giê-xu trong tương lai (IGi 3:2) sang sự hiện ra của Ngài trong quá khứ (c.5). Giảng nêu hai lý do vì sao Chúa Giê-xu đã đến và đã chết: (1) để cất tội lỗi chúng ta đi (c.4-6), và (2) để huỷ phá công việc của ma quỷ (c.7,8). Đối với một con cái Đức Chúa Trời việc phạm tội nói lên rằng người ấy không hiểu hoặc đánh giá đúng điều Chúa Giê-xu đã thực hiện cho mình trên thập tự giá.

1. *Đấng Christ đã hiện ra để cất tội lỗi chúng ta đi* (3:4-6). Có nhiều định nghĩa của tội lỗi trong Kinh Thánh: “Bất cứ điều gì không bởi đức tin là tội lỗi” (Ro 14:23). “Tu tưởng ngu dại là tội lỗi” (Ch 24:9). “Cho nên, kẻ biết điều lành mà chẳng làm là phạm tội” (Gia 4:17). “Mọi sự không công bình đều là tội” (IGi 5:17). Nhưng thư tín Giảng định nghĩa tội là sự trái luật pháp (3:4). Nó xem tội là sự làm ô uế (1:9-2:2), nhưng ở đây nó xem tội là sự coi thường, không tuân theo.

Ở đây không nhấn mạnh vào tội lỗi (số nhiều), mà vào tội (số ít): “Hễ ai miệt mài trong tội (số ít).” Tội lỗi (số nhiều) là kết quả, nhưng tội (số ít) là gốc rễ.

Đức Chúa Trời là tình yêu thương không có nghĩa là Ngài không có phép tắc hay luật lệ gì cho gia đình của Ngài. “Này tại sao chúng ta biết mình đã biết Ngài, ấy là tại chúng ta giữ các điều răn của Ngài” (2:3). “Và chúng ta xin điều chi mặc dầu, thì nhận được điều ấy, bởi chúng ta vâng giữ các điều răn của Ngài và làm những điều đẹp ý Ngài” (3:22). “Chúng ta biết mình yêu con cái Đức Chúa Trời, khi chúng ta yêu Đức Chúa Trời và giữ vẹn các điều răn Ngài” (5:2).

Con cái Đức Chúa Trời không bị ràng buộc với luật pháp Cựu Ước, vì Đấng Christ đã giải phóng chúng ta và ban cho chúng ta sự tự do (Ga 5:1-6). Nhưng con cái Đức Chúa Trời cũng không được trái luật pháp! Họ “đôi với Đức Chúa Trời không phải là không luật pháp, nhưng ở dưới luật pháp của Đấng Christ” (ICo 9:21).

Tội lỗi về căn bản là một vấn đề của ý muốn. Về phần chúng ta, khẳng định ý muốn của mình chống nghịch lại ý muốn Đức Chúa Trời là phản loạn, và sự phản loạn là gốc rễ của tội lỗi. Tội lỗi không chỉ đơn giản tự bộc lộ trong hành vi trái luật pháp, mà chính bản chất của tội lỗi là sự trái luật pháp. Dù cho hành vi bên ngoài của một người có tội có thể là gì đi nữa, thái độ bên trong của người ấy vẫn là một thái độ của sự phản loạn.

Cô bé Judy đang đi trong xe hơi với cha cô. Cô quyết định đứng lên trên băng ghế phía trước. Cha cô ra lệnh cho cô ngồi xuống và thắt dây lưng an toàn vào, nhưng cô không chịu. Ông bảo cô lần thứ nhì, nhưng cô bé lại từ chối.

Cuối cùng ông bố nói, “Nếu con không ngồi xuống ngay lập tức, ba sẽ tấp xe vào lề đường và phát vào mông con đấy!”, và trước điều này cô bé chịu nghe theo. Nhưng trong vài phút cô nói thầm, “Ba ơi, trong lòng con vẫn đứng.”

Thật là sự trái luật pháp! Một sự phản loạn! Mặc dù có sự ép buộc từ bên ngoài, nhưng vẫn có sự phản loạn ở bên trong và thái độ này là bản chất của tội lỗi.

Nhưng sau khi một người trở nên con cái Đức Chúa Trời, được tái sinh bởi đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ, người ấy không thể thực hành sự trái luật pháp được! Trước hết, Chúa Giê-xu Christ không hề có tội, và ở trong Ngài có nghĩa là đồng nhất hoá với Đấng vô tội. Và thậm chí hơn thế nữa, Chúa Giê-xu Christ đã chết để cất tội lỗi chúng ta đi! Nếu chúng ta biết con người của Đấng Christ, và nếu chúng ta có phần trong phước hạnh của sự chết Ngài, chúng ta không thể cố ý bất tuân Đức Chúa Trời. Toàn thể công tác của thập tự giá bị chối bỏ khi một người tự xưng là Cơ Đốc nhân cố tình phạm tội. Đây là một lý do vì sao Phao-lô gọi những người như thế là “kẻ thù nghịch thập tự giá của Đấng Christ” (Phi 3:18,19).

“Ai ở trong Ngài thì không miệt mài trong tội” (IGi 3:6). “Ở” là một trong những từ Giảng ưa thích nhất. Ở trong Đấng Christ nghĩa là ở trong mối thông công với Ngài, không để bất cứ điều gì xen vào giữa chúng ta với Đấng Christ. Địa vị làm con (việc sanh bởi Đức Chúa Trời) đem đến sự hiệp nhất giữa chúng ta với Đấng Christ nhưng mối thông công khiến sự giao thông của chúng ta với Đấng Christ có thể thực hiện được. Chính sự giao thông này (việc ở) với Đấng Christ giữ chúng ta khỏi cố ý bất tuân Lời Ngài.

Một người cố tình và thường xuyên phạm tội đang chứng tỏ rằng người ấy không biết Đấng Christ và vì vậy không thể đang ở trong Ngài.

Trong sự chết của Đấng Christ trên thập tự giá không chỉ có sự cứu chuộc chúng ta khỏi sự đoán phạt mà cũng có nhiều điều khác diệu kỳ giống như vậy. Qua sự chết của Ngài, Đấng Christ đã phá tan quyền lực của nguyên tắc tội lỗi trong đời sống chúng ta. Chủ đề của Ro 6:1-8:39 là sự đồng nhất này với Đấng Christ trong sự chết và sự sống lại của Ngài. Đấng Christ không chỉ chết thay tôi, mà tôi đã chết với Đấng Christ! Giờ đây tôi có thể phó dâng chính mình cho Ngài và tội lỗi sẽ không có quyền thống trị trên tôi.

2 *Đấng Christ đã hiện ra để huỷ phá công việc của ma quỷ* (IGi 3:7-8). Lô-gíc ở đây thật rõ rệt: nếu một người biết Đức Chúa Trời, người ấy sẽ vâng lời Đức Chúa Trời nếu người ấy thuộc về ma quỷ, người ấy sẽ vâng lời ma quỷ.

Giảng chấp nhận tính chất xác thực của cá nhân một kẻ ác. Kẻ thù này có nhiều danh hiệu khác nhau trong Thánh Kinh: Sa-tan (kẻ địch, kẻ thù), ma quỷ (kẻ kiêu cao), A-ba-đôn hay A-pô-ly-ôn (kẻ huỷ diệt), vua của thế gian này, con rồng, v. v. . . Dù bạn gọi nó danh hiệu gì, hãy nhớ rằng hoạt động chính yếu của nó là chống lại Đấng Christ và dân sự của Đức Chúa Trời.

Sự đối lập ở đây là giữa Đấng Christ (Đấng không có tội lỗi, c. 5) và ma quỷ (kẻ không thể làm gì ngoài ra phạm tội).

Gốc gác của Sa-tan là một điều bí ẩn. Nhiều học giả tin nó đã từng là một trong các thiên sứ cao trọng nhất, được Đức Chúa Trời đặt trên trái đất và trên các thiên sứ khác, và nó đã phạm tội chống lại Đức Chúa Trời và đã bị quăng xuống (Es 14:9-17 Exe 28:12-14).

Sa-tan không còn đời đời, như Đức Chúa Trời, vì nó là một vật thọ tạo. Nó không được tạo dựng với bản chất tội lỗi. Bản tánh hiện nay của nó là một kết quả của sự phản nghịch trong quá khứ của nó. Sa-tan không giống như Đức Chúa Trời: nó không toàn năng, toàn tri, hay có mặt khắp mọi nơi. Tuy nhiên, nó được trợ giúp bởi một đạo quân của các tạo vật thần linh được biết đến như các quỷ dữ, là những kẻ khiến nó có thể hành động tại nhiều nơi trong cùng một lúc (Eph 6:10-12).

Sa-tan là một kẻ phản nghịch, nhưng Đấng Christ là Con biết vâng lời của Đức Chúa Trời. Đấng Christ “đã vâng phục cho đến chết, thậm chí chết trên thập tự giá” (Phi 2:8). Đấng Christ là Đức Chúa Trời nhưng sẵn lòng trở nên một tôi tớ. Sa-tan là một tôi tớ lại muốn trở thành

Đức Chúa Trời. Từ buổi đầu của công việc nó, Sa-tan đã từng là một kẻ có tội, và Đấng Christ đã đến để huỷ phá công việc của ma quỷ.

“Huỷ phá” (IGi 3:8) không có nghĩa là “tiêu diệt.” Sa-tan chắc chắn vẫn còn đang hoạt động ngày nay! Ở đây, “huỷ phá” có nghĩa là “làm cho không còn hiệu quả, cướp đi quyền hành.” Sa-tan đã không bị tiêu diệt, nhưng quyền hành của nó đã bị giảm đi và vũ khí nó đã bị làm cho hư hại. Nó vẫn còn là một kẻ thù mạnh mẽ, nhưng nó không đối địch được với quyền năng của Đức Chúa Trời.

Chúa Giê-xu ví sánh thế gian này với một dinh thự chứa nhiều món hàng quý giá. Một người mạnh sức đang canh giữ dinh thự này (Lu 11:14-23). Sa-tan là người mạnh sức, và “hàng hoá” của nó là những người nam và nữ bị hư mất. Cách duy nhất để giải thoát các “hàng hoá” này là cột người mạnh sức lại, và đó chính là điều Chúa Giê-xu đã làm trên thập tự giá. Chúa Giê-xu, khi đến thế gian, đã xâm chiếm “dinh thự” của Sa-tan. Khi Ngài chết, Ngài đã bẻ gãy quyền lực của Sa-tan và đoạt được các hàng hoá của nó! Mỗi lần một tội nhân hư mất được chinh phục về cho Đấng Christ, thì lại có thêm “chiến lợi phẩm” của Sa-tan bị tước đoạt khỏi nó.

Suốt nhiều tháng sau khi Thế Chiến II chấm dứt, người ta phát hiện các đội lính Nhật ẩn núp trong các hang động và các rừng già của các đảo ở Thái Bình Dương. Một số trong những người đã tan rã hàng ngũ này đang sống giống như những người man rợ đây kinh hãi họ không biết chiến tranh đã qua rồi. Một khi hiểu được rằng không còn cần thiết phải chiến đấu nữa, họ đã đầu hàng.

Cơ Đốc nhân có thể yên nghỉ trong lẽ thật là Sa-tan là một kẻ thù đã bị đánh bại. Có thể nó vẫn còn thắng vài chiến trận ở đây đó, nhưng nó đã thua trận chiến rồi! Nó đã bị kết án, nhưng sẽ có một khoảng thời gian trước khi án phạt được ban ra. Một người biết Đấng Christ, và đã được giải phóng khỏi ách của tội lỗi nhờ sự chết của Đấng Christ trên thập tự giá, không mong muốn vâng theo Sa-tan và sống giống như một kẻ phản nghịch.

“Hỡi các con cái bé mọn, chớ để ai lừa dối mình!” Cơ Đốc nhân giả đang cố tìm cách thuyết phục các tín đồ thật rằng một người có thể “đã được cứu” tuy nhiên vẫn phạm (mưu đồ) tội. Giăng không phủ nhận rằng Cơ Đốc nhân có phạm tội, nhưng ông thật sự phủ nhận là Cơ Đốc nhân có thể sống trong tội lỗi. Một người có thể ưa thích cố ý phạm tội và không cảm thấy bị cáo trách hay từng trải sự sửa phạt của Đức Chúa Trời tốt hơn nên tự tra xét xem mình đã thực sự được sinh bởi Đức Chúa Trời chưa.

3. Đức Chúa Thánh Linh sống trong chúng ta (IGi 3:9,10)

“Hễ ai sinh bởi Đức Chúa Trời thì không phạm tội!”

Vì sao? Vì người ấy mang trong mình một bản tính mới, và bản tính đó không thể phạm tội. Giăng gọi bản tính này là “hạt giống” của Đức Chúa Trời.

Khi một người nhận Đấng Christ làm Cứu Chúa của mình, những biến đổi lớn lao về tâm linh xảy ra trong người ấy. Người ấy được ban cho một vị trí mới trước mặt Đức Chúa Trời, được nhận là công bình trong cách nhìn của Đức Chúa Trời. Vị trí mới này được gọi là “sự xưng công bình.” Nó không bao giờ đổi thay và không bao giờ mất đi được.

Cơ Đốc nhân mới cũng được ban cho một địa vị mới: người ấy được biệt riêng cho các mục đích riêng của Đức Chúa Trời để sống cho sự vinh hiển của Ngài. Địa vị mới này được gọi là “sự thánh hoá,” và nó có một cách thức đổi mới mỗi ngày. Sau một thời gian chúng ta gần gũi với Đấng Christ nhiều hơn và sẵn sàng vâng lời Ngài nhiều hơn.

Nhưng có lẽ sự biến đổi gây ấn tượng sâu sắc nhất trong một tín đồ mới là điều chúng ta gọi là “sự tái sinh.” Người ấy được sinh lại “trong gia đình của Đức Chúa Trời. (“Tái” có nghĩa là “một lần nữa” và “sinh” nghĩa là “sự sinh ra.”)

Sự xưng công bình muốn nói đến một vị trí mới trước mặt Đức Chúa Trời, sự thánh hoá hàm ý được biệt riêng cho Đức Chúa Trời, và sự tái sinh ám chỉ một bản tính mới – bản tính của Đức Chúa Trời (II Phi 1:4).

Cách duy nhất để bước vào gia đình Đức Chúa Trời là bởi việc tin nơi Đấng Christ và kinh nghiệm sự sinh lại mới mẻ này. “Ai tin Đức Chúa Giê-xu là Đấng Christ thì sinh bởi Đức Chúa Trời” (IGi 5:1).

Sự sống thuộc thể chỉ sinh ra sự sống thuộc thể sự sống thuộc linh sinh ra sự sống thuộc linh. “Hễ chi sinh bởi xác thịt là xác thịt hễ chi sinh bởi Thánh Linh là thần” (Gi 3:6). Cơ Đốc nhân đã được sinh lại, “chẳng phải bởi giống hay hư nát, nhưng bởi giống chẳng hay hư nát, là bởi Lời hằng sống và bền vững của Đức Chúa Trời” (I Phi 1:23). Ấy vậy, “cha mẹ thuộc linh” của một Cơ Đốc nhân là Lời Đức Chúa Trời và Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Thánh Linh của Đức Chúa Trời dùng Lời Đức Chúa Trời để cáo trách tội lỗi và bày tỏ Đấng Cứu Chuộc.

Chúng ta được cứu bởi đức tin (Eph 2:8,9), và “đức tin đến bởi việc người ta nghe, mà người ta nghe, là khi Lời của Đức Chúa Trời được rao giảng” (Ro 10:17). Trong phép lạ của sự tái sinh, Đức Thánh Linh truyền sự sống mới – sự sống của Đức Chúa Trời – vào một tội nhân đã tin nhận Ngài, và kết quả là cá nhân đó được sinh vào trong gia đình của Đức Chúa Trời.

Giống y như con cái về phần xác mang bản tính của cha mẹ chúng, con cái thuộc linh của Đức Chúa Trời cũng mang bản tính của Ngài. “Hạt giống” thiên thượng ở trong họ. Một Cơ Đốc nhân có một bản tính cũ do sự sinh ra về phần xác và một bản tính mới từ sự sinh ra thuộc linh. Tân Ước đối chiếu hai bản tính này và cho chúng những tên gọi khác nhau:

- Bản tánh cũ:

“con người cũ của chúng ta” (Ro 6:6)

“xác thịt” (Ga 5:24)

“giống hay hư nát” (I Phi 1:23)

- Bản tánh mới:

“con người mới” (Co 3:10)

“Thánh Linh” (Ga 5:17)

“hạt giống của Đức Chúa Trời” (IGi 3:9)

Bản tánh cũ sinh ra tội lỗi, nhưng bản tính mới dẫn dắt một người vào một đời sống thánh khiết. Trách nhiệm của một Cơ Đốc nhân là sống theo bản tính mới của mình, chứ không theo bản tính cũ.

Chúng ta có thể minh họa điều này là bằng cách đối chiếu “người bề ngoài” với “người bề trong” (II Co 4:16). Người thuộc thể cần thức ăn, và người bề trong, hay người thuộc linh cũng vậy. “Người ta sống chẳng phải chỉ nhờ bánh mà thôi, nhưng bởi mọi lời nói ra từ miệng Đức Chúa Trời” (Mat 4:4). Nếu một Cơ Đốc nhân không dành thời gian mỗi ngày trong việc suy gẫm Lời Đức Chúa Trời thì người bề trong của người ấy sẽ thiếu năng quyền.

Một người Ấn trở lại đạo giải thích, “Tôi có hai con chó sống trong tôi – một con chó xấu tánh và một con chó tốt. Chúng luôn cắn xé nhau. Con chó xấu tánh muốn tôi làm điều xấu, và con chó tốt lành muốn tôi làm điều tốt. Bạn có muốn biết con chó nào thắng không? Con mà tôi cho ăn nhiều nhất!”

Một Cơ Đốc nhân nuôi bản tính mới bằng Lời Đức Chúa Trời sẽ có năng quyền để sống một đời sống tin kính. Chúng ta “không được chăm nom về xác thịt mà làm cho phi lòng dục nó” (Ro 13:14).

Người thuộc thể cần sự thanh tẩy, và người bề trong cũng vậy. Chúng ta rửa tay và mặt thường xuyên. Một tín đồ cần phải nhìn vào tấm gương của Lời Đức Chúa Trời hàng ngày (Gia 1:22-25) và tra xét chính mình. Người ấy phải xưng thú tội lỗi mình và cầu xin Đức Chúa Trời tha thứ (IGi 1:9). Nếu không thì người bề trong sẽ trở nên ô uế và sự ô uế này sẽ gây ra ảnh hưởng lan truyền và “bệnh tật thuộc linh.”

Tội lỗi chưa được xưng ra là bước đầu tiên trong điều mà Kinh Thánh gọi là “sa ngã” – dần dần quay gót khỏi sự bước đi gần gũi với Đấng Christ để rơi vào một đời sống đầy thế gian mà chúng ta đang sống.

Lời hứa của Đức Chúa Trời, “Ta sẽ chữa lành sự bội nghịch của ngươi” (Gie 3:22), hàm ý rằng sự bội nghịch giống như căn bệnh thuộc thể. Trước hết là sự xâm lấn bí mật của vi trùng bệnh vào thân thể. Tiếp theo là sự nhiễm trùng và có sự suy yếu dần: tinh thần không còn hăng hái, ăn không thấy ngon, không hứng thú trong các sinh hoạt bình thường. Rồi sự suy sụp đến!

Sự sa sút thuộc linh diễn ra theo cách thức tương tự. Trước tiên tội lỗi xâm chiếm chúng ta. Thay vì chống trả nó, chúng ta đầu hàng nó (xin xem Gia 1:14) và sự nhiễm độc bắt đầu. Một sự sa sút dần nổi tiếp theo. Chúng ta mất sự ham thích đối với những điều thuộc linh, chúng ta trở nên lơ đãng và thậm chí cấu kính, rồi cuối cùng chúng ta suy sụp.

Phương cách chữa trị duy nhất là xưng ra và liả bỏ tội lỗi mình và quay về với Đấng Christ để được tẩy sạch và chữa lành.

Người bề trong không chỉ cần thức ăn và sự thanh tẩy, nhưng người ấy cũng cần sự luyện tập. “Hãy luyện tập sự tin kính” (ITi 4:7). Một người ăn mà không vận động (luyện tập) sẽ bị béo phì một người luyện tập mà không ăn sẽ tự giết chết mình đi. Phải có sự quân bình thích đáng.

“Sự luyện tập thuộc linh,” đối với một tín đồ, bao gồm việc chia sẻ Đấng Christ với người khác, làm những việc lành trong danh Đấng Christ, và giúp đỡ gây dựng các tín đồ khác. Mỗi Cơ Đốc nhân có ít nhất một ân tứ thuộc linh mà người ấy phải sử dụng cho lợi ích của Hội Thánh (ICo 12:1-11). “Mỗi người trong anh em hãy lấy ơn mình đã được mà giúp lẫn nhau, khác nào người quản lý trung tín giữ các thứ ơn của Đức Chúa Trời” (IPhi 4:10).

Đây là một lời chú thích sống động về toàn thể quá trình của sự cám dỗ và tội lỗi:

“Chớ có ai đương bị cám dỗ mà nói rằng, ‘Áy là Đức Chúa Trời cám dỗ tôi!’ vì Đức Chúa Trời chẳng bị sự ác nào cám dỗ được, và chính Ngài cũng không cám dỗ ai. Nhưng mỗi người bị cám dỗ khi mắc tư dục xui giục mình (bản văn Hiên đại dịch là ‘bị tư dục mình lôi cuốn và quyến rũ’). Đoạn, lòng tư dục cưu mang, sinh ra tội ác tội ác đã trọn, sinh ra sự chết” (Gia 1:13-15).

Sự cám dỗ thu hút đối với những ước muốn cơ bản tự nhiên của chúng ta. Không có gì là tội lỗi về những ước muốn của chúng ta, nhưng sự cám dỗ đem đến cho chúng ta cơ hội để thoả mãn những ước muốn này bằng một cách thức xấu xa. Đó không phải là tội lỗi, nhưng

thoả mãn con đói vượt ngoài ý muốn Đức Chúa Trời là một tội lỗi. Đây là sự cám dỗ đầu tiên Sa-tan giáng xuống Chúa Giê-xu (Mat 4:1-4).

Cả hai thuật ngữ “bị lôi cuốn đi” và “bị quyến rũ” (Gia 1:14) đều liên quan tới việc săn bắn hoặc câu cá: việc đặt mồi vào một cái bẫy hay một móc câu. Con vật (hay con cá) tiến tới và những ham muốn tự nhiên của nó lôi cuốn nó đến miếng mồi. Nhưng khi ngoạm miếng mồi, nó bị mắc vào bẫy, hay bị mắc câu. Và cuối cùng là sự chết.

Sa-tan mắc mồi vào bẫy của nó với những thú vui thu hút bản tính cũ, tức xác thịt. Nhưng không miếng mồi nào của nó thu hút đối với bản tính mới thiên thượng bên trong một Cơ Đốc nhân. Nếu một tín đồ nhường bước bản tính cũ của mình, người ấy sẽ thêm muốn miếng mồi, chiếm lấy nó, và phạm tội. Nhưng nếu người ấy tuân theo những khuynh hướng của bản tính mới trong mình, người ấy sẽ từ chối miếng mồi và vâng theo Đức Chúa Trời. “Vậy tôi nói rằng, “Hãy bước đi theo Thánh Linh, chớ hề làm trọn những điều ưa muốn của xác thịt” (Ga 5:16).

Nhường bước tội lỗi là dấu hiệu nổi bật của “con cái ma quỷ” (IGi 3:10). Họ xưng nhận, hoặc tự xưng, một điều, nhưng họ lại thực hành một điều khác. Sa-tan là một kẻ nói dối và là cha của sự dối trá (Gi 8:44), và con cái nó giống như cha của chúng. “Kẻ nào nói: Ta biết Ngài, mà không giữ điều răn Ngài, là người nói dối, lẽ thật quyết không ở trong người” (IGi 2:4). Con cái của ma quỷ cố tìm cách lừa dối con cái Đức Chúa Trời vào việc nghĩ rằng một người có thể là một Cơ Đốc nhân và vẫn còn phạm tội. “Hỡi các con cái bé mọn, chớ để cho ai lừa dối mình kẻ làm sự công bình là người công bình, như chính mình Chúa là công bình” (3:7).

Các giáo sư giả trong thời của Giảng dạy rằng một Cơ Đốc nhân không cần phải lo lắng về tội lỗi vì chỉ thân xác phạm tội thôi và những gì thân xác làm không hề ảnh hưởng đến tâm linh. Một số người trong bọn họ thậm chí còn dạy dỗ rằng tội lỗi là đương nhiên đối với thân xác, vì thân thể vốn đầy tội lỗi.

Tân Ước vạch trần sự ngu dại của những lời biện hộ cho tội lỗi như thế.

Trước hết, “bản tính cũ” không phải là thân xác. Thân xác tự nó là trung tính: nó có thể được sử dụng hoặc bởi bản tính tội lỗi cũ hoặc bởi bản tính mới thiên thượng. “Vậy chớ để tội lỗi cai trị trong xác hay chết của anh em, và chớ chịu theo tư dục nó. Chớ nộp chi thể mình cho tội lỗi, như là đồ dùng gian ác, nhưng hãy phó chính mình anh em cho Đức Chúa Trời, dường như đã chết mà nay trở nên sống, và dâng chi thể mình cho Đức Chúa Trời như là đồ dùng của sự công bình” (Ro 6:12,13).

Một con cái Đức Chúa Trời cố gắng thắng hơn những ước muốn của bản tính cũ bằng cách nào? Người ấy phải bắt đầu mỗi ngày bằng việc phó dâng thân thể mình cho Đức Chúa Trời như một của lễ sống (Ro 12:1). Người ấy phải dành thì giờ đọc và học Lời của Đức Chúa Trời, “nuôi dưỡng” bản tính mới của mình. Người ấy phải dành thì giờ để cầu nguyện, cầu xin Đức Chúa Trời đổ đầy Thánh Linh trên mình và ban cho mình năng quyền để hầu việc Đấng Christ và tôn vinh Ngài.

Khi một tín đồ sống mỗi ngày, người ấy phải lệ thuộc vào năng quyền của Thánh Linh trong lòng mình. Khi những cám dỗ đến, người ấy phải lập tức hướng về Đấng Christ để được sự đắc thắng.

Lời Đức Chúa Trời trong lòng người ấy sẽ giúp giữ người ấy khỏi tội lỗi miễn là người ấy sẽ hướng về Đấng Christ. “Tôi đã giữ Lời Chúa trong lòng tôi, để tôi khỏi phạm tội cùng Chúa” (Thi 119:11). Nếu người ấy thực sự phạm tội, người ấy phải lập tức xưng tội với Đức

Chúa Trời và cầu xin sự tha thứ. Bằng cách dâng thân thể mình cho Thánh Linh bên trong lòng, người ấy sẽ nhận được năng quyền mình cần để thắng hơn kẻ cám dỗ.

Một thói quen tốt là nắm lấy lời hứa của Đức Chúa Trời: “Những sự cám dỗ đến cho anh em, chẳng có điều nào quá sức loài người. Đức Chúa Trời là thành tín, Ngài chẳng hề cho anh em bị cám dỗ quá sức mình đâu nhưng trong sự cám dỗ, Ngài cũng mở đường cho ra khỏi, để anh em có thể chịu đựng được” (ICo 10:13).

Một giáo viên Trường Chúa Nhật đang giải thích hai bản tính của Cơ Đốc nhân – bản tính mới và bản tính cũ – cho một lớp thiếu niên.

“Bản tính cũ của chúng ta ra từ A-đam,” giáo viên ấy giải thích, “và bản tính mới của chúng ta đến từ Đấng Christ, được gọi là ‘A-đam cuối cùng.’” Ông yêu cầu lớp đọc ICo 15:45: “Ấy vậy có lời chép rằng: ‘Người thứ nhứt là A-đam đã nên linh hồn sống.’ A-đam sau hết là thần ban sự sống”

“Điều này có nghĩa là có hai ‘A-đam’ sống trong em,” một trong các thiếu niên nói.

“Đúng vậy,” giáo viên đáp. “Và giá trị thực tiễn của lẽ thật này là gì?”

Lớp học im lặng một lúc, rồi một học viên phát biểu.

“Ý tưởng về ‘hai A-đam’ thực sự giúp em trong việc chống lại sự cám dỗ,” em đó nói. “Khi cám dỗ đến gõ cửa lòng em, nếu em cử A-đam thứ nhứt ra mở cửa, em sẽ phạm tội. Nhưng nếu em cử A-đam sau cùng, em sẽ được đắc thắng.”

Một tín đồ thật không sống trong tội một tín đồ giả không thể không sống trong tội, vì người ấy không có bản tính mới của Đức Chúa Trời trong mình. Người tín đồ thật cũng yêu các Cơ Đốc nhân khác, là điều đã được thảo luận chi tiết trong IGi 3:11-24.

Nhưng những lời này không phải được viết ra để bạn và tôi có thể kiểm tra những người khác. Chúng được linh cảm để chúng ta có thể tra xét chính mình. Mỗi người trong chúng ta phải thành thật trả lời trước mặt Đức Chúa Trời:

1. Tôi có bản tính thiên thượng bên trong mình không hay tôi chỉ đang giả vờ là một Cơ Đốc nhân?
 2. Tôi có nuôi dưỡng bản tính thiên thượng này bằng cách đọc Kinh Thánh và cầu nguyện hàng ngày không?
 3. Có bất cứ tội lỗi nào chưa được xưng ra đã làm ô uế người bề trong của tôi không? Tôi có sẵn lòng xưng tội ra và lìa bỏ nó không?
 4. Tôi có để cho bản tính cũ của mình điều khiển những ý tưởng và ước muốn của tôi không, hay bản tính thiên thượng cai trị tôi?
 5. Khi những sự cám dỗ đến, tôi có “đùa với nó” không hay tôi chạy trốn khỏi nó? Tôi có lập tức chịu khuất phục bản tính thiên thượng trong tôi không?
- Sự sống thực thành thật với Đức Chúa Trời về những vấn đề quan trọng này.

7. TÌNH YÊU HAY SỰ CHẾT (IGi 3:11-4:6)

Thư tín Giăng đã được ví sánh như một cầu thang hình tròn ốc vì ông cứ trở lại ba đề tài tương tự: tình yêu thương, sự vâng lời, và lẽ thật. Mặc dù những chủ đề này trở lại, thế nhưng không đúng là chúng chỉ có tính cách lặp đi lặp lại. Mỗi lần chúng ta trở lại với một đề tài, chúng ta nhìn vấn đề từ một quan điểm khác hẳn và được hiểu thấu đáo hơn về đề tài đó.

Chúng ta đã học về tình yêu thương đối với các tín đồ khác – “những anh em” (IGi 2:7-11) – nhưng chương 2 chỉ nhấn mạnh vào mối thông công. Một tín đồ “đang bước đi trong sự sáng” sẽ chứng tỏ điều đó bằng việc yêu thương anh em mình. Trong phần này, Giảng nhấn mạnh vào mối quan hệ giữa người ấy với các tín đồ khác.

Cơ Đốc nhân yêu thương nhau vì tất cả đều được sinh bởi Đức Chúa Trời, và điều đó khiến tất cả đều là anh chị em trong Đấng Christ.

Sự vâng lời và tình yêu thương cả hai đều là những bằng chứng của địa vị làm con và tình anh em. Chúng ta đã được nhắc nhở rằng một con cái thật của Đức Chúa Trời làm theo sự công bình (3:1-10), và giờ đây chúng ta sẽ xem xét kỹ vấn đề tình yêu thương đối với anh em (c.11-24). Lễ thật này trước tiên được nêu lên trong ý tiêu cực – “Ai chẳng làm điều công bình là không thuộc về Đức Chúa Trời, kẻ chẳng yêu anh em mình cũng vậy”(c.10).

Chúng ta cần phải lưu ý sự khác biệt nổi bật giữa cách cư xử của tình yêu thương anh em trước đây và hiện nay. Trong phần nói về mối thông công (2:7-11), chúng ta được biết rằng việc yêu thương anh em mình là một vấn đề của sự sáng và sự tối tăm. Nếu chúng ta không yêu thương nhau, chúng ta không thể bước đi trong sự sáng, dù cho chúng ta có lớn tiếng tuyên xưng đức tin mình thế nào đi nữa. Nhưng trong phần nói về tình anh em này (3:11-24), vị sứ đồ trình bày cặn kẽ hơn nhiều. Chúng ta được biết rằng việc yêu anh em là một vấn đề của sự sống và sự chết. “Ai chẳng yêu anh em mình thì ở trong sự chết” (c.14).

Khi đề cập đến vấn đề của tình yêu thương này, có thể nói có 4 mức độ quan hệ, mà một người có thể sống dựa vào: sự giết người (c.11-12), lòng ghen ghét (c.13-15), sự dửng dưng (c.16-17), và lòng thương xót của Đấng Christ (c.18-24).

Hai mức độ đầu không mang tính Cơ Đốc chút nào, mức độ thứ ba kém hơn bản tính Cơ Đốc, và chỉ mức độ cuối cùng mới tương hợp với tình yêu thương Cơ Đốc chân thật.

1. Sự giết người (IGi 3:11-12)

Sự giết người, dĩ nhiên, là mức độ thấp nhất mà một người có thể sống trong mối quan hệ với một người nào khác. Đó là mức độ mà chính Sa-tan dựa vào để tồn tại. Ma quỷ là một kẻ giết người từ buổi đầu của tiến trình sa ngã của nó (Gi 8:44), nhưng Cơ Đốc nhân đã được nghe, từ kinh nghiệm buổi đầu của họ, rằng họ phải “yêu thương nhau.” Giảng nhấn mạnh những sự khởi đầu: “Hãy trở lại buổi ban đầu.” Nếu từng trải thuộc linh của chúng ta bắt nguồn từ Đức Chúa Cha, chúng ta phải yêu thương nhau. Nhưng nếu nó bắt nguồn từ Sa-tan, chúng ta sẽ ghen ghét lẫn nhau. “Còn như các con, điều mình đã nghe từ lúc ban đầu phải ở trong các con” (IGi 2:24).

Ca-in là một thí dụ của một đời sống đầy ghen ghét chúng ta tìm thấy sự kỹ thuật này trong Sa 4:1-16. Điều quan trọng cần lưu ý là Ca-in và A-bên, là anh em, cùng chung cha mẹ, và cả hai đều đem tế lễ dâng lên Đức Chúa Trời. Thánh Kinh không giới thiệu Ca-in là một người vô thần ông được giới thiệu như một người thờ phượng Đức Chúa Trời. Và đây là vấn đề: con cái của ma quỷ có thể giả dạng làm tín đồ thật. Chúng tham dự các buổi nhóm họp tôn giáo, như Ca-in đã làm. Chúng có thể thậm chí đem dâng của lễ. Nhưng những việc làm này tự nó không phải là bằng chứng có giá trị chứng tỏ rằng một người được sinh bởi Đức Chúa Trời. Sự thử nghiệm đích thực là tình yêu thương của người ấy đối với anh em mình – và tại đây Ca-in đã thất bại.

Mỗi người đều có “một dòng dõi thuộc linh” cũng như thuộc thể, và “Cha thuộc linh” của Ca-in là ma quỷ. Dĩ nhiên, điều này không có nghĩa là Sa-tan theo nghĩa đen đã sinh ra Ca-in. Đúng hơn, nó có nghĩa là những thái độ và hành động của Ca-in xuất phát từ Sa-tan. Ca-in là

một kẻ giết người và một kẻ nói dối giống như Sa-tan (Gi 8:44). Ông giết em mình, và rồi nói dối về việc đó. “Đức Giê-hô-va hỏi Ca-in rằng: ‘A-bên, em người ở đâu?’ Và người nói: ‘Tôi không biết’” (Sa 4:9).

Tương phản với điều này, Đức Chúa Trời là tình yêu thương (IGi 4:8) và lẽ thật (5:6 Gi 14:6) vì vậy, những ai thuộc về gia đình của Đức Chúa Trời làm theo tình yêu thương và lẽ thật.

Sự khác biệt giữa của lẽ của Ca-in và của lẽ của A-bên là đức tin (He 11:4), và đức tin luôn dựa vào sự mạc khải Đức Chúa Trời ban cho (Ro 10:17). Dường như rõ ràng là Đức Chúa Trời hẳn đã ban những sự chỉ dạy tận tường liên quan tới việc Ngài sẽ phải được thờ phượng như thế nào. Ca-in khước từ Lời Đức Chúa Trời và quyết định thờ phượng theo cách thức riêng của mình. Điều này cho thấy mối quan hệ của ông với Sa-tan, vì Sa-tan luôn thích thú trong việc làm cho con người xoay hướng khỏi ý chỉ đã được mạc khải của Đức Chúa Trời. Lời nói của ma quỷ “Mà chi, Đức Chúa Trời há có phán?” (Sa 3:1) là khởi đầu của tai hoạ cho cha mẹ của Ca-in và cho cả nhân loại kể từ đó.

Chúng ta không được cho biết bởi dấu hiệu bên ngoài nào Đức Giê-hô-va đã chấp nhận của lẽ của A-bên và khước từ của lẽ của Ca-in. Có thể là Ngài đã sai lừa từ trời thiêu hoá của lẽ bằng con sinh tể và huyết của nó do A-bên dâng lên. Nhưng chúng ta được cho biết những kết quả xảy ra: A-bên lui ra khỏi bàn thờ với lời chứng về sự chấp nhận của Đức Chúa Trời trong lòng, nhưng Ca-in đi ra giận dữ và thất vọng (Sa 4:4-6). Đức Chúa Trời cảnh cáo Ca-in rằng tội lỗi đang rình rập trước cửa như một con thú nguy hiểm (4:7) nhưng hứa rằng nếu Ca-in vâng lời Đức Chúa Trời, giống như A-bên, thì sẽ hưởng được sự bình an.

Thay vì chú ý đến lời cảnh cáo của Đức Chúa Trời, Ca-in lắng tai nghe lời của Sa-tan và âm mưu giết em mình. Lòng ganh tị của ông đã biến thành sự căm giận và ghen ghét. Ông biết rằng ông xấu xa còn em ông thì công bình. Đứng ra phải ăn năn, như Đức Chúa Trời đã truyền phán, ông quyết định thủ tiêu em mình.

Nhiều thế kỷ sau đó, những người Pha ri si đã làm điều tương tự với Chúa Giê-xu (Mac 15:9,10), và Chúa Giê-xu cũng gọi họ là con cái của ma quỷ (Gi 8:44).

Thái độ của Ca-in tiêu biểu cho thái độ của hệ thống thế gian hiện nay (IGi 3:13). Thế gian ghen ghét Đấng Christ (Gi 15:18-25) vì lý do tương tự như Ca-in đã ghen ghét A-bên: Đấng Christ phơi bày tội lỗi của thế gian và bày tỏ bản chất thật của nó. Khi thế gian, giống như Ca-in, đối mặt với thực tế và lẽ thật, nó có thể chọn chỉ một trong hai quyết định mà thôi: ăn năn và đổi mới, hoặc thủ tiêu người phơi bày tội lỗi.

Sa-tan là “vua chúa thế gian này” (Gi 14:30), và nó điều khiển thế gian qua việc giết người và những lời dối trá. Thật kinh khiếp biết bao khi sống dựa trên cùng mức độ như Sa-tan!

Một thợ săn ẩn núp trong một hang động suốt cơn mưa bão. Sau khi quần áo đã khô đôi chút, anh quyết định thăm dò chỗ ở tạm của mình và bật đèn pin lên. Hãy hình dung nỗi ngạc nhiên của anh khi khám phá ra rằng anh đang ở chung hang với đủ loại nhện, thằn lằn, và rắn! Sự chết thật chỉ trong gang tấc đối với anh.

Nếu thế gian chưa được cứu chỉ có thể nhìn thấy thôi, nó sẽ nhận ra rằng nó đang sống dựa trên mức độ thấp kém của sự giết người và những lời dối trá, bao vây bởi con rắn xưa là Sa-tan và tất cả các đạo binh quỷ dữ của nó. Giống như Ca-in, những người thuộc thế gian cố gắng che đậy bản chất thật của họ với những nghi thức tôn giáo nhưng họ thiếu đức tin nơi Lời Đức Chúa Trời. Những người tiếp tục sống dựa trên mức độ này cuối cùng sẽ bị quăng vào nơi tối tăm cùng với Sa-tan để chịu phân cách khỏi Đức Chúa Trời đời đời.

2. Lòng ghen ghét (IGi 3:13-15)

Về mặt này, có lẽ bạn đang nghĩ, “Nhưng tôi chưa bao giờ giết ai cả!” Và đối với lời phát biểu này, Đức Chúa Trời đáp, “Đúng thế, nhưng hãy nhớ rằng đối với một Cơ Đốc nhân tội ghen ghét cũng giống như tội giết người vậy” (c.15 Mat 5:22). Sự khác biệt duy nhất giữa Mức độ 1 và Mức độ 2 là hành vi bên ngoài của việc cướp đoạt sự sống. Nhưng dụng ý bên trong thì như nhau.

Một du khách đến thăm sở thú đang trò chuyện với người trông coi chuồng sư tử.

“Tôi có một con mèo ở nhà,” du khách nói, “và mấy con sư tử của ông hành động y hệt như con mèo của tôi. Ông hãy nhìn xem chúng ngủ thật an bình! Có thể xem là một điều đáng xấu hổ khi ông nhốt những sinh vật xinh đẹp đó đằng sau những chấn song.”

“Này ông bạn,” người giữ thú cười to, “những con vật này có thể trông như con mèo của ông, nhưng tính khí chúng hoàn toàn khác hẳn. Có ý đồ giết hại người trong lòng chúng. Tốt hơn ông nên vui mừng vì có những song sắt ở đó.”

Lý do duy nhất một số người chưa bao giờ thật sự giết ai là vì có “những chấn song” đã được dựng lên: nỗi sợ hãi bị bắt giữ và nhục nhã, sự hình phạt của pháp luật, và cái chết có thể xảy ra. Nhưng chúng ta sẽ bị đoán phạt bởi “luật pháp của sự tự do” (Gia 2:12). Câu hỏi không phải nghiêng về phía “Bạn đã làm gì? mà là “Bạn muốn làm gì? Bạn có thể đã làm gì nếu bạn được tự do để làm theo điều mình thích?” Đây là lý do vì sao Chúa Giê-xu coi sự ghen ghét ngang hàng với giết người (Mat 5:21-26) và tham muốn ngang hàng với tội tà dâm (5:27-30).

Dĩ nhiên, điều này không có nghĩa là sự ghen ghét trong lòng gây ra sự thiệt hại tương đương, hay bao hàm mức độ tội lỗi tương đương, như việc giết người thật sự. Người lân cận của bạn thích bạn ghét họ hơn là giết chết họ! Nhưng trong cách nhìn của Đức Chúa Trời, sự ghen ghét, về đạo đức, cũng tương đương như tội giết người, và nếu không kiềm chế nó sẽ đưa đến sự giết người. Một Cơ Đốc nhân đã vượt từ sự chết sang sự sống (Gi 5:24), và bằng chứng của điều này là người ấy yêu thương anh em mình. Khi người ấy thuộc về hệ thống thế gian, người ấy ghen ghét dân sự Đức Chúa Trời nhưng giờ thì người ấy thuộc về Đức Chúa Trời, người ấy yêu thương dân sự Ngài.

Những câu này (IGi 3:14,15), giống những câu đề cập tới tội lỗi có tính cách thói quen trong một tín đồ (1:5-2:6), quan tâm tới một thói quen không thay đổi trong đời sống: một tín đồ đang thực hành tình yêu thương anh em mình, mặc dầu đôi lúc người ấy có thể nổi giận với một anh em (Mat 5:22-24). Những sự giận dữ bất ngờ thỉnh thoảng xảy ra không làm cho nguyên tắc này ra vô hiệu. Nếu có sự giận dữ nào, chúng xác nhận nguyên tắc này là đúng, vì một tín đồ không ở trong mối thông công với các anh em Cơ Đốc của mình là một người thật khốn khổ! Những cảm xúc của người ấy chỉ rõ cho người ấy rằng có điều gì đó đang sai trật.

Hãy lưu ý một thực tế khác: chúng ta không được cho biết là những kẻ giết người không thể được cứu. Chính sứ đồ Phao-lô đã góp một tay vào việc ném đá Ê-tiên (Cong 7:57-60) và thú nhận rằng sự cổ vũ của ông đã khiến những người vô tội phải bị giết chết (ITi 1:12-15 Cong 26:9-11). Nhưng Đức Chúa Trời đã cứu Phao-lô bởi ân điển Ngài.

Vấn đề ở đây không phải là liệu một kẻ giết người có thể trở thành một Cơ Đốc nhân không, nhưng là liệu một người có thể tiếp tục là một kẻ giết người mà vẫn là một Cơ Đốc nhân không? Câu trả lời là ‘Không.’ “Anh em biết rằng chẳng một kẻ nào giết người có sự sống đời đời ở trong mình” (IGi 3:15b). Kẻ giết người không phải đã từng có sự sống đời đời và rồi đánh mất nó người ấy chưa bao giờ có sự sống đời đời cả.

Sự kiện bạn chưa bao giờ thật sự giết ai không được khiến cho bạn kiêu ngạo hay tự mãn. Bạn có từng nuôi dưỡng sự ghen ghét hận thù trong lòng không?

Sự ghen ghét gây thiệt hại cho người ghen ghét bội phần hơn là cho bất cứ ai khác (Mat 5:21-26). Vào thời của Thánh Kinh sự giận dữ khiến một người có nguy cơ phải đối diện với toà án địa phương. Việc gọi một anh em là “đồ ngu dốt đần độn” khiến người ấy có nguy cơ phải bị đưa ra Toà Công Luận, hội đồng cao nhất của người Do Thái. Nhưng việc gọi một anh em là “đồ điên” khiến người ấy có nguy cơ bị đoán xét đời đời trong địa ngục. Sự ghen ghét chưa được xung ra và lìa bỏ thực sự khiến một người bị nhốt trong một ngục tù của xúc cảm và tâm linh (c. 25)!

Thuốc giải độc của lòng ghen ghét là tình yêu thương. “Đáng ghét và ghét lẫn nhau” là một kinh nghiệm của người chưa được cứu (Tit 3:3). Nhưng khi một tấm lòng đáng ghét rộng mở cho Chúa Giê-xu Christ, nó trở thành một tấm lòng đầy yêu thương. Rồi thay vì muốn “giết hại” những người khác qua sự ghen ghét, người ấy mong muốn yêu thương họ và chia sẻ với họ sứ điệp của sự sống đời đời.

Nhà truyền đạo Phúc Âm John Wesley, vị lãnh đạo của Hội Thánh Giám Lý, một đêm nọ đã bị một tên cướp xa lộ chặn lại và đoạt hết số tiền ông mang theo trong người. Wesley nói với tên cướp, “Nếu đến một ngày nào đó anh mong ước rời bỏ con đường xấu xa này và sống cho Đức Chúa Trời, xin hãy nhớ là ‘huyết của Chúa Giê-xu Christ tẩy sạch mọi tội lỗi.’”

Một vài năm sau, Wesley bị một người chặn lại sau một buổi thờ phượng của Hội Thánh. “Ông còn nhớ tôi không?” người này hỏi. “Một đêm nọ tôi đã cướp tiền của ông, và ông bảo tôi rằng huyết của Chúa Giê-xu Christ tẩy sạch mọi tội lỗi. Tôi đã tin nơi Đấng Christ, và Ngài đã đổi mới đời sống tôi.”

3. Sự đứng vững (IGi 3:16-17)

Nhưng sự thử nghiệm của tình yêu thương Cơ Đốc không chỉ là không làm điều ác cho người khác. Tình yêu thương cũng bao gồm việc làm điều lành cho họ. Tình yêu thương Cơ Đốc vừa tích cực và tiêu cực. “Hãy thôi (tránh) việc làm ác hãy học làm lành” (Es 1:16-17a).

Ca-in là tấm gương của chúng ta về tình yêu giả dối Đấng Christ là gương mẫu của chúng ta về tình yêu Cơ Đốc chân thật. Đấng Christ đã phó mạng sống Ngài cho chúng ta hầu cho chúng ta có thể kinh nghiệm lẽ thật. Mọi Cơ Đốc nhân đều biết Gi 3:16, nhưng bao nhiêu người trong chúng ta lưu ý nhiều đến IGi 3:16? Thật tuyệt diệu khi từng trải phước hạnh của Gi 3:16, nhưng thậm chí còn tuyệt diệu hơn nhiều khi chia sẻ kinh nghiệm đó bởi việc vâng theo IGi 3:16: Đấng Christ đã vì chúng ta bỏ sự sống chúng ta cũng nên bỏ sự sống vì anh em mình.

Tình yêu thương Cơ Đốc bao gồm sự hy sinh và phục vụ. Đấng Christ không chỉ nói về tình yêu của Ngài Ngài đã chết để chứng tỏ điều đó (Ro 5:6-10). Chúa Giê-xu không bị giết chết như một người tuận đạo. Ngài sẵn lòng phó sự sống Ngài (Gi 10:11-18 15:13). “Sự tự bảo toàn mạng sống” là quy luật đầu tiên của sự sống thuộc thể nhưng “sự hy sinh, quên mình” là quy luật đầu tiên của sự sống thuộc linh.

Nhưng Đức Chúa Trời không đòi hỏi chúng ta phó sự sống mình. Ngài chỉ đòi hỏi chúng ta giúp đỡ anh em mình khi thiếu thốn, lúc hoạn nạn khó khăn. Giảng khôn khéo chuyển từ chữ “anh em” (số nhiều) trong IGi 3:16 sang chữ “anh em mình” (số ít) trong 3:17.

Chúng ta dễ nói về “việc yêu thương anh em mình” nhưng lại bỏ mặc không giúp đỡ một tín đồ nào khác. Tình yêu thương Cơ Đốc có tính cách cá nhân và tích cực.

Đây là điều Chúa Giê-xu không quên trong câu chuyện ngụ ngôn về người Sa-ma-ri nhân lành (Lu 10:25-37). Một thầy dạy luật muốn nói về một đề tài trừu tượng: “Kẻ lân cận của tôi là ai?” Nhưng Chúa Giê-xu tập trung sự chú ý vào một người đang gặp nạn và đổi câu hỏi lại là, “Tôi có thể là kẻ lân cận của ai?”

Hai người bạn đang tham dự một hội nghị về việc truyền giảng Phúc Âm. Trong suốt một buổi họp, Larry không trông thấy Pete. Vào giờ ăn trưa, khi gặp Pete, anh nói, “Tôi không trông thấy anh tại buổi họp hồi 10 giờ sáng. Thật là một buổi tuyệt vời. Anh đi đâu vậy?”

“Tôi ở ngoài hành lang nói chuyện với một người về Đấng Christ. Tôi đã đưa anh ta đến với Chúa,” Pete nói.

Không có gì sai trật với việc tham dự các hội nghị, nhưng chúng ta dễ mà quên đi các cá nhân và nhu cầu của họ trong khi thảo luận những cái chung chung. Sự thử nghiệm của tình yêu thương Cơ Đốc không phải trong những sự tuyên bố âm ỉ về việc yêu thương toàn thể Hội Thánh, mà trong việc yên lặng giúp đỡ một anh em đang gặp khó khăn. Nếu chúng ta thậm chí không giúp đỡ một người anh em, thì không thể nào chúng ta sẽ “phó sự sống mình” cho “anh em mình” được.

Một người không cần phải giết người để phạm tội: sự ghen ghét là tội giết người trong lòng rồi. Nhưng thậm chí một người không cần ghét anh em mình để phạm tội. Người đó chỉ cần bỏ mặc người anh em hay dừng dừng đối với nhu cầu của anh ta. Một tín đồ có của cải vật chất và có thể giúp đỡ nhu cầu của anh em mình cần phải làm điều đó. “Việc đóng cửa lòng” đối với anh em mình là một loại giết người rồi!

Nếu tôi có ý định giúp anh em mình, tôi phải đáp ứng ba điều kiện. Trước hết, tôi phải có những phương tiện cần thiết để thỏa đáp nhu cầu người ấy. Thứ nhì, tôi phải biết rằng nhu cầu ấy hiện có. Thứ ba, tôi phải yêu thương đủ để mong muốn được san sẻ.

Một tín đồ quá nghèo không thể giúp đỡ người khác, hoặc không biết gì về nhu cầu của anh em mình, thì không bị lên án. Nhưng một tín đồ cứng lòng trước anh em mình đang nghèo túng thì bị lên án. Một lý do khiến Cơ Đốc nhân cần phải làm việc là để họ có thể có khả năng “giúp người túng thiếu” (Eph 4:28).

Trong thời đại mà các cơ quan đoàn thể xã hội tăng lên gấp bội này, các Cơ Đốc nhân rất dễ quên đi nghĩa vụ của họ. “Vậy đang khi có dịp tiện, chúng ta hãy làm việc thiện cho mọi người, nhất là cho những anh chị em trong cùng gia đình đức tin” (Ga 6:10).

“Việc làm điều thiện” này không cần phải là vấn đề tiền bạc hay sự chu cấp về vật chất. Nó có thể bao gồm sự phục vụ có tính cách cá nhân và việc cống hiến chính mình cho những người khác. Có nhiều cá nhân trong các Hội Thánh của chúng ta đang thiếu tình yêu thương và mong nhận được tình bằng hữu.

Một người mẹ trẻ thú nhận, trong một buổi làm chứng, rằng bà chưa bao giờ dường như tìm được thời giờ cho việc cầu nguyện cá nhân của riêng mình. Bà có nhiều con nhỏ để chăm sóc, và thì giờ trôi mất hết.

Hãy hình dung sự ngạc nhiên của bà khi hai trong các phụ nữ của Hội Thánh xuất hiện ở trước cửa nhà bà.

“Chúng tôi đến để làm giúp chị,” họ giải thích. “Chị hãy vào phòng và bắt đầu cầu nguyện riêng đi.” Sau nhiều ngày được giúp đỡ như thế, người mẹ trẻ có thể phát triển đời sống cầu nguyện của mình để rồi những yêu cầu về thời gian của bà hàng ngày không còn làm bà bối rối nữa.

Nếu chúng ta muốn kinh nghiệm và tận hưởng tình yêu của Đức Chúa Trời trong chính tâm lòng mình, chúng ta phải yêu thương những người khác, thậm chí đến mức phải hy sinh. Việc đứng đưng đối với nhu cầu của một anh em có nghĩa là tự tước đoạt đi điều chúng ta càng cần nhiều hơn nữa: tình yêu của Đức Chúa Trời trong lòng mình. Đó là một vấn đề của tình yêu hay sự chết!

4. Tình yêu thương Cơ Đốc (IGi 3:18-24)

Tình yêu Cơ Đốc chân thật nghĩa là yêu thương bằng việc làm và bằng lẽ thật. Điều trái ngược với “bằng việc làm” là “bằng lời nói,” và điều trái ngược với “bằng lẽ thật” là “bằng lưỡi.” Đây là một thí dụ của tình yêu thương “bằng lời nói”:

“Ví thử có anh em hoặc chị em nào không quần áo mặc, thiếu của ăn uống hàng ngày, mà một kẻ trong anh em nói với họ rằng, ‘Hãy đi cho bình an, hãy sưởi cho ấm, ăn cho no’, nhưng không cho họ đồ dùng về phần xác, thì có ích gì chẳng?” (Gia 2:15-16).

Yêu thương “bằng lời nói” nghĩa là chỉ nói về một nhu cầu, nhưng yêu thương “bằng việc làm” nghĩa là làm một điều gì đó để đáp ứng nhu cầu đó. Bạn có thể cho rằng, vì bạn đã bàn luận về một nhu cầu, hoặc thậm chí đã cầu nguyện về nhu cầu đó, là bạn đã thực hiện bổn phận của mình, nhưng tình yêu thương bao gồm nhiều hơn lời nói – nó đòi hỏi những việc làm có tính cách hy sinh.

Yêu thương “bằng lưỡi (bản dịch mới: nơi chót lưỡi)” là điều trái ngược của yêu thương “bằng lẽ thật.” Nó có nghĩa là yêu thương không thành thật. Yêu thương “bằng lẽ thật” nghĩa là yêu thương một người cách chân tình, từ tâm lòng chứ không chỉ từ đầu môi chót lưỡi. Người ta được thu hút bởi tình yêu thương chân thật, nhưng bị đẩy ra xa bởi loại tình yêu giả tạo. Một lý do tội nhân được thu hút đến với Chúa Giê-xu (Lu 15:1,2) là vì họ chắc chắn Ngài yêu họ chân thật.

“Nhưng người tín đồ không phải trả giá nhiều để thực hành loại tình yêu này sao?”

Có chứ. Chúa Giê-xu Christ đã phải trả giá bằng chính mạng sống Ngài. Nhưng những lợi ích lạ lùng đến với bạn như sản phẩm phụ của tình yêu thương này nhiều hơn là đền bù cho bất cứ sự hy sinh nào của bạn. Thật ra, bạn không yêu người khác vì bạn muốn nhận trở lại một điều gì đó, nhưng nguyên tắc của Kinh Thánh, “Hãy cho, thì các con sẽ được ban cho” (Lu 6:38), ứng dụng đối với tình yêu thương cũng như đối với tiền bạc.

Giăng nói rõ ba phúc hạnh diệu kỳ sẽ đến với một tín đồ thực hành tình yêu thương Cơ Đốc.

1. *Sự đảm bảo* (IGi 3:19,20). Mọi quan hệ giữa một tín đồ với người khác ảnh hưởng mối quan hệ giữa người ấy với Đức Chúa Trời. Một người không hoà thuận với anh em mình cần phải giải quyết vấn đề trước khi người ấy dâng của lễ mình trên bàn thờ (Mat 5:23,24). Một Cơ Đốc nhân thực hành tình yêu thương lớn lên trong sự thông hiểu lẽ thật của Đức Chúa Trời và có được một tâm lòng đầy sự tin quyết trước mặt Đức Chúa Trời.

Một “tấm lòng lên án” là tấm lòng cướp đi sự bình an của một tín đồ. Một “luong tâm cáo trách” là một cách khác để mô tả điều đó. Đôi khi tấm lòng cáo trách chúng ta sai, vì nó “đổi trá hơn mọi vật, và rất là xấu xa, ai có thể biết được?” (Gie 17:9). Lời giải đáp cho vấn đề đó là, “Đức Chúa Trời nhìn biết tấm lòng!” Có khá nhiều Cơ Đốc nhân đã lên án chính mình cách sai trật, hoặc đã nghiêm khắc với chính mình hơn là điều cần thiết nhưng Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ phạm một lỗi lầm như thế. Một Cơ Đốc nhân bước đi trong tình yêu thương có một tâm lòng rộng mở với Đức Chúa Trời (“Đức Chúa Trời là tình yêu thương”) và biết rằng Đức Chúa Trời không bao giờ phán xét sai trật cả. Giăng có thể đã nhớ hai sự kiện trong

cuộc đời Chúa Giê-xu trên đất minh họa nguyên tắc quan trọng này. Khi Chúa Giê-xu đến thăm làng Bê-tha-ni, Ngài ở lại tại nhà của Ma-ri và Ma-thê (Lu 10:38-42). Ma-thê bận rộn lo chuẩn bị bữa ăn, nhưng Ma-ri ngồi dưới chân Ngài và lắng nghe Ngài dạy dỗ. Ma-thê phê phán cả Ma-ri lẫn Chúa Giê-xu, nhưng Chúa Giê-xu biết lòng của Ma-ri và bênh vực bà.

Sứ đồ Phi-e-rơ khóc lóc đắng cay sau khi đã chối Chúa, và chắc hẳn lòng ông đầy hối hận và ăn năn vì có tội lỗi mình. Nhưng Chúa Giê-xu biết rằng Phi-e-rơ đã ăn năn, và sau khi phục sinh Chúa đã ban một sứ điệp đặc biệt (Mac 16:7) cho Phi-e-rơ, điều mà chắc hẳn đã làm người ngư phủ nóng nảy bộp chộp này tin chắc rằng mình đã được tha thứ. Lòng Phi-e-rơ có thể đã lên án ông, vì ông biết mình đã chối Chúa ba lần, nhưng Đức Chúa Trời lại lớn hơn lòng ông. Chúa Giê-xu, biết hết mọi điều, đã ban cho Phi-e-rơ đúng sự đảm bảo ông cần đến.

Hãy cẩn trọng kéo ma quỷ kiện cáo bạn và cướp đi lòng tin cậy của bạn (Kh 12:10). Một khi bạn xưng nhận tội lỗi mình và tội đó được tha thứ, bạn không cần để cho nó kiện cáo mình nữa. Phi-e-rơ đã có thể đối diện với những người Do Thái và nói, “Nhưng các ngươi đã chối bỏ Đấng Thánh và Đấng Công Bình!” (Cong 3:14) vì tội chối bỏ Đấng Christ của chính ông đã được Chúa quan tâm, được Ngài tha thứ và không còn nhớ đến nữa.

Không Cơ Đốc nhân nào được xem nhẹ tội lỗi, nhưng không Cơ Đốc nhân nào cần phải nghiêm khắc với chính mình hơn Đức Chúa Trời. Có một loại tự tra xét và tự lên án mình không lành mạnh, là điều không có tính cách thuộc linh. Nếu bạn đang thực hành tình yêu thương chân thật đối với anh em mình, lòng bạn phải đứng trước mặt Đức Chúa Trời, vì Đức Thánh Linh sẽ không “tuôn đổ” tình yêu thương Ngài trong bạn nếu có tội lỗi thường xuyên trong lòng bạn. Khi bạn làm buồn lòng Đức Thánh Linh, bạn “làm tắt nghẽn” nguồn cung cấp tình yêu thương của Đức Chúa Trời (Eph 4:30-5:2).

2. *Lời Cầu Xin Được Nhậm* (IGi 3:21,22). Tình yêu thương đối với anh em tạo nên sự tin cậy đối với Đức Chúa Trời, và sự tin cậy đối với Đức Chúa Trời ban cho bạn sự dạn dĩ trong việc cầu xin những gì bạn cần. Điều này không có nghĩa là bạn kiếm được những sự đáp lời cầu xin bởi việc yêu thương anh em mình. Đúng hơn, nó có nghĩa là tình yêu thương của bạn đối với anh em mình chứng tỏ rằng bạn đang sống trong ý muốn của Đức Chúa Trời là chỗ mà Đức Chúa Trời có thể nhậm lời cầu xin của bạn. “Và chúng ta xin điều gì mặc dầu, thì nhận được điều ấy, bởi chúng ta vâng giữ các điều răn của Ngài” (c.22). Tình yêu thương là sự làm trọn luật pháp của Đức Chúa Trời (Ro 13:8-10) vì vậy, khi bạn yêu thương anh em mình, bạn đang vâng giữ các điều răn của Ngài và Ngài có thể nhậm lời cầu xin của bạn.

Mối quan hệ giữa một tín đồ với anh em mình không thể bị tách rời khỏi đời sống cầu nguyện của người ấy. Nếu những người làm chồng và làm vợ không đang vâng theo Lời Đức Chúa Trời, chẳng hạn, thì những lời cầu nguyện của họ sẽ bị ngăn trở (IPhi 3:7).

Một nhà truyền đạo giảng dạy về gia đình Cơ Đốc. Sau buổi nhóm một ông bố đến gặp ông.

“Tôi đã cầu nguyện cho một đứa con trai ngang bướng suốt nhiều năm,” ông bố nói, “nhưng Đức Chúa Trời vẫn chưa đáp lời cầu nguyện của tôi.”

Nhà truyền đạo đọc Thi 66:18 – “Nếu lòng tôi có chú về tội ác, ắt Chúa chẳng nghe tôi.”

Ông nói, “Hãy thành thật với chính mình và với Chúa. Giữa ông và một Cơ Đốc nhân khác có điều gì cần phải giải quyết không?”

Ông bố lưỡng lự, rồi nói, “Vâng, tôi e là có đấy. Tôi đã chất chứa sự ghen ghét trong lòng đối với một người khác trong Hội Thánh này.”

“VẬY thì hãy đi làm hoà với người ấy đi,” nhà truyền đạo khuyên, và ông cầu nguyện với ông bố này. Trước khi chiến dịch kết thúc, ông bố thấy đứa con trai búng bình của mình trở lại cùng Chúa.

Dĩ nhiên, những câu này không cho chúng ta tất cả những điều kiện để lời cầu xin được nhậm, nhưng chúng nhấn mạnh tầm quan trọng của sự vâng lời. Một bí quyết lớn lao của lời cầu xin được nhậm là sự vâng lời, và bí quyết của sự vâng lời là tình yêu thương. “Nếu các ngươi yêu mến Ta, thì vâng giữ các điều răn Ta” (Gi 14:15). “Nếu các ngươi ở trong Ta, và lời Ta ở trong các ngươi, hãy cầu xin mọi điều mình muốn, thì sẽ được điều đó . . . Nếu các ngươi vâng giữ các điều răn Ta, thì sẽ ở trong sự yêu thương Ta” (Gi 15:7,10a).

Dĩ nhiên, có thể lắm chúng ta giữ các điều răn của Đức Chúa Trời trong tinh thần sợ hãi hoặc trong tình trạng nô lệ hơn là trong tinh thần yêu thương. Đây là tội của người anh trong câu chuyện về người con trai hoang đàng (Lu 15:24-32). Một tín đồ cần phải vâng giữ các điều răn của Cha mình và điều này làm đẹp lòng Ngài. Một Cơ Đốc nhân sống để làm hài lòng Đức Chúa Trời sẽ khám phá rằng Đức Chúa Trời tìm cách để làm con cái Ngài đẹp lòng. “Cũng hãy khoái lạc nơi Đức Giê-hô-va, thì Ngài sẽ ban cho ngươi điều lòng mình ao ước” (Thi 37:4). Khi chúng ta khoái lạc trong tình yêu của Đức Chúa Trời, điều ao ước của chúng ta sẽ nằm trong ý muốn Đức Chúa Trời.

3. **Ở** (IGi 3:23,24). Khi một thầy dạy luật xin Chúa Giê-xu cho biết điều răn lớn nhất là gì, Ngài đáp, “Ngươi hãy kính mến Chúa là Đức Chúa Trời ngươi.” Rồi Ngài thêm vào một điều răn thứ hai: “Ngươi phải yêu kẻ lân cận như mình” (Mat 22:34-40). Nhưng Đức Chúa Trời cũng ban cho chúng ta một điều răn liên hệ đến cả Đức Chúa Trời lẫn con người: “Chúng ta phải tin đến danh Con Ngài, tức là Chúa Giê-xu Christ, và chúng ta phải yêu mến lẫn nhau” (IGi 3:23). Đức tin đối với Đức Chúa Trời và tình yêu thương đối với con người tóm tắt những bổn phận của một Cơ Đốc nhân. Cơ Đốc Giáo là “đức tin hay làm ra bởi tình yêu thương” (Ga 5:6).

Đức tin đối với Đức Chúa Trời và tình yêu thương đối với con người là hai mặt của cùng một đồng tiền. Chúng ta dễ nhấn mạnh đến đức tin – giáo lý đúng đắn – và bỏ qua tình yêu thương. Mặt khác, một số người lại cho rằng giáo lý không quan trọng và tình yêu thương là trách nhiệm chính yếu của chúng ta. Cả giáo lý và tình yêu thương đều quan trọng. Khi một người được xưng công bình bởi đức tin, người ấy cần phải biết rằng tình yêu thương của Đức Chúa Trời đang được rải khắp trong lòng mình (Ro 5:1-5).

“Ở trong Đấng Christ” là một từng trải quan trọng cho một tín đồ muốn có lòng tin cậy đối với Đức Chúa Trời và được sự đáp lời cầu xin. Chúa Giê-xu, trong sứ điệp của Ngài phán dạy các môn đệ trong phòng cao (Gi 15:1-14) minh hoạ “việc ở” này. Ngài ví sánh môn đệ Ngài như những nhánh nho. Bao lâu mà nhánh còn hút nhựa từ cây nho, nó vẫn cứ ra trái. Nhưng nếu nó tự tách ra khỏi cây nho, nó sẽ héo và chết.

Chúa Giê-xu đang nói về sự cứu rỗi Ngài đang nói về việc kết quả. Ngay khi một tội nhân tin nơi Đấng Christ, người ấy bước vào sự hiệp nhất với Đấng Christ, nhưng việc duy trì mối thông công là một trách nhiệm liên tục từng giây phút một. Việc ở trong Chúa tùy thuộc vào việc chúng ta vâng theo Lời Ngài và giữ cho thanh sạch (Gi 15:3,10).

Như chúng ta đã thấy, khi một tín đồ bước đi trong tình yêu thương, người ấy thấy dễ dàng vâng lời Đức Chúa Trời, và vì vậy người ấy duy trì một mối thông công mật thiết với Đức Chúa Trời. “Nếu ai yêu mến Ta, thì vâng giữ lời Ta, Cha Ta sẽ thương yêu người, chúng ta đều đến cùng người và ở trong người” (Gi 14:23).

Đức Thánh Linh được đề cập đến đích danh trong I Giăng lần đầu tiên trong I Gi 3:24. Giăng giới thiệu với chúng ta Đấng Thánh (2:20) với sự nhấn mạnh vào việc xúc dầu và chức vụ dạy dỗ của Thánh Linh. (Điều này tương tự với Gi 14:26 và 16:13,14). Nhưng Đấng Thánh cũng là Thánh Linh ở trong chúng ta (IGi 3:24 4:13). Khi một tín đồ vâng lời Đức Chúa Trời và yêu mến anh em mình, Đức Thánh Linh ngự trong lòng ban cho người ấy sự bình an và tin cậy. Đức Thánh Linh ở trong người ấy đòi đời (Gi 14:16), nhưng khi Thánh Linh bị làm cho buồn lòng, Ngài rút phước hạnh của Ngài lại.

Đức Thánh Linh cũng là Thần chứng thực (IGi 4:1-6), chứng thực cho những ai thật sự là con cái Đức Chúa Trời. Khi một tín đồ ở trong Đấng Christ, Thánh Linh dẫn dắt người ấy và báo cho người ấy biết các thần giả dối là những kẻ sẽ dẫn người ấy đi lạc đường.

Ngài cũng là Đức Thánh Linh làm chứng (5:6-8), làm chứng cho con người và công việc của Chúa Giê-xu Christ. Sự làm chứng này của Đức Thánh Linh được đề cập đến trong Ro 8:14-16.

Mỗi thân vị của Thượng Đế ba ngôi đều có liên hệ đến “đời sống yêu thương” của một tín đồ. Đức Chúa Cha ra lệnh cho chúng ta phải yêu thương nhau, Đức Chúa Con phó sự sống Ngài trên thập tự, là gương mẫu cao nhất của tình yêu thương. Và Đức Chúa Thánh Linh sống trong chúng ta để cung cấp tình yêu thương chúng ta cần đến (Ro 5:5). Ở trong tình yêu thương là ở trong Đức Chúa Trời, và ở trong Đức Chúa Trời là ở trong tình yêu thương. Tình yêu thương Cơ Đốc không phải là một cái gì đó chúng ta “có thể có được” khi chúng ta cần nó. Tình yêu thương Cơ Đốc được “rải khắp trong lòng chúng ta bởi Đức Thánh Linh,” và đây là kinh nghiệm thường xuyên của bạn khi bạn ở trong Đấng Christ.

Có bốn mức độ mà một người có thể sống. Người ấy có thể chọn mức độ thấp nhất – mức độ của Sa-tan – và thực hành việc giết người. Những kẻ giết người “có phần của chúng nó ở trong hồ có lửa và diêm cháy bùng bùng: đó là sự chết thứ hai” (Kh 21:8).

Hoặc, một người có thể chọn mức độ kế tiếp – ghen ghét. Nhưng sự ghen ghét, trong cách nhìn của Đức Chúa Trời, thì tương tự như giết người. Một người sống với lòng ghen ghét đang từ từ giết chính mình, chứ không phải người kia! Các chuyên gia về tâm thần cho biết rằng tính hiềm độc và ghen ghét gây ra tất cả các loại nan đề của thân thể và tình cảm. Trên thực tế, một chuyên gia đã đặt tựa đề cho quyển sách của ông là Yêu thương hoặc Diệt vong!

Mức độ thứ ba – sự dửng dưng – tốt hơn hai mức độ đầu tiên nhiều, vì hai mức độ đầu tiên không mang tính Cơ Đốc chút nào. Một người có sự ghen ghét thường xuyên trong lòng mình, hoặc thường xuyên giết người, chứng tỏ người ấy chưa bao giờ được sanh bởi Đức Chúa Trời. Nhưng một người có thể là một Cơ Đốc nhân mà vẫn dửng dưng trước nhu cầu của những người khác.

Một kẻ giết người thuộc về ma quỷ, như Ca-in. Một kẻ ghen ghét thuộc về thế gian (IGi 3:13), vốn ở dưới sự điều khiển của Sa-tan. Nhưng một Cơ Đốc nhân dửng dưng đang sống cho xác thịt, vốn phục vụ cho các mục đích của Sa-tan.

Phương cách thánh khiết, hạnh phúc duy nhất để sống là dựa vào mức độ cao nhất, mức độ của tình yêu thương Cơ Đốc. Đây là đời sống của sự vui mừng và tự do, đời sống của lời cầu xin được nhậm. Nó bảo đảm cho bạn lòng tin cậy và can đảm bất chấp những khó khăn của đời.

Tiến sĩ Rene Spitz ở New York thực hiện một sự nghiên cứu về trẻ em trong những trại trẻ bị bỏ rơi để xác định tình yêu thương và sự bỏ mặc có ảnh hưởng nào trên chúng. Cuộc khảo sát chứng minh rằng trẻ con bị bỏ mặc và không được yêu thương phát triển chậm chạp

hơn nhiều, và một số thậm chí đã chết. Cả về mặt thể chất, tình yêu thương chính là bầu không khí của sự sống và sự tăng trưởng.

Về mặt tâm linh, thậm chí còn hơn thế nữa.

Thực sự thì, đó chính là vấn đề của tình yêu thương hoặc sự chết mà thôi!

1-6 Xem giải nghĩa IGi 2:20-25

8. TÌM HIỂU NGỌN NGUỒN CỦA TÌNH YÊU THƯƠNG (IGi 4:7-16)

Đây là lần thứ ba chúng ta xem xét đề tài về tình yêu thương!

Điều này không có nghĩa là Giảng đã cạn ý tưởng và phải lặp đi lặp lại. Nó có nghĩa là Đức Thánh Linh, Đấng linh cảm Giảng, trình bày đề tài này một lần nữa, từ một quan điểm sâu sắc hơn.

Trước hết, tình yêu thương anh em đã được cho thấy là chứng cứ của mối thông công với Đức Chúa Trời (2:7-11) kể đó nó đã được trình bày như là chứng cứ của địa vị làm con (3:10-14). Trong đoạn trước nữa, tình yêu thương anh em là một vấn đề của sự sáng hay sự tối tăm trong đoạn thứ nhì nó là một vấn đề của sự sống hoặc sự chết.

Nhưng trong 4:7-16, chúng ta đi sâu vào tận nền tảng của vấn đề. Tại đây chúng ta khám phá vì sao tình yêu thương thật là một phần quan trọng của sự sống thực. Tình yêu thương là một sự thử nghiệm giá trị của mối thông công của chúng ta và địa vị làm con của chúng ta vì “Đức Chúa Trời là tình yêu thương.” Tình yêu thương là một phần của chính sự sống và bản tính của Đức Chúa Trời. Nếu chúng ta được hiệp nhất với Đức Chúa Trời bởi đức tin nơi Đấng Christ, chúng ta chia sẻ bản tính của Ngài. Và vì có bản tính của Ngài là tình yêu thương, tình yêu thương là điều thử nghiệm sự hiện thực của đời sống thuộc linh của chúng ta.

Một nhà hàng hải nhờ vào một la bàn để giúp mình định hướng. Nhưng tại sao lại là một la bàn? Vì nó chỉ cho ông ta hướng đi của mình. Và tại sao la bàn lại chỉ hướng bắc? Vì nó được tạo thành để đáp lại từ trường là một phần của sự cấu thành trái đất. La bàn đáp ứng lại với bản chất của trái đất.

Với tình yêu thương Cơ Đốc cũng vậy. Bản tánh của Đức Chúa Trời là tình yêu thương. Và một người biết Đức Chúa Trời và đã được sanh bởi Đức Chúa Trời sẽ đáp ứng lại bản tính của Đức Chúa Trời. Như một chiếc la bàn tự nhiên chỉ hướng bắc, một tín đồ sẽ tự nhiên làm theo tình yêu thương vì tình yêu thương là bản tính của Đức Chúa Trời. Tình yêu thương này sẽ không phải là một sự đáp ứng bị ép buộc nó sẽ là một sự đáp ứng tự nhiên. Tình yêu thương anh em của một tín đồ sẽ là bằng chứng của địa vị làm con và mối thông công của người ấy.

Trong phần này, ba lần Giảng khích lệ chúng ta yêu mến nhau (c.7,11,12). Ông hỗ trợ những lời khuyên này bằng cách nêu cho chúng ta ba thực tế nền tảng về Đức Chúa Trời:

1. Đức Chúa Trời là gì: “Đức Chúa Trời là tình yêu thương” (IGi 4:7-8)

Đây là thành ngữ thứ ba trong ba thành ngữ trong các thư tín của Giảng giúp chúng ta hiểu bản tính của Đức Chúa Trời: “Đức Chúa Trời là thân” (Gi 4:24) “Đức Chúa Trời là sự sáng” (IGi 1:5) và “Đức Chúa Trời là tình yêu thương.” Dĩ nhiên, không thành ngữ nào trong các thành ngữ này là một sự mạc khải trọn vẹn của Đức Chúa Trời, và thật sai trật khi tách rời chúng ra.

Về bản tính Đức Chúa Trời là thần Ngài không phải là thịt và huyết. Thật thế, Chúa Giê-xu Christ hiện có một thân thể vinh hiển trên thiên đàng, và một ngày kia chúng ta sẽ có thân thể giống như thân thể Ngài. Nhưng bởi bản tính là thần, Đức Chúa Trời không bị giới hạn bởi thời gian và không gian giống như các tạo vật của Ngài.

Đức Chúa Trời là sự sáng. Điều này đề cập tới bản tính thánh khiết của Ngài. Trong Kinh Thánh, sự sáng là một biểu tượng của sự thánh khiết và sự tối tăm là một biểu tượng của tội lỗi (1:5-10 Gi 3:18-21). Đức Chúa Trời không thể phạm tội vì Ngài là thánh khiết. Vì chúng ta đã được sinh vào trong gia đình của Ngài, chúng ta nhận được bản tính thánh khiết của Ngài (IPhi 1:4 IPhi 14-16).

Đức Chúa Trời là tình yêu thương. Điều này không có nghĩa là “tình yêu thương là Đức Chúa Trời.” Và sự kiện hai người “yêu thương nhau” không có nghĩa là tình yêu thương của họ nhất thiết là thánh khiết. Có người đã nói cách chính xác rằng “tình yêu thương giải thích định rõ tính chất của Đức Chúa Trời nhưng Đức Chúa Trời định rõ tính chất của tình yêu thương.”

Đức Chúa Trời là tình yêu thương và Đức Chúa Trời là sự sáng, vì thế, tình yêu thương của Ngài là một tình yêu thương thánh khiết, và sự thánh khiết của Ngài được bày tỏ trong tình yêu thương. Tất cả những gì Đức Chúa Trời làm bày tỏ tất cả những gì Đức Chúa Trời là. Ngay đến những sự phán xét của Ngài cũng được ban bố trong tình yêu thương và lòng thương xót (Ca 3:22,23).

Phản nhiên cái được gọi là “tình yêu thương” trong xã hội hiện đại không giống hoặc liên hệ đến tình yêu thương thánh khiết, thuộc linh của Đức Chúa Trời. Thế nhưng chúng ta nhìn thấy những khẩu hiệu “Đức Chúa Trời là tình yêu thương” được trưng bày tại nhiều buổi đại hội liên hoan, đặc biệt ở nơi mà những người thân quen của bạn “đang làm việc riêng của họ” – như thể người ta có thể đề cao sự vô luân bằng cách gọi nó là ‘tình yêu thương.’

Tình yêu thương Cơ Đốc là một loại tình yêu thương đặc biệt. IGi 4:10 có thể được dịch là: “Tình yêu thương chân thật được bày tỏ trong điều này.” Có một tình yêu thương giả dối, và loại tình yêu thương này Đức Chúa Trời phải bác bỏ. Tình yêu thương sản sinh từ chính bản chất của Đức Chúa Trời phải thuộc linh và thánh khiết, vì “Đức Chúa Trời là thần” và “Đức Chúa Trời là sự sáng.” Tình yêu thương thật này được “tuôn đổ trong lòng chúng ta bởi Đức Thánh Linh đã được ban cho chúng ta” (Ro 5:5).

Tình yêu thương, vì thế, là một sự thử nghiệm giá trị của đức tin Cơ Đốc chân thật. Vì Đức Chúa Trời là tình yêu thương, và chúng ta đã tuyên xưng mối quan hệ cá nhân với Đức Chúa Trời, chúng ta nhất thiết phải bày tỏ tình yêu thương của Ngài trong cách chúng ta sống. Một con cái Đức Chúa Trời đã được “sinh bởi Đức Chúa Trời,” vì vậy người ấy chia sẻ bản tính thiên thượng của Đức Chúa Trời. Vì “Đức Chúa Trời là tình yêu thương,” Cơ Đốc nhân cần phải yêu mến lẫn nhau. Điều lô-gíc này không thể nào bác bỏ được!

Chúng ta không chỉ đã “được sinh bởi Đức Chúa Trời,” mà chúng ta còn “biết Đức Chúa Trời” nữa. Trong Kinh Thánh, từ biết có một ý nghĩa sâu xa hơn nhiều chứ không chỉ là sự nhận biết hoặc thông hiểu có tính cách lý trí. Chẳng hạn như, từ biết được dùng để mô tả sự hiệp nhất thân thiết của vợ chồng (Sa 4:1). Biết Đức Chúa Trời có nghĩa là ở trong mối quan hệ sâu xa với Ngài – chia sẻ sự sống của Ngài và vui hưởng tình yêu thương của Ngài. Việc biết này không chỉ là một vấn đề của việc hiểu các sự kiện nó là một vấn đề của lẽ thật nhận biết (IGi 2:3-5).

Chúng ta phải hiểu “ai chẳng yêu thì chẳng biết Đức Chúa Trời” (4:8) trong ánh sáng này. Hẳn nhiên nhiều người chưa được cứu yêu thương gia đình của họ và thậm chí hy sinh cho

họ. Và chắc chắn nhiều người trong cùng nhóm người này theo lý trí cũng có một loại hiểu biết nào đó về Đức Chúa Trời. Vậy thì, họ thiếu điều gì? Họ thiếu một từng trải riêng tư về Đức Chúa Trời. Chúng ta có thể diễn giải câu 8 như sau, “Người mà không có loại tình yêu thiên thượng này chưa hề bước vào một sự nhận biết Đức Chúa Trời bằng kinh nghiệm riêng tư. Những gì người ấy biết chỉ ở trong đầu người ấy, chứ nó chưa hề đi vào trong lòng người ấy.”

Đức Chúa Trời là gì xác định chúng ta cần phải là gì. “Ấy là Chúa thể nào, thì chúng ta cũng thể ấy trong thế gian này” (c.17). Sự kiện Cơ Đốc nhân yêu mến lẫn nhau là bằng chứng của mối thông công giữa họ với Đức Chúa Trời và địa vị làm con của họ từ nơi Đức Chúa Trời, và đó cũng là bằng chứng rằng họ biết Đức Chúa Trời. Kinh nghiệm của họ với Đức Chúa Trời không chỉ đơn giản là từng trải một lần đủ cả nó là một từng trải hàng ngày của việc nhận biết Ngài ngày càng nhiều hơn. Thần học (sự học biết về Đức Chúa Trời) đúng nghĩa không phải là một khoá giáo lý khô khan, không thực tế – nó là một kinh nghiệm mỗi ngày đầy phấn khích khiến chúng ta được giống Đấng Christ hơn!

Một số lượng lớn chất phóng xạ bị đánh cắp khỏi một bệnh viện. Khi người quản lý bệnh viện báo cho cảnh sát biết, ông nói: “Xin làm ơn cảnh cáo tên trộm rằng hắn đang mang cái chết theo bên mình, và hắn không thể nào thành công trong việc cất giấu chất phóng xạ được. Bao lâu hắn còn cất giữ nó, nó sẽ còn gây tác hại cho hắn cách thảm khốc!”

Một người tự xưng mình biết Đức Chúa Trời và ở trong sự hiệp nhất với Ngài phải được ảnh hưởng cách riêng tư bởi mối quan hệ này. Một Cơ Đốc nhân cần phải trở nên giống như Đức Chúa Trời, và “Đức Chúa Trời là tình yêu thương.” Tranh luận cách khác là chứng tỏ rằng người ấy không thật sự biết Đức Chúa Trời!

2. Điều Đức Chúa Trời làm: “Ngài sai Con Ngài” (IGi 4:9-11)

Vì Đức Chúa Trời là tình yêu thương, Ngài phải truyền đạt – không chỉ bằng lời nói mà còn bằng việc làm nữa. Tình yêu thương chân thật không bao giờ ở trạng thái tĩnh hoặc thiếu hoạt động. Đức Chúa Trời bày tỏ tình yêu thương của Ngài cho nhân loại trong nhiều cách. Ngài đã hướng muôn vật phục vụ cho nhu cầu của con người. Trước khi tội lỗi của con người đặt muôn vật ở dưới ách nô lệ, con người đã có một mái ấm hoàn hảo trên đất để yêu mến và hầu việc Đức Chúa Trời tại đó.

Tình yêu thương của Đức Chúa Trời được bày tỏ trong cách Ngài đối xử với dân tộc Y-sơ-ra-ên. “Đức Giê-hô-va trứ mến và chọn lấy các ngươi, chẳng phải vì các ngươi đông hơn mọi dân khác đâu thật số các ngươi là ít hơn những dân khác. Nhưng ấy vì Đức Giê-hô-va thương yêu các ngươi . . . nên Đức Giê-hô-va nhờ tay mạnh rút các ngươi ra, chuộc khỏi nhà nô lệ” (Phu 7:7,8).

Sự bày tỏ lớn lao nhất của tình yêu thương Đức Chúa Trời là trong sự chết của Con Ngài. “Nhưng Đức Chúa Trời tỏ lòng yêu thương Ngài đối với chúng ta, trong khi chúng ta còn là người có tội, thì Đấng Christ đã vì chúng ta chịu chết” (Ro 5:8)

Từ “bày tỏ” có nghĩa là “lộ ra giữa thanh thiên bạch nhật, được làm ra công khai.” Nó là điều trái ngược của “che giấu, làm ra bí mật.” Dưới Giao Ước Cựu, Đức Chúa Trời bị che khuất sau cái bóng của nghi thức và lễ nghi (He 10:1) nhưng trong Chúa Giê-xu Christ “sự sống được bày tỏ” (IGi 1:2). Chúa Giê-xu phán, “Ai đã thấy Ta, tức là đã thấy Cha” (Gi 14:9).

Vì sao Chúa Giê-xu Christ đã được bày tỏ? “Vả, các con biết Chúa Giê-xu Christ đã hiện ra để cất tội lỗi chúng ta đi” (IGi 3:5). “Vả Con Đức Chúa Trời đã hiện ra để huỷ phá công việc của ma quỷ (c.8). Chúa Giê-xu đã cất tội lỗi chúng ta đi và huỷ phá (làm vô hiệu hoá)

công việc của ma quỷ ở đâu? Tại thập tự giá! Đức Chúa Trời bày tỏ tình yêu thương Ngài tại Thập tự giá khi Ngài ban Con Ngài làm một của lễ tại đó vì có tội lỗi chúng ta.

Đây là chỗ duy nhất trong bức thư nơi Chúa Giê-xu được gọi là Con một của Đức Chúa Trời. Danh hiệu này được dùng trong Phúc Âm Giảng (Gi 1:14). Nó có nghĩa là “độc nhất, cái duy nhất trong loại của nó.” Sự kiện Đức Chúa Trời đã sai Con Ngài xuống thế gian là một bằng chứng của thần tính Chúa Giê-xu Christ. Các con trẻ không được ban xuống thế gian từ một nơi nào khác chúng được sinh ra trong thế gian. Là con người trọn vẹn, Chúa Giê-xu được sinh ra trong thế gian, nhưng là Con đời đời, Ngài đã được sai xuống thế gian.

Nhưng việc sai Đấng Christ xuống thế gian, và sự chết của Ngài trên thập tự giá, không phải được thúc đẩy bởi tình yêu của con người đối với Đức Chúa Trời. Chúng được thúc đẩy bởi tình yêu thương của Ngài đối với con người. Thái độ của thế gian đối với Đức Chúa Trời không hề có tình yêu thương!

Sự chết của Chúa Giê-xu trên thập tự giá nhằm vào hai mục đích: để chúng ta có thể nhờ Ngài được sống (IGi 4:9) và để Ngài có thể làm của lễ chuộc tội chúng ta (c.10). Sự chết của Ngài không phải là một sự tình cờ đó là một sự chỉ định. Ngài không chết như một kẻ tuận đạo yếu đuối, mà như một kẻ chiến thắng đầy uy quyền.

Chúa Giê-xu Christ đã chết để chúng ta có thể được sống “nhờ Ngài” (c.9), “vì Ngài” (ICo 5:15), và “với Ngài” (ITe 5:9,10). Nhu cầu bức bách của một tội nhân là được sự sống vì người ấy đã “chết vì làm lỗi và tội ác mình” (Eph 2:1). Thật là một điều nghịch lý khi Đấng Christ đã phải chết hầu cho chúng ta có thể sống! Chúng ta không bao giờ có thể hiểu thấu được sự huyền nhiệm của sự chết Ngài, nhưng chúng ta biết điều này: Ngài đã chết vì có chúng ta (Ga 2:20).

Sự chết của Đấng Christ được mô tả như một “của lễ chuộc tội.” Giảng đã dùng từ này trước đây (IGi 2:2), vì thế không cần nghiên cứu nó cách chi tiết nữa. Chúng ta cần phải nhớ rằng của lễ chuộc tội không có nghĩa là con người phải làm một điều gì đó để làm dịu Đức Chúa Trời hay để làm cho Ngài bớt giận. Của lễ chuộc tội là điều Đức Chúa Trời làm để con người có thể được tha thứ. “Đức Chúa Trời là sự sáng,” và vì vậy Ngài phải duy trì luật pháp thánh khiết của Ngài. “Đức Chúa Trời là tình yêu thương,” và vì vậy Ngài muốn tha thứ và cứu tội nhân. Làm thế nào Đức Chúa Trời có thể tha thứ tội nhân mà vẫn gắn bó với bản tính thánh khiết của Ngài? Câu giải đáp là thập tự giá. Tại đó Chúa Giê-xu Christ đã gánh lấy hình phạt vì có tội lỗi và đáp ứng những đòi hỏi công lý của luật pháp thánh. Nhưng cũng tại đó, Đức Chúa Trời bày tỏ tình yêu thương Ngài và khiến con người có thể được cứu bởi đức tin.

Điều quan trọng cần lưu ý là sự chết của Đấng Christ là điều cần nhấn mạnh, chứ không phải sự sinh ra của Ngài. Sự kiện Chúa Giê-xu “trở nên xác thịt” (Gi 1:14) chắc chắn là một chứng cứ của ân điển và tình yêu thương của Đức Chúa Trời, nhưng sự kiện Ngài “trở nên tội lỗi” (ICo 5:21) được nhấn mạnh vì có chúng ta. Gương mẫu của Đấng Christ, những sự giảng dạy của Đấng Christ, trọn đời sống trên đất của Đấng Christ, tìm thấy ý nghĩa đích thực và sự hoàn thành của chúng tại thập tự giá.

Lần thứ hai, tín đồ được cô vũ hãy “yêu thương nhau” (IGi 4:11). Sự cô vũ này là một điều răn phải vâng theo (IGi 4:7), và nền tảng của nó là bản tính của Đức Chúa Trời. “Đức Chúa Trời là tình yêu thương chúng ta biết Đức Chúa Trời vì thế, chúng ta cần phải yêu thương nhau.” Nhưng sự cô vũ yêu thương nhau được trình bày như một đặc quyền cũng như một trách nhiệm: “Nếu Đức Chúa Trời đã yêu chúng ta dường ấy, thì chúng ta cũng phải yêu nhau” (c.11). Chúng ta không phải được cứu bởi yêu Đấng Christ chúng ta được cứu bởi tin vào Đấng Christ (Gi 3:16). Nhưng sau khi chúng ta nhận thức được điều Ngài đã làm vì có

chúng ta trên thập tự giá, sự đáp ứng bình thường của chúng ta cần phải là yêu mến Ngài và yêu mến lẫn nhau.

Điều quan trọng là Cơ Đốc nhân phải tấn tới trong sự thông hiểu về tình yêu thương. Yêu thương nhau chỉ đơn giản vì ý thức bốn phận là điều tốt, nhưng yêu thương nhau vì sự cảm kích (hơn là sự bắt buộc) thì càng tốt hơn nữa.

Đây có thể là một lý do vì sao Chúa Giê-xu thiết lập lễ Tiệc Thánh, bữa tiệc Thông Công. Khi chúng ta cùng bẻ bánh và cùng uống chén, chúng ta nhớ lại sự chết của Ngài. Ít người, nếu có, mong người khác nhớ đến sự chết của mình! Trên thực tế, chúng ta nhớ đến đời sống của một người thân yêu và cố gắng quên đi nỗi đau buồn bởi sự chết của người ấy. Với Đấng Christ thì không như thế. Ngài ra lệnh chúng ta phải nhớ đến sự chết của Ngài: “Hãy làm điều này để nhớ đến Ta!”

Chúng ta nên nhớ đến sự chết của Chúa chúng ta trong một cách thức thuộc linh, chứ không chỉ có tính cách cảm xúc. Một số người đã định nghĩa tình cảm là “cảm xúc không có trách nhiệm.” Thật dễ mà kinh nghiệm những cảm xúc thiêng liêng tại một buổi nhóm ở nhà thờ và rồi rời khỏi đó tiếp tục sống đời sống thất bại như trước. Từng trải thuộc linh đúng nghĩa liên quan tới toàn thể con người. Tâm trí phải hiểu lẽ thật thuộc linh tâm lòng phải yêu mến và cảm kích lẽ thật đó và ý chí phải hành động dựa trên lẽ thật đó. Càng đi sâu vào ý nghĩa của thập tự giá, lòng yêu mến của chúng ta đối với Đấng Christ sẽ càng sâu đậm hơn và sự quan tâm tích cực của chúng ta đối với nhau sẽ càng sâu xa hơn.

Chúng ta đã khám phá Đức Chúa Trời là gì và Đức Chúa Trời đã làm gì nhưng một thực tế nền tảng thứ ba đưa chúng ta càng tiến sâu hơn vào ý nghĩa và những quan hệ mật thiết của tình yêu thương Cơ Đốc.

3. Điều Đức Chúa Trời đang làm: “Đức Chúa Trời ở trong chúng ta” (IGi 4:12-16)

Những gì Giảng đề cập đến chân lý căn bản “Đức Chúa Trời là tình yêu thương” cần được nhắc lại tại đây.

Lẽ thật được bày tỏ cho chúng ta trong Lời Ngài, nhưng nó cũng được bày tỏ trên thập tự giá, nơi Đấng Christ đã chết vì chúng ta. “Đức Chúa Trời là tình yêu thương” không chỉ là một giáo lý trong Kinh Thánh đó là một thực tế đòi hỏi được bày tỏ rõ rệt tại Gô-gô-tha. Đức Chúa Trời đã phán điều này với chúng ta, và Đức Chúa Trời đã thực hiện điều này cho chúng ta.

Nhưng tất cả điều này là sự chuẩn bị cho thực tế lớn lao thứ ba: Đức Chúa Trời thực hiện điều này trong chúng ta! Chúng ta không chỉ là những sinh viên đang đọc một quyển sách, hay những khán giả đang theo dõi một biên cố vô cùng thương tâm. Chúng ta là những người tham dự trong chương trình vĩ đại của tình yêu thương của Đức Chúa Trời!

Để tiết kiệm tiền, một lớp cao đẳng kịch nghệ chỉ mua một vài kịch bản của một vở kịch và cắt chúng ra thành nhiều phần riêng rẽ. Vị giám đốc đưa cho mỗi diễn viên phần của cá nhân mình theo thứ tự và rồi bắt đầu diễn tập vở kịch. Nhưng mọi thứ đều sai trật cả. Sau một giờ rối rắm vì các vai tuồng không nắm được và các cảnh bị lộn xộn, việc tập dượt gián đoạn.

Vào thời điểm đó, vị giám đốc cho tất cả các diễn viên ngồi xuống trên sân khấu và nói: “Hãy chú ý, tôi sẽ đọc cả vở kịch cho các bạn nghe, vì vậy đừng ai nói gì hết.” Ông đọc cả kịch bản lớn tiếng, và khi ông đọc xong, một trong các diễn viên nói:

“VẬY RA CẢ VỞ KỊCH LÀ NHƯ THẾ!”

Và khi họ đã hiểu toàn thể câu chuyện, họ có thể ráp các phần của mình lại với nhau và có một buổi diễn tập thành công.

Khi bạn đọc các câu 12-16, bạn cảm thấy thích nói, “Vây ra tất cả là như thế!” Bởi vì tại đây chúng ta khám phá điều Đức Chúa Trời có trong trí khi đặt ra kế hoạch cứu rỗi vĩ đại của Ngài.

Đầu tiên, ước muốn của Đức Chúa Trời là sống trong chúng ta. Ngài không thoả mãn chỉ nói với chúng ta rằng Ngài yêu thương chúng ta, hoặc thậm chí bày tỏ cho chúng ta rằng Ngài yêu chúng ta.

Thật thú vị khi tìm thấy những nơi ở của Đức Chúa Trời như được ký thuật trong Thánh Kinh. Ban đầu, Đức Chúa Trời có mối tương giao với con người cách trực tiếp, cá nhân (Sa 3:8), nhưng tội lỗi đã phá hỏng mối tương giao đó. Đối với Đức Chúa Trời thật cần thiết phải làm đổ huyết các con sinh để khoá lấp tội lỗi của A-đam và Ê-va hầu cho họ có thể trở lại trong mối thông công với Ngài.

Một trong những từ trọng tâm trong Sáng-thế ký là đồng đi. Đức Chúa Trời đồng đi với con người, và con người đồng đi với Đức Chúa Trời. Ê-nóc (Sa 5:22), Nô-ê (6:9), và Áp-ra-ham đồng đi với Đức Chúa Trời (17:1 24:40).

Nhưng vào thời của các sự kiện được ký thuật trong Xuất Ê-díp-tô Ký, một sự thay đổi đã diễn ra: Đức Chúa Trời không chỉ đồng đi với con người, Ngài cũng sống, hay ở, với họ. Điều răn của Đức Chúa Trời dành cho Y-sơ-ra-ên là, “Họ sẽ làm cho Ta một đền thánh, và Ta sẽ ở giữa họ” (Xu 25:8). Đền thờ đầu tiên trong những đền thánh này là Đền Tạm. Khi Môi-se khánh thành Đền Tạm, sự vinh hiển của Đức Chúa Trời ngự xuống và đầy dẫy hội mạc.

Đức Chúa Trời ở trong trại, nhưng Ngài không ở trong thân thể của cá nhân những người Y-sơ-ra-ên.

Đáng tiếc thay, cả dân tộc đã phạm tội và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời lìa khỏi họ (ISA 4:21). Nhưng Đức Chúa Trời đã dùng Sa-mu-ên và Đa-vít để khôi phục dân tộc và Sa-lô-môn đã xây cho Đức Chúa Trời một đền thờ nguy nga. Khi Đền Thờ được khánh thành, một lần nữa sự vinh hiển của Đức Chúa Trời lại đến ngự trong xứ (IVua 8:1-11).

Nhưng lịch sử lại tái diễn, Y-sơ-ra-ên đã bất tuân Đức Chúa Trời và bị lưu đày. Đền Thờ tráng lệ bị phá huỷ. Ê-xê-chi-ên, một trong các tiên tri bị lưu đày, đã nhìn thấy sự vinh hiển của Đức Chúa Trời lìa khỏi đền thờ (Exe 8:4 9:3 10:4 11:22,23).

Vinh quang có bao giờ trở lại chẳng? Có – trong con người của Chúa Giê-xu Christ, Con Đức Chúa Trời! “Và Ngôi Lời đã trở nên xác thịt, và ngự giữa chúng ta, và chúng ta đã ngắm xem sự vinh hiển của Ngài” (Gi 1:14). Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời ngự trên đất trong thân thể Chúa Giê-xu Christ, và thân thể Ngài là đền thờ của Đức Chúa Trời (Gi 2:18-22). Nhưng những kẻ gian ác đã đóng đinh thân thể Ngài trên một cây thập tự. Chúng đóng đinh “Chúa vinh hiển” (ICo 2:8). Tất cả những điều này là một phần của kế hoạch diệu kỳ của Đức Chúa Trời, và Đấng Christ đã sống lại từ kẻ chết, về trời, và ban Thánh Linh Ngài để ngự trong con người.

Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời hiện nay sống trong thân thể của con cái Đức Chúa Trời. “Anh em há chẳng biết rằng thân thể mình là đền thờ của Đức Thánh Linh đang ngự trong anh em, là Đấng mà anh em đã nhận bởi Đức Chúa Trời và anh em chẳng phải thuộc về chính mình sao?” (6:19). Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời đã lìa khỏi Đền Tạm và Đền Thờ khi Y-sơ-ra-ên bất tuân Đức Chúa Trời, nhưng Chúa Giê-xu đã hứa rằng Thánh Linh sẽ ở với chúng ta đời đời (Gi 14:16).

Với bối cảnh này, chúng ta có thể hiểu rõ hơn điều I Gi 4:12-16 đang nói với chúng ta. Đức Chúa Trời là vô hình (ITi 1:17), và không ai có thể nhìn thấy Ngài trong bản chất của Ngài. Chúa Giê-xu là “hình ảnh của Đức Chúa Trời không thấy được” (Co 1:15). Bởi việc mang trên chính mình Ngài một thân xác con người, Chúa Giê-xu có thể bày tỏ Đức Chúa Trời cho chúng ta. Nhưng Chúa Giê-xu không còn trên đất này nữa. Vậy thì, làm thế nào Đức Chúa Trời bày tỏ chính mình Ngài cho thế gian?

Ngài bày tỏ chính mình Ngài qua đời sống của con cái Ngài. Con người không thể nhìn thấy Đức Chúa Trời, nhưng họ có thể nhìn thấy chúng ta. Nếu chúng ta ở trong Đấng Christ, chúng ta sẽ yêu thương nhau, và sự yêu thương nhau của chúng ta sẽ bày tỏ tình yêu thương của Đức Chúa Trời cho một thế giới đang thiếu thốn tình yêu thương. Tình yêu thương của Đức Chúa Trời sẽ được kinh nghiệm trong chúng ta và rồi sẽ được bày tỏ qua chúng ta.

Từ ở nhỏ bé nhưng quan trọng đó được dùng sáu lần trong I Gi 4:12-16. Nó đề cập tới mỗi thông công cá nhân của chúng ta với Chúa Giê-xu Christ. Ở trong Đấng Christ nghĩa là giữ nguyên trong sự hiệp một thuộc linh với Ngài, hầu cho không tội lỗi nào có thể chen giữa chúng ta. Vì chúng ta được “sinh bởi Đức Chúa Trời,” chúng ta có sự hiệp nhất với Đấng Christ nhưng chỉ khi chúng ta tin cậy Ngài và vâng giữ các điều răn Ngài chúng ta mới có sự tương giao với Ngài. Thật giống như một người chồng và người vợ chung thủy “ở trong tình yêu thương” dù họ có thể xa cách nhau nhiều dặm, một tín đồ ở trong tình yêu thương của Đức Chúa Trời cũng vậy. Việc ‘ở’ này có thể thực hiện được bởi sự ngự trị của Thánh Linh trong lòng (4:13).

Hãy hình dung sự diệu kỳ và đặc quyền của việc có Đức Chúa Trời ở trong bạn! Người Y-sơ-ra-ên thời Cựu Ước sẽ kinh ngạc nhìn vào Đền Tạm hay Đền Thờ, vì sự hiện diện của Đức Chúa Trời ở trong toà nhà ấy. Không người nào dám bước vào Nơi Chí Thánh, nơi Đức Chúa Trời được tôn cao trong sự vinh hiển! Nhưng chúng ta lại có Thánh Linh Đức Chúa Trời đang sống trong chúng ta! Chúng ta ở trong tình yêu thương này, và chúng ta kinh nghiệm việc Đức Chúa Trời ở trong chúng ta. “Nếu ai yêu mến Ta, thì vâng giữ lời Ta Cha Ta sẽ thương yêu người, chúng ta đều đến cùng người và ở trong người” (Gi 14:23).

Tình yêu thương của Đức Chúa Trời được công bố trong Lời Ngài (“Đức Chúa Trời là tình yêu thương”) và được chứng minh tại Thập tự giá. Nhưng tại đây chúng ta có một điều sâu xa hơn: tình yêu thương của Đức Chúa Trời được nên trọn vẹn trong người tín đồ. Điều này có thể dường như không tưởng được, tình yêu thương của Đức Chúa Trời không được nên trọn vẹn trong thiên sứ, mà là trong những tội nhân được cứu bởi ân điển Ngài. Cơ Đốc nhân chúng ta hiện nay là đền tạm và đền thờ nơi Đức Chúa Trời ngự. Ngài bày tỏ tình yêu thương của Ngài qua chúng ta.

Tiến sĩ G. Campbell Morgan, một nhà truyền đạo người Anh nổi tiếng, có năm người con trai, tất cả họ đều trở nên những người rao giảng Phúc Âm. Một ngày nọ một vị khách trong nhà họ dạn dĩ nêu một câu hỏi riêng tư: “Ai trong sáu người các anh là người giảng hay nhất?”

Câu trả lời hiệp nhất của họ là, “Mẹ!”

Dĩ nhiên, Bà Campbell Morgan chưa hề giảng một bài giảng chính thức tại một Hội Thánh nhưng đời sống bà là một bài giảng thường xuyên về tình yêu thương của Đức Chúa Trời. Đời sống của một Cơ Đốc nhân ở trong tình yêu thương của Đức Chúa Trời là một lời chứng đầy sức thuyết phục cho Đức Chúa Trời trong thế gian. Con người không thể nhìn thấy Đức Chúa Trời, nhưng họ có thể nhìn thấy tình yêu thương của Ngài cảm động chúng ta làm những việc hữu ích và tốt lành.

Ba lời chứng khác nhau được nêu lên trong những câu này: (1) Lời chứng của người tín đồ rằng Chúa Giê-xu Christ là Con Đức Chúa Trời (IGi 4:15) (2) Lời chứng trong người tín đồ bởi Thánh Linh (c.13) và (3) lời chứng qua người tín đồ rằng Đức Chúa Trời là tình yêu thương và Ngài đã sai Con Ngài chết thay cho thế gian (c.14).

Những lời chứng này không thể bị tách rời ra. Thế gian sẽ không tin rằng Đức Chúa Trời yêu thương tội nhân cho đến khi họ nhìn thấy tình yêu thương của Ngài hành động trong đời sống con cái Ngài.

Một nhân viên trong Đội Cứu Thế Quân tìm thấy một phụ nữ bị bỏ rơi một mình trên đường phố và mời bà vào nhà thờ để được giúp đỡ, nhưng phụ nữ này từ chối. Nhân viên này quả quyết với bà: “Chúng tôi yêu thương bà và mong muốn giúp đỡ bà. Đức Chúa Trời yêu thương bà. Chúa Giê-xu đã chết thay cho bà.” Nhưng người phụ nữ không nhúc nhích.

Như được sự thôi thúc thiên thượng, người nữ quân nhân này cúi xuống và hôn lên má bà này, ôm chầm lấy bà trong tay mình. Người phụ nữ bắt đầu khóc, và giống như một đứa bé, bà được đưa vào nhà thờ, nơi mà cuối cùng bà đã tin vào Đấng Christ.

“Cô bảo tôi rằng Đức Chúa Trời yêu thương tôi,” sau đó bà nói, “nhưng mãi đến khi cô cho tôi thấy rằng Đức Chúa Trời yêu thương tôi thì tôi mới mong muốn được cứu.”

Chúa Giê-xu không chỉ giảng dạy về tình yêu thương của Đức Chúa Trời Ngài chứng tỏ điều đó bằng cách phó mạng sống Ngài trên cây thập tự. Ngài mong mỗi những kẻ theo Ngài làm giống như vậy. Nếu chúng ta ở trong Đấng Christ, chúng ta sẽ ở trong tình yêu thương của Ngài. Nếu chúng ta ở trong tình yêu thương Ngài, chúng ta phải chia sẻ tình yêu này với những người khác. Hễ khi nào chúng ta chia sẻ tình yêu này, đó là bằng chứng trong chính tâm lòng chúng ta rằng chúng ta đang ở trong Đấng Christ. Nói cách khác, không có sự tách rời giữa sự sống bên trong của một Cơ Đốc nhân với đời sống bên ngoài của người ấy.

Việc ở trong tình yêu thương của Đức Chúa Trời đem lại hai lợi ích thuộc linh kỳ diệu trong đời sống một tín đồ: (1) Người ấy lớn lên trong sự thông biết, và (2) Người ấy lớn lên trong đức tin (c.16). Càng yêu mến Đức Chúa Trời hơn, chúng ta càng hiểu hơn về tình yêu thương của Đức Chúa Trời. Và càng hiểu hơn về tình yêu thương của Ngài, chúng ta càng dễ dàng tin cậy Ngài hơn. Xét cho cùng, khi bạn biết một người nào đó cách thân thiết và yêu thương người ấy chân thật, bạn không gặp khó khăn khi đặt lòng tin cậy vào người ấy.

Một ông nọ đứng trong khu bán thiệp mừng của một cửa hiệu đang gặp trở ngại trong việc chọn một tấm thiệp. Cô bán hàng hỏi xem cô có thể giúp gì chăng, và ông ta nói:

“À, hôm nay là dịp kỷ niệm 40 năm ngày cưới của chúng tôi, nhưng tôi không tìm được tấm thiệp nào nói lên điều tôi muốn nói. Cô biết không, 40 năm trước việc chọn một tấm thiệp sẽ không có gì khó khăn cả, bởi vì lúc đó tôi cho rằng mình biết tình yêu thương là gì. Nhưng bây giờ chúng tôi càng yêu nhau thật nhiều hơn, tôi thật không thể tìm được một tấm thiệp nói lên điều đó!”

Đây là từng trải với Đức Chúa Trời của một Cơ Đốc nhân đang tăng trưởng. Khi người ấy ở trong Đấng Christ và dành thời gian trong mỗi thông công với Ngài, người ấy trở nên yêu mến Đức Chúa Trời ngày càng hơn. Người ấy cũng lớn lên trong tình yêu thương đối với các Cơ Đốc nhân khác, đối với những người hư mất, và kể cả đối với kẻ thù nghịch mình. Khi người ấy chia sẻ tình yêu thương của Đức Chúa Cha với những người khác, bản thân người ấy kinh nghiệm càng hơn tình yêu thương của Cha. Người ấy hiểu được tình yêu thương của Cha ngày càng tận tường hơn.

“Đức Chúa Trời là tình yêu thương” không chỉ là một câu phát biểu sâu sắc trong Thánh Kinh. Nó là nền tảng cho mối quan hệ giữa một tín đồ với Đức Chúa Trời và với anh em mình. Vì Đức Chúa Trời là tình yêu thương, chúng ta có thể yêu thương. Tình yêu thương của Ngài không phải là lịch sử đã qua rồi nó là thực tại hiện nay. “Hãy yêu thương nhau” khởi đầu như một điều răn (c. 7), rồi nó trở thành một đặc quyền (c. 11). Nhưng nó còn hơn cả một điều răn hay một đặc quyền. Nó cũng là kết quả và chứng cứ đầy thú vị của việc ở trong Đấng Christ của chúng ta (c. 12). Việc yêu thương nhau không phải là một điều chúng ta đơn giản cần phải thực hiện nó là điều chúng ta mong muốn thực hiện.

Một vài ứng dụng thực tiễn phát sinh từ lẽ thật căn bản này:

Trước tiên, chúng ta càng biết rõ tình yêu thương của Đức Chúa Trời hơn, thì việc sống như một Cơ Đốc nhân sẽ càng dễ dàng hơn. Chỉ có sự hiểu biết về Kinh Thánh thôi không thay thế được từng trải cá nhân về tình yêu thương của Đức Chúa Trời. Trên thực tế, nếu chúng ta không thận trọng thì đó có thể là một sự thay thế nguy hiểm.

Helen trở về nhà sau một đợt bồi linh thanh niên, hết sức phấn khởi về những gì cô đã học hỏi được.

“Bọn chị có một số buổi học thật hay về việc làm thế nào để có giờ cầu nguyện riêng,” cô nói với Joyce em gái mình. “Chị dự định sẽ dành thì giờ cầu nguyện riêng mỗi ngày.”

Một tuần sau, trong khi Joyce đang chạy máy hút bụi, cô nghe Helen la to, “Em làm ồn ào như vậy sao? Em không biết là chị đang cố gắng cầu nguyện sao?” Và tiếp theo sau tiếng la đó là tiếng cửa đóng sầm lại.

Helen vẫn còn phải học biết rằng việc cầu nguyện riêng tự nó không phải là đã đủ rồi. Nếu nó không giúp chúng ta yêu mến Đức Chúa Trời và yêu thương nhau, nó chỉ đạt được kết quả ít ỏi thôi. Thánh Kinh là một sự mạc khải tình yêu thương của Đức Chúa Trời và càng hiểu rõ tình yêu thương của Ngài hơn, chúng ta sẽ càng dễ dàng vâng lời Ngài hơn và càng yêu người khác hơn.

Sự lưu tâm thứ hai là trừ khi chúng ta yêu thương những người hư mất, lời chứng của chúng ta với họ sẽ ra vô ích. Sứ điệp của Phúc Âm là một sứ điệp yêu thương. Tình yêu thương này vừa được công bố vừa được bày tỏ bởi Chúa Giê-xu Christ. Phương cách duy nhất chúng ta có thể chinh phục được linh hồn người khác hữu hiệu là công bố Phúc Âm và bày tỏ Phúc Âm đó trong cách chúng ta sống. Quá nhiều “việc làm chứng” ngày nay chỉ là những lời trên môi miệng mà thôi. Người ta cần sự bày tỏ của tình yêu thương.

Một lý do Đức Chúa Trời cho phép thế gian ghen ghét Cơ Đốc nhân là để Cơ Đốc nhân có thể dùng tình yêu thương đáp lại sự ghen ghét của thế gian. “Khi nào vì có Ta mà người ta mắng nhiếc, bắt bớ, và lấy mọi điều dữ nói vu cho các ngươi, thì các ngươi sẽ được phước. . . . Nhưng Ta nói cùng các ngươi rằng: Hãy yêu kẻ thù nghịch, và cầu nguyện cho kẻ bắt bớ các ngươi” (Mat 5:11,44).

“Thưa Mục Sư, Kinh Thánh dạy chúng ta yêu kẻ lân cận mình, nhưng tôi không biết ai có thể yêu thương được những người hàng xóm của tôi,” Bà Barton nói vào cuối một giờ học Trường Chúa Nhật. “Tôi đã cố gắng tử tế với họ, nhưng chẳng đi đến đâu cả.”

“Có lẽ ‘tử tế với họ’ chưa phải là câu giải đáp thực sự,” vị mục sư giải thích. “Bà biết đấy, thật dễ mà tử tế với người khác với động cơ sai trật.”

“Ông muốn nói như thế ông đang cố gắng ‘mua chuộc’ họ à?”

“Đại khái là vậy. Tôi nghĩ tốt hơn tôi với bà nên cầu nguyện để Đức Chúa Trời ban cho bà một tình yêu thương thuộc linh chân thật đối với những láng giềng của bà. Nếu bà yêu thương họ theo cách thức của Chúa, bà sẽ không thể làm gì thiệt hại cho họ cả,” vị mục sư chỉ ra.

Phải mất vài tuần lễ, nhưng bà Barton tăng lên trong tình yêu thương đối với hàng xóm của mình và bà cũng thấy chính mình lớn lên trong đời sống thuộc linh riêng tư nữa.

“Những người lối xóm của tôi đã chẳng thay đổi nhiều lắm,” bà nói với nhóm cầu nguyện, “nhưng thái độ của tôi đối với họ đã thực sự thay đổi. Tôi đã từng làm cho họ nhiều điều để lấy cảm tình của họ. Nhưng bây giờ tôi làm mọi sự vì có Chúa Giê-xu, vì Ngài đã chết thay cho họ – và đó là điều quan trọng hơn hết trên đời này!”

Trong đoạn này của bức thư, Giăng đã đem chúng ta đến tận nền tảng của tình yêu thương Cơ Đốc. Nhưng ông vẫn còn nhiều điều để dạy dỗ chúng ta. Trong phần sau, ông đề cập tới tình yêu của cá nhân chúng ta đối với Đức Chúa Trời và cách Đức Chúa Trời làm cho tình yêu thương đó được trọn vẹn trong chúng ta.

Hai lãnh vực này của tình yêu thương Cơ Đốc không thể nào tách rời nhau được: nếu chúng ta yêu mến Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ yêu thương nhau và nếu chúng ta yêu thương nhau, chúng ta sẽ lớn lên trong tình yêu thương đối với Đức Chúa Trời.

Và cả hai câu trên đều đúng vì “Đức Chúa Trời là tình yêu thương.”

9. YÊU THƯƠNG, TÔN KÍNH VÀ VÂNG LỜI (1GI 4:17- 5:5)

Chàng rể tương lai hồi hộp vô cùng khi anh và vị hôn thê đang thảo luận những dự định đám cưới với vị mục sư của họ.

“Tôi muốn được xem bản những lời thề hứa hôn nhân,” chàng thanh niên nói và vị mục sư trao cho anh xem. Anh ta đọc cẩn thận, trao lại cho vị mục sư, rồi nói, “Thế này thì không được đâu! Trong đó không có viết gì về việc cô ấy phải vâng lời tôi cả!”

Vị hôn thê của anh mỉm cười, cầm tay anh, và nói, “Anh yêu, từ vâng lời không cần phải được viết ra trong một cuốn sách đâu. Nó đã được viết bằng tình yêu trong tim em rồi.”

Đây là lẽ thật được xem xét trong phần này của 1 Giăng. Cho đến thời điểm này, chúng ta đã nhấn mạnh việc Cơ Đốc nhân yêu thương lẫn nhau nhưng bây giờ chúng ta chuyển sang một đề tài sâu sắc hơn – và quan trọng hơn: tình yêu thương của một tín đồ đối với Đức Chúa Cha. Chúng ta không thể yêu kẻ lân cận mình hoặc anh em mình trừ khi chúng ta yêu mến Cha thiên thượng của mình. Chúng ta phải trước hết yêu mến Đức Chúa Trời với cả tấm lòng mình rồi chúng ta mới có thể yêu thương người lân cận như yêu chính mình được.

Từ trọng tâm trong phần này là trọn vẹn. Đức Chúa Trời muốn làm cho tình yêu thương Ngài đối với chúng ta và tình yêu thương của chúng ta đối với Ngài nên trọn vẹn trong chúng ta. Từ trọn vẹn mang ý tưởng của sự trưởng thành và tính chất hoàn toàn, đầy đủ. Một tín đồ không chỉ phải lớn lên trong ân điển và sự thông biết (II Phi 3:18), mà người ấy cũng phải lớn lên trong tình yêu thương của mình đối với Đức Chúa Cha. Người ấy làm điều này để đáp lại tình yêu thương của Cha đối với mình.

Đức Chúa Trời yêu thương chúng ta nhiều đến chừng nào? Đủ để sai Con Ngài chết thay cho chúng ta (Gi 3:16). Ngài yêu thương con cái Ngài giống như cách Ngài đã yêu Đấng Christ (17:23). Và Chúa Giê-xu phán với chúng ta rằng Đức Chúa Cha muốn tình yêu thương mà Ngài dùng yêu thương Con Ngài được ở trong con cái Ngài (c.26).

Nói cách khác, đời sống Cơ Đốc nhân phải là một sự từng trải hàng ngày về sự lớn lên trong tình yêu thương của Đức Chúa Trời. Nó bao gồm việc một Cơ Đốc nhân phải tiến tới chỗ nhận biết Cha thiên thượng của mình cách càng sâu hơn khi người ấy lớn lên trong tình yêu thương.

Thật dễ mà chúng ta xé đời sống Cơ Đốc ra thành những mảnh nhỏ và bận tâm đến những mảnh vụn riêng rẽ thay vì chiêm ngưỡng bức ảnh cách toàn diện. Một nhóm có thể nhấn mạnh “sự thánh khiết” và giục giã các thành viên của mình phải đắc thắng tội lỗi. Một nhóm khác có thể nhấn mạnh việc làm chứng, hay “sự tách biệt khỏi thế gian.” Nhưng mỗi sự nhấn mạnh này thực ra đều là một sản phẩm phụ của một điều gì khác: tình yêu thương của một tín đồ đối với Cha gia tăng lên. Tình yêu thương Cơ Đốc trưởng thành là nhu cầu phổ thông vĩ đại giữa vòng dân sự Đức Chúa Trời.

Làm thế nào một tín đồ biết được rằng tình yêu thương của người ấy đối với Đức Chúa Cha đang được nên trọn vẹn? Đoạn này của 1 Giăng nêu lên bốn chứng cứ.

1. Lòng tin quyết (IGi 4:17-19)

Hai từ hoàn toàn mới xuất hiện trong từ vựng của Giăng ở đây: sự sợ hãi và hình phạt). Và điều này được viết cho tín đồ! Có thể nào Cơ Đốc nhân có thể thực sự sống trong sợ hãi và hình phạt chẳng? Thật không may là ‘có’, nhiều người xưng là tín đồ từng trải cả sự sợ hãi lẫn hình phạt ngày này sang ngày khác. Và lý do là họ không đang lớn lên trong tình yêu thương của Đức Chúa Trời.

Từ sự dạn dĩ có thể có nghĩa là “sự tin quyết” hay “sự tự do phát biểu.” Nó không có nghĩa là sự tráo tráo hay xác láo. Một tín đồ kinh nghiệm tình yêu thương trọn vẹn tăng trưởng trong lòng tin quyết đối với Đức Chúa Trời. Người ấy có một sự kính sợ Đức Chúa Trời, chứ không phải là một sự sợ hãi dằn vặt, dày vò. Người ấy là một người con tôn kính Cha mình, chứ không phải một tù nhân khúm núm trước một quan toà.

Chúng ta đã du nhập từ Hy Lạp ‘phobia’ có nghĩa là ‘nỗi sợ hãi’ vào từ vựng Anh ngữ: Tất cả những loại sợ hãi được liệt kê trong những quyển sách tâm lý học, chẳng hạn như acrophobia – “sợ độ cao,” và hydrophobia – “sợ nước.” Giăng đang viết về krisisphobia – “sợ sự phán xét.” Giăng đã đề cập lẽ thật trọng này trong Gi 2:28, và giờ đây ông đề cập nó lần nữa.

Nếu người ta sợ, đó là vì một điều gì đó trong quá khứ ám ảnh họ, hoặc một điều gì đó trong tương lai mà họ cảm thấy đe dọa họ. Hay đó có thể là một sự tổng hợp của cả ba điều này. Một người tin nơi Chúa Giê-xu Christ không cần phải sợ hãi quá khứ, hiện tại, hay tương lai, vì người ấy đã kinh nghiệm sự yêu thương của Đức Chúa Trời và tình yêu thương này đang được làm nên trọn vẹn trong người ấy liên tục mỗi ngày.

“Nhu đã định cho loài người phải chết một lần rồi chịu phán xét” (He 9:27). Nhưng một Cơ Đốc nhân không sợ sự phán xét trong tương lai, vì Đấng Christ đã chịu sự đoán phạt thay người ấy trên thập tự giá. “Quả thật, quả thật, Ta nói cùng các ngươi, ai nghe Lời Ta, và tin Đấng đã sai Ta, thì có sự sống đời đời, và không đến sự phán xét, nhưng vượt khỏi sự chết mà đến sự sống” (Gi 5:24). “Vậy nên hiện nay chẳng còn có sự đoán phạt nào cho những kẻ ở trong Chúa Giê-xu Christ” (Ro 8:1). Đối với một Cơ Đốc nhân, sự đoán phạt không phải trong tương lai nó thuộc về quá khứ. Tội lỗi người ấy đã bị đoán phạt rồi tại thập tự giá, và chúng sẽ chẳng bao giờ bị đem ra để chống lại người nữa.

Bí quyết của sự dạn dĩ chúng ta là, “Nhu Chúa thể nào, thì chúng ta cũng thể ấy trong thế gian này” (IGi 4:17). Chúng ta biết rằng “Chúng ta sẽ nên giống như Ngài” khi Ngài trở lại (3:1,2), nhưng câu nói ấy chủ yếu ám chỉ thân thể vinh hiển người tín đồ sẽ nhận được (Phi 3:20,21). Về địa vị, chúng ta ngay hiện giờ “giống như Ngài.” Chúng ta được gắn bó thật chặt chẽ với Đấng Christ, như các phần trong thân thể Ngài, đến nỗi địa vị của chúng ta trong thế gian này giống như địa vị được tôn cao của Ngài trên thiên đàng.

Điều này có nghĩa là Đức Chúa Cha đối xử với chúng ta như Ngài đối xử với Con yêu dấu của chính Ngài. Vậy thì, làm thế nào chúng ta lại có thể sợ hãi được?

Chúng ta không cần phải sợ hãi tương lai, vì tội lỗi chúng ta đã bị đoán phạt trong Đấng Christ khi Ngài chết trên thập tự giá. Đức Chúa Cha không thể đoán phạt tội lỗi chúng ta một lần nữa mà không đoán phạt Con Ngài, vì “như Chúa thể nào, thì chúng ta cũng giống như Ngài trên thế gian này.”

Chúng ta không cần phải sợ hãi quá khứ, vì “Ngài đã yêu chúng ta trước.” Ngay từ buổi đầu, mối quan hệ giữa chúng ta với Đức Chúa Trời là một mối quan hệ của tình yêu thương. Không phải là chúng ta đã yêu Ngài, mà là Ngài đã yêu chúng ta (IGi 4:10). “Vì nếu khi chúng ta còn là thù nghịch cùng Đức Chúa Trời, mà đã được hoà thuận với Ngài bởi sự chết của Con Ngài, thì huống chi nay đã hoà thuận rồi, chúng ta sẽ nhờ sự sống của Con ấy mà được cứu là dường nào” (Ro 5:10). Nếu Đức Chúa Trời đã yêu thương chúng ta khi chúng ta còn ở ngoài gia đình, bất tuân Ngài, thì giờ đây chúng ta là con cái Ngài, Ngài còn yêu thương chúng ta nhiều hơn biết dường nào!

Chúng ta không cần phải sợ hiện tại vì “tình yêu thương trọn vẹn cất bỏ sự sợ hãi” (IGi 4:18). Khi chúng ta lớn lên trong tình yêu thương của Đức Chúa Trời, chúng ta không còn sợ hãi điều Ngài sẽ làm.

Dĩ nhiên có một sự “kính sợ Đức Chúa Trời” đúng đắn, nhưng đó không phải là loại sợ hãi sinh ra hình phạt. “Vì anh em đã chẳng nhận lấy thần trí của tôi mọi đặng còn ở trong sự sợ hãi, nhưng đã nhận lấy thần trí của sự làm con nuôi, và nhờ đó chúng ta kêu rằng: ‘A ba! Cha!’” (Ro 8:15). “Vì Đức Chúa Trời chẳng ban cho chúng ta tâm thần nhút nhát, bèn là tâm thần mạnh mẽ, có tình thương yêu và gìn giữ” (II Ti 1:7).

Sợ hãi thực ra là sự bắt đầu của hình phạt. Chúng ta tự dần vặt mình khi đang chờ đợi điều sắp xảy ra. Nhiều người vô cùng đau khổ khi họ chờ đợi đi gặp nha sĩ khám răng. Hãy nghĩ đến một người chưa được cứu phải chịu đau khổ biết bao khi người ấy chờ đợi ngày phán xét. Nhưng vì có một Cơ Đốc nhân có sự dạn dĩ trong ngày phán xét, người ấy có thể có sự vững tâm khi đối diện cuộc sống hôm nay, vì không có tình trạng nào của cuộc sống hôm nay bắt đầu sánh được với sự nghiêm minh kinh khiếp của ngày phán xét cả.

Đức Chúa Trời muốn con cái Ngài sống trong một bầu không khí yêu thương và tin quyết, chứ không phải trong sự sợ hãi và đau khổ dày vò. Chúng ta không cần phải sợ sự sống hay sự chết, vì chúng ta đang được nên trọn vẹn trong tình yêu thương của Đức Chúa Trời. “Ai sẽ phân rẽ chúng ta khỏi sự yêu thương của Đấng Christ? Có phải hoạn nạn, khốn cùng, bắt bớ, đói khát, trần truồng, nguy hiểm hay là gươm giáo chăng? Trái lại, trong mọi sự đó, chúng ta nhờ Đấng yêu thương mình mà thắng hơn bội phần. Vì tôi chắc rằng bất kỳ sự chết, sự sống, các thiên sứ, các kẻ cầm quyền, việc bây giờ, việc hầu đến, quyền phép, bề cao hay là bề sâu, hoặc một vật nào, chẳng có thể phân rẽ chúng ta khỏi sự yêu thương mà Đức Chúa Trời đã chứng cho chúng ta trong Chúa Giê-xu Christ, là Chúa chúng ta” (Ro 8:35,37-39).

Hãy tưởng tượng thử! Không điều gì trong cả vũ trụ này – hiện tại hay tương lai – có thể xen vào giữa chúng ta với tình yêu thương của Đức Chúa Trời cả!

Sự trọn vẹn của tình yêu thương Đức Chúa Trời trong đời sống chúng ta thường là một vấn đề gồm nhiều giai đoạn. Khi chúng ta còn trong sự hư mất, chúng ta sống trong sợ hãi và không biết gì về tình yêu thương của Đức Chúa Trời. Sau khi tin nơi Đấng Christ, chúng ta thấy trong lòng mình vừa sợ hãi vừa yêu thương lẫn lộn khiến chúng ta thấy bối rối. Nhưng khi chúng ta lớn lên trong mối thông công với Đức Chúa Cha, dần dần sự sợ hãi tan biến đi và lòng chúng ta được cai quản bởi tình yêu thương của Ngài mà thôi. Một Cơ Đốc nhân còn con trẻ bị hoang mang giữa sự sợ hãi và tình yêu thương nhưng một Cơ Đốc nhân trưởng thành yên nghỉ trong tình yêu thương của Đức Chúa Trời.

Một sự tin quyết ngày càng hơn trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời là một trong những chứng cứ đầu tiên rằng tình yêu thương của chúng ta đối với Đức Chúa Trời đang tăng trưởng. Nhưng sự tin quyết không bao giờ đứng một mình nó luôn dẫn đến những kết quả khác về phương diện đạo đức.

2. Sự chân thật (IGi 4:20-21)

Đây là lần thứ bảy chúng ta đọc thấy câu này: “Vị có ai nói rằng . . . !” Chúng ta đã gặp câu quan trọng này nhiều lần, và mỗi lần chúng ta đều biết điều đang xảy đến: một lời cảnh cáo chống lại sự giả bộ.

Sự sợ hãi và giả bộ thường đi chung với nhau. Trên thực tế, chúng được sinh ra một lượt khi người nam và người nữ đầu tiên phạm tội. Ngay khi A-đam và È-va ý thức tội lỗi của mình họ liền tìm cách trốn khỏi Đức Chúa Trời và che giấu sự loã lồ của mình đi. Nhưng cả sự che đậy lẫn lời bào chữa của họ không thể che khuất họ khỏi ánh mắt nhìn thấy tất cả của Đức Chúa Trời. A-đam cuối cùng đã thú thật, “Tôi có nghe tiếng Chúa trong vườn, bèn sợ” (Sa 3:10).

Nhưng khi lòng chúng ta tin quyết đối với Đức Chúa Trời, chúng ta không cần phải giả bộ, hoặc với Đức Chúa Trời hay với con người. Một Cơ Đốc nhân thiếu sự tin chắc với Đức Chúa Trời cũng sẽ thiếu sự tin chắc với dân sự của Đức Chúa Trời. Một phần của sự đau khổ dày vò (hình phạt) mà sự sợ hãi sản sinh ra là nỗi lo lắng thường xuyên, “Những người khác thật sự biết về tôi đến mức nào?” Nhưng khi chúng ta có sự tin quyết với Đức Chúa Trời, sự sợ hãi này tan biến đi và chúng ta có thể đối diện Đức Chúa Trời lẫn con người mà không hề lo lắng.

“Trong Hội Thánh của mục sư có bao nhiêu tín hữu?” một người khách hỏi vị mục sư.

“Khoảng gần một ngàn,” vị mục sư đáp.

“Chắc hẳn đó là một số đông người mà ông phải cố làm hài lòng đấy!” người khách kêu lên.

“Này anh bạn, tôi muốn xác quyết với anh là tôi chưa bao giờ cố gắng làm hài lòng mọi tín đồ của mình cả, hay thậm chí một số người trong họ cũng vậy,” vị mục sư mỉm cười nói. “Tôi chỉ nhằm làm hài lòng một người thôi – đó là Cứu Chúa Giê-xu. Nếu tôi đứng với Ngài, thì mọi sự giữa tôi với tín hữu mình sẽ tốt đẹp cả.”

Một Cơ Đốc nhân còn non trẻ không đang lớn lên trong tình yêu thương đối với Đức Chúa Trời có thể nghĩ là mình phải gây cho người khác ấn tượng rằng mình “thuộc linh”. Sự sai lầm này biến người ấy thành một kẻ nói dối! Người ấy đang tuyên xưng một điều mà mình không đang thực sự thực hành người ấy đang đóng một vai diễn thay vì đang sống thực.

Có lẽ thí dụ tốt nhất của tội lỗi này được nhìn thấy trong kinh nghiệm của A-na-ria và Sa-phi-ra (Cong 5:1-11). Họ bán một mảnh đất và đem một phần tiền đến dâng cho Chúa, nhưng

họ tạo ấn tượng là họ đang dâng trọn số tiền. Tội của hai người này không phải là trong việc lấy bớt tiền của Đức Chúa Trời, vì Phi-e-rơ vạch rõ rằng số tiền dâng là tùy nơi họ (c.4). Tội của họ là sự giả hình. Họ đang cố gắng làm cho người ta nghĩ rằng họ rộng rãi hơn và thuộc linh hơn con người thật của họ.

Giả bộ là một trong những hoạt động ưa thích nhất của trẻ con, nhưng chắc chắn nó không phải là một dấu hiệu của sự trưởng thành nơi người lớn. Những người trưởng thành phải biết chính mình và phải là chính mình, làm trọn những mục đích mà Đấng Christ đã vì đó cứu họ. Đời sống họ phải được bày tỏ bằng sự chân thật.

Sự chân thật thuộc linh đem đến sự bình an và năng quyền cho người thực hành nó. Người ấy không cần phải ghi nhớ những lời giả dối mình đã nói, và người ấy không đang dùng sức mình để che đậy. Vì người ấy sống chân thật minh bạch với Đức Chúa Cha, người ấy có thể sống chân thật với những người khác. Tình yêu thương và lễ thật đi chung nhau. Vì người ấy biết Đức Chúa Trời yêu mình và chấp nhận mình (ngay cả với mọi lỗi lầm của người ấy), người ấy không đang cố gắng tạo ấn tượng nơi người khác. Người ấy yêu mến Đức Chúa Trời, và vì thế người ấy yêu thương anh em trong Chúa của mình.

Thứ hạng của Jerry tụt thấp hơn nhiều so với thành tích anh thường đạt được, và thêm vào đó, sức khỏe anh lại đang suy yếu dần. Người bạn mới cùng phòng lo lắng cho anh và cuối cùng thuyết phục anh đến gặp giáo sư khải đạo của trường.

“Tôi không thể nào hiểu nổi,” Jerry thú thật. “Năm ngoái tôi học vượt hẳn cả trường, còn năm nay thì giống như đang vật lộn với việc học vậy.”

“Anh không gặp phiền hà gì với người bạn mới cùng phòng chứ?” giáo sư khải đạo hỏi.

Jerry không trả lời ngay, và điều này đem đến cho vị khải đạo một manh mối.

“Jerry này, anh đang tập trung vào việc sống đời sống của một sinh viên tốt, hay vào việc cố gắng tạo ấn tượng nơi người bạn mới cùng phòng về khả năng của mình?”

“A, tôi chắc là vậy rồi,” Jerry trả lời với một tiếng thở phào nhẹ nhõm. “Tôi đã làm cho mình mệt mỏi trong việc ráng sức bề ngoài và không còn đủ năng lực để sống nữa.”

Sự tin quyết đối với Đức Chúa Trời và chân thật với người khác là hai dấu hiệu của sự trưởng thành nhất định phải lộ ra khi lòng yêu mến Đức Chúa Trời của chúng ta đang được làm nên trọn vẹn.

3. Sự vâng lời cách vui mừng (IGi 5:1-3)

Không chỉ là sự vâng lời – mà là sự vâng lời cách vui mừng! “Điều răn của Ngài không phải là nặng nề” (c.3).

Mọi vật trong thế gian – ngoại trừ con người – đều vâng theo ý chỉ của Đức Chúa Trời. “Hỡi lửa và mưa đá, tuyết và hơi nước, gió bão vâng theo mệnh lệnh Ngài” (Thi 148:8). Trong sách Giô-na, bạn thấy sóng gió, và cả con cá cũng vâng theo mệnh lệnh Đức Chúa Trời nhưng vị tiên tri cứ khăng khăng không chịu vâng lời. Ngay đến một dây dưa và một con sâu cũng làm theo điều Đức Chúa Trời ra lệnh. Nhưng vị tiên tri cứ bướng bỉnh mong muốn theo ý riêng mình.

Sự bất tuân ý chỉ Đức Chúa Trời là một tai hoạ – nhưng sự vâng lời miễn cưỡng cũng vậy. Đức Chúa Trời không muốn chúng ta bất tuân Ngài, nhưng Ngài cũng không muốn chúng ta vâng lời vì sợ hãi hoặc vì bắt buộc. Những gì Phao-lô nói về việc ban cho cũng áp dụng với việc sống nữa: “không phải vì miễn cưỡng hoặc vì ép uống, vì Đức Chúa Trời yêu người hiến tặng một cách vui lòng” (II Co 9:7).

Bí quyết của sự vâng lời cách vui mừng là gì? Phải nhận biết rằng sự vâng lời là một vấn đề của gia đình. Chúng ta đang hầu việc một Người Cha đầy yêu thương và đang giúp đỡ anh chị em trong Chúa của mình. Chúng ta đã được sinh bởi Đức Chúa Trời chúng ta yêu Đức Chúa Trời, và chúng ta yêu con cái Đức Chúa Trời. Và chúng ta bày tỏ tình yêu thương này bằng cách vâng giữ các điều răn của Đức Chúa Trời.

Một phụ nữ nọ đến thăm văn phòng của một biên tập viên báo, hy vọng sẽ bán được cho ông ta một số bài thơ bà đã sáng tác.

“Thơ của bà nói về đề tài gì?” biên tập viên hỏi.

“Chúng nói về tình yêu!” nữ thi sĩ nhanh nhẩu đáp.

Biên tập viên ngồi dựa vào ghế và nói, “Được rồi, mời bà đọc thử tôi nghe một bài thơ đi. Thế giới này chắc hẳn có thể cần dùng đến nhiều tình yêu hơn nữa đấy!”

Bài thơ bà đọc đầy những mặt trăng và những Tháng Sáu và những tình cảm ướt át, hơn là điều biên tập viên có thể hiểu được.

“Tôi rất tiếc,” ông nói, “nhưng bà thật chẳng biết tình yêu là gì cả! Tình yêu không phải là ánh trăng thanh và bông hồng thắm. Tình yêu là ngồi thức suốt đêm bên giường bệnh, hay làm việc thêm giờ để bọn trẻ có thể có giày mới mang. Thế giới không cần loại tình yêu trong thi ca của bà đâu. Thế giới cần loại tình yêu thực tế đẹp đẽ đã có từ lâu đời.”

D. L. Moody thường nói, “Mỗi quyển Kinh Thánh cần phải được đóng bìa bằng da dày.” Chúng ta bày tỏ tình yêu thương của mình đối với Đức Chúa Trời, không phải bằng lời lẽ rỗng tuếch mà bằng hành động sốt sắng. Chúng ta không phải là những nô lệ vâng lời một ông chủ chúng ta là con cái vâng lời một người Cha. Và tội lỗi chúng ta là một vấn đề của gia đình.

Một trong những thử nghiệm của tình yêu thương đang lớn lên là thái độ của cá nhân chúng ta đối với Kinh Thánh, vì trong Kinh Thánh chúng ta tìm thấy ý muốn của Đức Chúa Trời đối với đời sống chúng ta được bày tỏ. Một người chưa được cứu xem Kinh Thánh là một quyển sách không thể chấp nhận được, chính vì người ấy không hiểu sứ điệp thuộc linh của nó (ICo 2:14). Một Cơ Đốc nhân con trẻ xem những điều đòi hỏi của Kinh Thánh là nặng nề. Người ấy phần nào giống như một đứa bé đang học tập vâng lời, và luôn hỏi, “Tại sao con phải làm điều đó?” hay “Làm điều này không tốt hơn hay sao?”

Nhưng một Cơ Đốc nhân từng trải tình yêu thương làm nên trọn vẹn của Đức Chúa Trời thấy mình ham thích Lời Đức Chúa Trời và thật sự yêu mến Lời ấy. Người ấy không đọc Kinh Thánh như một quyển sách giáo khoa, mà như một bức thư tình.

Chương dài nhất trong Kinh Thánh là Thi 119:1-176, và chủ đề của nó là Lời của Đức Chúa Trời. Trừ ra hai câu (c.122,132), các câu khác đều nói đến Lời Đức Chúa Trời trong hình thức này hoặc hình thức khác, như “luật pháp,” “giềng mối,” “điều răn” v. v. . . Nhưng điều thú vị là tác giả Thi Thiên yêu mến Lời Đức Chúa Trời và ưa thích nói với chúng ta về Lời ấy! “Tôi yêu mến luật pháp Chúa biết bao!” (c.97). Ông vui mừng, vui vẻ về Luật pháp Chúa (c.14,162) và ưa thích, hỉ lạc trong Lời Ngài (c.16,24). Lời Chúa là mật ong trong miệng ông (c.103). Thực tế, ông biến Luật pháp Đức Chúa Trời thành một bài ca: “Các luật lệ Chúa làm bài hát tôi tại nhà tôi ở làm khách lạ” (c.54).

Hãy tưởng tượng việc chuyển các luật lệ thánh thành những bài hát. Giả sử dàn nhạc giao hưởng địa phương trình diễn một đêm luật lệ giao thông phổ thành nhạc! Hầu hết chúng ta không xem các luật lệ là một nguồn ca hát vui mừng, nhưng đây là cách tác giả thi thiên xem xét Luật pháp Đức Chúa Trời. Bởi vì ông yêu mến Chúa, nên ông yêu mến Luật pháp Ngài.

Các điều răn của Đức Chúa Trời không khổ sở và nặng nề cho ông. Giống như một đứa con vui sướng vâng theo mệnh lệnh của cha mình, một Cơ Đốc nhân với tình yêu thương làm nên trọn vẹn cũng vui sướng vâng theo mệnh lệnh Đức Chúa Trời như vậy.

Tại điểm này, chúng ta có thể hỏi ngược lại và hiểu được ý nghĩa thực tiễn của “tình yêu thương đang tăng trưởng” trong đời sống hàng ngày của chúng ta. Khi tình yêu thương của chúng ta đối với Đức Chúa Cha trưởng thành, chúng ta có sự vững tâm và không còn sợ hãi ý chỉ của Ngài nữa. Chúng ta cũng chân thật đối với những người khác và mất sự sợ hãi bị khước từ. Và chúng ta có một thái độ mới đối với Lời Đức Chúa Trời: đó là sự bày tỏ tình yêu thương của Đức Chúa Trời, và chúng ta ưa thích vâng theo Lời ấy. Sự vững tâm đối với Đức Chúa Trời, sự chân thật đối với người khác, và sự vâng lời cách vui mừng là những dấu hiệu của tình yêu thương nên trọn vẹn và là những thành phần tạo nên một đời sống Cơ Đốc hạnh phúc.

Chúng ta cũng có thể nhìn thấy tội lỗi huỷ hoại tất cả những điều này ra sao. Khi chúng ta bất tuân Đức Chúa Trời chúng ta mất đi sự dạn dĩ đối với Ngài. Nếu chúng ta không lập tức xưng tội mình và cầu xin Ngài tha thứ (IGi 1:9), chúng ta phải bắt đầu giả bộ để che đậy. Sự bất tuân đưa đến sự không thành thật, và cả hai điều này xoay lòng chúng ta khỏi Lời Đức Chúa Trời. Thay vì đọc Lời Ngài với sự vui mừng để khám phá ra ý muốn Đức Chúa Cha, chúng ta phớt lờ Lời ấy hoặc có lẽ đọc nó theo một thông lệ thôi.

Gánh nặng của tôn giáo (con người cố gắng làm đẹp lòng Đức Chúa Trời bằng sức riêng của mình) là một gánh nặng khổ sở (Mat 23:4) nhưng ách mà Đấng Christ đặt trên chúng ta thì không nặng nề chút nào (Mat 11:28-30). Tình yêu thương làm những gánh nặng nhẹ đi. Gia cốp đã phải làm việc bảy năm để có được người nữ ông yêu mến, nhưng Kinh Thánh cho chúng ta biết rằng “nhưng bởi yêu nàng, nên coi bảy năm bằng chừng đôi ba bữa” (Sa 28:20). Tình yêu thương nên trọn vẹn sinh ra sự vâng lời cách vui mừng.

4. Sự đắc thắng (IGi 5:4-5)

Vị nữ thần chiến thắng của Hy Lạp là Nike, mà tên cô đó cũng là tên của một tên lửa đối không của Mỹ. Cả hai đều được đặt tên theo từ Hy Lạp nika (NĒE kay) đơn giản có nghĩa là chiến thắng. Nhưng sự chiến thắng có liên hệ gì đến tình yêu thương đang tăng trưởng?

Cơ Đốc nhân sống trong một thế giới thực hữu và bị vây bọc bởi những trở lực đáng sợ. Vâng lời Đức Chúa Trời thật không dễ. Nhưng bị thế gian cuốn trôi đi, không vâng lời Ngài, và “làm theo ý riêng bạn” thì dễ hơn nhiều.

Nhưng Cơ Đốc nhân được “sinh bởi Đức Chúa Trời.” Điều này có nghĩa là người ấy có bản tính thiên thượng trong lòng mình, và bản tính thiên thượng này không thể nào không vâng lời Đức Chúa Trời. “Vì hề chi sinh bởi Đức Chúa Trời thì thắng hơn thế gian” (c. 4). Nếu bản tính cũ điều khiển chúng ta, chúng ta không vâng lời Đức Chúa Trời nhưng nếu bản tính mới điều khiển, chúng ta vâng lời Đức Chúa Trời. Thế gian thu hút đối với bản tính cũ (IGi 2:15-17) và cố gắng làm cho các điều răn của Đức Chúa Trời dường như nặng nề.

Sự đắc thắng của chúng ta là một kết quả của đức tin, và chúng ta lớn lên trong đức tin khi chúng ta lớn lên trong tình yêu thương. Càng yêu thương một người nào, bạn càng dễ dàng tin cậy người ấy hơn. Tình yêu thương của chúng ta đối với Đấng Christ càng nên trọn vẹn hơn, thì đức tin của chúng ta nơi Đấng Christ cũng càng nên trọn vẹn hơn vì đức tin và tình yêu thương cùng trưởng thành song song nhau.

Từ thắng hơn là một từ được Giăng ưa thích ông dùng từ này trong 2:13-14 liên quan tới việc thắng hơn ma quỷ. Ông dùng từ này bảy lần trong Khải huyền để mô tả các tín đồ và

những phước hạnh họ nhận được (2:7,11,17,26 3:5,12,21). Ông không đang mô tả một tầng lớp tín hữu đặc biệt. Đúng hơn, ông đang dùng từ kẻ đắc thắng như một danh xưng dành cho Cơ Đốc nhân chân chính. Vì chúng ta đã được sinh bởi Đức Chúa Trời, nên chúng ta là những kẻ đắc thắng.

Chúng tôi được thuật lại là có một binh sĩ trong quân đội của Alexander đại đế không chiến đấu anh dũng tại chiến trường. Khi lẽ ra phải đang tiến tới trước, anh ta lại nấn ná ở phía sau.

Nhà chiến lược đại tài tiến đến gần anh ta và hỏi, “Anh lính kia, tên anh là gì?”

Người lính đáp, “Thưa ngài, tên tôi là Alexander.”

Đại đế Alexander nhìn thẳng vào mắt anh ta và nói cách kiên quyết: “Anh lính kia, hãy xông ra trận và chiến đấu đi – nếu không hãy đổi tên anh đi!”

Tên của chúng ta là gì? “Con cái Đức Chúa Trời – những kẻ được sinh lại của Đức Chúa Trời.” Alexander đại đế muốn tên mình là một biểu tượng của lòng dũng cảm tên của chúng ta hàm chứa sự đảm bảo của chiến thắng. Được sinh bởi Đức Chúa Trời có nghĩa là được chia sẻ sự đắc thắng của Đức Chúa Trời.

Đây là một đắc thắng của đức tin, nhưng đức tin nơi điều gì? Đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ, Con Đức Chúa Trời! Người thắng hơn thế gian là người “tin rằng Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời” (IGi 5:5). Không phải đức tin nơi chính mình, mà chính đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ ban cho chúng ta sự đắc thắng. “Các ngươi sẽ có sự hoạn nạn trong thế gian, nhưng hãy cứ vững lòng, Ta đã thắng thế gian rồi!” (Gi 16:33).

Sự đồng nhất hoá với Đấng Christ trong sự đắc thắng của Ngài nhắc chúng ta nhớ đến nhiều lần chúng ta đã đọc “như Chúa thể nào” trong thư tín của Giăng. “Như Chúa thể nào, thì chúng ta cũng phải thể ấy trong thế gian này.” (IGi 4:17). Chúng ta cần phải bước đi trong sự sáng “như chính Ngài ở trong sự sáng” (1:7). Nếu chúng ta tự nhận là ở trong Ngài, thì chúng ta cần phải làm theo như chính Ngài đã làm (2:6). Con cái Ngài tại trên đất này sẽ phải giống như Ngài tại trên trời. Chúng ta chỉ cần xác nhận địa vị diệu kỳ này bởi đức tin – và hành động theo điều đó.

Khi Chúa Giê-xu Christ chết, chúng ta cùng chết với Ngài. Phao-lô nói, “Tôi đã bị đóng đinh vào thập tự giá với Đấng Christ” (Ga 2:20). Khi Đấng Christ bị chôn, chúng ta cùng bị chôn với Ngài. Và khi Ngài sống lại, chúng ta cùng sống lại với Ngài. “Vậy chúng ta đã bị chôn với Ngài bởi phép báp-tem trong sự chết Ngài, hầu cho Đấng Christ nhờ vinh hiển của Cha được từ kẻ chết sống lại thể nào, thì chúng ta cũng sống trong đời mới thể ấy” (Ro 6:4).

Khi Đấng Christ thăng thiên, chúng ta cùng thăng thiên với Ngài và hiện nay đang ngồi với Ngài tại các nơi trên trời (Eph 2:6). Và khi Đấng Christ trở lại, chúng ta sẽ chia sẻ sự tôn cao của Ngài. “Khi nào Đấng Christ, là sự sống của chúng ta, sẽ hiện ra, bấy giờ anh em cũng sẽ hiện ra với Ngài trong sự vinh hiển” (Co 3:4).

Tất cả những câu này mô tả địa vị thuộc linh của chúng ta trong Đấng Christ. Khi chúng ta xác nhận địa vị này bởi đức tin, chúng ta chia sẻ sự đắc thắng của Ngài. Khi Đức Chúa Trời khiến Chúa Giê-xu Christ từ kẻ chết sống lại, Ngài “làm cho Đấng Christ ngồi bên hữu mình tại các nơi trên trời, cao hơn hết mọi quyền, mọi phép, mọi thế lực, mọi quân chủ, cùng mọi danh vang ra . . . và Ngài đã bắt muôn vật phục dưới chân Đấng Christ” (Eph 1:20-22). Điều này có nghĩa là, về vị trí, mỗi con cái Đức Chúa Trời được ban cho đặc quyền ngồi cao hơn hết mọi kẻ thù nghịch mình!

Chỗ ngồi của một người xác định mức độ thẩm quyền người ấy có thể thực thi. Người ngồi trong chiếc ghế tổng giám đốc có một phạm vi thẩm quyền có giới hạn người ngồi trong chiếc ghế phó chủ tịch thực thi quyền hành nhiều hơn. Nhưng người ngồi phía sau chiếc bàn ghi hàng chữ Chủ tịch thực thi thẩm quyền nhiều nhất. Dù cho người đó có thể đang ở đâu trong nhà máy hay văn phòng, người đó vẫn được mọi người kính trọng và vâng lời vì có chỗ ngồi của mình. Quyền thế của người đó được xác định bởi vị trí của người, chứ không bởi diện mạo riêng hay cách người cảm nhận.

Một con cái Đức Chúa Trời cũng vậy: thẩm quyền của người ấy được xác định bởi vị trí của người trong Đấng Christ. Khi người ấy tin vào Đấng Christ, người ấy được đồng nhất hoá với Ngài bởi Đức Thánh Linh và được trở nên một phần tử của Thân Ngài (ICo 12:12-13). Đời sống cũ của người ấy đã bị chôn và người ấy đã được sống lại trong một đời sống mới đầy vinh hiển. Trong Đấng Christ, người ấy đang ngồi trên ngai cai trị cả cõi vũ trụ này!

Một cựu chiến binh của cuộc nội chiến thường đi lang thang từ nơi này sang nơi khác ăn xin để kiếm sống và luôn kể về “Ông bạn Lincoln” của mình. Vì các thương tật, ông không thể có một việc làm thường xuyên. Nhưng bao lâu ông còn có thể đi đây đó, ông vẫn còn nói chuyện về vị tổng thống yêu dấu của mình.

“Ông nói ông biết Ông Lincoln à,” một hôm một người bàng quang hoài nghi hỏi vặn ông. “Tôi không thật tin chắc là ông biết ông ta. Hãy chứng minh đi!”

Người cựu chiến binh già nua đáp, “Ồ, dĩ nhiên, tôi có thể chứng minh chứ. Thực tế là tôi có một mảnh giấy đây do chính Ông Lincoln đã ký và trao cho tôi.”

Từ chiếc bóp cũ kỹ của mình, ông lấy ra một mảnh giấy được gấp lại nhiều lần và đưa cho người kia xem.

“Tôi không biết đọc nhiều,” ông xin lỗi, “nhưng tôi biết đó là chữ ký của Ông Lincoln.”

“Này ông, ông có biết mình có cái gì ở đây không?” một trong những người đứng xem hỏi. “Ông có một số tiền trợ cấp rộng rãi của liên bang do tổng thống Lincoln cấp cho. Ông không phải đi đây đó như một kẻ ăn xin khốn khổ nữa! Ông Lincoln đã làm cho ông được giàu có rồi!”

Điều này diễn giải những gì Giăng đã viết: “Anh em là những Cơ Đốc nhân không cần phải đi quanh trong sự đại bại, vì Chúa Giê-xu Christ đã khiến anh em thành những kẻ đắc thắng! Ngài đã đánh bại mọi kẻ thù nghịch và anh em được chia sẻ sự đắc thắng của Ngài. Giờ đây, bởi đức tin, hãy nhận lấy sự đắc thắng của Ngài.

Dĩ nhiên, điều then chốt là đức tin, nhưng đức tin luôn là chìa khoá của Đức Chúa Trời để đắc thắng. Những người nam và nữ vĩ đại được kể tên trong He 11:1-40 thấy đều giành được sự đắc thắng của mình “bởi đức tin.” Họ chỉ nắm lấy Lời Hứa của Đức Chúa Trời và hành động nương trên lời ấy, và Ngài tôn cao đức tin của họ và ban cho họ sự đắc thắng. Đức tin không đơn giản là nói rằng điều Đức Chúa Trời phán là thật đức tin thật là hành động nương trên những gì Đức Chúa Trời phán vì nó là thật. Có người đã nói rằng đức tin không phải là tin tưởng thật nhiều bất chấp chứng cứ thế nào, mà là vâng lời bất chấp hậu quả ra sao.

Đức tin đắc thắng là kết quả của tình yêu thương đang trưởng thành. Càng nhận biết Chúa Giê-xu Christ và yêu Ngài hơn, chúng ta càng dễ tin cậy Ngài hơn trong những nhu cầu và những chiến trận của đời sống. Điều quan trọng là tình yêu thương đang trưởng thành này phải trở nên một việc thường xuyên và thực tiễn trong đời sống hàng ngày của chúng ta.

Làm thế nào một tín đồ có thể kinh nghiệm loại tình yêu thương này và những phước hạnh tuôn tràn từ đó?

Trước hết, loại tình yêu thương này phải được vun xới. Nó không phải là kết quả của một tình bạn may rủi! Một sự nghiên cứu trước đây vạch ra rằng một tín đồ sa ngã vào thế gian bằng những giai đoạn:

1. Làm bạn với thế gian (Gia 4:4)
2. Bị ô uế bởi thế gian (Gia 1:27)
3. Yêu mến thế gian (IGi 2:15-17)
4. Làm theo thế gian (Ro 12:2)

Mối tương quan giữa chúng ta với Chúa Giê-xu Christ, theo một cách thức tương tự, lớn lên bằng nhiều giai đoạn:

1. Chúng ta phải vun xới tình bằng hữu với Đấng Christ. Áp-ra-ham là “bạn hữu của Đức Chúa Trời” (Gia 2:23) vì người tự phân rẽ khỏi thế gian và làm theo những gì Đức Chúa Trời phán dạy người. Đời sống người không trọn vẹn, nhưng khi người phạm tội, người xưng nhận tội lỗi và trở lại đồng đi với Đức Chúa Trời ngay.

2. Tình bằng hữu này sẽ bắt đầu ảnh hưởng đời sống chúng ta. Khi chúng ta đọc Lời Chúa và cầu nguyện, và khi chúng ta thông công với dân sự Đức Chúa Trời, những vẻ đẹp Cơ Đốc sẽ bắt đầu lộ ra trong chúng ta. Tư tưởng chúng ta sẽ được thanh sạch hơn, lời nói chúng ta có ý nghĩa hơn, những ao ước của chúng ta lành mạnh hơn. Nhưng chúng ta sẽ không được biến đổi đột ngột và hoàn toàn đó là một quá trình tiệm tiến.

3. Tình bằng hữu của chúng ta với Đấng Christ và việc chúng ta trở nên giống như Ngài sẽ đưa đến một tình yêu thương sâu đậm hơn với Đấng Christ. Về mặt con người, tình bằng hữu thường dẫn đến tình yêu thương. Về mặt thiên thượng, tình bằng hữu với Đấng Christ phải đưa đến tình yêu thương. “Chúng ta yêu Ngài vì Ngài đã yêu chúng ta trước” (IGi 4:19). Lời Đức Chúa Trời bày tỏ tình yêu thương của Ngài với chúng ta, và Thánh Linh Đức Chúa Trời ngự trong lòng khiến cho tình yêu thương này càng ngày càng thực hữu đối với chúng ta. Hơn nữa, tình yêu thương này được thực hiện trong đời sống chúng ta trong sự vâng lời hàng ngày. Tình yêu thương Cơ Đốc không phải là một cảm xúc thoáng qua nó là một sự hiến dâng thường xuyên, một ước ao sâu kín làm đẹp lòng Đấng Christ và làm theo ý muốn Ngài.

4. Càng biết Ngài nhiều hơn chúng ta càng yêu mến Ngài hơn, và càng yêu mến Ngài hơn chúng ta càng trở nên giống Ngài hơn – “được nên giống hình bóng Con Ngài” (Ro 8:29). Dĩ nhiên chúng ta sẽ không hoàn toàn được nên giống Đấng Christ cho đến khi chúng ta thấy Ngài (IGi 3:1-3) nhưng chúng ta sẽ phải bắt đầu quá trình đó ngay bây giờ.

Thật là một sự phấn khích để sống! Khi tình yêu thương của Đức Chúa Trời được nên trọn vẹn trong chúng ta, chúng ta có sự vững tâm đối với Ngài và không sống trong sự sợ hãi. Vì sự sợ hãi được cất bỏ đi, chúng ta có thể thành thật và cởi mở không cần thiết phải giả bộ. Và vì sự sợ hãi tan biến, sự vâng lời của chúng ta đối với các mệnh lệnh Ngài được phát sinh từ tình yêu thương, chứ không phải nỗi khiếp sợ. Chúng ta khám phá ra rằng các điều răn Ngài không hề nặng nề. Cuối cùng, sống trong bầu không khí yêu thương, thành thật, và vâng lời cách vui mừng này, chúng ta có thể đương đầu với thế gian với đức tin đắc thắng và chiến thắng thay vì bị đánh bại.

Chỗ bắt đầu không phải là ở một kinh nghiệm táo bạo, đột ngột nào đó. Chỗ bắt đầu là ở nơi cầu nguyện yên lặng, riêng tư. Phi-e-rơ mong muốn phó sự sống mình cho Chúa Giê-xu, nhưng khi được Chúa bảo phải cầu nguyện, Phi-e-rơ đã ngủ gục (Lu 22:31-33,39-46). Một tín đồ bắt đầu một ngày trong việc đọc Lời Chúa, suy gẫm lời ấy, và thờ phượng Đấng Christ bằng sự cầu nguyện và ngợi khen sẽ kinh nghiệm tình yêu thương nên trọn vẹn này.

Khi việc này bắt đầu, người ấy sẽ biết được – và những người khác cũng sẽ biết nữa. Đời sống người ấy sẽ được biểu thị bởi sự tin quyết, lòng thành thật, sự vâng lời cách vui mừng, và sự đắc thắng.

10. BẠN BIẾT CHẮC ĐIỀU GÌ? I=(Gi 5:6-21)

“Không có gì chắc chắn ngoài ra sự chết và tiền thuế.”

Benjamin Franklin đã viết những lời này vào năm 1789. Dĩ nhiên, một người khôn ngoan như Franklin biết rằng nhiều điều khác cũng chắc chắn. Cơ Đốc nhân cũng biết rằng có nhiều điều chắc chắn. Về lẽ thật thuộc linh, Cơ Đốc nhân không ngại phải nói, “Chúng tôi biết!” Trên thực tế, từ biết xuất hiện 39 lần trong bức thư ngắn ngủi của Giăng, tám lần trong chương kết thư này.

Con người có một khao khát sâu xa về điều chắc chắn, và thậm chí họ sẽ học đòi trong lãnh vực huyền bí với nỗ lực của mình để tìm ra một điều gì chắc chắn. Một thương gia nói với vị mục sư của mình khi dùng bữa tối với ông, “Ông có nhìn thấy những văn phòng bên kia đường không? Trong đó một số các nhà lãnh đạo kinh doanh có ảnh hưởng nhất trong thành phố này đang họp. Nhiều người trong số họ đã từng đến đây thường xuyên để cầu vấn một bà thầy bói. Bà ta không còn ở đây nữa, nhưng vài năm trước ông có thể đếm lên tới hàng triệu đô la trong căn phòng này khi những người đó chờ đợi để cầu vấn bà ta.”

Sự sống thật được xây dựng trên những điều chắc chắn thiên thượng được tìm thấy trong Chúa Giê-xu Christ. Thế gian có thể lên án Cơ Đốc nhân là kiêu ngạo và độc đoán, nhưng điều này không ngăn người ấy nói rằng, “Tôi biết!” Trong những câu kết của thư tín Giăng chúng ta tìm thấy năm điều chắc chắn của Cơ Đốc nhân dựa trên đó chúng ta có thể xây dựng đời sống mình với lòng tin quyết.

1. Chúa Giê-xu là Đức Chúa Trời (IGi 5:6-10)

Trong 5:1-5, sự nhấn mạnh nhằm vào việc tin nơi Chúa Giê-xu Christ. Một người tin nơi Đấng Christ được sinh bởi Đức Chúa Trời và có thể thắng hơn thế gian. Việc tin rằng Chúa Giê-xu Christ là Con Đức Chúa Trời là điều cơ bản đối với từng trải của Cơ Đốc nhân.

Nhưng làm thế nào chúng ta biết rằng Chúa Giê-xu Christ là Đức Chúa Trời? Một số người đồng thời với Ngài gọi Ngài là một kẻ nói dối và một người phỉnh gạt (Mat 27:63). Những người khác cho Ngài là một kẻ cuồng tín, một kẻ mất trí, hoặc có lẽ một nhà ái quốc Do Thái chân thành nhưng lại nhầm lẫn cách đáng buồn. Giăng vạch trần cho độc giả của ông một sự dạy dỗ giả dối phổ biến rằng Chúa Giê-xu chỉ là một con người mà “Đấng Christ” đã ngự vào khi Ngài chịu báp-tem. Trên thập tự giá, “Đấng Christ” lìa khỏi Chúa Giê-xu (“Đức Chúa Trời tôi ôi, Đức Chúa Trời tôi ôi, sao Ngài lìa bỏ Tôi?”) và vì vậy Ngài đã chết giống như bất cứ con người nào khác.

Thư tín Giăng bác bỏ lại việc dạy dỗ sai trật này: Nó trình bày ba chứng cứ không thể sai được để chứng minh rằng Chúa Giê-xu là Đức Chúa Trời.

Chứng thứ nhất – Nước. Chúa Giê-xu đã đến “bằng nước và huyết”. Nước liên hệ tới việc báp-tem của Ngài tại sông Giô-đanh, khi Đức Chúa Cha phán từ trời rằng, “Đây là Con yêu dấu của Ta, đẹp lòng Ta mọi đàng” (Mat 3:13-17). Cùng lúc ấy Đức Thánh Linh ngự xuống như chim bồ câu và đậu trên Ngài. Đây là lời chứng của Đức Chúa Cha về Con Ngài vào buổi đầu của chức vụ Chúa Giê-xu.

Chứng thứ nhì – Huyết. Nhưng Đức Chúa Cha ban lời chứng sâu xa hơn khi giờ Chúa Giê-xu phải chết trên thập tự giá. Ngài phán tỏ tường với Chúa Giê-xu từ trên trời rằng, “Ta đã làm

sáng danh (danh của Ta) rồi, và ta sẽ còn làm cho sáng danh nữa” (Gi 12:28). Hơn thế nữa, Đức Chúa Cha làm chứng trong quyền năng diệu kỳ khi Chúa Giê-xu đang bị treo trên thập tự giá: sự tối tăm siêu nhiên, cơn động đất, và bức màn trong Đền thờ xé đôi (Mat 27:45,50-53). Không ngạc nhiên gì khi viên sĩ quan la to lên, “Thật người này là Con Đức Chúa Trời!” (Mat 27:54).

Chúa Giê-xu đã không nhận “Đấng Christ” khi Ngài chịu báp-tem và đánh mắt “Đấng Christ” tại thập tự giá. Trong cả hai trường hợp, Đức Chúa Cha đều làm chứng cho thần tính của Con Ngài.

Chứng thứ ba – Thánh Linh. Đức Thánh Linh được ban xuống để làm chứng cho Đấng Christ (Gi 15:26 16:14). Chúng ta có thể tin vào lời chứng của Đức Thánh Linh vì “Thánh Linh là lẽ thật.” Chúng ta không có mặt tại lúc Chúa Giê-xu chịu báp-tem hoặc tại lúc Ngài chịu chết, nhưng có Đức Thánh Linh hiện diện. Đức Thánh Linh là Thân vị duy nhất hoạt động trên đất ngày nay đã từng hiện diện khi Đấng Christ đang thi hành chức vụ tại đây. Lời chứng của Đức Chúa Cha là lịch sử đã qua, nhưng lời chứng của Thánh Linh là kinh nghiệm hiện tại. Lời chứng thứ nhất ở bên ngoài, lời chứng thứ nhì ở bên trong – và cả hai đều phù hợp nhau.

Làm thế nào Thánh Linh làm chứng bên trong lòng của một tín hữu? “Thật anh em đã chẳng nhận lấy thần trí của tôi mọi đấng còn ở trong sự sợ hãi nhưng đã nhận lấy thần trí của sự làm con nuôi, và nhờ đó chúng ta kêu lên rằng, ‘A ba! Cha!’ Chính Đức Thánh Linh làm chứng cho lòng chúng ta rằng chúng ta là con cái Đức Chúa Trời” (Ro 8:15,16). Lời chứng của Ngài là sự tin quyết bên trong của chúng ta rằng chúng ta thuộc về Đấng Christ – không phải một sự tin quyết do chúng ta tự “tạo nên” cho mình, mà là một sự tin quyết do Đức Chúa Trời ban cho chúng ta.

Thánh Linh cũng làm chứng với chúng ta qua Lời Đức Chúa Trời. Khi chúng ta đọc Lời Đức Chúa Trời, Ngài phán với chúng ta và dạy dỗ chúng ta. Điều này không đúng đối với một người chưa được cứu (ICo 2:14) nó chỉ đúng với một tín đồ mà thôi.

Một Cơ Đốc nhân cảm thấy “thoải mái tự nhiên” với dân sự Đức Chúa Trời vì Thánh Linh ngự trong người ấy. Đây là một cách khác Thánh Linh làm chứng.

Luật pháp đòi hỏi hai hoặc ba người làm chứng để một vấn đề được giải quyết (Phu 19:15). Đức Chúa Cha làm chứng tại lúc báp-tem và tại thập tự giá, và Thánh Linh làm chứng ngày nay bên trong lòng người tín đồ. Thánh Linh, nước, và huyết giải quyết vấn đề: Chúa Giê-xu là Đức Chúa Trời.

(Hầu hết các học giả đều đồng ý rằng IGi 5:7 của bản Kinh Thánh Authorized Version không nằm trong thư này, nhưng việc loại bỏ nó không ảnh hưởng việc dạy dỗ chút nào.)

Chúng ta nhận lời chứng của con người, vậy tại sao chúng ta lại khước từ lời chứng của Đức Chúa Trời?

Người ta thường nói, “Ước gì tôi có thể có đức tin!” Nhưng mọi người đều sống bởi đức tin! Trọn cả ngày, người ta luôn tin nhau. Họ tin vị bác sĩ và người dược sĩ họ tin người đầu bếp trong nhà hàng họ tin cả người đang lái xe trong đường dành cho xe khác trên xa lộ. Nếu chúng ta có thể tin con người, tại sao chúng ta không thể tin Đức Chúa Trời? Và không tin Ngài là đã biến Ngài thành một kẻ nói dối!

Chúa Giê-xu là Đức Chúa Trời: đây là điều chắc chắn trước tiên của Cơ Đốc nhân, và nó là nền tảng đối với mọi điều khác.

2. Tín đồ có sự sống đời đời (IGi 5:11-13)

Từ trọng tâm trong 5:6-10 là sự làm chứng, đôi khi được dịch là “ghi lại” hay “chứng thực.” Đức Chúa Trời làm chứng cho Con Ngài, nhưng Ngài cũng làm chứng cho con cái Ngài – cho cá nhân các tín đồ. Chúng ta biết rằng chúng ta có sự sống đời đời! Không chỉ có sự làm chứng của Thánh Linh bên trong lòng nhưng còn có sự làm chứng của Lời Đức Chúa Trời. “Ta viết những điều này cho các con, hầu cho các con biết mình có sự sống đời đời, là kẻ nào tin đến danh Con Đức Chúa Trời” (c.13).

Sự sống đời đời là một quà tặng nó không phải là một điều gì đó chúng ta kiếm được (Eph 2:8,9 Gi 10:27-29). Nhưng quà tặng này là một Người – Chúa Giê-xu Christ. Chúng ta nhận sự sống đời đời không chỉ từ Đấng Christ, mà còn trong Đấng Christ nữa. “Ai có Đức Chúa Con thì có sự sống” (IGi 5:12). Không chỉ “sự sống” mà là “sự sống thật” (ITi 6:19).

Quà tặng này được nhận lãnh bởi đức tin. Đức Chúa Trời đã tiếp tục ghi lại trong Lời Ngài khi ban tặng sự sống đời đời cho những ai sẽ tin vào Chúa Giê-xu Christ. Hàng triệu Cơ Đốc nhân đã chứng minh rằng điều ghi lại của Đức Chúa Trời là thật. Không tin điều đó là biến Đức Chúa Trời thành một kẻ nói dối. Và nếu Đức Chúa Trời là một kẻ nói dối, không điều gì là chắc chắn cả.

Đức Chúa Trời muốn con cái Ngài biết rằng họ thuộc về Ngài. Giảng được Thánh Linh cảm thúc viết Sách Phúc Âm Giảng để xác quyết với chúng ta rằng “Chúa Giê-xu là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời” (Gi 20:31). Ông viết thư tín này hầu chúng ta có thể chắc chắn rằng chúng ta là con cái của Đức Chúa Trời (IGi 5:13).

Tại điểm này sẽ hữu ích khi xem xét lại những đặc tính của con cái Đức Chúa Trời:

“Người nào làm theo sự công bình, ấy là kẻ bởi Đức Chúa Trời mà sinh ra” (2:29).

“Ai sinh bởi Đức Chúa Trời thì chẳng phạm tội” (3:9).

“Chúng ta biết rằng mình đã vượt từ sự chết qua sự sống, vì chúng ta yêu anh em mình” (3:14).

“Hỡi kẻ rất yêu dấu, chúng ta hãy yêu mến lẫn nhau, vì sự yêu thương đến từ Đức Chúa Trời: kẻ nào yêu thì sinh từ Đức Chúa Trời và nhìn biết Đức Chúa Trời” (4:7).

“Vì hề sự gì sinh bởi Đức Chúa Trời, thì thắng hơn thế gian” (5:4).

Nếu bạn mang những “đặc điểm” này, bạn có thể nói với sự tin quyết rằng bạn là con của Đức Chúa Trời.

Khi Sir James Simpson, người khám phá ra chất gây mê, đang trên giường hấp hối, một người bạn hỏi ông, “Thưa ông, những điều suy đoán của ông là gì?”

Ông Simpson đáp: “Những điều suy đoán à! Tôi chẳng có điều suy đoán nào cả! ‘Vì tôi biết tôi đã tin Đấng nào, và tôi chắc rằng Đấng ấy có quyền phép giữ sự tôi đã phó thác cho đến ngày đó.’”

3. Đức Chúa Trời đáp lời cầu xin (IGi 5:14-15)

Một điều cần phải biết đó là Chúa Giê-xu là Đức Chúa Trời và chúng ta là con cái Ngài: nhưng còn về những nhu cầu và những nan đề của đời sống hàng ngày thì sao? Chúa Giê-xu cứu giúp mọi người khi Ngài còn ở tại thế này liệu Ngài có còn cứu giúp họ chẳng? Cha trên đất này chăm lo cho con cái mình liệu Cha trên trời có đáp lời khi con cái của Ngài kêu cầu Ngài chẳng?

Cơ Đốc nhân có sự dạn dĩ trong khi cầu nguyện, y như họ có sự dạn dĩ khi chờ đợi sự phán xét (2:28 4:17). Như chúng ta đã thấy, từ dạn dĩ có nghĩa là “tự do phát biểu.” Chúng ta có thể đến với Đức Chúa Cha cách tự do và trình dâng với Ngài những nhu cầu của chúng ta.

Dĩ nhiên, có những điều kiện chúng ta phải thoả mãn.

Trước hết, chúng ta phải có một tấm lòng không lên án chúng ta (3:21,22). Tội lỗi không được xưng ra là một trở lực đáng sợ đối với lời cầu xin được nhậm (Thi 66:18). Đáng phải lưu ý là những sự khác biệt giữa một người chồng Cơ Đốc với vợ người ấy có thể ngăn trở lời cầu nguyện của họ (IPhi 3:1-7). Nếu có điều gì giữa chúng ta với bất cứ Cơ Đốc nhân nào khác, chúng ta phải giải quyết nó (Mat 5:23-25). Nếu một tín đồ không ở trong Đấng Christ, trong tình yêu thương và sự vâng lời thì những lời cầu nguyện của người ấy sẽ không được nhậm (Gi 15:7).

Thứ hai, chúng ta phải cầu xin trong ý muốn Đức Chúa Trời. “Ý Cha được nên” (Mat 6:10). Robert Law đã viết, “Sự cầu nguyện là một công cụ đầy năng quyền, không phải để ý muốn con người được thực hiện trên trời, mà để ý muốn Đức Chúa Trời được thực hiện trên đất này.” George Mueller, người đã nuôi hàng ngàn trẻ mồ côi với thực phẩm được cung cấp bởi sự đáp lời cầu nguyện, nói: “Cầu nguyện không phải là việc thắng hơn sự không sẵn lòng của Đức Chúa Trời. Đó là việc nắm chặt lấy sự sốt sắng của Đức Chúa Trời vậy.”

Có những lần chúng ta chỉ có thể cầu xin, “Xin ý Ngài được nên chứ không theo ý con,” đơn giản là vì chúng ta không biết ý muốn Đức Chúa Trời trong một vấn đề nào đó. Nhưng phần lớn thời gian chúng ta có thể xác định ý muốn Đức Chúa Trời bởi việc đọc Lời Ngài, lắng nghe tiếng phán của Thánh Linh (Ro 8:26,27), và nhận thức rõ những hoàn cảnh chung quanh mình. Chính đức tin cầu xin Đức Chúa Trời một điều gì đó của chúng ta thường là bằng chứng rằng Ngài muốn ban cho điều đó (He 11:1).

Có nhiều lời hứa trong Kinh Thánh chúng ta có thể cầu xin trong khi cầu nguyện. Đức Chúa Trời đã hứa chu cấp các nhu cầu của chúng ta (Phi 4:19) – chứ không phải những sự tham lam của chúng ta! Nếu chúng ta đang vâng theo ý muốn Ngài và thật sự cần một điều gì đó, Ngài sẽ chu cấp điều đó theo cách của Ngài và vào thời điểm của Ngài.

“Nhưng nếu Đức Chúa Trời muốn ban cho tôi một điều gì, thì tại sao tôi lại cần phải cầu nguyện về điều đó?” Vì cầu nguyện là cách Đức Chúa Trời mong muốn con cái Ngài nhận được điều họ cần. Đức Chúa Trời không chỉ quy định mục đích, nhưng Ngài cũng quy định phương tiện để đạt được mục đích – sự cầu nguyện. Và bạn càng suy nghĩ về điều đó, sự sắp đặt này càng trở nên tuyệt diệu biết bao. Sự cầu nguyện thật sự là nhiệt kế của đời sống thuộc linh. Đức Chúa Trời đã quy định là tôi phải giữ một sự bước đi gần gũi với Ngài nếu tôi trông mong Ngài đáp ứng nhu cầu của mình.

Giăng không viết, “Chúng ta sẽ có những lời cầu xin,” nhưng, “Chúng ta biết chúng ta có những lời cầu xin” (IGi 5:15). Động từ ở thì hiện tại. Chúng ta có thể không thấy sự đáp lời cho một lời cầu nguyện ngay tức khắc, nhưng chúng ta có sự tin quyết trong lòng rằng Đức Chúa Trời đã nhậm lời. Sự tin quyết này, hay đức tin, là “bằng chứng của những điều không thấy được” (He 11:1). Chính Đức Chúa Trời làm chứng với chúng ta rằng Ngài đã nghe và đã nhậm lời chúng ta.

Việc thờ đối với một người thuộc thể như thế nào, thì sự cầu nguyện đối với một người thuộc linh cũng thế ấy. Nếu chúng ta không cầu nguyện, chúng ta “mệt mỏi” (Lu 18:1). Cầu nguyện không chỉ là lời nói thoát ra trên đôi môi nó cũng là sự ước ao của tấm lòng. “Hãy cầu nguyện không thôi” (ITe 5:17) không có nghĩa là một Cơ Đốc nhân cứ luôn cầu nguyện thành tiếng. Không phải chúng ta được nhậm vì có lời nói nhiều của mình (Mat 6:7). Không đâu,

“Hãy cầu nguyện không thôi” nói lên thái độ của tâm lòng cũng như lời nói trên môi miệng. Một Cơ Đốc nhân có tâm lòng tập trung vào Đấng Christ và đang cố gắng tôn vinh Ngài là đang cầu nguyện không thôi thậm chí khi người ấy không ý thức về điều đó.

Charles Spurgeon, nhà truyền đạo nổi tiếng, đang hết sức cố gắng soạn một bài giảng nhưng không thể nào hoàn thành được. Trời càng khuya và vợ ông nói, “Sao anh không đi ngủ đi. Em sẽ đánh thức anh dậy sớm và anh có thể hoàn tất bài giảng của mình vào buổi sáng.”

Spurgeon ngủ mơ màng và trong giấc ngủ ông bắt đầu giảng bài giảng mà ông đang phải bận tâm! Vợ ông ghi lại những gì ông nói và sáng hôm sau đưa cho người chồng truyền đạo của bà những phần ghi chú.

“Ồ, đó chính là điều mà anh muốn nói đấy!” vị truyền đạo đầy kinh ngạc kêu lên. Sứ điệp đã có sẵn trong lòng ông nó chỉ cần được diễn tả ra mà thôi. Với sự cầu nguyện cũng vậy: nếu chúng ta đang ở trong Đấng Christ, chính những ước ao của lòng chúng ta đã được Đức Chúa Trời nghe dù chúng ta có nói lên thành lời hay không.

Những trang Kinh Thánh và những trang sử đều đầy những lời tường thuật về sự cầu nguyện được nhậm. Cầu nguyện không phải là sự tự thời miên thuộc linh. Chúng ta cũng không cầu nguyện vì nó khiến chúng ta cảm thấy mình tốt hơn. Chúng ta cầu nguyện vì Đức Chúa Trời đã ra lệnh chúng ta phải cầu nguyện và vì cầu nguyện là phương tiện được Đức Chúa Trời chỉ định để một tín đồ nhận được những gì Đức Chúa Trời muốn ban cho người ấy. Cầu nguyện giữ một Cơ Đốc nhân trong ý muốn của Đức Chúa Trời và việc sống trong ý muốn Đức Chúa Trời giữ một Cơ Đốc nhân trong chỗ phước hạnh và hầu việc Ngài. Chúng ta không phải là những kẻ ăn xin chúng ta là con cái đang đến với một người Cha giàu có yêu thích ban cho con cái Ngài những gì chúng cần.

Mặc dầu Ngài là Đức Chúa Trời trong xác thịt, Chúa Giê-xu vẫn lệ thuộc vào sự cầu nguyện. Ngài sống trên đất, như chúng ta phải sống, trong sự lệ thuộc vào Đức Chúa Cha. Ngài dậy sớm vào buổi sớm mai để cầu nguyện (Mac 1:35), mặc dầu Ngài đã thức khuya đêm trước để chữa bệnh cho đoàn dân đông. Đôi khi Ngài trải qua cả đêm trong sự cầu nguyện (Lu 6:12). Tại Ghết sê ma nê, Ngài “đã kêu lớn tiếng khóc lóc” mà dâng những lời cầu nguyện nài xin (He 5:7). Trên thập tự giá Ngài đã cầu nguyện ba lần. Nếu Con Đức Chúa Trời không hề phạm tội đã cần phải cầu nguyện, thì chúng ta còn cần phải cầu nguyện nhiều hơn biết bao?

Điều quan trọng nhất về sự cầu nguyện là ý muốn của Đức Chúa Trời. Chúng ta phải dành thời gian để biết chắc ý muốn của Đức Chúa Trời trong một vấn đề là gì, đặc biệt tìm kiếm những lời hứa hoặc những nguyên tắc trong Kinh Thánh áp dụng vào tình huống của chúng ta. Một khi chúng ta biết được ý muốn của Đức Chúa Trời, chúng ta có thể cầu nguyện với sự tin quyết và rồi chờ đợi Ngài bày tỏ sự đáp lời.

4. Cơ Đốc nhân Không Cố Ý Phạm Tội (IGi 5:16-19)

“Chúng ta biết rằng ai sinh bởi Đức Chúa Trời, thì hẳn chẳng phạm tội” (c.18). “Ai sinh bởi Đức Chúa Trời thì chẳng miệt mài trong tội” (3:9). Tội lỗi thỉnh thoảng vi phạm không được xem xét ở đây, mà là tội lỗi có tính cách thường xuyên, sự cố ý phạm tội. Vì một tín đồ có một bản tính mới (“hạt giống của Đức Chúa Trời,” IGi 3:9), người ấy có những ước muốn và những ham thích mới và không ưa thích tội lỗi nữa.

Một Cơ Đốc nhân đối diện ba kẻ thù, tất cả đều mong muốn dẫn người ấy vào tội lỗi: thế gian, xác thịt, và ma quỷ.

Thế gian “phục dưới quyền của ma quỷ” (5:19), tức Sa-tan – chúa đời này (IICo 4:3,4) và vua thế gian này (Gi 14:30). Hẳn là thần hiện đang hành động trong các con bạn nghịch (Eph 2:2).

Sa-tan có nhiều công cụ để dẫn một tín đồ vào tội lỗi. Hẳn nói dối, như hẳn đã làm với Ê-va (IICo 11:1-3 Sa 3:1-24), và khi con người tin những lời dối trá của hẳn họ quay đi và bất tuân lẽ thật của Đức Chúa Trời. Hoặc, Sa-tan có thể gây ra sự đau đớn trên thân thể như hẳn đã làm cho Gióp và Phao-lô (IICo 12:7-9). Trong trường hợp của Đa-vít, Sa-tan dùng sự kiêu ngạo như vũ khí của người và xúi giục Đa-vít tu bỏ dân sự và bằng cách này đã coi thường Đức Chúa Trời (ISu 21:1-30), Sa-tan giống như một con rắn lừa dối (Kh 12:9) và như một con sư tử hay cắn xé (IPhi 5:8,9). Hẳn là một kẻ thù đáng khiếp sợ.

Tiếp đến là vấn đề của xác thịt, tức bản tính cũ mà chúng ta được sinh ra và hiện vẫn còn trong chúng ta. Đúng vậy, chúng ta có một bản tính mới (hạt giống thiên thượng, IGI 3:9) bên trong chúng ta, nhưng chúng ta không luôn luôn đầu phục bản tính mới của mình.

Kẻ thù thứ ba của chúng ta là thế gian (IGi 2:15,17). Chúng ta dễ mà đầu hàng những điều mê tham của xác thịt, những điều mê tham của mắt, và sự kiêu ngạo của đời! Bầu không khí quanh chúng ta khiến chúng ta khó mà giữ tâm trí mình thanh sạch và tấm lòng chúng ta đứng với Đức Chúa Trời.

Vậy thì làm thế nào một tín đồ giữ mình khỏi phạm tội?

Câu 18 của chương 5 đem đến lời giải đáp: Chúa Giê-xu Christ giữ gìn người tín đồ để kẻ thù không thể tra tay trên người ấy. “Đấng (Đấng Christ) sinh bởi Đức Chúa Trời giữ gìn người ấy (người tín đồ) và ma quỷ chẳng lạm hại người được” (bản dịch New American Standard). Bản văn Authorized tạo ấn tượng là một tín đồ tự giữ lấy mình khỏi tội lỗi, nhưng đây không phải là điều câu này nói. Dĩ nhiên, đúng là một Cơ Đốc nhân phải tự giữ mình trong tình yêu thương của Đức Chúa Trời (Giu 1:21) nhưng không đứng ở chỗ một Cơ Đốc nhân phải nhờ vào chính mình để thắng hơn Sa-tan

Tùng trải của Phi-e-rơ với Sa-tan giúp chúng ta hiểu được lẽ thật này.

“Hỡi Si-môn, Si-môn,” Chúa Giê-xu phán, “Này, quỷ Sa-tan đã đòi sàng sảy ngươi như lúa mì. Nhưng ta đã cầu nguyện cho ngươi, hầu cho đức tin ngươi không thiếu thốn. Vậy, đến khi ngươi đã hối cải, hãy làm cho vững chí anh em mình” (Lu 22:31,32).

Trước hết là, Sa-tan không thể làm hại bất cứ người tín đồ nào nếu Đức Chúa Trời không cho phép. Sa-tan muốn sàng sảy tất cả các môn đệ, và Chúa Giê-xu đã cho phép hẳn. Nhưng Chúa Giê-xu đã cầu nguyện đặc biệt cho Phi-e-rơ, và lời cầu nguyện của Ngài đã được nhậm. Mặc dù Phi-e-rơ đã thiếu lòng can đảm, nhưng cuối cùng đức tin của ông đã không thiếu thốn. Phi-e-rơ đã được phục hồi và trở nên một người chinh phục linh hồn đầy quyền năng và kết quả.

Bất cứ khi nào Sa-tan tấn công chúng ta, chúng ta có thể chắc chắn rằng Đức Chúa Trời cho phép hẳn. Và nếu Đức Chúa Trời đã cho phép hẳn thì Ngài cũng sẽ ban cho chúng ta năng quyền để thắng hơn, vì Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ cho phép chúng ta bị thử nghiệm vượt quá sức mình (ICo 10:13).

Một trong những đặc tính của “những người trẻ tuổi thuộc linh” là khả năng thắng hơn ma quỷ của họ (IGi 2:13,14). Bí quyết của họ là gì? “Lời Đức Chúa Trời ở trong anh em” (2:14). Một phần của khí giới của Đức Chúa Trời là gươm của Thánh Linh (Eph 6:17), và gươm này thắng hơn Sa-tan.

Khi một tín đồ phạm tội, người ấy có thể xưng tội mình và được tha thứ (IGi 1:9). Nhưng một tín đồ không dám đùa giỡn với tội lỗi, vì tội lỗi là sự trái luật pháp (3:4, nơi “sự vi phạm Luật pháp” có nghĩa là “vô luật pháp”). Một người tiếp tục phạm tội cho thấy là người ấy thuộc về Sa-tan (3:7-10). Hơn nữa, Đức Chúa Trời cảnh cáo chúng ta rằng tội lỗi có thể dẫn đến sự chết thục thể!

“Mọi sự không công bình đều là tội,” nhưng có tội thì tội tệ hơn tội khác. Mọi tội lỗi đều gồm ghiếc đối với Đức Chúa Trời, và cần phải gồm ghiếc đối với một tín đồ nhưng có tội đến nỗi chết. Giảng cho chúng ta biết (5:16,17) về trường hợp của một người anh em (một tín hữu) bị cất lấy sự sống vì có tội lỗi.

Thánh Kinh đề cập đến những người đã chết vì tội lỗi mình. Na-đáp và A-bi-hu, hai con trai của thầy tế lễ A-rôn, đã chết vì họ cố tình không vâng lời Đức Chúa Trời (Le 10:1-7). Cô-rê và bộ tộc người chống nghịch lại Đức Chúa Trời và đã chết (Dan 16:1-50). A-can bị ném đá vì người bất tuân những mệnh lệnh của Giô-suê do Đức Chúa Trời truyền phán tại Giê-ri-cô (Gios 6:1-7:26). Một người tên là U-xa chạm vào hòm giao ước và Đức Chúa Trời đã giết chết người (IISa 6:1-23).

“Nhưng đó là những tấm gương trong Cựu Ước thôi!” một số người có thể tranh cãi. “Giảng đang viết cho các tín hữu sống dưới ân điển trong thời Tân Ước kia mà!”

Ai được ban cho nhiều, thì sẽ bị đòi lại nhiều. Một tín đồ ngày nay có một trách nhiệm phải vâng lời Đức Chúa Trời lớn lao hơn nhiều so với các thánh thời Cựu Ước. Chúng ta có một quyển Thánh Kinh trọn vẹn, chúng ta có sự mạc khải đầy đủ về ân điển của Đức Chúa Trời, và chúng ta có Đức Thánh Linh đang sống trong chúng ta để giúp chúng ta vâng lời Đức Chúa Trời. Nhưng có những trường hợp trong Tân Ước về những tín đồ bị mất sự sống mình vì họ đã bất tuân Đức Chúa Trời.

A-na-nia và Sa-phi-ra đã nói dối với Đức Chúa Trời về việc dâng hiến của mình, và cả hai đã chết (Cong 5:1-11). Một số tín hữu tại Cô-rinh-tô đã chết vì cách xử sự của họ tại lễ Tiệc Thánh (ICo 11:30). Và ICo 5:1-5 đề xuất rằng một người phạm tội nào đó rất có thể sẽ phải chết nếu người ấy không chịu ăn năn và xưng nhận tội lỗi mình (IICo 2:6-8).

Nếu một tín hữu không đoán xét, xưng ra, và lìa bỏ tội, Đức Chúa Trời phải sửa phạt người ấy. Quá trình này được mô tả trong He 12:1-13, gợi ý là một người không vâng phục Đức Chúa Cha sẽ không được sống (c.9). Nói cách khác, trước tiên Đức Chúa Trời “sửa phạt” con cái phản nghịch của Ngài, và nếu họ không chịu thuận phục ý muốn của Ngài, Ngài có thể cất họ khỏi thế gian kéo sự không vâng lời của họ dẫn những kẻ khác đi sai lạc và khiến danh Ngài càng bị sỉ nhục hơn.

“Tội đến nỗi chết” không phải là một tội cụ thể riêng biệt nào đó. Đúng hơn, nó là một loại tội – nó là thứ tội lỗi dẫn đến sự chết. Với Na-đáp và A-bi-hu, đó là hành động kiêu căng ngạo mạn trong việc giành lấy chức vụ của thầy tế lễ và vào trong nơi chí thánh. Trong trường hợp của A-can đó là tội tham lam. A-na-nia và Sa-phi-ra phạm tội giả hình và thậm chí dôi gạt Đức Thánh Linh.

Nếu một Cơ Đốc nhân nhìn thấy một anh em đang phạm tội, người ấy cần phải cầu nguyện cho anh em đó (IGi 5:16), cầu xin cho người ấy xưng ra tội lỗi mình và trở lại trong mối thông công với Đức Chúa Cha. Nhưng nếu trong sự cầu nguyện của mình, người ấy không cảm thấy là mình đang cầu xin trong ý muốn Đức Chúa Trời (như được dạy trong c.14,15), thì người ấy không nên cầu nguyện cho người anh em đó. “Cho nên người chớ vì dân này mà cầu thay đưng vì nó mà cất tiếng khẩn vái cầu nguyện, cũng đưng cầu thay cùng ta, vì ta sẽ chẳng nghe người” (Gie 7:16).

Gia 5:14-20 phần nào giống với IGi 5:16,17. Gia-cơ mô tả một tín đồ bị đau ốm, có thể vì có tội lỗi của mình. Người ấy mời các trưởng lão đến và cầu nguyện cho người. Sự cầu nguyện bởi đức tin chữa lành cho người ấy và nếu người đã phạm tội thì tội lỗi người được tha. “Sự cầu nguyện bởi đức tin” là sự cầu nguyện trong ý muốn của Đức Chúa Trời, như được mô tả trong IGi 5:14,15. Đó là “cầu nguyện trong Thánh Linh” (Giu 1:20).

Cơ Đốc nhân không cố ý phạm tội. Họ có bản tính thiên thượng bên trong Chúa Giê-xu Christ canh giữ họ, và họ không muốn sự sửa phạt của Đức Chúa Trời.

5. Sự sống Cơ Đốc là sự sống thật (IGi 5:20-21)

Chúa Giê-xu Christ là Đức Chúa Trời chân thật. Chúng ta biết Đấng chân thật, và chúng ta ở trong Ngài là Đấng chân thật. Chúng ta có “điều chân thật”!

“Chúng ta biết rằng sự sống thật của chúng ta là ở trong Đấng chân thật, và ở trong Chúa Giê-xu Christ, Con của Ngài. Đây là Đức Chúa Trời chân thật và đây là sự sống đời đời, chân thật” (c.20). Sự thật là chủ đề xuyên suốt thư tín của Giăng, và giờ đây chúng ta lại được nhắc đến điều đó một lần nữa.

Giăng có lẽ đang viết cho các tín hữu tại thành Ê-phê-sô, một thành phố đắm mình trong sự thờ lạy hình tượng. Đền thờ nữ thần Diana, một trong các kỳ quan của thế giới cổ xưa, được toạ lạc tại Ê-phê-sô, và việc chế tạo và buôn bán các hình tượng là một trong những nghề chính của người dân tại đó (Cong 19:21-41). Bị vây bọc bởi sự thờ lạy hình tượng, Cơ Đốc nhân tại đó ở dưới áp lực kinh khiếp phải hoà nhập theo.

Nhưng “chúng ta biết thần tượng trong thế gian thật hư không, chỉ có một Đức Chúa Trời, chớ không có thần nào khác” (ICo 8:4). Đó là, “một thần tượng không thực sự hiện hữu”. Tai hoạ của sự thờ lạy hình tượng là một hình tượng chết không thể đem lại lợi ích gì cho kẻ thờ lạy nó vì nó không có thật. Các tác giả Hy-bá-lai trong Cựu Ước gọi các hình tượng là “những sự hư không, những điều vô nghĩa, những vật hư ảo, sự trống rỗng”. Hình tượng là vật thay thế vô ích, vô tri giác cho điều chân thật.

Các thi thiên chứa đựng những bản cáo trạng cay độc của sự thờ lạy hình tượng (Thi 115:1-8 135:15-18). Đối với cái nhìn của con người, một hình tượng trông có vẻ thật – có mắt, tai, miệng, mũi, tay, chân – nhưng những điều này chỉ là những sự bắt chước điều chân thật cách có ích. Mắt chẳng thấy, tai chẳng nghe, miệng chẳng nói, tay chân thì bại liệt. Nhưng tai hoạ thật sự chính là “Phàm kẻ nào làm hình tượng, và nhờ cậy nơi nó, đều giống như nó” (Thi 115:8). Chúng ta trở nên giống như những gì chúng ta thờ lạy!

Đây là bí quyết của sự sống thật. Vì chúng ta đã thấy Đức Chúa Trời chân thật, qua Con Ngài là Chúa Giê-xu Christ, chúng ta tiếp xúc với sự thật. Mỗi thông công của chúng ta là với một Đức Chúa Trời chân thật. Như chúng ta đã thấy, từ “chân thật” có nghĩa là “bản gốc tương phản với một bản sao chép” và “sự đích thực tương phản với một sự bắt chước.” Chúa Giê-xu Christ là Sự Sáng thật (Gi 1:9), và Bánh thật (6:32), Gốc nho thật (15:1), và chính Lễ thật (14:6). Ngài là Nguyên bản mọi vật khác đều là một bản sao chép. Ngài là đích thực mọi vật khác chỉ là một sự bắt chước mà thôi.

Cơ Đốc nhân sống trong một bầu không khí của sự thật. Hầu hết những người chưa được cứu sống trong một bầu không khí của sự giả bộ và điều không chân thật. Cơ Đốc nhân đã được ban cho sự phân biệt các thần để biết thần chân thật và thần giả dối, nhưng những người chưa được cứu không có sự thông hiểu này. Cơ Đốc nhân không chỉ chọn giữa cái tốt và cái xấu họ chọn giữa cái đúng và cái sai. Một hình tượng tượng trưng cho cái giả dối và trống rỗng và một người sống cho các hình tượng chính mình sẽ trở nên giả dối và trống rỗng.

Ngày nay ít người quỳ trước các hình tượng bằng gỗ và kim loại. Thế nhưng, các hình tượng khác thu hút sự chú ý và sự ham mê của họ. Sự tham lam, chẳng hạn, là sự thờ lạy hình tượng (Co 3:5). Một người có thể thờ lạy quyền sở ngân hàng của mình cách nhiệt thành y như một người được gọi là ngoại đạo thờ lạy hình tượng xấu xa của mình. “Người phải thờ phượng Chúa là Đức Chúa Trời người, và chỉ hầu việc một mình Ngài mà thôi” (Mat 4:10). Điều chúng ta hầu việc là điều chúng ta thờ phượng! Bất cứ điều gì làm chủ đời sống chúng ta và “sai khiến chúng ta” đều là thần của chúng ta.

Điều này giải thích vì sao Đức Chúa Trời cảnh cáo chúng ta đề phòng tội thờ lạy hình tượng. Nó không chỉ là một sự vi phạm điều răn của Ngài (Xu 20:1-6), mà nó còn là một cách thức tinh vi để Sa-tan điều khiển chúng ta. Khi “những điều thuộc đời này” chiếm chỗ của Đức Chúa Trời trong đời sống chúng ta, chúng ta đã phạm tội thờ hình tượng. Điều này có nghĩa là chúng ta đang sống cho những gì hư ảo thay cho những gì chân thật.

Đối với một người thuộc thế gian, đời sống Cơ Đốc là hư ảo và đời sống trần thế là thật. Điều này là vì một người thuộc thế gian sống bằng những gì mình trông thấy và cảm thấy (những điều thuộc đời này) chứ không bằng những gì Đức Chúa Trời phán trong Lời của Ngài. Hình tượng là sự tạm thời Chúa Giê-xu Christ là Đức Chúa Trời đời đời. “Vì những sự thấy được chỉ là tạm thời, mà những sự không thấy được là đời đời không cùng vậy” (II Co 4:18).

Giống như Môi-se, một Cơ Đốc nhân đứng vững trong thử thách “như thấy Đấng không thấy được” (He 11:27). Đức tin là “bằng chứng của những điều không thấy được” (He 11:1). Nô-ê chưa hề nhìn thấy một cơn nước lụt, thế nhưng bởi đức tin người “thấy” nó đang đến và làm theo những gì Đức Chúa Trời phán bảo người làm. Áp-ra-ham “thấy” một thành và quê hương trên trời bởi đức tin, và sẵn sàng lìa bỏ nhà riêng trên đất này để đi theo Đức Chúa Trời. Tất cả những anh hùng đức tin vĩ đại được kể tên trong He 11:1-40 đã hoàn thành những điều họ thực hiện vì họ “thấy những điều không thấy được” bởi đức tin. Nói cách khác, họ đã tiếp xúc với sự thật.

Thế gian khoe khoang về ánh sáng văn minh của họ, nhưng một Cơ Đốc nhân bước đi trong sự sáng thật, vì Đức Chúa Trời là sự sáng. Thế gian nói về tình yêu thương, nhưng họ chẳng biết gì về tình yêu thương chân thật mà một Cơ Đốc nhân kinh nghiệm vì “Đức Chúa Trời là tình yêu thương”. Thế gian phô bày sự khôn ngoan và tri thức của mình, nhưng một Cơ Đốc nhân sống trong lẽ thật vì “Thánh Linh là lẽ thật”. Đức Chúa Trời là sự sáng, tình yêu thương, và lẽ thật và những điều này kết hợp với nhau tạo nên một sự sống thật.

“Nhưng một người tin gì, điều đó không quan trọng, miễn người ấy thành thật thôi!”

Lời bào chữa phổ biến này hầu như không cần sự bác bỏ lại. Người dục sĩ, hay nhà phẫu thuật, hoặc nhà hoá học tin gì, điều đó có quan trọng không? Điều đó vô cùng quan trọng!

Hãy nhỏ lệ cho Jimmy Brown

Jimmy đáng thương không còn nữa.

Vì điều anh tưởng là H₂O

Hóa ra lại là H₂SO₄!

Một Cơ Đốc nhân đã “trở lại cùng Đức Chúa Trời, bỏ hình tượng đặng thờ Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật” (ITe 1:9). Các hình tượng đều chết, nhưng Đấng Christ là Đức Chúa Trời hằng sống. Các hình tượng đều giả dối, nhưng Đấng Christ là Đức Chúa Trời chân thật. Đây là bí quyết của sự sống thật!

Vì thế lời cảnh cáo của Giăng, “Hãy giữ mình về hình tượng,” có thể được diễn giải là, “Hãy cẩn thận về sự bắt chước và sự giả tạo và **HÃY CHÂN THẬT!**”

GIA ĐÌNH CHUNG THỦY (II GI 1:1-13)

Các giáo sư giả không những xâm nhập vào Hội Thánh, nhưng họ còn tìm cách ảnh hưởng đến các gia đình con cái Chúa. Tít đối diện với vấn đề này tại đảo Cơ-rét (Tit 1:10-11) và Ti-mô-thê gặp phải khó khăn này tại Ê-phê-sô (IITi 3:6). Từ gia đình đến Hội Thánh rồi dân tộc do đó gia đình là mục tiêu quan trọng của Sa-tan trong cuộc chiến chống lại chân lý.

Bức thư ngắn ngủi này được viết cho người mẹ kính sợ Chúa và con cái bà. Một số nhà giải kinh đưa ra kết luận rằng “bà được chọn” ám chỉ đến một Hội Thánh địa phương và “con cái bà” là những kẻ cùng đức tin trong Hội Thánh. “Chị em được chọn của bà” (II Gi 1:13) nói đến một Hội Thánh anh em gửi lời chào thăm.

Trong khi chúng ta thấy đúng là Giăng gửi bức thư này đến một nhóm người (lưu ý số nhiều trong II Gi 1:6,8,10,12), song cũng đúng khi nói ông gửi cho cá nhân (II Gi 1:1,4-5,13). Chúng ta có thể lý giải là Hội Thánh Đấng Christ đang nhóm họp trong nhà này, cùng với gia đình của “bà được chọn”, cho nên Giăng nghĩ đến cả gia đình và Hội Thánh (Ro 16:5 I Co 16:19 Co 4:15 Phil 1:2). Ông quan tâm đến việc người phụ nữ yêu mến Chúa này phải cấm không cho phép bất cứ sự sai lạc nào vào trong gia đình của bà (II Gi 1:10) hoặc trong Hội Thánh.

Tình cảm nổi trội trong thư tín ngắn ngủi này là những xúc cảm về tình bạn và niềm vui mừng, mặc dù những tình cảm này pha trộn với sự lo lắng và lời nhắc nhở. Nếu bạn và tôi phải giữ gia đình mình trung tín với Đấng Christ, chúng ta phải có cùng những đặc tính như gia đình mà Giăng viết ở đây.

1. Chúng ta phải biết chân lý (II Gi 1:1-3)

Giăng dùng chữ chân lý bốn lần trong lời chào thăm, vì vậy đó là từ quan trọng. Về cơ bản, chữ đó có nghĩa “việc có thật” trái với chỉ hình thức bên ngoài, đó là điều làm nền tảng cho tất cả mọi điều chúng ta thấy chung quanh chúng ta. Đức Chúa Giê-xu Christ là “chân lý” (Gi 14:6) và Lời Đức Chúa Trời là “chân lý” (Gi 17:17). Đức Chúa Trời đã bày tỏ chân lý trong nhân tính của Con Ngài và trong lời của Ngài. Ngài đã cho chúng ta “Thần chân lý” để dạy và vừa giúp chúng ta có thể hiểu biết chân lý (Gi 14:16-17 16:13).

Nhưng chân lý không những là sự bày tỏ khách quan từ Đức Chúa Cha, mà còn là kinh nghiệm chủ quan trong cuộc sống riêng tư. Chúng ta không thể chỉ biết chân lý, nhưng cũng có thể “yêu mến trong chân lý” và sống “vì lợi ích của chân lý”. Chân lý thật “sống trong chúng ta, và sẽ ở với chúng ta đời đời”. Điều này có nghĩa “biết chân lý” tốt hơn nhiều việc tán thành một bộ phận giáo lý suông, mặc dầu điều ấy thật quan trọng. Nó có nghĩa cuộc đời của Cơ Đốc nhân được điều hướng bởi lòng yêu mến chân lý và lòng khát khao tôn vinh chân lý.

Giăng dùng chữ “chân lý” để mở đầu bức thư vì có giáo sư giả ở hải ngoại đang truyền bá sự sai trật. Ông gọi họ là những kẻ đồ dảnh và kẻ địch lại Đấng Christ (II Gi 1:7). Giăng không nói rằng tất cả lời dạy dỗ của tôn giáo đều đúng đắn theo cách này hay cách khác, và ông không cho rằng chúng ta không nên phê phán miên là người ta thành thật. Đối với Giăng, thật ra có sự khác biệt lớn, giữa chân lý và sự gian dối và ông không khoan nhượng sự gian trá.

Vì chân lý sẽ còn mãi với chúng ta, chắc chắn chúng ta phải tiếp cận với lời Chúa ngay bây giờ và học cách yêu mến chân lý. Dĩ nhiên, tất cả chân lý tập trung vào Đức Chúa Giê-xu Christ, Con Đòi Đòi của Đức Chúa Trời là Đấng chúng ta cùng sống mãi mãi với Ngài (Gi 14:1-6). Thật lạ lùng khi suy ngẫm sự việc chúng ta sẽ sống đời đời với chân lý, lớn lên trong sự hiểu biết chân lý và hầu việc Đức Chúa Trời của chân lý.

“Bà được chọn lựa và con cái bà” hiểu biết chân lý và trở nên con cái Đức Chúa Trời bằng cách nào? Bởi ân điển và sự thương xót của Đức Chúa Trời (II Gi 1:3). Đức Chúa Trời giàu lòng thương xót và dư dật ân điển (Eph 2:4,7), và Ngài tuân đổ ân điển cùng sự thương xót của Ngài qua Đức Chúa Giê-xu Christ. Chúng ta không những được cứu bởi lòng thương yêu của Đức Chúa Trời, nhưng bởi ân điển của Ngài, đó là “tình yêu không đòi giá” (Eph 2:8-9). Đức Chúa Trời yêu toàn nhân loại, tuy nhiên không phải toàn nhân loại đều được cứu. Chỉ những ai nhận lấy ân điển dư dật của Ngài mới kinh nghiệm ơn cứu rỗi thoát khỏi tội lỗi.

Khi bạn nhận lãnh ân điển và sự thương xót từ Đức Chúa Trời, bạn kinh nghiệm được sự bình an của Ngài. “Vậy chúng ta đã được xưng công bình bởi đức tin, thì được hoà thuận với Đức Chúa Trời, bởi Đức Chúa Giê-xu Christ chúng ta” (Ro 5:1). Đức Chúa Trời không nghịch lại với tội nhân hư mất song chính tội nhân hư mất thù nghịch cùng Đức Chúa Trời (Ro 5:10 8:7). Tội nhân đã được hoà thuận với Đức Chúa Trời bởi sự chết của Đấng Christ trên thập tự giá. Bây giờ tội nhân nên ăn năn và làm hoà với Đức Chúa Trời bởi tin nơi Đức Chúa Giê-xu Christ (II Co 5:14-21).

Thật có ý nghĩa khi Giăng khẳng định thần tính của Đức Chúa Giê-xu Christ ngay đầu bức thư thứ hai của ông. Ông bày tỏ thần tính của Đức Chúa Giê-xu Christ bằng cách kết hợp “Đức Chúa Giê-xu Christ” với “Đức Chúa Cha”. Hãy giả sử đọc câu 3 như sau, “bởi Đức Chúa Trời là Cha, và bởi tiên tri A-mốt”. Bạn sẽ phản ứng lại ngay, “A-mốt không thể kết hợp với danh Đức Chúa Cha theo cách đó! Điều này cho thấy A-mốt ngang bằng Đức Chúa Trời!”

Nhưng đó là lý do chính xác tại sao Giăng kết hợp Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con lại với nhau: cả hai đều là Đức Chúa Trời! Và sau đó, để cho người đọc không xem nhẹ, Giăng thêm, “là Con của Cha”. Không thể phân rẽ Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con riêng biệt được. Nếu Đức Chúa Trời là Cha, thì Ngài phải có Con Đức Chúa Giê-xu Christ là Con đó. “Ai chối Con thì cũng không có Cha: Ai xưng Con thì cũng có Cha nữa” (IGi 2:23).

Nhiều giáo sư giả lý luận, “Nhưng Chúa Giê-xu là ‘Con Đức Chúa Trời’ giống như tất cả chúng ta là con Đức Chúa Trời vậy, được tạo nên bởi ảnh tượng Đức Chúa Trời! Chúa Giê-xu tuyên bố Ngài là Con Đức Chúa Trời, nhưng Ngài không thật sự xưng Ngài là Đức Chúa Trời”. Nhưng khi Chúa Giê-xu phán với người Do Thái, “Ta với Cha là một, họ tìm cách ném đá Ngài! Tại sao như vậy? Bởi vì Ngài nói lộng ngôn! “Vì người là người mà tự xưng là Đức Chúa Trời” (Gi 10:30-33). Họ biết Ngài có ý nói gì khi tự xưng là “Con Đức Chúa Trời” và tuyên bố Ngài bằng Đức Chúa Trời.

Đức tin Cơ Đốc đứng hay ngã tùy thuộc trên giáo lý thần tính của Đức Chúa Giê-xu Christ. Nếu Ngài chỉ là một con người, Ngài không thể cứu chúng ta, cho dù Ngài có được ơn hoặc đặc biệt như thế nào chăng nữa. Nếu Ngài không là Đức Chúa Trời mang lấy xác thân con người, đức tin Cơ Đốc là sự dối trá - không thật - và sự nhấn mạnh của Giăng trong phần mở đầu bức thư là sai.

Nhà chính khách lỗi lạc người Mỹ Daniel Webster đang ăn tối tại Boston với một nhóm người lỗi lạc, một số có khuynh hướng theo thuyết nhất thể (Thuyết nhất thể bác bỏ Đức Chúa Trời Ba Ngôi và thần tính của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh). Khi chủ đề tôn giáo được gọi lên nơi bàn ăn, Webster mạnh mẽ khẳng định lòng tin của mình vào thần tính của Đức Chúa Giê-xu Christ và công tác cứu chuộc của Ngài.

Một người nói, “Nhưng thưa ông Webster, ông có thể hiểu làm cách nào Đấng Christ vừa là Đức Chúa Trời lại vừa là người được?”

Webster đáp, “Không thưa ông, tôi không thể hiểu được điều đó. Nếu tôi hiểu được Ngài, Ngài không lớn hơn bản thân tôi chút nào. Tôi cảm nhận rằng tôi cần Đấng Cứu Thế cao trọng hơn con người!”

Nếu gia đình và Hội Thánh chúng ta phải trung tín với Đấng Christ và chống lại giáo sư giả, chúng ta phải học biết chân lý. Chúng ta học biết chân lý bằng cách nào? Qua việc nghiên cứu Lời Đức Chúa Trời và để cho Đức Thánh Linh khuyên dạy chúng ta qua việc lắng nghe người khác bày tỏ đức tin và thực hành điều chúng ta học. Chúng ta không chỉ hiểu biết lời Chúa bằng lý trí song cũng phải có lòng yêu mến chân lý và sống cho chân lý. Trọn vẹn con người chúng ta phải tuân phục chân lý.

Cha mẹ dạy cho con cái biết yêu mến chân lý quả là quan trọng biết bao! Trong khi chúng ta cảm tạ Đức Chúa Trời vì các lớp học Trường Chúa Nhật và trong các trường học Cơ Đốc, xét cho cùng chính gia đình phải làm cho con cái thấm nhuần lòng yêu mến chân lý và sự hiểu biết về chân lý của Đức Chúa Trời.

2. Chúng ta phải bước đi trong chân lý (II Gi 1:4-6)

“Bước đi trong chân lý” có nghĩa vâng theo lời Chúa, để cho lời Chúa kiểm soát mọi lĩnh vực trong đời sống chúng ta. Đoạn này bắt đầu và kết thúc bằng sự nhấn mạnh đến sự vâng lời, bước đi theo chân lý. Nghiên cứu về chân lý thậm chí tranh luận về chân lý dễ dàng hơn là làm theo chân lý! Thật ra, đôi khi con cái Chúa nhiệt thành không vâng theo lời Chúa trong chính cách mà họ cố bảo vệ nó.

Khi tôi làm mục sư tại Chicago, một thanh niên lạ mặt thường đứng bên lề đường trước nhà thờ, phân phát truyền đơn tố cáo các nhà lãnh đạo Tin Lành là bạn của tôi. Dĩ nhiên, chúng tôi không thể ngăn anh ta làm điều ấy, vì thế tôi nhắc nhở con cái Chúa trong Hội Thánh lấy những tờ truyền đơn anh ta phát ra càng nhiều càng tốt rồi đem đốt đi!

Một tối nọ một trong những người chúng tôi quyết định “quan sát” chàng thanh niên, ông ấy thấy chàng thanh niên đi đến công viên gần đó, ngồi xuống dưới một cây lớn mỗi thuốc hút! Tuy nhiên chỉ vài phút trước đó, chàng thanh niên la lên phía trước nhà thờ, “Tôi là người theo trào lưu chính thống, và tôi không hổ thẹn về điều đó!” Tôi ước đoán rằng hầu hết những người theo trào lưu chính thống mà tôi biết đều xấu hổ vì anh ta. Anh ta nghĩ rằng mình đang cố vũ cho chân lý và chống lại sự lầm lạc, tuy nhiên chính anh ta không bước đi trong chân lý. Qua hành vi và thái độ thù hận, anh ta đang phủ nhận chân lý mà anh ta đang tìm cách bảo vệ.

Niềm Vui Của Vị Sứ Đồ (II Gi 1:4a) đó là con cái bà được chọn bước đi trong chân lý. Giăng không biết tất cả họ, tuy nhiên bản dịch theo nghĩa đen là “một số con cái bà”. Một vài nơi trong các chuyến đi, Giăng đã gặp mặt một ít con cái của bà ấy và biết rằng họ bước đi trong sự vâng phục Chúa. “Tôi nghe con cái tôi làm theo chân lý, thì không còn có sự gì vui mừng hơn nữa” (II Gi 1:4). Chúng ta không có lý do nào tin rằng Giăng đang nói bóng gió về những người con khác đã đi sai lạc theo các giáo sư giả. Nếu Giăng có ý bao gồm các thuộc viên trong “Hội Thánh nhóm trong nhà bà”, có thể một số trong họ đã rời bỏ mỗi thông công và gia nhập với những người lừa dối.

Chắc chắn Đức Chúa Cha sẽ vô cùng vui mừng khi thấy con cái Ngài vâng theo lời Ngài. Cá nhân tôi kinh nghiệm điều đó có ý nghĩa như thế nào cho vị mục sư khi Hội Thánh vâng phục chân lý và làm theo ý muốn Đức Chúa Trời. Một vài điều làm đau lòng mục sư khi thuộc viên Hội Thánh chống nghịch và không vâng lời, không vâng phục quyền năng của lời Đức Chúa Trời.

Khi nhà truyền đạo nổi tiếng Charles Spurgeon còn là một cậu bé, ông sống với ông nội là mục sư chủ toạ Hội Thánh ở Stambourne, Anh quốc. Một con cái Chúa tên là Roads thường uống bia và hút thuốc trong quán rượu, Điều này làm cho vị mục sư đau đớn vô cùng.

Một ngày kia cậu bé Charles nói với ông nội, “Con sẽ giết ông già Roads, con sẽ! Con sẽ không làm bất cứ điều gì xấu, nhưng con sẽ giết ông Roads, con sẽ!”

Chàng thanh niên Spurgeon đã làm gì? Ông đối chất với ông Roads bằng những lời lẽ như thế này: “Hỡi Ê-li, người làm gì ở đây? Ngồi với những người không tin kính, và là một thành viên của Hội Thánh người đã làm buồn lòng ông mục sư. Tôi xấu hổ vì có ông! Tôi bảo đảm tôi không làm buồn lòng ông mục sư”.

Không lâu trước khi ông già Roads đến nhà vị mục sư xưng tội và xin lỗi mục sư vì cách ăn ở của mình, chàng thanh niên Spurgeon đã thật sự “giết” ông ta!

Lý Lẽ Của Vị Sứ Đồ (II Gi 1:4b) đó là Đức Chúa Trời đã ban điều răn cho chúng ta để bước đi trong chân lý và tình yêu. Chữ điều răn được dùng năm lần trong mấy câu này. Điều răn của Đức Chúa Trời tập trung “chân lý” vào trong các lãnh vực cụ thể của đời sống. “Chân lý” có thể mơ hồ và chung chung nếu chúng ta không cẩn thận, song “các điều răn” làm cho chân lý trở nên cụ thể và gắn bó.

Hãy lưu ý các điều răn Đức Chúa Cha ban cho. Mỗi điều răn là sự bày tỏ về lòng yêu thương chứ không chỉ là luật pháp. Ý muốn của Đức Chúa Trời là bày tỏ tấm lòng của Ngài (Thi 33:11), chứ không chỉ ý tưởng của Ngài mà thôi. Do đó, vâng lời Ngài phải là sự tỏ bày tấm lòng của chúng ta, chứ không phải bày tỏ nỗi sợ hãi. “Vì này là sự yêu mến Đức Chúa Trời, tức là chúng ta vâng giữ điều răn Ngài. Điều răn Ngài chẳng phải là nặng nề” (IGi 5:3).

Các giáo sư giả cô tìm cách làm cho điều răn của Đức Chúa Trời trở nên khắc nghiệt và khó khăn và họ đưa ra cho những người tin theo họ tự do “thật” (II Phi 2:19). Nhưng vâng theo ý chỉ trọn vẹn của Đức Chúa Trời là tự do lớn nhất. Chẳng có ai yêu mến Đức Chúa Trời lại xem điều răn của Ngài là nặng nề cực nhọc.

Sứ Đồ Kêu Gọi (II Gi 1:5-6) bà được chọn và con cái bà yêu mến lẫn nhau và lời kêu gọi này cũng dành cho tất cả chúng ta. “Ta ban cho các người một điều răn mới, nghĩa là các người phải yêu nhau như ta đã yêu các người thế nào, thì các người cũng hãy yêu nhau thế ấy” (Gi 13:34). Nhưng Giảng viết đó không phải là điều răn mới (IGi 2:7-11). Điều này có mâu thuẫn không?

Điều răn “hãy yêu nhau” chắc chắn không phải mới về thời gian, vì Kinh Thánh Cựu Ước của người Do Thái cũng dạy con người phải yêu thương người lân cận (Le 19:18,34) và những khách lạ (Phu 10:19). Nhưng khi Con Đức Chúa Trời đến thế gian, điều răn này là mới trong sự nhấn mạnh và nêu gương. Đức Chúa Giê-xu Christ đề cao về lòng yêu thương và chính cuộc đời của Ngài nêu gương cho chúng ta về lòng yêu thương ấy. Nó cũng mới mẻ trong kinh nghiệm, vì chúng ta có Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự trong giúp chúng ta có thể vâng lời. “Nhưng trái của Thánh Linh ấy là tình yêu thương” (Ga 5:22 Ro 5:5).

Có thể đòi hỏi tình yêu không? Vâng, khi bạn hiểu thế nào là tình yêu thật trong Đấng Christ. Nhiều người có ý tưởng sai lầm cho rằng tình yêu trong Chúa là một cảm xúc, một loại “tình cảm tôn giáo” đặc biệt khiến chúng ta nghĩ đến và chấp nhận người khác. Hẳn nhiên cần có tình cảm, song về cơ bản, tình yêu Cơ Đốc là hành động của ý chí. Có nghĩa là đối đãi người khác như cách Đức Chúa Trời đối đãi với bạn! Thật ra, tình yêu Cơ Đốc có thể làm chúng ta yêu người chúng ta không “thích”.

Có lẽ chúng ta không thể bắt buộc tình cảm chúng ta luôn luôn, nhưng chúng ta có thể định thái độ và hành động chúng ta. Khi người ta cộc cằn với chúng ta, chúng ta có thể tử tế với họ. Khi người vu cáo chúng ta, chúng ta có thể cầu nguyện cho họ và khi có cơ hội hãy làm điều tốt lành cho họ. Nếu chạy theo tình cảm chúng ta, có lẽ chúng ta sẽ có hành động trả đũa! Nhưng nếu cầu xin Đức Thánh Linh nắm giữ ý chí, chúng ta có thể hành động trong tình yêu Cơ Đốc mà Chúa Giê-xu đã làm.

Giăng tiếp tục giải thích tình yêu thương và sự nghe theo phải đi đôi với nhau (IIGi 1:6). Chia cắt mối tương giao của chúng ta với Đức Chúa Trời ra khỏi mối tương giao với anh em là điều không thể được. Nếu nói rằng yêu Đức Chúa Trời nhưng ghét anh em, có thể chắc chắn chúng ta không thật sự yêu Đức Chúa Trời (IGi 4:20). Nếu chúng ta vâng lời Đức Chúa Trời, tình yêu của Ngài sẽ trọn vẹn trong chúng ta, và không sai trật trong tình yêu anh em (IGi 2:3-5).

Khi ôn lại phần này, bạn thấy ba chủ đề trộn lẫn nhau: chân lý, tình yêu thương và sự vâng lời. Bởi tin chân lý - trong Đấng Christ và lời của Ngài - chúng ta được cứu. Bằng chứng của sự cứu rỗi ấy là tình yêu thương và sự vâng lời, song tình yêu và sự vâng lời được mạnh mẽ khi chúng ta lớn lên trong sự hiểu biết chân lý. Chúng ta lấy lòng yêu thương nói ra lẽ chân thật (Eph 4:15) và chúng ta vâng giữ các điều răn của Đức Chúa Trời bởi vì chúng ta yêu mến Ngài. Sự vâng lời giúp chúng ta có thể hiểu biết nhiều hơn về chân lý (Gi 7:17), và càng học biết chân lý, chúng ta càng kính mến Đức Chúa Giê-xu Christ là chân lý!

Thay vì sống trong “vòng xấu xa”, chúng ta sống trong “vòng chiến thắng” của tình yêu, chân lý và vâng lời!

3. Chúng ta phải giữ mình trong chân lý (IIGi 1:7-13)

Từ chỗ cổ vũ cho chân lý, Giăng quay sang chống đối sự sai lạc. Ông kết hợp lời nói của mình với Phi-e-rơ để cảnh cáo rằng có nhiều kẻ dỗ dành trong thế gian. Chữ người dỗ dành ám chỉ đến việc dạy đạo giả và hướng dẫn người ta sống sai. Giăng đã viết rõ ràng chân lý và đời sống phải đi đôi với nhau. Điều chúng ta tin quyết định cách cư xử của chúng ta. Giáo lý sai và cách sống sai thường đi chung với nhau.

Nguồn gốc những giáo sư giả này đến từ đâu? “Trong thế gian đã rải ra nhiều kẻ dỗ dành”. Họ ra từ Hội Thánh! Có lúc, họ đã xưng nhận đức tin “noi đạo đã truyền cho các thánh một lần đủ rồi” (Giu 1:3), nhưng họ quay khỏi đức tin ấy và từ bỏ chân lý cùng Hội Thánh. “Họ ra từ chúng ta song không thuộc về chúng ta” (IGi 2:19). “Lại giữa anh em cũng sẽ có những người nói lời hung ác dấy lên, ráng sức dỗ môn đệ theo họ” (Cong 20:30).

Phải thường xuyên tỉnh thức về mặt thuộc linh để bảo vệ gia đình và Hội Thánh địa phương thoát khỏi những cuộc tấn công xảo quyệt của các giáo sư giả. Một mục sư rất thành công trong chức vụ nói với tôi, “Nếu tôi rời mắt ra khỏi công việc này hai mươi bốn tiếng đồng hồ và ngưng cầu nguyện, nó sẽ len lỏi vào trước khi chúng ta biết nó.” Ông ta không có ý nhấn mạnh đến tầm quan trọng của riêng mình (Mặc dù các mục sư khả kính thật cần thiết đối với những Hội Thánh có trình độ thuộc linh) nhưng ông muốn coi trọng sự thức canh và dè giữ.

Hãy lưu ý có nhiều kẻ dỗ dành! Tại sao vậy? Câu trả lời trong IIPhi 2:2: “Có nhiều kẻ sẽ theo họ trong những sự buông tuồng”. Tôi nghĩ chính Mark Twain người đã nói rằng lời nói dối chạy khắp thế giới trong khi đó chân lý thì mới đi giày vào. Bản ngã con người muốn tin sự dối trá và chống lại chân lý của Đức Chúa Trời. Trong IIPhi 2:1-22, chúng ta biết những phương cách các giáo sư giả dùng để lôi kéo những người không thận trọng và thiếu vững vàng. Họ thành công chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả!

Những người này cũng là “kẻ địch lại Đấng Christ” (IGi 2:18-29). Tiếp đầu ngữ anti trong tiếng Hy Lạp có nghĩa vừa là “thay cho” vừa là “chống lại”. Các giáo sư giả này chống lại Đấng Christ vì họ phủ nhận Ngài quả thật là Đức Chúa Trời đến trong xác thịt (IGi 4:1-6). Họ không chỉ chối bỏ chân lý về Đấng Christ, nhưng còn tạo ra “một Christ giả” cho những kẻ theo họ, không phải là Đấng Christ trong đức tin Cơ Đốc. Câu hỏi đầu tiên bạn muốn nêu ra cho bất kỳ thầy dạy đạo, người giảng đạo hay tác giả nào ấy là, :Bạn nghĩ gì về Đấng Christ? Có phải Ngài là Đức Chúa Trời mang xác thịt loài người không?” Nếu họ lưỡng lự, hoặc phủ nhận rằng Chúa Giê-xu không phải là Đức Chúa Trời trở thành người, bạn có thể chắc chắn bạn gặp phải một giáo sư giả.

Tôi sắp giảng cho Hội Truyền Giáo Carrubers Close tại thành phố Edinburgh xứ Tô Cách Lan, trước khi buổi giảng bắt đầu, một thanh niên đến gặp tôi. Không kịp tự giới thiệu về mình, anh ta nói, “Ông có tin nữ đồng trinh Ma-ri sinh hạ Đức Chúa Giê-xu Christ không?” Tôi trả lời vâng cách mạnh mẽ, và tôi đã rao giảng Đức Chúa Giê-xu Christ là Đức Chúa Trời đến trong xác thịt. Trong khi tôi không thông cảm cho sự dốt nát của anh ta, song tôi hiểu điều anh ta quan tâm về người đàn ông đứng ở toà giảng đang “tuân giữ chân lý”.

Tuân giữ chân lý có nghĩa vẫn trung thành với giáo lý của đức tin Cơ Đốc. Các giáo sư giả đã sai lạc chân lý và xa rời khỏi mỗi thông công trong Hội Thánh và do đó họ thật nguy hiểm. Giảng chỉ ra ba điều nguy hiểm mà Hội Thánh và con cái Chúa phải đối diện vì các kẻ đổ dành trong thế gian.

Nguy Cơ Trở Lại Con Đường Cũ (IIGi 1:8). Đây là nguy cơ đánh mất những gì đã có được. Chính các người hãy giữ có nghĩa “Coi chừng! Thận trọng!” Các giáo sư giả đem đến cho bạn điều gì bạn không có, trong khi thật ra họ lấy mất những gì bạn đang sở hữu!

Sa-tan là kẻ cướp và những kẻ làm việc cho nó cũng như vậy. Giảng muốn độc giả của ông nhận “phần thưởng đầy đủ”, tương đương với ý nghĩa trong IPhi 1:11, được cho vào cách rộng rãi trong Nước đời đời. Quả thật buồn biết bao khi tôi tớ của Đức Chúa Trời trung tín đổ công sức ra xây dựng Hội Thánh, để rồi công trình của họ bị lời dạy giả dối phá huỷ. Không có gì ngạc nhiên khi Phao-lô viết thư cho Hội Thánh Ga-la-ti, “Tôi lo cho anh em, e tôi đã làm việc luống công giữa anh em.” (Ga 4:11)

“Đừng đánh mất những kết quả anh em đã hoàn thành” là cách dịch IIGi 1:8 của dịch giả Kenneth Wuest. Con cái Chúa cần phải kính trọng công tác của các mục sư và thầy dạy đạo tận tụy và làm mọi cách để bảo vệ và phát triển công tác ấy. Ngày kia tôi tớ Đức Chúa Trời phải khai trình về công việc của mình, và họ muốn làm công việc ấy “lấy lòng vui lòng không phàn nàn chi” (He 13:17). Khi Hội Thánh sa sút, đánh mất những gì đã đạt được, Hội Thánh cũng mất đi phần thưởng trước Tòa Phán Xét của Đấng Christ. Kiên quyết tin cậy vào chân lý của Lời Đức Chúa Trời là điều thật cần thiết!

Nguy Cơ của sự đi trước (IIGi 1:9). Mỗi nguy hiểm ở đây là đi vượt ra khỏi giới hạn của lời Đức Chúa Trời cho phép và thêm bớt vào trong lời Ngài. Chũ đi quá giới hạn (vi phạm) có nghĩa ”đi quá xa, vượt khỏi giới hạn đã ấn định. Đó là bước tiến sai lạc! Các giáo sư giả thích làm cho chúng ta tin rằng họ là “người sôi nổi” trong khi Hội Thánh “nhàm chán, buồn tẻ”. Họ mời chúng ta tham gia với họ vì họ có những điều “mới lạ hấp dẫn” muốn chia sẻ với chúng ta. Nhưng họ “tiên bộ” đến mức chối bỏ lời dạy Đức Chúa Giê-xu Christ là Con Đức Chúa Trời trở thành người.

Cách đây năm mươi năm, báo chí Mỹ in đầy dẫy thông tin nói về “cuộc tranh luận giữa những người theo phái chính thống và tân phái”. Những người trung thành với đức tin chống lại chủ nghĩa tân phái tìm cách đem các trường phái và sự lãnh đạo những giáo phái này trở

lại với căn nguyên của Cơ Đốc giáo. Nhóm “cấp tiến” tự xưng là “những người theo tân phái”, trong khi thật sự những lời bác bỏ giáo lý của Đấng Christ của họ chẳng có gì “mới mẻ”. Những lời phủ nhận này cũ kỹ như chính Hội Thánh! Một trong những lãnh đạo của họ, Tiến sĩ Harry Emerson Fosdick, nói trong bài giảng của ông, “Chủ nghĩa chính thống vẫn tồn tại với chúng ta nhưng hầu như nằm trong vũng nước đọng.” Nếu còn sống đến ngày hôm nay, ông ta sẽ không nói câu ấy ngày nay các Trường Chúa Nhật, Hội Thánh, chủng viện, và trung tâm truyền giáo lớn nhất đều đặt nền tảng trên giáo lý của Chúa Giê-xu.

Nếu ai không tuân giữ theo chân lý, người ấy không có Đức Chúa Cha cùng Đức Chúa Con. Không thể tôn vinh Đức Chúa Cha lại đồng thời bỏ mặc Đức Chúa Con (hoặc cho Ngài chỉ là một con người). “Đặng ai nầy đều tôn kính Con, cũng như tôn kính Cha vậy. Ai không tôn kính Con, ấy là không tôn kính Cha, là Đấng đã sai Con đến” (Gi 5:23). “Thần học tiên bộ” phủ nhận Đấng Christ nhưng kỳ thực không tiến bộ chút nào cả đó là sự thối lui - toàn bộ trở lại với Sa 3:1: “Mà chi, Đức Chúa Trời há có phán dặn...?”

Tuy nhiên, trong việc đưa ra lời nhắc nhở này, Giảng không lên án “sự tiên bộ” theo đúng nghĩa của nó. “Chúa còn có nhiều chân lý soi rọi trong lời của Ngài”. Đức Chúa Trời ban cho Đức Thánh Linh dạy dỗ chúng ta và dẫn chúng ta vào những chân lý mới mẻ (Gi 16:12-16), chúng ta phải thường xuyên lớn lên (IIPhi 3:18).

Nhưng nếu “việc học biết” dẫn chúng ta đi xa khỏi giáo lý căn bản về đời sống và chức vụ của Đức Chúa Giê-xu Christ, chúng ta đang ở trong sự nguy hiểm.

Nguy Cơ Dự Vào Công Việc Của Đạo Lạc (IIGi 1:10-11). Giảng nhắc nhở gia đình (và Hội Thánh nhóm trong gia đình ấy) không tiếp đón các giáo sư giả khi họ đến thăm, không thông công với họ hoặc có thể không chào hỏi họ. Tiếp rước là công việc rất quan trọng trong đức tin Cơ Đốc thời ấy, vì có rất ít quán trọ cho khách có thể trú lại, nhất là các con cái Chúa muốn tránh xa những ảnh hưởng tội lỗi của thế gian. Cơ Đốc nhân được khuyên dạy mở cửa đón tiếp khách đến thăm nhà mình (Ro 12:13 ITi 3:2 5:3-10 He 13:2 IPhi 4:8-10).

Thật sự các mục sư và thầy dạy đạo cần có chỗ nghỉ lại trong chuyến đi hầu việc Chúa (IIIGi 1:5-8). Con cái Chúa bày tỏ lòng hiếu khách đối với tôi tớ Đức Chúa Trời là những “người giúp việc cho chân lý”, nhưng người tin Chúa giúp đỡ cho các giáo sư giả thì chỉ dự phần vào công việc ác của họ. Giáo lý của Đức Chúa Giê-xu Christ là sự thử nghiệm của chân lý, nền tảng cho mọi thông công, và mỗi dây liên kết lẫn nhau.

Nguyên tắc này chắc chắn có ích cho ngày hôm nay. Thường thường những người tự nhận là Cơ Đốc nhân đến nhà chúng ta, thích mở băng nhạc cho chúng ta hay trao cho chúng ta những tạp chí hoặc sách báo. Chúng ta phải cảnh giác. Nếu họ không đồng ý với chân lý của Đức Chúa Giê-xu Christ, không những không cho họ vào nhà, chúng ta còn không nên chào “tạm biệt” họ, vì lời chào “good-bye” trong tiếng Anh nghĩa là Đức Chúa Trời ở cùng bạn”.

Tại sao Giảng cương quyết về điều này như vậy? Vì ông không muốn bất kỳ con dân Chúa nào (1) tạo cho giáo sư giả nghĩ rằng người ta có thể chấp nhận tà đạo của họ (2) bị tiêm nhiễm vì kết giao và thân thiện với họ và (3) tiếp nhiên liệu cho các giáo sư giả ở trạm dừng kế tiếp. Nếu tôi tiếp đãi một người thờ tà thần chẳng hạn, anh ta sẽ nói với người chung quanh rằng, “Không có lý do nào bạn không cho tôi vào nhà. Dầu sao, Mục sư Wiersbe đã cho tôi vào và chúng tôi đã chuyện trò thích thú lắm!”. Sự không vâng lời của tôi có thể dẫn người khác đến sự tàn hại dễ dàng.

Tôi muốn nói rõ Giảng không có ý nói chỉ những người được tái sinh mới được vào nhà chúng ta! “Sự truyền đạo thân mật” quanh bàn ăn là cách tốt lành để chinh phục người khác đến với Đấng Christ. Cơ Đốc nhân cần phải gần gũi và hiếu khách. Sứ đồ khuyên chúng ta

không tiếp rước hay cổ vũ cho giáo sư giả đại diện cho những người chống lại Đấng Christ, những người đã bỏ Hội Thánh và bây giờ cố tìm cách lôi kéo người khác cách xa chân lý. Bạn có thể đoán chắc rằng những kẻ bội đạo dùng mọi cơ hội họ có được để buộc chặt sự chấp thuận của những người tin Chúa thật.

Có một truyền thuyết nói về sứ đồ Giăng minh họa địa vị của ông quan tâm đến giáo lý sai lạc. Khi ông sống lại Ê-phê-sô, một ngày kia ông đến phòng tắm công cộng, tại đó ông gặp Cerinthus, người lãnh đạo một tà giáo. Giăng vùng chạy ra khỏi tòa nhà vì sợ ngôi nhà đổ sập bởi con đoán phạt của Đức Chúa Trời! Cerinthus dạy rằng Chúa Giê-xu là con của Giô-sép và Ma-ri, chứ không phải là Đức Chúa Trời trở thành người.

Lời kết thúc của Giăng (II Gi 1:12-13) hầu như giống hệt với lời chúc tạm biệt trong 3 Giăng, những lời này không cần phải giải thích. Tuy nhiên, chúng nói lên tầm quan trọng của mối thông công Cơ Đốc và sự vui mừng đem đến cho lòng chúng ta (IGi 1:4). Thật tuyệt vời khi nhận thư, nhưng còn tuyệt vời hơn khi đón nhận con dân Đức Chúa Trời vào nhà và vào lòng chúng ta.

Bức thư ngắn ngủi viết cho người mẹ Cơ Đốc và gia đình của bà (có thể cho Hội Thánh nhóm trong nhà của họ), là vật quý giá. Nhưng chúng ta không nên quên trọng tâm chính của bức thư: Hãy tỉnh thức! Có nhiều kẻ dỗ dành trong thế gian!

1. ĐÓ LÀ CHÂN LÝ (IIIGi 1:1-12)

Cuộc chiến đấu cho chân lý và chống lại tà giáo không chỉ xảy ra trong gia đình (IIIGi 1:1-13) nhưng đặc biệt tại Hội Thánh địa phương và đó là nơi thư Giăng thứ ba được gửi đến. Bức thư nhỏ này (thư tín ngắn nhất trong Tân Ước viết bằng tiếng Hy Lạp) cho chúng ta cái nhìn thoáng qua về Hội Thánh đầu tiên, về con cái Chúa và những nan đề của Hội Thánh. Khi đọc bức thư ngắn ngủi này, chính bạn tìm thấy câu nói “Thời thế không thay đổi nhiều lắm!” Ngày nay chúng ta có cùng những con người và nan đề tương tự!

Một trong những từ quan trọng trong bức thư là làm chứng (IIIGi 1:3,6,12). Nó không có nghĩa là văn tự chúng ta nói nhưng còn là cuộc sống chúng ta sống nữa. Mỗi Cơ Đốc nhân là một lời chứng, lời chứng tốt hoặc xấu. Chúng ta đồng làm việc cho chân lý (IIIGi 1:8) hoặc ngăn trở chân lý.

Bức thư này nói đến Gai-út, một trong những người đứng đầu trong nhà hội. Nhưng Giăng cũng bàn đến hai người khác trong những câu này - Đi-ô-trép và Đê-mê-triu. Bất cứ ở đâu có con người, ở đó phát sinh rắc rối - và có tiềm năng giải quyết vấn đề. Mỗi chúng ta nên thành thật đối diện với câu hỏi, “Tôi có phải là một phần của nan đề hay một phần của lời giải đáp?”

Hãy nghiên cứu ba người được nêu tên trong bức thư và ghi ra họ ở hạng tín đồ nào.

1. Gai-út người nâng đỡ (IIIGi 1:1-8)

Không có nghi ngờ gì khi sứ đồ Giăng yêu mến ông này cách chân thành! Ông gọi ông ta là “người rất yêu dấu” trong lời chào thăm, và “kẻ rất yêu dấu” trong c.5. Không phải đây chỉ là những thuật ngữ trịnh trọng, giống như “Ông Jones kính mến”. (Thậm chí chúng ta không biết rõ về ông Jones!) c.4 cho thấy Gai-út có thể là tín hữu do Giăng dẫn dắt trở lại đạo và dĩ nhiên những người chúng ta dẫn dắt trở lại tin theo Đấng Christ đều đặc biệt quý giá cho chúng ta. Tuy nhiên, sứ đồ yêu dấu xem tất cả con cái Chúa đều là “con cái bé mọn”(IGi 2:1,12,18), vì vậy chúng ta không nên đưa điều này đi quá xa.

Nếu Gai-út là thuộc viên trong Hội Thánh do tôi làm mục sư, chắc chắn tôi sẽ không gặp rắc rối trong việc yêu mến ông! Hãy xem những đức tính có được trong con người tuyệt vời này.

Thanh vượng về phần linh hồn (IIIGi 1:2). Ở đây có thể Giăng muốn ám chỉ rằng người bạn yêu dấu của ông không khoẻ và Giăng muốn cầu nguyện xin Chúa phục hồi sức khoẻ cho bạn của mình: “Tôi muốn anh được khoẻ mạnh về phần xác cũng như về phần hồn!” Nếu điều này đúng như thế, đó là bằng chứng cho thấy có thể khoẻ mạnh thuộc linh và bị bệnh về thể xác. Tuy nhiên, kiểu chào thăm này rất phổ biến trong thời ấy, vì vậy chúng ta không nên dựa nhiều quá vào điều đó.

Dẫu vậy, rõ ràng Gai-út là người “thanh vượng về phần linh hồn” mà ai cũng biết. “Dầu người bề ngoài hư nát, nhưng người bề trong cứ đổi mới ngày càng hơn” (ICo 4:16). Sức khoẻ phần xác là kết quả của dinh dưỡng, luyện tập, giữ gìn vệ sinh sạch sẽ, nghỉ ngơi hợp lý, và có đời sống quân bình kỷ luật. Khỏe mạnh về phần linh hồn là kết quả do những yếu tố tương tự. Chúng ta phải tự nuôi dưỡng mình bằng Lời Hằng Sống, và “tiêu hoá” chất bổ dưỡng ấy trong sự tập tành tin kính (ITi 4:6-7). Chúng ta phải giữ mình cho thánh sạch (ICo 7:1) và tránh bị nhiễm độc ô uế của thế gian (IIPhi 1:4 Gia 1:27). Trong khi tập tành tin kính và hầu việc là việc thật quan trọng thì chúng ta yên nghỉ trong Chúa để lấy lại sức mới thông qua mối tương giao với Ngài cũng quan trọng (Mat 11:18-30). Một nếp sống quân bình là đời sống khoẻ mạnh và hạnh phúc, cuộc sống tôn vinh Đức Chúa Trời.

Lời chứng tốt (IIIGi 1:3-4) Chúng ta nhận thấy Gai-út là người vâng lời Đức Chúa Trời và “làm theo chân lý” (IIGi 1:4). Một số anh em trong Chúa đến thăm Giăng vài lần, họ vui mừng báo cho Giăng biết Gai-út nêu gương sáng về nếp sống tin kính Chúa. Trong kinh nghiệm hầu việc Chúa, tôi phải thú nhận rằng tôi thường hơi “bối rối” khi có người nói với tôi, “Có phải Bà... là tín đồ trong Hội Thánh của ông không?” Hoặc sợ hơn nữa khi nghe, “Tôi biết khá rõ một trong những tín đồ của ông!” Giăng không bao giờ phải sợ hãi khi người khác nhắc tên của Gai-út!

Điều gì làm cho Gai-út trở thành lời chứng tốt như vậy? Đó là chân lý của Đức Chúa Trời. Chân lý “ở trong ông ta” và giúp ông ta có thể bước đi trong sự vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Gai-út đọc Lời Kinh Thánh, suy ngẫm, thích thú và làm theo trong nếp sống mỗi ngày (Thi 1:1-3). Thân thể tiêu hoá thức ăn, nhưng linh hồn suy ngẫm lời Hằng sống. Chỉ nghe và đọc lời Chúa thì không đủ. Chúng ta phải “tiêu hoá” vào trong lòng và làm nó trở nên phần của con người bên trong (ITe 2:13).

Rõ ràng cả cuộc đời của Gai-út bao phủ bằng chân lý. Sự sống thật đến bởi chân lý sống. Đức Chúa Giê-xu Christ là chân lý (Gi 14:6), được tỏ bày trong lời Kinh Thánh là chân lý của Đức Chúa Trời (Gi 17:17). Đức Thánh Linh cũng là chân lý (IGi 5:7), và Ngài dạy chân lý cho chúng ta. Thánh Linh Đức Chúa Trời dùng lời Đức Chúa Trời bày tỏ Con của Đức Chúa Trời, và giúp chúng ta có thể vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời và “bước đi trong chân lý”.

Việc làm thực tế (IIIGi 1:4-8). Gai-út cũng là người giúp đỡ cho chân lý (1:8). Bằng cách thực tế, ông giúp đỡ những người đang hầu việc cho chân lý. Chúng ta không có lời chỉ dẫn nào cho biết Gai-út là nhà truyền đạo hoặc người dạy đạo, nhưng ông mở lòng và nhà mình tiếp đón những người làm chức vụ ấy.

Qua bức thư thứ hai của Giăng chúng ta biết tầm quan trọng của sự tiếp đãi trong đức tin Cơ Đốc vào thời ấy. Giăng nhắc nhở “bà được chọn” không tiếp đãi các giáo sư giả (IIGi 1:7-11), nhưng trong thư này ông khen ngợi Gai-út vì đã bày tỏ lòng tiếp đãi những người hầu việc cho chân lý. Gai-út là nguồn nâng đỡ không chỉ cho anh em tín hữu nói chung, nhưng còn đặc biệt dành cho các “khách lạ” đến thông công với Hội Thánh và phục vụ Đức Chúa Trời. (He 13:2).

Trong bối cảnh sợ hãi và khốn khó này, tiếp đón người lạ vào nhà là điều không dễ dàng. Dĩ nhiên, trong Hội Thánh đầu tiên, các đầy tớ Chúa lưu hành mang thư gửi gắm từ Hội Thánh của họ (Ro 16:1) vì vậy chúng ta biết về những người ấy để có kế hoạch tiếp đãi là điều thật quan trọng. Tuy vậy, làm điều đó cần có đức tin và lòng yêu thương. Theo khả năng nhà tôi và tôi có thể tiếp đón tại nhà chúng tôi, chúng tôi phải thừa nhận rằng có nhiều lần khi nói lời chào tạm biệt các vị khách đã mang lại cho chúng tôi cảm giác vui mừng khó tả! Tuy nhiên, hầu hết các vị khách chúng ta tiếp đón thật sự là “những thiên sứ chúng ta không biết” sự hiện diện của họ là một ơn phước cho gia đình chúng ta.

Gai-út không những mở cửa nhà mình, nhưng ông còn mở lòng và bàn tay của mình để giúp đỡ tài chánh cho những vị khách của ông. Thành ngữ giúp đỡ sự đi đường cho các anh em có nghĩa là “giúp đỡ lộ phí cho chuyến đi”. Việc này có thể bao gồm cả việc cung cấp tiền bạc, thức ăn cũng như giặt giũ may vá áo quần (ICo 16:6 Tit 3:13). Dầu sao, chúng ta phải bày tỏ đức tin qua việc làm (Gia 2:14-16), và tình yêu chúng ta phải được diễn đạt bằng hành động chứ không chỉ nói bằng lời (IGi 3:16-18).

Điều gì thôi thúc sự giúp đỡ cho các thánh đồ như vậy? Trước hết, điều đó tôn vinh Đức Chúa Trời. Cụm từ “một cách xứng đáng với Đức Chúa Trời” trong IIIGi 1:6 có nghĩa “xứng đáng với Đức Chúa Trời, thích hợp với Đức Chúa Trời”. Chúng ta chẳng bao giờ “giống Đức

Chúa Trời” hơn khi chúng ta hy sinh phục vụ người khác. “Hầu cho anh em ăn ở cách xứng đáng với Chúa, đặng đẹp lòng Ngài mọi đường” (Co 1:10). Vì những người hầu việc Chúa lưu hành đại diện cho danh Đức Chúa Trời, đối với họ bất cứ chức vụ nào cũng đều hầu việc Đức Chúa Giê-xu Christ (Mat 10:40 25:34-40).

Động cơ thứ hai của việc chu cấp cho tôi tớ Đức Chúa Trời là làm chứng cho người hư mất (IIIGi 1:7). Hãy nhớ rằng trong thời ấy có nhiều thầy dạy đạo đi đông dài, chia sẻ ý tưởng của họ và xin tiền. Trong khi Đức Chúa Giê-xu Christ phán dạy cụ thể rằng tôi tớ Đức Chúa Trời xứng đáng nhận sự chu cấp (Lu 10:7), trong Tân Ước cho biết tiêu chuẩn của việc chu cấp này đến từ con dân Đức Chúa Trời. “Không nhận lãnh vật chi nơi người ngoại hệt” có nghĩa các người làm công tác lưu hành không nhờ vả nơi người chưa được cứu. Áp-ra-ham có cùng chủ trương này (Sa 14:21-24), mặc dù ông không buộc những người đi theo ông làm theo chủ trương của mình. Nhiều mục sư khi nhận của dâng hiến nói rõ rằng họ không yêu cầu bất cứ điều gì từ những người chưa tin trong hội chúng.

Khi con dân Đức Chúa Trời chu cấp đầy đủ cho tôi tớ Đức Chúa Trời, đó là lời chứng mạnh mẽ cho người chưa biết Chúa. Nhưng khi những người hầu việc Chúa trong Hội Thánh, và các tổ chức tôn giáo khác đi cổ động nơi những người chưa được cứu và những doanh nghiệp, điều đó làm cho đạo Chúa thành rẻ tiền và đổi chác. Điều này không có nghĩa tôi tớ của Đức Chúa Trời phải từ chối món quà tình nguyện từ người chưa tin đạo, miễn là người đó hiểu rằng món quà sẽ không mua được sự cứu rỗi. Vì vậy, chúng ta phải hết sức thận trọng. Vua Sô-đôm tình nguyện dâng của lễ, nhưng Áp-ra-ham từ chối không nhận! (Sa 14:17-24)

Động cơ thứ ba trong sự hầu việc Chúa là sự vâng lời Đức Chúa Trời. “Chúng ta cũng nên tiếp đãi những người thể ấy” (IIIGi 1:8a). Công việc tiếp khách và chu cấp tiền bạc không những là cơ hội, nhưng còn là bổn phận. Ga 6:6-10 cho biết rõ những người nhận lãnh ơn phước thuộc linh từ người dạy lời Đức Chúa Trời có bổn phận phải chia các của mình có cho người dạy đạo ấy ICo 9:7-11 giải thích rõ hơn nguyên tắc này. Như một chấp sự bày tỏ với tôi trong Hội Thánh tôi làm mục sư đầu tiên, “Bạn trả tiền ăn nơi bạn nhận thức ăn của bạn”. Con cái Chúa trong Hội Thánh gửi phần mười và các của dâng cho khắp thế giới và bỏ mặc không chu cấp cho công việc Chúa của Hội Thánh của họ là điều Thánh Kinh không dạy.

Giăng đưa ra động cơ thứ tư trong IIIGi 1:8: “Hầu cho chúng ta với họ đồng làm việc cho chân lý.” Gai-út không những nhận lãnh chân lý và bước đi trong chân lý, nhưng ông còn là “người đồng công” giúp đỡ phát triển chân lý. Chúng ta không biết ông có những ơn phước thuộc linh nào hoặc ông hầu việc trong Hội Thánh như thế nào, nhưng chúng ta biết rằng Gai-út giúp mở mang và bình vực cho chân lý bằng cách giúp đỡ những người dạy dỗ và rao giảng cho chân lý.

Trong chức vụ lưu hành của tôi, tôi đã lưu lại nhiều gia đình và được nâng đỡ trong chức vụ. Những người chủ nhà có thể không phải là người có ơn đặc biệt, nhưng công việc tiếp đãi của họ giúp tôi có thể thi hành các ân tứ Chúa ban cho tôi trong Hội Thánh. Bất cứ phước hạnh nào trong chức vụ chắc chắn sẽ được kể vào những công khó của họ! (Phi 4:17).

Chống lại kẻ bội đạo và không tiếp đãi các giáo sư giả là một chuyện, nhưng mở cửa (hoặc mở hầu bao) để mở mang Nước Chúa là một chuyện hoàn toàn khác. Chúng ta cần làm cả hai. Chúng ta cần có nhiều người giống như Gai-út thanh vượng về phần linh hồn, vâng theo lời Đức Chúa Trời và chia sẻ những gì mình có để phát triển chân lý. Nhưng than ôi, không phải mọi người đều giống như Gai-út! Chúng ta quay trở lại với hạng Cơ Đốc nhân hoàn toàn trái ngược.

2. Đi-ô-trép kẻ chuyên quyền (IIIGi 1:9-10)

Đường như nhiều Hội Thánh có các thành viên đòi “đứng đầu” và làm theo cách riêng của họ. Tôi phải thừa nhận rằng thỉnh thoảng chính mục sư cho rằng mình có quyền độc tài và quên rằng chữ chức vụ có nghĩa là “đầy tớ”. Nhưng đôi lúc chính chức viên trong Hội Thánh có lẽ là người lâu năm nghĩ rằng mình có “quyền cao chức trọng”.

Các môn đệ của Chúa thường tranh luận ai trong họ là người lớn hơn hết trong Nước thiên đàng (Mat 18:1). Chúa Giê-xu phải nhắc nhở họ rằng kiêu hãnh việc họ phải có không phải giống như giới chức chính quyền La Mã “ra oai” với mọi người, nhưng giống chính Đấng Cứu Thế đến như một tôi tớ khiêm nhường (Phi 2:1). Trong suốt hơn ba mươi năm chức vụ, tôi thấy gương mẫu về chức vụ hầu việc đã thay đổi, và Hội Thánh đang khổ sở vì điều đó. Rõ ràng “sứ giả thành công” ngày nay giống như một nhà tài phiệt ở đại lộ Madison hơn là một tôi tớ dễ bảo. Trong tay ông ta cầm điện thoại di động thay vì chiếc khăn lòng ông ta đầy sự ham muốn vị kỷ, chớ không phải tình yêu thương dành cho tội nhân hư mất và vì chiên của Đức Chúa Trời.

Đi-ô-trép bị thúc đẩy bởi lòng kiêu ngạo. Thay vì dành vị trí trên hết cho Đức Chúa Giê-xu Christ (Co 1:18), ông dành cho chính mình. Ông nắm quyền quyết định cuối cùng mọi việc trong Hội Thánh, và mọi quyết định của ông chỉ bởi một điều: “Việc này sẽ làm gì cho Đi-ô-trép?”. Ông ta không giống Giăng Báp-tít người đã tuyên bố, “Ngài (Đức Chúa Giê-xu Christ) phải được cất lên còn ta phải hạ xuống” (Gi 3:30). Động từ trong Hy văn cho thấy rằng Đi-ô-trép thường xuyên có thái độ muốn đề cao mình.

Bất cứ khi nào Hội Thánh có một kẻ chuyên quyền trong vòng con dân Chúa thì có nhiều rắc rối xảy ra, vì người trưởng thành thuộc linh sẽ không khoan nhượng kiêu lãnh đạo như vậy. Đức Thánh Linh buồn lòng khi các chi thể trong thân không được phép thực hành các ơn của họ vì một thành viên có cách làm riêng của mình. Trước Toà Phán Xét của Đức Chúa Giê-xu Christ, chúng ta sẽ khám phá ra nhiều tấm lòng bị tan vỡ và nhiều Hội Thánh bị hại vì “chức vụ” kiêu căng của nhiều người giống như Đi-ô-trép. Hãy xem con người này đang làm những gì.

Người không tiếp đón Giăng (IIIGi 1:9). Chắc chắn chúng ta có thể nghĩ rằng người đứng đầu Hội Thánh không có liên hệ gì với một trong những sứ đồ của Chúa! (có lẽ Đi-ô-trép là một trưởng lão). Dầu Đi-ô-trép có thể học được bao nhiêu nơi sứ đồ Giăng! Nhưng Đức Chúa Giê-xu Christ không làm chủ trong đời sống ông ta, vì vậy Đi-ô-trép chỉ có thể đối đãi với vị sứ đồ cao tuổi theo cách ấy.

Tại sao Đi-ô-trép từ chối Giăng? Nguyên do có thể là Giăng phản đối ông ta vì cậy quyền cậy thế trong Hội Thánh, Giăng là mối đe dọa cho ông ta, vì Giăng có thẩm quyền của một sứ đồ. Giăng biết sự thật về Đi-ô-trép và sẵn sàng cho mọi người biết. Sa-tan đã hành động trong Hội Thánh vì Đi-ô-trép đang làm việc trên nền tảng của sự kiêu căng và tìm sự vinh hiển cho riêng mình, đó là hai công cụ chính của ma quỷ. Nếu Giăng xuất hiện, Sa-tan sẽ thua cuộc.

Người nói dối về Giăng (IIIGi 1:10). Nhóm từ “lấy lời luận độc ác mà nghịch cùng chúng ta” có nghĩa là “đem lại những lời buộc tội sai lệch và vô lý chống chúng ta”. Những điều Đi-ô-trép nói về Giăng hoàn toàn vô căn cứ, nhưng có nhiều người thích nghe lời nói như vậy lại còn tin nữa! Hình như Đi-ô-trép đã nói những lời cáo buộc chống đối Giăng tại một trong những buổi nhóm thờ phượng của Hội Thánh lúc Giăng không có mặt để tự bình vực mình. Nhưng Giăng báo rằng có ngày ông sẽ đến vạch trần việc làm chuyên quyền của Đi-ô-trép.

Con cái Chúa nên cẩn thận đừng tin hết mọi điều đọc hay nghe về tôi tớ của Đức Chúa Trời nhất là những tôi tớ có chức vụ rộng lớn và nổi tiếng. Tôi đã thôi không đọc những ấn

phẩm vì tất cả những gì in trong ấn phẩm ấy đều là những cáo giác vô căn cứ những tội tở Chúa đang được Ngài chúc phước cách đặc biệt. Một ngày nọ tôi đã nói đến một ấn phẩm với một bạn của tôi, ông ta nói, “Vâng, tôi biết rõ về người chủ bút. Ông ta giống như chiếc bàn thảm: Ông ta nhận mọi chuyện vào và nói ngược lại!” Chúng ta nên sàng lọc những lời tường thuật này qua lăng kính Phi 4:8.

Người Chối Bỏ Những Người Cộng Sự Của Giăng (IIIGi 1:10). Thậm chí Đi-ô-trép không tiếp nhận các anh em khác vì họ có mối tương giao với Giăng! Đó là “tội có quan hệ với”. Thực hành kiểu “chia rẽ” này với bất cứ cách nào đều không thể được, vì chẳng có ai lúc nào cũng biết rằng mình cần phải biết về những gì anh em của mình đang làm! Nếu tôi từ chối không thông công với bạn vì bạn có mối giao hảo với người nào đó tôi không chấp nhận, làm cách nào tôi biết được phạm vi giao tế của bạn? Làm thế nào tôi có thể theo dõi những gì bạn làm? Một người cần một máy vi tính và một toán nhân viên làm việc trọn thời gian nếu anh ta hi vọng có thể giữ được mình trong sạch trong các mối quan hệ!

Thánh Kinh dạy rõ chúng ta không nên giao hảo với kẻ bội đạo (chúng ta đã nghiên cứu vấn đề này trong 2 Phi-e-rơ), và chúng ta phải tránh mang ách chung với kẻ chẳng tin (II Co 6:14). Chúng ta cũng nên tránh những người có quan điểm nghịch lại với Thánh Kinh (Ro 16:17-19). Điều này không có nghĩa chúng ta chỉ cộng tác với những tín hữu hiểu Kinh Thánh cách đúng đắn giống như chúng ta, vì ngay cả những tín hữu tốt và yêu mến Chúa cũng bắt đầu một số vấn đề như là giáo quyền hay lời tiên tri. Mọi Cơ Đốc nhân thật đều có thể đồng ý về các giáo lý căn bản của đức tin và tự do không đồng ý về những vấn đề khác trong tình yêu thương.

Tuy nhiên, đối với tôi, vì một nhóm bạn của một anh em mà chúng ta phá vỡ mối quan hệ với người ấy là không hợp lẽ với lời dạy của Kinh Thánh. Đi-ô-trép từ chối Giăng, và từ chối luôn những người cùng làm việc với Giăng! Nhưng ông ta còn đi xa hơn nữa.

Ông ta kỳ luật những người không đồng ý với mình (IIIGi 1:10). Con cái Chúa nào tiếp rước những người cùng làm việc với Giăng đều bị đuổi ra khỏi Hội Thánh! Một lần nữa, đó là tội có quan hệ với. Dầu Đi-ô-trép không có quyền cũng không lời Kinh Thánh nào dạy ông ta đuổi những người ấy ra khỏi Hội Thánh, nhưng ông ta đã làm điều đó. Ngay cả “những người chuyên quyền trong tôn giáo” cũng cần thận vì sợ rằng những người chống đối họ trở nên quá mạnh!

Thánh Kinh Tân Ước dạy cho Hội Thánh biết về kỷ cương, và con cái Chúa phải vâng theo những lời chỉ dạy này. Nhưng kỷ cương Hội Thánh không phải là vũ khí cho người độc đoán dùng để bảo vệ mình. Đó là công cụ Hội Thánh dùng thúc giục con cái Chúa giữ mình thánh sạch và làm vinh hiển Đức Chúa Trời. Đó không phải là mục sư “đặt ra gánh nặng khắp nơi” hay ban chấp hành Hội Thánh hành động giống như trạm cảnh sát. Nhưng đó là Chúa dùng Hội Thánh địa phương để thực thi thẩm quyền thiêng liêng hầu giải cứu và sửa trị con cái Đức Chúa Trời làm điều sai phạm.

“Những kẻ chuyên quyền” trong Hội Thánh là những người nguy hiểm nhưng may thay chúng ta rất dễ phát hiện ra họ. Họ thích nói về chính mình và những gì “đã làm cho Chúa”. Họ cũng có thói quen phê phán và lên án những người bất đồng với họ. Họ là những người chuyên chụp mũ người khác và liệt họ vào những hạng người theo ý muốn của họ. Mỗi thông công của họ dựa trên những lời chỉ trích cá nhân chứ không dựa trên giáo lý cần thiết cho đức tin. Bi kịch đó là “những kẻ chuyên quyền” này thật sự tin rằng họ đang hầu việc Đức Chúa Trời và ngợi khen Đức Chúa Giê-xu Christ.

Chính kinh nghiệm của tôi cho thấy hầu hết cảnh đau buồn và sự phân hoá trong Hội Thánh đầu tiên, và giữa các Hội Thánh, là kết quả của những lời chỉ trích cá nhân hơn điều nào khác. Giá như chúng ta trở về với nguyên tắc ghi lại trong Tân Ước khiến cuộc đời và chức vụ của Đức Chúa Giê-xu Christ trở thành thước đo cho mỗi thông công của chúng ta hơn là những liên tưởng và sự lý giải của những giáo lý không cần thiết. Nhưng những người như Đê-ô-trép luôn luôn có nhiều người nhiệt thành đi theo vì nhiều tín hữu khờ dại và không được dạy dỗ thích chạy theo những người như vậy.

3. Đê-mê-triu một gương mẫu (IIIGi 1:11-12)

Theo tự điển, kiểu mẫu là “một khuôn mẫu, một gương mẫu, một gương có giá trị đề bắt chước theo”. Đê-mê-triu thuộc thành phần Cơ Đốc nhân ấy. Giảng nhắc nhở các độc giả của ông không bắt chước Đê-ô-trép. “Nếu bạn muốn noi theo gương sáng nào đó, hãy theo gương Đê-mê-triu!”.

Nhưng bắt chước những gương lãnh đạo như vậy có đúng không? Vâng, nếu họ đang bắt chước Đức Chúa Giê-xu Christ. “Hỡi anh em, hãy bắt chước tôi, lại xem những kẻ ăn ở theo mẫu mực mà anh em thấy trong chúng tôi”(Phi 3:17). “Hãy bắt chước tôi, cũng như chính mình tôi bắt chước Đấng Christ vậy” (ICo 11:1). Bạn và tôi không thể thấy Đức Chúa Trời, nhưng chúng ta có thể thấy Đức Chúa Trời hành động trong cuộc đời của con cái Ngài. Đời sống kính mến Chúa và tận tâm hầu việc Ngài của con cái Chúa khác luôn 1 niềm khích lệ và động viên cho tôi. Bởi gương sáng của mình, chúng ta có thể ” coi sóc nhau để khuyến giục về lòng yêu thương và việc tốt lành” (He 10:24).

Đê-mê-triu là một người đáng cho chúng ta bắt chước vì ông có “lời chứng tốt” từ Hội Thánh. Mọi con cái Chúa trong Hội Thánh đều biết ông, yêu mến ông và cảm tạ Đức Chúa Trời vì cuộc sống và chức vụ trung kiên của ông. Trong khi thật nguy hiểm khi được “mọi người sẽ khen các ngươi” (Lu 6:26), thì thật tuyệt diệu khi tất cả con cái Chúa trong Hội Thánh địa phương đồng lòng khen ngợi nếp sống và lời chứng của bạn. Nếu tất cả mọi người, được cứu cũng như chưa được cứu, kể cả tốt lẫn xấu, khen ngợi chúng ta, có nghĩa chúng ta đang thoả hiệp với họ và lừa bịp.

Nhưng Đê-mê-triu không chỉ được các tín hữu trong Hội Thánh làm chứng tốt, nhưng ông cũng được Lời Đức Chúa Trời (chân lý) làm chứng tốt nữa. Giống như Gai- út, Đê-mê-triu bước đi trong chân lý và vâng theo Lời Đức Chúa Trời. Điều này không có nghĩa họ là người trọn vẹn, nhưng có nghĩa là họ có cuộc sống vững vàng trong đức tin và tìm cách tôn vinh Đức Chúa Trời.

Cả Hội Thánh và Lời Đức Chúa Trời đều làm chứng tốt cho nếp sống đức tin của Đê-mê-triu, và chính sứ đồ cũng làm chứng tốt về người. (Điều này có nghĩa Đê-mê-triu sẽ gặp rắc rối với Đê-ô-trép!). Vị sứ đồ yêu dấu biết rõ ràng Đê-mê-triu là người của Đức Chúa Trời, và ông không hổ thẹn khi xưng nhận điều đó.

Giăng đã báo ông sẽ đi thăm Hội Thánh và đương đầu với Đê-ô-trép (IIIGi 1:10), và chắc chắn cả Gai-út và Đê-mê-triu cùng đứng với Giăng trong việc chống lại “kẻ độc tài”. Họ là hạng người ủng hộ cho chân lý và thuận phục thẩm quyền thuộc linh đáng tin cậy. Vì họ theo chân lý nên nhiều người khác có thể bắt chước họ.

2. LỜI KẾT LUẬN. (IIIGi 1:13-15)

Lời kết luận của bức thư (IIIGi 1:13-14). Tương tự với lời kết luận trong 2 Giăng, có thể đây là chuẩn mực để kết thúc các bức thư trong thời của Giăng. Sứ đồ có kế hoạch sớm đi thăm Hội Thánh, và chắc chắn là lời báo trước cho Đê-ô-trép và là sự khích lệ cho Gai-út cùng

Đê-mê-triu. Vị sứ đồ Giăng khả kính có “nhiều điều” muốn bàn với Hội Thánh và những người lãnh đạo Hội Thánh, những việc ông muốn trực tiếp giải quyết hơn là viết thư.

“*Sự bình an ở với anh em*” (IIIGi 1:15) chắc hẳn là lời chúc lành khích lệ Gai-út! Rất có thể lòng và tâm trí của ông đau đớn vì Hội Thánh bị phân rẽ và Đi-ô-trép đang ngược đãi con cái Chúa trong Hội Thánh theo cách thế gian. Ông George Morrison ở Glasgow viết, “Bình an là sở hữu nguồn vui trong Đức Chúa Trời”. Con cái Chúa có thể hưởng “bình an của Đức Chúa Trời” vì người có sự giàu có trong Đức Chúa Giê-xu Christ (Phi 4:6-7,13,19).

Giăng cẩn thận chuyên lời chào thăm của các tín hữu trong các Hội Thánh ông đang hầu việc vào thời gian ấy. “Các bạn hữu chào thăm anh!”. Thật là phước hạnh khi có bạn hữu là người Cơ Đốc! Khi Phao-lô gần đến thành Rô-ma, một số anh em đến thăm ông, “Phao-lô thấy anh em thì cảm tạ Đức Chúa Trời và vững chí” (Cong 28:15). Cả Phao-lô và Giăng không chỉ là người chinh phục linh hồn hư mất, nhưng còn là những người kết bạn. Đi-ô-trép chuyên quyền đến nỗi ông ngày càng ít bạn, nhưng Giăng ngày càng có thêm bạn khi ông chia sẻ tình yêu của Đấng Christ.

“Hãy chào thăm anh em theo đích danh từng người”. Vị sứ đồ cao niên không muốn viết thư dài ngoài ra, ông dự định đến thăm. Thỉnh thoảng Phao-lô kết thúc thư tín của ông bằng cách liệt kê lời chào thăm từng người (Ro 16:1-27), nhưng Giăng không làm điều này, ít nữa là trong thư này. Ông muốn nhờ Gai-út chuyên lời chào thăm đến từng người như thể chính Giăng làm việc ấy. Giăng không chỉ quan tâm đến Hội Thánh, ông còn nghĩ đến từng cá nhân trong Hội Thánh ấy nữa.

Thật thú vị khi đối chiếu hai bức thư ngắn ngủi này và hiểu được sự quân bình của chân lý mà Giăng giới thiệu. Thư Giăng thứ hai được gửi cho một phụ nữ kính mến Chúa nói về gia đình của bà, trong khi thư thứ ba Giăng gửi cho một người đàn ông yêu mến Chúa nói về Hội Thánh nhóm trong nhà ông ấy. Giăng nhắc nhở “bà được chọn” về những giáo sư giả ở bên ngoài Hội Thánh, nhưng ông nhắc nhở Gai-út về những nhà lãnh đạo độc tài bên trong Hội Thánh. Các giáo sư giả trong thư Giăng thứ hai kêu gọi tình yêu thương để họ có thể phủ nhận chân lý, trong khi Đi-ô-trép kêu gọi chân lý khi ông tấn công anh em trong Hội Thánh một cách không thương tiếc.

Bước đi “trong chân lý và yêu thương” (IIGi 1:3) và lấy lòng yêu thương nói ra lẽ chân thật quan trọng biết bao! (Eph 4:15). Nói yêu chân lý nhưng ghét anh em là không biết gì về nếp sống Cơ Đốc.

Khi con cái Chúa yêu kính Ngài, yêu mến chân lý và yêu thương nhau, thì Thánh Linh của Đức Chúa Trời có thể hành động trong Hội Thánh và làm sáng danh Đức Chúa Giê-xu Christ. Nhưng khi có bất kỳ ai trong Hội Thánh ấy kể cả mục sư lên mình kiêu ngạo và tìm cách đạt cho được “sự cao trọng”, thì Đức Thánh Linh đau buồn và Ngài không thể ban phước. Nhìn bề ngoài Hội Thánh dường như thành công, nhưng bên trong thiếu sự hiệp một của Thánh Linh làm cho mỗi thông công thiếu mạnh mẽ.

Chúng ta cần nhiều người như Gai-út, Đê-mê-triu - và càng ít người như Đi-ô-trép!